

LISA GENOVA

VẪN
LÀ STILL ALICE
ALICE

Thanh Xuân – Nhật Minh – Quốc Dũng *dịch* | *Tiểu thuyết*



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

LISA GENOVA

VẪN
LÀ STILL ALICE
ALICE

Thanh Xuân – Nhật Minh – Quốc Dũng dịch | Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



[EBOOK@VCTVEGROUP]

*Tưởng nhớ Angie
Dành tặng Alena*

Khoảng hơn một năm trước, những tế bào thần kinh trong đầu cô, gần tai, đã bị chèn ép đến chết, quá trình ấy xảy ra lặng lẽ đến mức cô chẳng thể nhận ra. Nhiều thứ đã chứng minh mọi bất ổn âm thầm bắt đầu khi các tế bào tự vỡ phá hủy hệ thần kinh. Thế nhưng dù đó là một phân tử lỗi hay các tế bào tự hủy thì chúng cũng không thể cảnh báo cho cô biết về điều gì xảy ra trước khi chúng chết.

THÁNG CHÍN, NĂM 2003

Alice ngồi trước bàn làm việc trong phòng ngủ nhưng cô bị phân tâm bởi tiếng chân John chạy lảng vảng từ phòng này sang phòng khác dưới tầng một. Cô phải hoàn thành bài bình duyệt nộp cho *Tạp chí Tâm lý học nhận thức* trước khi lên máy bay, vậy mà cô đã đọc cùng một câu đến ba lần vẫn chưa hiểu được nó. Đồng hồ báo thức đang chỉ 7 giờ 30, có lẽ nó chạy nhanh mười phút. Cô biết điều đó là nhờ ước lượng thời gian và dựa vào âm thanh của chồng cô khi anh đang cố gắng tìm thứ gì đó trước khi đi làm. Cô vừa gõ cây bút đỏ lên môi dưới vừa nhìn những con số trên đồng hồ, lắng nghe tiếng gọi mà cô biết là sẽ sớm xuất hiện.

“Ali?”

Cô đặt cây bút xuống mặt bàn rồi thở dài. Đi xuống tầng dưới, cô thấy anh đang quì trong phòng khách, tay lần mò bên dưới những chiếc gối ở ghế sofa.

“Anh tìm chìa khóa hả?” – Cô hỏi.

“Mất kính! Xin em đừng nói gì cả, anh sắp muộn rồi.”

Cô dõi theo ánh mắt vội vàng của anh khi nhìn lên mặt lò sưởi, ở đó có chiếc đồng hồ cổ giá trị Waltham, đang điểm 8 giờ. Tốt hơn hết là anh không nên tin vào nó. Máy cái đồng hồ trong nhà này hiếm khi chạy đúng giờ. Alice đã từng bị lừa nhiều lần bởi mấy cái mặt trông cực kì thành thực đó, và từ lâu lắm rồi cô đã rút ra kết luận rằng chỉ có thể tin vào đồng hồ đeo tay của mình mà thôi. Chắc chắn là thế vì lúc đi vào trong bếp cái lò vi sóng mới chỉ báo 6 giờ 52.

Cô nhìn lên mặt bàn bếp bằng đá granite nhẵn nhụi, sạch bóng và thấy cặp kính đang nằm cạnh chiếc đĩa chất đầy những bức thư chưa mở. Không bị khuất lấp bởi vật gì khi nhìn từ đây

sang! Tại sao chồng cô, một người thông minh như thế, một nhà khoa học, lại không nhìn thấy mấy thứ ở ngay trước mắt mình như vậy nhỉ?

Đương nhiên, nhiều món đồ của cô không biết bằng cách nào cũng lọt vào những góc nhỏ tinh quái như vậy. Nhưng cô không bao giờ nói cho anh biết, và cũng không nhờ anh tìm hộ mình. Thật may là John không biết, mới mấy hôm trước, cô đã phải lục tung cả nhà, rồi đến phòng làm việc để tìm dây sạc BlackBerry của mình. Cuối cùng cô phải đi mua một cái mới, để rồi ngay tối hôm đó cô thấy cục sạc ấy đang cắm ở ổ điện ngay cạnh giường, nơi mà lẽ ra cô nên xem xét đầu tiên mới phải. Cô nghĩ tất cả những điều đó xảy ra với hai vợ chồng là do công việc chồng chất khiến họ bận tối mắt. Và vì họ đang già đi nữa.

Anh đứng ở cửa chính, nhìn vào cặp kính trên tay cô chứ không nhìn cô.

“Lần sau, anh hãy giả vờ mình là một người phụ nữ khi muốn tìm thứ gì đó nhé” – Alice mỉm cười và nói.

“Anh sẽ mặc một cái váy của em. Ali, xin em đấy, anh trẻ thật rồi.”

“Cái lò vi sóng bảo là anh vẫn còn cả tấn thời gian” – cô nói và đưa kính cho anh.

“Cảm ơn em.”

Anh nhận lấy cặp kính như một vận động viên chạy tiếp sức nhận lấy cây gậy trong cuộc đua rồi đi thẳng ra cửa.

“Thứ bảy này em ở nhà, anh cũng vậy chứ?” – Cô nói với theo sau khi bước cùng anh xuống hành lang.

“Anh không biết, thứ bảy này anh có rất nhiều việc phải làm ở phòng thí nghiệm.”

Anh ấy cầm lấy túi xách, điện thoại, và chìa khóa trên chiếc bàn ở phòng khách.

“Chúc em có một chuyến đi bình an, ôm và hôn Lydia giúp anh. Và cố gắng đừng cãi nhau với con bé.” – John nói.

Cô bắt gặp hình ảnh của mình và anh trong chiếc gương đặt gần cửa ra vào – một sự khác biệt lớn, người đàn ông dáng cao

với mái tóc nâu lôm đôm sợi bạc và đeo kính; một người phụ nữ nhỏ nhắn, tóc xoăn, đang khoanh tay trước ngực, mỗi người đều sẵn sàng lao vào một cuộc tranh luận không hồi kết như mọi khi. Cô nghiêng răng và nuốt nước bọt, cố gắng để không sa vào cuộc tranh luận này.

“Lâu rồi chúng ta chưa được ở bên nhau. Anh cố gắng về nhà được không?” – Cô hỏi.

“Anh biết rồi, anh sẽ cố.”

Anh hôn cô, và mặc dù đang rất vội, anh vẫn cố nán lại để kéo dài nụ hôn trong thoáng chốc. Nếu cô không hiểu anh, cô có thể sẽ nghĩ đó là một nụ hôn lãng mạn. Có thể cô đã tràn đầy hi vọng, cho nụ hôn đó có nghĩa là anh yêu em, anh sẽ nhớ em rất nhiều. Nhưng nhìn cái cách anh vội vàng lao xuống đường, cô chắc chắn nụ hôn đó của anh có nghĩa là: Anh yêu em, nhưng đừng giận anh khi anh vắng mặt ở nhà vào thứ bảy này.

Họ đã từng cùng nhau đi bộ trong sân trường Đại học Harvard mỗi sáng. Trong số tất cả những điều khiến cô yêu thích công việc đang làm như văn phòng chỉ cách nhà khoảng một dặm, dạy cùng một trường với chồng, thì việc hàng ngày đi làm cùng anh là điều cô thích nhất. Họ luôn dừng ở cửa hàng Jerri's – mua một cốc café đen cho anh, một cốc trà chanh cho cô, nóng hay đá tùy theo từng mùa – và hai người sẽ tiếp tục đi đến khuôn viên trường Harvard, trò chuyện về những tay nghiên cứu, các lớp học, về những vấn đề ở khoa của mỗi người, về những đứa con của họ, hoặc kế hoạch cho buổi tối. Khi mới kết hôn, họ thậm chí còn nắm tay nhau đi. Cô thoả mái tận hưởng những buổi sáng riêng tư cùng anh, trước khi cả hai lại rơi vào vòng xoáy của công việc hằng ngày, của những tham vọng khiến họ mệt mỏi và kiệt sức.

Nhưng thời gian gần đây, họ hay phải đi bộ quanh trường Harvard một mình. Alice có nhiều chuyến công tác trong suốt mùa hè vừa rồi, cô phải tham dự những buổi hội thảo về tâm lý học ở Rome, New Orleans và Miami, cô còn tham gia vào hội đồng đánh giá luận án ở Princeton. Trước đó vào mùa xuân, té bào mà John nuôi cấy cần phải được chăm sóc làm vệ sinh đúng

vào khoảng giờ đó mỗi buổi sáng, nhưng anh lại không tin tưởng bất cứ sinh viên nào có thể làm đúng yêu cầu, nên anh tự mình làm. Cô không nhớ chuyện gì đã xảy ra vào mùa xuân năm ngoái, nhưng cô nhớ lần nào lý do của họ cũng chính đáng và chỉ là tạm thời.

Cô quay trở lại với đồng giấy tờ trên bàn, nhưng vẫn bị phân tâm, bây giờ là vì sự tiếc nuối bởi cô đã không tranh luận thêm với John về chuyện của cô con gái út, Lydia. Anh sẽ chết nếu đứng về phía cô một lần sao? Cô cố gắng lướt qua phần tài liệu còn lại, đây không phải tác phong làm việc thường ngày của cô, nhưng là điều cô buộc phải làm, hiện tại tâm trạng cô không tốt và không có đủ thời gian. Phần nhận xét và gợi ý của cô đã hoàn thành, cô cho vào phong bì niêm lại, trong lòng cảm thấy áy náy vì cô biết có thể mình đã bỏ qua một vài lỗi trong phần thiết kế của nghiên cứu hoặc phần giải thích, cô thầm trách John đã khiến cô không tập trung vào công việc của mình.

Cô sắp xếp vali, đồ đạc trong chuyến đi lần trước vẫn còn nguyên. Cô mong những tháng tiếp theo mình sẽ ít phải đi công tác hơn. Cô chỉ mới nhận lời một vài buổi thỉnh giảng trong học kì mùa thu, và hầu hết cô đều lên lịch vào thứ sáu, những ngày cô không phải dạy. Chẳng hạn như vào ngày mai. Ngày mai cô sẽ là diễn giả mở màn cho một chuỗi các buổi hội thảo chuyên đề về mảng tâm lý học nhận thức ở Stanford. Và sau đó cô sẽ đi gặp Lydia. Cô sẽ cố không cãi nhau với con bé, nhưng cũng chẳng thể nói trước được điều gì.

ALICE DỄ DÀNG TÌM ĐƯỢC ĐƯỜNG ĐI ĐẾN Hội trường Cordura của Đại học Stanford nằm ở góc khuôn viên giữa khu Drive West và Panama Drive. Tòa nhà màu trắng, mái lợp ngói đất nung, cảnh quan xanh mát, trong mắt một người đến từ khu Bờ Đông như cô thì nơi này trông giống một khách sạn nghỉ dưỡng vùng Caribbean hơn là một giảng đường. Cô đến khá sớm nhưng vẫn đi thẳng vào trong, định tranh thủ thời gian để xem lại tài liệu.

Thật bất ngờ, khi cô bước vào giảng đường đã kín người. Họ đang hào hứng vây quanh bàn tiệc, lao vào thức ăn trên bàn như lũ chim hải âu trên những bãi biển đô thị. Trước khi cô kịp lảng ra xa khỏi đám đông đó, cô chợt nhận ra Josh, một người bạn cùng lớp với cô ở Harvard, một kẻ cực kỳ nhỏ mọn, đang đứng chắn đường mình, hai chân anh ta đứng vững, hơi dang ra, như thể đã sẵn sàng lao bổ vào cô vậy.

“Mọi thứ ở đây đều dành cho tôi phải không?” – Alice hỏi, mỉm cười tinh nghịch.

“Sao cơ, chúng tôi ăn uống như thế này mỗi ngày mà. Bữa tiệc này dành cho một trong những nhà tâm lý thực nghiệm của chúng tôi, anh ấy vừa được bổ nhiệm ngày hôm qua. Còn Harvard đãi ngộ với cậu như thế nào?”

“Tốt.”

“Tôi không thể tin là cậu vẫn ở đó sau bao nhiêu năm trời. Khi nào cậu cảm thấy chán bên đó, hãy nghĩ đến việc chuyển qua đây nhé.”

“Có gì tôi sẽ liên hệ với cậu. Mọi việc với cậu vẫn ổn chứ?”

“Tuyệt vời. Cậu nên ghé qua văn phòng của tôi sau khi kết thúc buổi diễn thuyết, để xem mô hình dữ liệu mới nhất của chúng tôi. Nó sẽ khiến cậu bất ngờ đấy.”

“Thật sự xin lỗi cậu, tôi không thể đi được. Sau khi xong việc ở đây tôi phải bay đến L.A ngay” – cô nói, cảm thấy thật may mắn vì có sẵn một lý do để từ chối.

“Ồ, tiếc nhỉ. Tôi nhớ năm ngoái tôi có gặp cậu ở buổi hội nghị về tâm lý học. Tôi đã không may bỏ lỡ buổi diễn thuyết hôm đó của cậu.”

“Không sao mà, cậu sẽ được nghe một phần lớn bài diễn thuyết của hôm đó trong buổi này.”

“Hả, bây giờ cậu còn định sử dụng lại mấy bài diễn thuyết cũ cho buổi hôm nay sao?”

Trước khi cô kịp trả lời, Gordon Miller – trưởng khoa và cũng là người hùng mới của cô – bước tới và giải vây cho cô bằng cách nhờ Josh mang champagne đi mời mọi người giúp ông.

Cũng giống như ở Harvard, một buổi tiệc rượu champagne là truyền thống tại khoa Tâm lý học ở Stanford để chúc mừng những giảng viên vinh dự được bổ nhiệm chính thức. Việc đạt được một cấp độ mới không có gì đáng để ca ngợi trong sự nghiệp của một giáo sư, nhưng được bổ nhiệm chính thức là một dịp vô cùng quan trọng, lớn lao và rực rỡ.

Khi mọi người đều đã cầm ly trong tay, Gordon đứng lên bục và gõ vào chiếc micro.

“Mọi người chú ý một chút nào!”

Josh cười ngất ngưởng. Tiếng cười vang khắp cả căn phòng trước khi Gordon nói tiếp.

“Ngày hôm nay, chúng ta cùng chúc mừng Mark nhận được quyết định bổ nhiệm chính thức. Tôi chắc là anh ấy hẳn đang rất vui vì đã đạt được thành tích này. Chúng ta hãy cùng nâng ly vì những thành tựu vang dội sắp tới của Mark nào. Chúc mừng Mark!”

“Chúc mừng Mark.”

Alice quay sang cụng ly với người đứng cạnh, và mọi người nhanh chóng quay trở lại ăn uống và bàn tán. Khi tất cả đồ ăn trên khay của người phục vụ đều hết và giọt champagne cuối cùng được dốc ra khỏi chai, Gordon lại bước lên bục một lần nữa.

“Nếu tất cả mọi người đều đã tìm được chỗ ngồi, chúng ta có thể bắt đầu buổi diễn thuyết ngày hôm nay.”

Ông đợi một chút để đám đông khoảng bảy mươi lăm con người ổn định chỗ ngồi và giữ trật tự.

“Hôm nay, tôi vinh dự được giới thiệu với các bạn diễn giả đầu tiên của buổi hội thảo chuyên đề năm nay. Tiến sĩ Alice Howland – một người kiệt xuất được xem như Giáo sư William James của khoa Tâm lý Đại học Harvard. Trong suốt hơn hai mươi lăm năm qua, cô đã đóng góp rất nhiều trong việc tạo ra những tiền đề cho ngành tâm lý học ngôn ngữ. Cô là người tiên phong và vẫn đang tiếp tục dẫn dắt các nghiên cứu liên ngành và tích hợp các phương pháp về quy tắc của ngôn ngữ. Chúng ta rất

vinh dự vì ngày hôm nay có cô ở đây để cùng thảo luận về khái niệm và tổ chức thần kinh của ngôn ngữ.”

Alice đổi chỗ với Gordon và nhìn xuống phía dưới những thính giả đang dõi theo cô. Trong lúc chờ đợi những tràng vỗ tay vãn bớt, cô nghĩ đến các nghiên cứu thống kê đã chỉ ra rằng con người sợ phát biểu trước đám đông hơn là sợ chết. Cô thì lại thích được phát biểu. Cô yêu những khoảnh khắc kết nối với thính giả đang lắng nghe cô trình bày, diễn thuyết, kể chuyện hay truyền lửa cho một buổi tranh luận. Cô cũng cực kì hứng thú với phản ứng hệ thần kinh giao cảm. Mục tiêu tranh luận càng lớn, càng phức tạp hoặc nhiều đối nghịch với người nghe, càng khiến cô trải qua nhiều cung bậc cảm xúc. John là một giảng viên xuất sắc, nhưng anh luôn khổ sở khi phải phát biểu trước đám đông, anh cảm thấy kinh ngạc trước sự nhiệt huyết mà Alice dành cho việc đó. Có lẽ anh không chọn cái chết, nhưng thà gặp nhện hoặc rắn còn hơn là phải đứng diễn thuyết trước đám đông. Chắc chắn là như vậy.

“Cảm ơn anh, Gordon. Ngày hôm nay, tôi sẽ trình bày một vài điều về các quá trình tinh thần được coi là nền tảng cho sự giao tiếp, cách tổ chức và sử dụng ngôn ngữ.”

Alice đã nhắc lại nhiều lần những nội dung cơ bản trong buổi diễn thuyết này, nhưng cô sẽ không gọi đó là “tái sử dụng”. Trọng tâm của buổi diễn thuyết là tập trung vào nguyên lý chính của ngôn ngữ học, một trong số các nguyên lý đó là do cô phát hiện ra và cô cũng sử dụng cùng một bản trình chiếu trong nhiều năm nay. Nhưng cô vẫn cảm thấy tự hào, không hề hổ thẹn hay lười biếng, chỉ đơn giản vì những phần mà cô đang thuyết trình, chúng là do cô khám phá ra, vẫn có thể áp dụng được, bất chấp sự thử thách của thời gian. Những đóng góp của cô có tầm quan trọng và sẽ tạo điều kiện cho những phát hiện mới trong tương lai. Hơn nữa, cô nhất định sẽ đóng góp thêm những khám phá mới.

Cô say sưa diễn thuyết mà không cần nhìn vào bản ghi chép của mình, phong thái rất ung dung và sống động, câu chữ cứ thế

tuôn ra một cách dễ dàng. Nhưng rồi, vào khoảng phút thứ 40 của bài diễn thuyết dài 50 phút, cô bỗng rơi vào thế bí.

“Các dữ liệu cho thấy rằng động từ bất qui tắc thâm nhập vào trí não thông qua...”

Đơn giản là cô không thể tìm được từ ngữ phù hợp. Cô đã cảm nhận được điều mình muốn nói ra, nhưng từ ngữ biểu đạt cho điều đó thì đang cố lẩn tránh cô. Nó đã biến mất. Cô không còn biết từ đó bắt đầu bằng chữ cái gì hay nghe như thế nào và có bao nhiêu chữ cái. Từ đó hoàn toàn không còn trong đầu cô nữa.

Có lẽ nguyên nhân là do ly rượu champagne. Cô thường sẽ không uống bất cứ một loại đồ uống có cồn nào trước khi diễn thuyết, kể cả khi cô biết trước đó là một buổi diễn thuyết nhạt nhẽo, hoặc trong một tình huống ngẫu nhiên, cô cũng luôn muốn mình giữ được tinh thần nhạy bén nhất, đặc biệt là phần hỏi đáp diễn ra ở cuối buổi diễn thuyết, chúng đầy tính đối kháng và luôn hấp dẫn, đó là những cuộc tranh luận không có kịch bản từ trước. Nhưng vì không muốn làm phật lòng mọi người, cô đã uống nhiều hơn bình thường một chút khi cô rơi vào thế bị động trong cuộc trò chuyện với Josh.

Có thể là do cô quá mệt mỏi sau chuyến bay dài. Khi mà tâm trí cô đang tích cực tìm kiếm từ ngữ đã quên ở tất cả các ngõ ngách và một lý do xác đáng cho sự vắng trí ấy, thì trái tim cô đập loạn nhịp và khuôn mặt của cô đỏ ửng lên. Trước đây cô chưa bao giờ quên bài trước các thính giả của mình. Nhưng cô cũng không bao giờ để lộ sự hoảng hốt trước mặt họ, cô cũng từng diễn thuyết trước một lượng thính giả lớn hơn thế này nhiều lần và đã từng rơi vào những tình huống còn đáng sợ hơn thế nữa. Cô tự nhắc mình phải hít thở sâu, cố quên đi điều đó và tiếp tục bài diễn thuyết.

Cô thay thế từ đã bị biến mất bằng một từ mơ hồ, không thích hợp – từ “điều đó”, bỏ dở giữa chừng vấn đề đang nói đến, và chuyển sang bản trình chiếu tiếp theo. Việc tạm dừng đột ngột khiến cô thấy khó xử, nhưng khi cô để ý nét mặt của các thính giả thì không có ai nhận ra sự gián đoạn trong tâm trí cô, không ai tỏ ra hoảng hốt, lúng túng, hay nhăn nhó. Rồi cô nhìn

thầy Josh thì thâm với người phụ nữ ngồi kê bên, cậu ta nhúu mày và một nụ cười nhẹ xuất hiện trên khuôn mặt ấy.

Cô đã lên máy bay, khi máy bay đang hạ cánh xuống sân bay LAX, cái từ đó cuối cùng cũng quay lại với cô.

Từ vựng.

TÍNH ĐẾN BÂY GIỜ LYDIA đã sống ở Los Angeles được ba năm. Nếu con bé chịu vào đại học sau khi học xong trung học, có lẽ nó đã tốt nghiệp vào mùa xuân năm nay. Alice hẳn sẽ cảm thấy vô cùng tự hào. Lydia có lẽ là đứa trẻ thông minh hơn hai anh chị của nó, nhưng trong khi hai đứa lớn theo học trường luật và trường y thì con bé lại không hề có hứng thú với đại học.

Thay vì học đại học, Lydia sang Châu Âu. Alice đã hi vọng con bé sẽ trở về nhà với một định hướng rõ ràng hơn về việc học tập. Thế nhưng, con bé quay về và nói với bố mẹ là nó đã tham gia một vai diễn nhỏ khi dừng chân ở Dublin và thật sự đam mê công việc đó. Ngay lập tức nó chuyển đến Los Angeles sống.

Alice gần như suy sụp tinh thần. Sự thất vọng trong cô ngày càng lớn, cô nhận ra một phần lỗi là do cô. Bởi vì Lydia là con út trong nhà, bố mẹ thì luôn bận rộn với công việc và thường xuyên phải đi công tác, hơn nữa con bé lại chăm chỉ học hành nên Alice và John đã lơ là quá mức. Họ đã cho con bé quá nhiều không gian để tạo ra một thế giới cho riêng mình, để tự do nghĩ về chính mình và không phải chịu sự kiểm soát khắt khe mà rất nhiều đứa trẻ ở độ tuổi của con bé phải chịu. Sự nghiệp viên mãn của cha mẹ chính là một tấm gương sáng về việc tập trung vào một mục tiêu to lớn và duy nhất để theo đuổi bằng cả niềm đam mê và cống hiến hết mình cho công việc. Lydia hiểu lời khuyên của mẹ về tầm quan trọng của việc học đại học nhưng con bé lại đủ tự tin và táo bạo để từ chối lời khuyên ấy.

Hơn nữa, Lydia không hoàn toàn đấu tranh đơn độc. Cuộc cãi vã nảy lửa nhất đã từng xảy ra giữa Alice và John xuất phát

từ ý kiên riêng của anh: Anh nghĩ đó là một lựa chọn tuyệt vời đó chứ, sau này con bé luôn có thể quay lại học đại học, nếu nó muốn.

Alice kiểm tra địa chỉ lưu trên chiếc điện thoại BlackBerry của mình, cô nhấn chuông cửa căn hộ số 7, và chờ đợi. Cô vừa định nhấn chuông lần nữa thì Lydia đã ra mở cửa.

“Mẹ, mẹ đến sớm thế.” – Lydia nói.

Alice nhìn đồng hồ của mình.

“Mẹ đến vừa đúng giờ mà.”

“Mẹ nói là máy bay hạ cánh lúc tám giờ mà.”

“Mẹ nói là năm giờ chứ.”

“Con có ghi là tám giờ trong sổ tay của con kìa.”

“Lydia, bây giờ là năm giờ bốn mươi phút, mẹ đang ở đây rồi.”

Lydia có vẻ hoang mang và sửng sốt giống như một chú sóc đang đối mặt với một chiếc xe hơi đang lao đến mình.

“Con xin lỗi, mẹ vào nhà đi.”

Cả hai mẹ con đều hơi do dự trước khi ôm nhau, như thể họ đang chuẩn bị thực hành một điệu nhảy mới học và cả hai đều không tự tin vào những bước di chuyển đầu tiên hoặc không biết ai sẽ là người dẫn dắt. Cũng có thể đó là một điệu nhảy cũ, nhưng đã rất lâu hai người không cùng thực hiện nên không thuộc vũ đạo của mình.

Alice có thể cảm nhận được vệt sống lưng và xương sườn Lydia qua lớp áo. Con bé quá gầy, trông như sút khoảng 5kg so với cân nặng mà Alice nhớ. Cô hi vọng đây chỉ là hậu quả của việc quá bận rộn chứ không phải vì con bé đang ăn kiêng. Tóc vàng, cao khoảng 1m71, hơn Alice 7cm, với ưu thế của mình thì Lydia có thể nổi bật giữa đám đông các cô gái người Ý và châu Á ở Cambridge, nhưng ở Los Angeles này, phòng chờ của bất cứ buổi thử vai nào cũng đầy rẫy những cô gái trông hết như thế.

“Con đặt chỗ lúc chín giờ rồi. Mẹ chờ ở đây nhé, con sẽ quay lại ngay.”

Từ hành lang Alice nghiêng đầu quan sát phòng bếp và phòng khách. Có thể con bé đã tìm mua đồ nội thất ở chợ trời

hoặc đồ cũ được các gia đình rao bán lại, trông khá hợp với nhau: một ghế dài sọc cam, một chiếc bàn cà phê phong cách cổ điển, bàn ghế trong bếp kiểu Brady-Bunch. Những bức tường màu trắng để không, chỉ có một tấm hình Marlon Brando treo phía trên ghế dài. Không khí trong phòng đậm mùi nước lau nhà, cứ như thể Lydia đã tận dụng đến giây cuối cùng để tranh thủ dọn dẹp mọi nơi trước khi Alice đến.

Thực ra, căn phòng này hơi quá sạch sẽ. Quanh phòng chẳng có cái đĩa DVD hay VCD nào, không một cuốn sách hay quyển tạp chí nào vứt trên bàn cà phê cả, trên tủ lạnh cũng không gắn bất cứ bức ảnh nào, không hề có chút gì thể hiện sở thích hay liên quan đến khiếu thẩm mỹ của Lydia. Người chủ của nơi này có thể là bất cứ ai. Sau đó, Alice nhận ra ở bên trái cánh cửa phía sau cô là một đồng giày nam nằm lẫn lóc trên sàn.

“Kể mẹ nghe về các bạn cùng phòng của con đi” – cô nói khi Lydia đi ra từ phòng của con bé, trên tay cầm theo điện thoại.

“Họ đang đi làm.”

“Họ làm công việc gì?”

“Một người đang làm pha chế tại quán bar và người kia là nhân viên giao thức ăn.”

“Mẹ lại nghĩ cả hai đều là diễn viên cơ đấy.”

“Vâng, đúng thế.”

“Mẹ hiểu rồi. Vậy còn tên của họ là gì?”

“Doug và Malcolm.”

Có gì đó lóe lên, nhưng Alice đã kịp nhìn thấy và Lydia cũng nhận ra điều đó. Khuôn mặt của Lydia chột đỏ ửng khi nhắc đến cái tên Malcolm, và đôi mắt con bé tỏ ra bối rối cố lảng tránh ánh nhìn từ phía mẹ.

“Tại sao mẹ và con không đi luôn bây giờ nhỉ? Nhà hàng nói chúng ta có thể đến sớm hơn.” – Lydia nói.

“Được thôi, nhưng mẹ cần dùng nhà vệ sinh trước đã.”

Trong khi Alice rửa tay, cô nhìn qua các thứ đồ đặt trên chiếc bàn cạnh bồn rửa mặt: sữa rửa mặt và kem dưỡng ẩm Neutrogena, kem đánh răng bạc hà Tom's of Maine, lăn khử mùi của nam, một hộp băng vệ sinh Playtex. Cô nghĩ ngợi một chút. Cô đã không hành kinh trong suốt cả mùa hè. Tháng năm cô có bị không nhỉ? Tháng sau cô sẽ bước sang tuổi năm mươi, vậy nên không phải lo chuyện bầu bì. Cô vẫn chưa trải qua những triệu chứng nóng hay đổ mồ hôi vào ban đêm, nhưng không phải phụ nữ nào đến tuổi mãn kinh cũng đều trải qua những chuyện như thế. Nếu điều đó xảy ra với cô thì cũng là chuyện bình thường thôi.

Khi cô đang lau khô tay, cô để ý thấy một hộp bao cao su Trojan ở phía sau bộ sản phẩm chăm sóc tóc của Lydia. Cô sẽ phải tìm hiểu thêm về những người bạn cùng phòng của con gái mình, đặc biệt là Malcolm.

Hai mẹ con ngồi ở một bàn ngoài trời tại Ivy, một quán ăn thời thượng thuộc trung tâm thành phố Los Angeles, gọi hai món đồ uống, một ly Martini Espresso cho Lydia và một ly vang Merlot cho Alice.

“Bài báo khoa học của bố đến đâu rồi ạ?” – Lydia hỏi. Gần đây chắc con bé có nói chuyện với bố. Alice thì chưa nói chuyện lại với con kể từ cuộc gọi vào Ngày của Mẹ.

“Hoàn thành rồi. Bố con rất tự hào về nó.”

“Thế còn anh Tom và chị Anna thì sao?”

“Vẫn tốt, anh chị con luôn bận rộn và chăm chỉ làm việc. Mà con đã gặp Doug và Malcolm như thế nào vậy?”

“Vào một buổi tối họ ghé đến Starbucks và con đang làm thêm ở đó.”

Người phục vụ bước đến, mỗi người gọi một món cho bữa tối và thức uống kèm theo. Alice hi vọng mấy thứ đồ uống có cồn này sẽ làm giảm sự căng thẳng đang ẩn giấu sau những câu hỏi thoải nặn, không thoải mái giữa hai mẹ con.

“Mà con đã gặp Doug và Malcolm như thế nào vậy?”

“Con vừa nói với mẹ rồi mà. Tại sao mẹ lại chẳng bao giờ lắng nghe những gì con nói nhỉ? Một buổi tối, họ đến Starbucks và nói chuyện về việc tìm một người thuê chung phòng trong khi con đang làm việc ở đó.”

“Mẹ tưởng con làm phục vụ trong một quán ăn chứ.”

“Đúng ạ. Con làm ở Starbucks những ngày trong tuần và làm phục vụ vào các tối thứ bảy.”

“Có vẻ như con không còn nhiều thời gian cho việc diễn xuất nhỉ.”

“Hiện giờ con không được phân vai nào cả, nhưng con có tham gia lớp học thực hành và con cũng đi thử vai khá nhiều.”

“Lớp học đó dạy về cái gì?”

“Kỹ thuật biểu diễn Meisner.”

“Thế con thử vai ở những đâu?”

“Cho chương trình truyền hình và báo chí.”

Alice lắc nhẹ ly rượu vang trên tay, uống một ngụm lớn cho đến khi cạn ly rồi liếm môi. “Lydia, chính xác thì kế hoạch của con ở đây là gì vậy?”

“Con không lên kế hoạch cho việc bỏ cuộc, nếu đó là điều mẹ đang muốn hỏi.”

Những ly rượu đang phát huy tác dụng nhưng không phải theo hướng mà Alice hi vọng. Ngược lại, chúng như tiếp thêm năng lượng để đốt cháy những mối chỉ mong manh trong cuộc nói chuyện của hai mẹ con, đẩy sự căng thẳng đến trực diện và mang đến nguy cơ về một cuộc tranh cãi kịch liệt giữa những thành viên trong gia đình.

“Con không thể sống thế này mãi được. Con định sẽ làm ở Starbucks cho đến khi con ba mươi tuổi à?”

“Đó là chuyện của tám năm nữa mẹ à. Mẹ có biết tám năm nữa mẹ sẽ làm gì không?”

“Có, mẹ biết chứ. Đến một lúc nào đó con cần phải có trách nhiệm với rất nhiều điều, con phải có đủ khả năng để chi trả cho

bảo hiểm y tế, một khoản vay thế chấp, tiết kiệm cho tuổi nghỉ hưu...”

“Con có bảo hiểm y tế rồi. Và con có thể sẽ trở thành một diễn viên. Có rất nhiều người có thể làm được như vậy, mẹ biết mà. Và họ kiếm được cực kì nhiều tiền, nhiều hơn cả bố và mẹ cộng lại.”

“Vấn đề không phải là vì tiền.”

“Thế là vì cái gì? Vì con không thể trở thành người như mẹ à?”

“Con đừng gắt lên như vậy.”

“Mẹ đừng ra lệnh cho con phải làm gì.”

“Mẹ không muốn con phải trở thành một người như mẹ, Lydia. Mẹ chỉ không muốn con tự giới hạn những lựa chọn của mình.”

“Mẹ muốn can thiệp vào lựa chọn của con.”

“Không phải.”

“Con là chính con và đây là những gì con muốn làm.”

“Con muốn làm gì? Phục vụ cà phê Venti Latte à? Con nên học đại học. Con nên dành khoảng thời gian này trong cuộc đời mình để học một cái gì đó.”

“Con đang học một cái gì đó đây. Chỉ là con không ngồi trong một lớp học ở Harvard để ép buộc bản thân phải đạt điểm A môn Khoa học Chính trị. Con đang nghiêm túc theo học một lớp diễn xuất, mỗi tuần học mười lăm tiếng đồng hồ. Thế sinh viên của mẹ học bao nhiêu tiếng trong một tuần? Mười hai tiếng?”

“Đó là hai chuyện hoàn toàn khác nhau.”

“Khác ư? Bố thì nghĩ nó giống nhau đấy, vì bố là người trả tiền học phí cho con.”

Hai tay Alice nắm chặt gấu váy, môi mím lại. Những gì cô muốn nói tiếp theo không phải là dành cho Lydia.

“Mẹ chưa bao giờ xem con diễn cả.”

Lydia nói đúng, Alice chưa bao giờ xem con gái biểu diễn, nhưng John thì khác. Cuối mùa đông năm ngoái anh ấy đã một

mình bay đến xem Lydia diễn một vở kịch. Alice không thể đi cùng bởi cô có quá nhiều công việc và chúng chiếm hết thời gian của cô. Khi nhìn thấy ánh mắt buồn rầu của Lydia, cô không thể nhớ nổi những công việc mà cô coi là quan trọng và cần làm ngay nữa. Cô không hề có định kiến gì với nghề diễn viên cả, nhưng cô tin rằng quá mạo hiểm khi con gái cô một mình theo đuổi nghề nghiệp ấy mà không được đào tạo bài bản. Nếu bây giờ con bé không học đại học, không bằng cấp, không có kiến thức cơ bản hoặc đào tạo chuyên sâu về một lĩnh vực nào đó, sẽ ra sao khi sự nghiệp diễn xuất của nó không như mong đợi?

Alice nghĩ đến hộp bao cao su trong phòng tắm. Sẽ ra sao nếu Lydia có thai? Alice lo sợ một ngày nào đó Lydia nhận ra mình đang bị mắc kẹt trong một cuộc sống không như ý và tràn đầy hối tiếc. Cô nhìn con gái mình và thấy nó đang lãng phí cả tài năng lẫn thời gian của chính mình.

“Khi tuổi trẻ qua đi, con sẽ không thể lấy lại những gì đã mất. Thời gian trôi qua nhanh lắm.”

“Con biết điều đó.”

Đồ ăn được đưa lên, nhưng chẳng ai muốn cầm nĩa lên cả. Lydia dùng chiếc khăn thêu tay chấm nhẹ lên mắt mình. Họ luôn sa vào các cuộc tranh cãi như thế này và điều ấy làm Alice cảm thấy như họ đang cố đâm đầu vào bức tường bê tông. Sẽ chẳng bao giờ có kết quả tốt đẹp và cuối cùng chỉ đem lại cho họ những tổn thương về lâu dài. Cô mong Lydia có thể cảm nhận được tình yêu và sự sáng suốt trong những điều cô muốn dành cho con bé. Cô ước mình có thể vươn tới ôm con gái, nhưng trên bàn có quá nhiều đĩa, cốc, hơn nữa giữa hai người đã có khoảng trống sau nhiều năm xa cách.

Bỗng những tiếng động bất ngờ từ mấy bàn ăn gần đó thu hút sự chú ý của hai mẹ con. Vài chiếc máy ảnh chớp nháy liên tục, nhiều vị khách và các nhân viên trong quán đang vây quanh một người phụ nữ trông hơi giống Lydia.

“Ai đó con?” – Alice hỏi.

“Mẹ!” – Lydia vừa có vẻ ngượng ngùng vừa phân khích, giống hệt một cô bé mười ba tuổi. – “Đó là Jennifer Aniston đây mẹ à.”

Hai mẹ con tiếp tục bữa tối và chỉ nói những chuyện ôn hòa, chẳng hạn như về món ăn hay thời tiết. Alice muốn tìm hiểu thêm về mối quan hệ giữa Lydia và Malcolm, nhưng dư âm của cuộc tranh cãi khiến cho cảm xúc của Lydia vẫn còn nóng hừng hực, Alice sợ gây ra một cuộc tranh cãi khác. Cô quyết định thanh toán tiền và họ rời nhà hàng, cả hai đều thấy no nhưng không mấy hài lòng.

“Xin lỗi quý khách!”

Người phục vụ đuổi kịp họ trên lối ra.

“Quý khách để quên thứ này.”

Alice dừng bước, cô cố gắng nhớ lại xem tại sao chiếc BlackBerry của mình lại đang nằm trong tay người phục vụ. Trong lúc ngồi ăn cô không hề kiểm tra email hay xem lịch. Cô lục túi xách – không có chiếc điện thoại BlackBerry trong đó. Chắc là cô đã bỏ điện thoại ra ngoài khi tìm ví để thanh toán.

“Cảm ơn.”

Lydia nhìn mẹ mình một cách kỳ lạ như thể đang muốn nói về một cái gì đó ngoài chuyện đồ ăn và thời tiết nhưng rồi lại thôi. Hai mẹ con cùng đi bộ về căn hộ của Lydia trong im lặng.

“JOHN?”

Alice đứng đợi ở cửa ra vào, tay nắm chặt tay cầm của chiếc vali. Trước mặt cô là đồng thư chưa có người nhận rải rác khắp sàn nhà và cuốn *Tạp chí Harvard*. Chiếc đồng hồ trong phòng khách kêu tích tắc và chiếc tủ lạnh phát ra tiếng ù ù. Phía sau lưng cô là một buổi chiều ấm áp, ngập nắng nhưng không khí trong nhà lại lạnh lẽo, âm u và ảm đạm, không khí của một ngôi nhà không có người ở.

Cô nhặt chồng thư lên rồi đi vào trong bếp, chiếc vali trượt trên những bánh xe theo sau cô như một con vật cứng trung

thành. Chuyến bay của cô đã bị chậm và cô về muộn hơn dự định, kể cả khi tính theo thời gian trên chiếc lò vi sóng. Vậy là John đã dành cả ngày thứ bảy cho công việc.

Cô để ý đến máy trả lời tự động, đèn đỏ báo tin nhắn thoại không sáng. Cô kiểm tra trên tủ lạnh cũng không có tờ giấy nhắn nào. Không có gì cả.

Tay vẫn nắm chặt tay cầm của vali, cô đứng trong căn bếp tối đen và mất vài phút nhìn chằm chằm chiếc lò vi sóng. Trong đầu cô tiếng nói của sự thất vọng nhưng đầy khoan dung đang nhạt dần, chuyển sang tiếng thì thầm từ bản năng bắt đầu trỗi dậy và lan tỏa. Cô đã nghĩ đến việc gọi điện cho anh, nhưng giọng nói đang lớn dần kia ngay lập tức xua đi ý nghĩ đó và không chấp nhận bất cứ một lời biện minh nào. Cô đã nghĩ rằng sẽ thôi không bận tâm nữa, nhưng tiếng nói ấy bây giờ đang ngấm dần vào cơ thể cô, vang vọng trong lòng cô, rung lên khắp các đầu ngón tay, mạnh mẽ và sâu đậm đến mức khiến cô không thể bỏ qua.

Tại sao cô lại bận tâm đến chuyện này nhiều đến vậy? Anh có thể đang làm một thí nghiệm và không thể bỏ dở để về nhà. Cô cũng từng rơi vào tình cảnh giống anh không biết bao nhiêu lần rồi. Đó là cách họ làm việc. Đó là con người họ. Giọng nói ấy gọi cô là một kẻ xuẩn ngốc.

Cô tìm thấy đôi giày chạy của mình nằm sau cánh cửa. Chạy bộ một chút sẽ làm cô thấy đỡ hơn. Đó là những gì cô cần lúc này.

Cô thường chạy bộ mỗi ngày. Từ nhiều năm nay, cô mặc định việc chạy bộ cũng như việc ăn uống hay ngủ nghỉ, là nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống hằng ngày và cô đã từng chạy bộ vào giữa đêm hoặc khi ngoài trời bão tuyết mịt mù. Thế nhưng trong mấy tháng vừa rồi vì quá bận rộn nên cô đã bỏ qua việc này. Trong khi buộc dây giày, cô tự nhủ sẽ không mang theo giày khi đến California vì cô biết sẽ không có thời gian để chạy. Nhưng sự thật là cô đã quên bỏ giày vào hành lý của mình.

Khi bắt đầu rời khỏi nhà mình trên phố Poplar, cô lúc nào cũng đi theo tuyến đường quen thuộc – chạy xuôi đại lộ

Massachusetts, qua quảng trường Harvard đến khu Memorial, chạy dọc theo sông Charles đến cầu Harvard, cuối cùng là đến MIT rồi quay trở lại – tổng quãng đường khoảng hơn năm dặm, chạy một vòng mất khoảng bốn mươi lăm phút. Từ lâu cô đã có ý muốn tham gia cuộc chạy đua Boston Marathon nhưng mỗi năm cô đều quá bận rộn nên không có thời gian để tập luyện. Có lẽ một ngày nào đó cô sẽ tham gia. Ở độ tuổi này mà tình trạng thể chất của cô vẫn tuyệt vời thế này thì cô tin rằng mình vẫn có thể chạy tốt kể cả khi ở tuổi sáu mươi.

Khi chạy qua quảng trường Harvard, Alice bị choáng ngợp bởi dòng người đi bộ qua lại chen chúc trên vỉa hè, còn trên đường xe cộ liên tục di chuyển tại các giao lộ. Trong khoảng thời gian này vào một ngày thứ bảy thì đúng là rất đông đúc và nhộn nhịp, đám đông tụ tập, chen lấn chờ đợi đèn tín hiệu giao thông, bên ngoài nhà hàng người ta đang chờ đợi bàn trống, xếp hàng chờ mua vé ở rạp chiếu phim và cả nhiều người chờ chỗ trống trong bãi giữ xe theo giờ. Mười phút đầu tiên trong hành trình chạy bộ của cô đòi hỏi sự tập trung cao độ để có thể vượt qua được hết những khó khăn ấy, nhưng khi đã chạy qua khu Memorial đến sông Charles cô sẽ có thể tự do mà sải bước chạy và tận hưởng không gian xung quanh.

Không khí buổi tối rất thoải mái và thoáng đãng, dọc bờ sông Charles có rất nhiều hoạt động diễn ra, nhưng dù thế nào thì bãi cỏ bên cạnh bờ sông vẫn không đông đúc như trên đường phố Cambridge. Bất chấp dòng người đang đi bộ, những người dắt chó đi dạo, người trượt patin, đạp xe và cả những phụ nữ đang đẩy xe nôi, Alice như một lái xe đã quen đường không để ý nhiều đến những gì đang diễn ra xung quanh. Khi chạy dọc bờ sông, trong đầu cô không có bất cứ điều gì ngoài tiếng đôi giày Nike của mình va chạm với mặt đường hòa nhịp theo hơi thở của cô. Cô không hồi tưởng lại cuộc tranh cãi với Lydia. Cô cũng không để ý đến cảm giác cồn cào trong bụng. Cô không nghĩ đến John. Cô chỉ chạy mà thôi.

Theo thói quen, khi chạy ngược về đến công viên John Fitzgerald Kennedy thì cô dừng lại, nơi đây có một khoảng cỏ

được cắt tĩa cẩn thận tiếp giáp với khu Memorial. Đầu óc cô hoàn toàn trống rỗng, cơ thể cô thả lỏng và dường như đã hồi sức, cô bắt đầu đi bộ về nhà. Từ công viên JFK đi vào quảng trường Harvard phải đi qua một đường hành lang có những hàng ghế dài rất đẹp mắt nằm giữa khách sạn Charles và trường chính trị Kennedy.

Ở phía bên kia lối đi, cô đứng giữa ngã tư đường Eliot và Brattle để chuẩn bị sang đường thì một người phụ nữ bất ngờ nắm lấy cánh tay cô khiến cô giật mình, người phụ nữ hỏi: “Hôm nay cô đã nghĩ đến thiên đường chưa?”

Người phụ nữ đó nhìn Alice chăm chăm bằng một ánh mắt kiên định, xuyên thấu. Bà ta có mái tóc dài màu mè và rối bù như miếng cọ rửa Brillo, trước ngực đeo một tấm biển viết tay, trên đó viết NƯỚC MỸ HÃY SÁM HỐI, TỪ BỎ TỘI LỖI ĐỂ TRỞ VỀ VỚI CHÚA. Ở quảng trường Harvard lúc nào cũng có người muốn mang Chúa ra rao bán nhưng Alice chưa bao giờ bị tiếp cận trực tiếp và đường đột như thế này.

“Xin lỗi.” – Cô nói và nhận ra có một đường rẽ trong dòng xe đang lưu thông, cô nhanh chóng đi sang bên kia đường.

Cô muốn đi tiếp nhưng lại đứng yên một chỗ như bị đóng băng. Cô không biết mình đang ở đâu. Cô nhìn lại phía bên kia đường. Người phụ nữ với kiểu tóc trông như miếng cọ rửa Brillo vẫn đang tiếp cận một con người tội lỗi khác phía đầu kia lối đi. Hành lang này, khu khách sạn, các cửa hàng, những con phố ngoằn ngoèo có qui luật. Cô biết mình đang ở quảng trường Harvard nhưng không biết đường nào để về nhà.

Cô cố gắng hình dung một lần nữa, một cách chi tiết hơn. Khách sạn quảng trường Harvard, khu thể thao Eastern Mountain, cửa hàng Dickson Bros, phố Mount Auburn. Cô biết tất cả những nơi này, cô đã qua lại khu vực này trong suốt hai mươi lăm năm qua nhưng không hiểu sao bây giờ chúng lại không hiện lên trên tấm bản đồ có sẵn trong đầu cô về nơi cô sinh sống. Một biển hiệu đen trắng hình tròn có in chữ “T” trước mặt cô báo hiệu lối vào khu tàu điện ngầm và xe buýt Red

Line, nhưng ở quảng trường Harvard có ba lối vào như thế này và cô không thể nhận ra đây là chỗ nào trong số ba chỗ đó.

Tim cô bắt đầu đập nhanh hơn. Cô toát mồ hôi. Alice tự trấn an mình rằng hiện tượng tim đập nhanh và toát mồ hôi là những phản ứng hoàn toàn tự nhiên sau khi vừa chạy bộ. Nhưng khi cô đứng trên vỉa hè, có một cảm giác gần như hoảng sợ bủa vây khắp cơ thể cô.

Cô vô thức đi bộ qua một khu nhà rồi lại một khu nữa, đôi chân dẻo dai của cô dường như muốn bỏ cuộc và nhường chỗ cho những bước chân đầy hoang mang. Cô đi ngang qua cửa hiệu Coop, Cardullo's, nơi bán tạp chí ở góc đường, trung tâm dành cho khách du lịch ở Cambridge và cả khu sân trường Harvard ở phía đằng xa. Cô tự nhủ rằng mình vẫn có thể đọc và nhận ra mọi thứ. Nhưng cũng chẳng ích gì. Tất cả đều trở nên vô cùng lạc lõng.

Con người, xe hơi, xe buýt và tất cả những âm thanh hỗn tạp bủa vây rồi lướt qua cô. Alice nhắm mắt lại, cô lắng nghe những mạch máu giãn giãn phía sau tai mình.

“Làm ơn ngừng lại...” – Cô thì thầm.

Alice mở mắt ra. Bất ngờ giống như lúc biến mất, mọi thứ xung quanh cô lại đột nhiên trở về đúng vị trí của mình. Cửa hàng Coop, Cardullo's, Nini's Corner, sân trường Harvard. Ngay lập tức cô biết là mình sẽ phải rẽ trái ở phía góc phố rồi đi thẳng về hướng tây trên đại lộ Mass Ave. Cô bắt đầu hít thở dễ dàng hơn, không còn cảm giác lạc lõng như lúc nãy. Nhưng cô vừa mới bị lạc đường một cách kì lạ dù chỗ cô đứng cách nhà chưa đến một dặm. Cô không chạy mà cố bước đi với tốc độ nhanh nhất có thể.

Cô rẽ sang con phố nhà mình, một nơi yên tĩnh, hai bên trồng hai hàng cây và chỉ cách đại lộ Mass Ave vài tòa nhà. Đôi chân bước trên con đường quen thuộc và ngôi nhà thân yêu đã nằm trong tầm mắt, Alice cảm thấy yên tâm hơn, nhưng vẫn chưa hẳn đã an toàn. Cô nhìn chằm chằm vào cánh cửa chính nhà mình, vừa bước đến gần vừa tự nói với bản thân rằng một khi cô bước qua cánh cửa kia và nhìn thấy John đã trở về nhà,

cơ sớng lo âu và giận hờn đang cuộn trào trong cô sẽ ngay lập tức bị rút cạn.

“John?”

Anh xuất hiện ở ngưỡng cửa phòng bếp, râu lún phún, cặp kính bị đẩy lên trên mái tóc kiểu nhà-khoa-học-điên, đang ăn cây kem Popsicle màu đỏ và mặc chiếc áo phông màu xám yêu thích. Anh đã thức cả đêm. Những lo lắng trong cô đã dịu đi. Thế nhưng dường như năng lượng và sự dũng cảm nơi cô cũng rút xuống cùng với những lo lắng ấy, khiến cô cảm thấy thật yếu đuối và chỉ muốn tan vào trong vòng tay anh.

“Chào em, anh đang thắc mắc là em đi đâu mất, anh đang định để lại một lời nhắn cho em ở tủ lạnh. Mọi việc thế nào em?” – Anh hỏi.

“Cái gì cơ?”

“Stanford ấy.”

“À, tốt.”

“Thế còn Lydia?”

Sự phản bội và nỗi đau từ cuộc gặp với Lydia, sự hụt hẫng khi về nhà mà không thấy anh, cảm giác kì lạ khi đi chạy bộ và nỗi sợ hãi khi bị lạc một cách khó hiểu đang hồi thúc nhau đòi lên tiếng.

“Anh thử nói xem.”

“Hai mẹ con lại cãi nhau rồi.”

“Anh trả tiền học phí cho khóa học biểu diễn của con bé phải không?” – Cô buộc tội anh.

“À” – anh trả lời, cho nốt miếng kem Popsicle cuối cùng vào khuôn miệng đã bị nhuộm đỏ của mình. “Em nghe này, mình nói chuyện đó sau được không? Bây giờ anh không có thời gian để giải thích đâu.”

“John, anh sắp xếp thời gian đi. Anh giúp con bé lang thang bên ngoài mà không hề cho em biết và anh còn không ở nhà khi em về, còn...”

“Em cũng không ở nhà khi anh về mà. Buổi chạy bộ của em thế nào?”

Cô nghe thấy một lý do rất đơn giản trong câu hỏi của anh. Nếu như cô đợi anh, nếu như cô gọi điện và nếu như cô không làm những gì mình muốn thì cô đã có thể ở cùng anh trong hơn một tiếng vừa rồi. Cô không thể phủ nhận điều đó.

“Cũng tốt.”

“Anh xin lỗi. Anh đã đợi lâu nhất có thể nhưng anh phải quay lại phòng thí nghiệm rồi. Hôm nay anh đã có một ngày thật tuyệt vời, những kết quả tuyệt vời nhưng bọn anh vẫn chưa xong, anh còn phải phân tích các số liệu trước khi bắt đầu lại vào sáng mai. Anh chỉ về nhà để gặp em một chút thôi.”

“Em cần phải nói chuyện với anh ngay bây giờ.”

“Đây không phải là chuyện gì mới Ali. Chúng ta không có chung quan điểm về vấn đề của Lydia. Chúng ta không thể đợi đến khi anh về mới nói tiếp được à?”

“Không.”

“Em có muốn đi cùng anh sang trường để chúng ta vừa đi vừa nói chuyện không?”

“Em không muốn sang văn phòng, em cần phải ở nhà.”

“Em cần nói chuyện ngay bây giờ, em cần phải ở nhà, đột nhiên cái gì em cũng đòi hỏi luôn như thế. Còn chuyện gì nữa đúng không?”

Từ đòi hỏi anh nói đã chạm đến một dây thần kinh rất mẫn cảm của cô. Đòi hỏi đồng nghĩa với yếu đuối và phụ thuộc. Cha cô. Mục tiêu của cả đời cô là không bao giờ giống như ông ấy.

“Em rất mệt.”

“Ừ, trông em mệt lắm, em phải chậm lại một chút.”

“Đó không phải là điều em cần.”

Anh chờ cô nói thêm nhưng rất lâu sau cô vẫn không nói gì.

“Em nghe này, anh càng đi sớm thì sẽ được về càng sớm. Em nghỉ một chút đi, tối nay anh sẽ về.”

Anh hôn lên mái tóc ướt mồ hôi của cô rồi bước ra ngoài.

Cô đứng một mình gân cửa ra vào, nơi anh đã để cô lại một mình, không có một ai để giải bày hay thú nhận, một lần nữa cô cảm nhận đầy đủ những cảm xúc đã ào ạt tràn qua cô như khi ở quảng trường Harvard. Cô ngồi thụp xuống sàn nhà, tựa lưng vào bức tường lạnh ngắt, nhìn chăm chăm vào đôi bàn tay đang run rẩy của mình đặt trong lòng như thể chúng không phải là của cô vậy. Cô cố gắng tập trung ổn định hơi thở như cô vẫn làm mỗi khi chạy thể dục.

Sau một vài phút cố gắng hít thở sâu cuối cùng cô cũng bình tĩnh hơn để tập trung suy nghĩ về những điều vừa xảy ra. Cô nghĩ đến cái từ đã biến mất khỏi đầu cô trong buổi diễn thuyết ở Stanford và kì kinh bị chậm của mình. Cô đứng dậy, bật máy tính và google từ khóa “các triệu chứng tiền mãn kinh”.

Một danh sách đáng kinh ngạc nhanh chóng xuất hiện trên màn hình: bốc hỏa, ra mồ hôi đêm, mất ngủ, mệt mỏi, lo lắng, chóng mặt, nhịp tim bất thường, trầm cảm, cáu kỉnh, dễ thay đổi cảm xúc, mất phương hướng, rối loạn tinh thần, suy giảm trí nhớ.

Mất phương hướng, rối loạn tinh thần, suy giảm trí nhớ. Tất cả những điều này đều xảy ra với cô. Cô dựa người ra sau ghế, luồn ngón tay vào trong mái tóc xoắn màu đen của mình. Cô nhìn vào những bức ảnh đang để trên chiếc giá sách cao đến trần nhà: ảnh ngày cô tốt nghiệp Harvard, cô và John cùng nhau khiêu vũ trong ngày cưới của họ, ảnh cả nhà khi lũ trẻ còn nhỏ và trong ngày cưới của Anna. Cô nhìn lại danh sách đang hiện trên màn hình. Đây chỉ là những điều tự nhiên, một giai đoạn mới trong cuộc đời một người phụ nữ. Mỗi ngày có hàng triệu phụ nữ phải đối mặt với vấn đề này. Không có gì đe dọa cuộc sống của cô cả. Cũng không có gì khác thường hết.

Cô viết thư gửi bác sĩ riêng hẹn một buổi kiểm tra. Có lẽ cô nên sử dụng liệu pháp thay thế estrogen. Cô đọc lại danh sách các triệu chứng một lần nữa. Cáu kỉnh. Dễ thay đổi cảm xúc. Những biểu hiện gần đây của cô với John. Tất cả đều đúng như vậy. Cảm thấy hài lòng nên cô đưa tay tắt máy.

Cô ngồi trong bóng tối thêm một chút nữa, lắng nghe ngôi nhà yên ắng của mình và cả âm thanh truyền sang từ bữa tiệc thịt nướng của nhà hàng xóm. Cô hít vào mùi thịt hamburger nướng. Không hiểu sao cô lại không thấy đói nữa. Cô uống một viên vitamin bổ sung, lấy đồ đạc trong vali ra, đọc một vài bài báo trong cuốn *Tạp chí Tri thức* rồi đi ngủ.

Khoảng sau nửa đêm John về. Trọng lượng của anh khi nằm lên giường đánh thức cô nhưng chỉ một chút thôi. Cô nằm yên, giả vờ vẫn đang ngủ. Chắc hẳn anh đã rất mệt vì phải thức cả đêm rồi lại phải làm việc cả ngày. Họ có thể nói về chuyện của Lydia vào sáng mai. Và cô sẽ xin lỗi anh vì gần đây đã quá nhạy cảm, dễ xúc động. Bàn tay ấm áp của anh đặt trên hông cô, kéo cô vào lòng anh. Hơi thở nhẹ nhàng của anh vẫn vương trên cổ đưa cô vào một giấc ngủ sâu, cô tin rằng mình đã được an toàn.

THÁNG MƯỜI, NĂM 2003

“Đến bữa thực mất thôi!” – Alice nói, cô mở cửa bước vào văn phòng.

“Vâng, mấy cái bánh ngô đó to thật.” – Dan đi theo sau cười thích thú.

Alice cầm quyển sổ đánh nhẹ vào cánh tay cậu. Họ vừa trải qua một giờ đồng hồ tham gia buổi hội thảo. Dan – cậu sinh viên năm tư có vẻ ngoài theo phong cách của J.Crew – dáng người cao gầy nhưng có cơ bắp, mái tóc vàng cắt ngắn gọn gàng và nụ cười tỏa sáng, trông có phần kiêu ngạo. Xét vẻ bề ngoài thì cậu ta trông chẳng giống John chút nào nhưng ở cậu lại có sự tự tin và tính hài hước gợi cô nhớ đến hình ảnh của John khi anh cũng ở độ tuổi đó.

Sau một vài lần thất bại thì cuối cùng luận văn nghiên cứu của Dan đã thành công. Alice nhận ra cậu học trò của mình đang tận hưởng niềm vui chiến thắng sau thành công ấy nhưng cô hy vọng Dan sẽ coi đó là động lực để phát triển thành một đam mê bền vững. Khi nhìn thấy những thành công mà việc nghiên cứu mang lại thì bất kì ai cũng bị thu hút, nhưng điều quan trọng là có thể tiếp tục theo đuổi việc nghiên cứu khi kết quả không như mong đợi và tìm ra nguyên nhân của những trở ngại.

“Khi nào em đi Atlanta?” – Cô vừa hỏi vừa tìm kiếm bài nghiên cứu của Dan mà cô đã chỉnh sửa trong đồng giấy tờ trên bàn.

“Tuần tới ạ.”

“Em có thể nộp bài cho cô trước khi đi, bài của em khá ổn rồi.”

“Không thể tin được là em sắp kết hôn. Trời ơi, em già rồi.”

Cô đã tìm thấy bài nghiên cứu và đưa cho Dan. “Thôi cho tôi xin, em chưa già đâu. Em mới chỉ đang ở ngưỡng bắt đầu của mọi thứ thôi.”

Dan ngồi xuống, cậu bắt đầu lật từng trang, đôi lông mày nhú lại khi cậu nhìn thấy những dòng chữ màu đỏ viết nguệch ngoạc bên lề. Với kiến thức chuyên sâu và giàu kinh nghiệm, Alice đã giúp Dan hoàn thiện phần mở đầu của bài luận, bổ sung những chỗ hổng trong phần diễn giải, khiến cho bài luận trở thành một bức tranh gần gũi hơn, hợp lý hơn và chỉ ra cách để bài nghiên cứu của Dan có thể lý giải những khúc mắc, hợp ngành ngôn ngữ học cổ điển và hiện đại thành một thể thống nhất.

“Ý này của cô nghĩa là gì ạ?” – Dan hỏi, tay chỉ vào cụm chữ màu đỏ viết nguệch ngoạc.

“Những tác động khác nhau của sự tập trung chú ý và phân phối chú ý.”

“Những ý kiến này tham khảo từ đâu ạ?” – Cậu hỏi.

“À, à, ở đâu nhỉ?” – Cô tự hỏi mình, nhắm chặt mắt lại, cố nhớ lại tên tác giả và năm nghiên cứu. – “Em thấy chưa, chuyện này sẽ xảy ra khi em già đi đấy.”

“Thôi mà cô, cô cũng chưa già đâu ạ. Không sao đâu, em có thể tự tìm được.”

Một trong những gánh nặng lớn nhất đối với những ai nghiêm túc theo đuổi ngành khoa học đó là phải nhớ được năm công bố các nghiên cứu, nội dung chi tiết của các thí nghiệm và tên tác giả thực hiện công trình nghiên cứu đó. Alice thường khiến các sinh viên của mình và các tiến sĩ đang thực hiện nghiên cứu sinh phải kính phục vì có thể kể ra vanh vách và ngay lập tức ít nhất bảy nghiên cứu của một vấn đề cụ thể, cùng với tên của người thực hiện và năm công bố. Hầu hết các giảng viên trong khoa cô đều có khả năng này. Thực tế thì giữa họ tồn tại một cuộc đua ngầm xem trong đầu ai sở hữu nguồn dữ liệu hoàn chỉnh và cập nhật kiến thức linh hoạt nhất. Dải băng xanh dành cho người chiến thắng thường thuộc về Alice.

“Nye, MBB, năm 2000!” – Cô thốt lên.

“Em luôn rất nể phục vì khả năng đó của cô. Em nói thật đấy, làm sao mà cô có thể lưu giữ tất cả những thông tin đó trong đầu như vậy được?”

Cô mỉm cười trước sự ngưỡng mộ của cậu sinh viên. “Rồi em sẽ thấy, như tôi đã nói, em mới đang ở giai đoạn khởi đầu thôi.”

Dan lật xem những trang còn lại của bài luận văn, đôi lông mày cậu giãn ra. “Được rồi, em khá hài lòng về bài luận này. Cảm ơn cô rất nhiều, em sẽ đến gặp cô vào ngày mai.”

Cậu vội vàng ra về. Nhiệm vụ đã hoàn thành, Alice nhìn tờ giấy ghi chú màu vàng dán trên màn hình máy tính, trên đó có danh sách những việc cần làm.

Lớp học Nhận Thức

Hội thảo buổi trưa

Luận văn của Dan

Eric

Bữa tối sinh nhật

Cô thỏa mãn đánh một dấu check bên cạnh dòng chữ “Luận văn của Dan”.

Còn “Eric”? Là ý gì nhỉ?

Eric Wellman là trưởng khoa tâm lý học của trường Harvard. Cô định nói, định hỏi hay đưa cho anh ta xem thứ gì đó sao? Hay cô sắp có một cuộc họp với anh ta? Cô xem trên lịch. Ngày 11 tháng Mười – sinh nhật cô. Chẳng có gì liên quan đến Eric cả. Eric. Khó hiểu quá. Cô mở hộp thư đến của mình. Cũng không có gì từ Eric. Cô hi vọng đó không phải là vấn đề gì quá nghiêm trọng cần giải quyết ngay. Dù hơi khó chịu trong lòng, nhưng cô vẫn tự tin rằng mình sẽ hoàn thành các công việc trong danh sách, bất kể việc cần giải quyết với Eric là gì, cô ném tờ giấy nhớ vào thùng rác – đó là tờ thứ tư trong ngày, rồi cô lấy một tờ mới để viết.

Eric?

Gọi điện cho bác sĩ

Những rối loạn về trí nhớ cứ xuất hiện ngày càng nhiều trong cái đầu nhỏ xáu xí khiến cô bắt đầu lo lắng. Alice chần chừ chưa liên lạc với bác sĩ trị liệu vì cô nghĩ rằng một thời gian nữa mọi thứ sẽ ổn trở lại. Cô vẫn hy vọng sẽ gặp một ai đó đang rơi vào hoàn cảnh giống mình để nói với cô rằng việc này chỉ xảy ra trong thời gian ngắn và đây là điều hoàn toàn tự nhiên để cô không cần phải đi gặp bác sĩ nữa. Nhưng điều đó chẳng bao giờ xảy ra, bởi vì tất cả bạn bè và đồng nghiệp ở Harvard cùng tuổi với cô đều là nam giới. Cô thừa nhận rằng có lẽ đã đến lúc cô nên tìm đến những lời tư vấn về y khoa.

ALICE VÀ JOHN CÙNG NHAU ĐI BỘ từ khuôn viên trường đến nhà hàng Epulae ở quảng trường Inman. Vừa bước vào, Alice nhìn thấy con gái lớn Anna đang ngồi cùng Charlie – chồng của con bé. Bộ đồ vét màu xanh da trời hai đũa mặc thật ấn tượng, chiếc cravat màu vàng trơn là điểm nhấn cho bộ vét Charlie đang mặc, còn Anna là một chuỗi ngọc trai đơn. Hai đứa cùng làm việc cho một hãng luật lớn thứ ba ở Massachusetts được vài năm rồi, Anna làm ở lĩnh vực sở hữu trí tuệ còn Charlie chuyên giải quyết các vụ tranh chấp.

Nhìn ly Martini trên tay con gái và khuôn ngực vẫn ở cỡ B là Alice biết Anna chưa có thai. Con bé đã cố gắng trong suốt sáu tháng vừa rồi nhưng vẫn chưa có kết quả. Cũng giống như tất cả những thứ khác, càng khó đạt được Anna lại càng muốn. Alice đã khuyên con bé nên chờ một thời gian, không cần phải quá vội vàng để hoàn thành cột mốc quan trọng này trong cuộc đời. Anna chỉ mới hai mươi bảy tuổi, vừa kết hôn với Charlie hồi năm ngoái và mỗi tuần con bé phải làm việc tám mươi đến chín mươi giờ. Nhưng Anna không chấp nhận lý do đó, nó nói rằng tất cả những người phụ nữ đi làm khi cân nhắc đến vấn đề sinh con đều đưa ra kết luận cuối cùng rằng: Không bao giờ có thời điểm tốt nhất để thực hiện chuyện này.

Thật ra Alice lo lắng sự nghiệp của Anna sẽ bị ảnh hưởng vì chuyện gia đình. Trên con đường tiến thân trong sự nghiệp, Alice đã phải gặp rất nhiều khó khăn, không phải vì những trách nhiệm cứ lớn dần hay vì những thành tích cô đạt được trong ngành ngôn ngữ học không đủ thuyết phục mà vì những đứa con. Việc nôn nghén, thiếu máu và chứng tiền sản giật xảy ra trong hơn hai năm rưỡi khiến cô bị mất tập trung trong công việc và ảnh hưởng đến tốc độ phát triển sự nghiệp của mình. Hơn nữa, khi mang thai ba đứa con thì phải đánh đổi càng nhiều và tốn thời gian hơn so với bất cứ một công việc khẩn cấp nào ở khoa hay một sinh viên loại A nào mà cô đã từng gặp.

Nhiều lần cô đã sợ hãi khi chứng kiến các nữ đồng nghiệp vốn có một sự nghiệp đầy hứa hẹn đã bỏ lỡ hay thậm chí là phải thay đổi công việc chỉ vì có con. Cô nhớ lại quãng thời gian khó khăn khi nhìn John và những đồng nghiệp nam cùng trình độ nghiệp vụ vượt qua mình. Cô thường băn khoăn liệu sự nghiệp của anh có thể sống sót được sau ba lần sinh nở, cho con bú, nuôi con nhỏ, ngày qua ngày buồn chán hát mãi câu “Những chiếc bánh xe buýt quay đều, quay đều” và cả việc mỗi đêm chỉ được ngủ hai đến ba tiếng đồng hồ mà không bị đánh thức. Cô thực sự cảm thấy nghi ngờ việc đó.

Trong lúc họ ôm hôn nhau, trao cho nhau những cử chỉ hân hoan, chúc mừng sinh nhật thì một người phụ nữ mặc bộ đồ đen có mái tóc tẩy màu trắng tinh tiến về quầy bar chỗ họ đang ngồi.

“Tất cả các thành viên trong bữa tiệc của cô đều có mặt rồi chứ?” – Cô ta hỏi với nụ cười trên môi, nhưng nụ cười lại kéo dài quá mức nên trông có vẻ giả tạo.

“Vẫn chưa. Chúng tôi đang chờ thêm một người nữa” – Anna nói.

“Con đến rồi đây!” – Tom xuất hiện từ phía sau họ. – “Chúc mừng sinh nhật mẹ.”

Alice ôm hôn con trai rồi chợt nhận ra là cậu đến một mình.

“Chúng ta có cần chờ...?”

“Jill ạ? Không cần đâu mẹ, bọn con chia tay từ tháng trước rồi.”

“Em thay bạn gái nhiều đến mức mọi người không nhớ nổi tên của bọn họ nữa rồi” – Anna nói. – “Chúng ta sẽ giữ chỗ cho ai nữa đây?”

“Chưa cần đâu.” – Tom nói với Anna rồi quay sang người phụ nữ mặc đồ đen. – “Chúng tôi có mặt đông đủ rồi.”

Bình thường sau mỗi lần chia tay thì Tom sẽ mất khoảng sáu đến chín tháng để bắt đầu một mối quan hệ mới, nhưng chúng đều chẳng kéo dài được bao lâu. Thằng bé là một chàng trai thông minh, sôi nổi, chính là hình ảnh khi còn trẻ của bố nó, đang học năm thứ ba ngành Y tại Harvard và dự định trở thành một bác sĩ phẫu thuật chuyên khoa tim mạch. Trông nó ăn uống ngon lành. Thằng bé hài hước kể rằng tất cả các sinh viên y khoa và bác sĩ phẫu thuật nó biết đều ăn uống rất tẻ, sống nhờ bánh rán, khoai tây chiên, máy bán hàng tự động và căng tin bệnh viện. Không một ai trong số họ có thời gian để tập thể dục, ngoại trừ những lúc leo cầu thang bộ thay vì đi thang máy. Cậu nói đùa rằng những kiến thức được học trong vài năm ít nhất cũng giúp họ có đủ khả năng để điều trị bệnh tim cho nhau.

Khi tất cả mọi người đã ổn định chỗ ngồi bên chiếc bàn hình bán nguyệt có đầy đủ đồ uống và món khai vị thì chủ đề câu chuyện dần chuyển sang thành viên không đến tham gia được.

“Lần cuối cùng Lydia tham gia một bữa tối cùng cả nhà là khi nào nhỉ?” – Anna hỏi.

“Con bé đã có mặt trong tiệc sinh nhật lần thứ hai mươi một của em.” – Tom nói.

“Đó là chuyện của gần năm năm trước rồi! Đó là lần gần nhất sao?” – Anna tiếp tục hỏi.

“Không, không thể nào.” – John không đồng ý nhưng không nói thêm gì.

“Con nghĩ đó là lần gần nhất.” – Tom khẳng định.

“Không phải. Ba năm trước con bé có tham dự buổi mừng sinh nhật tuổi năm mươi của bố các con ở nhà hàng Cape.” –

Alice nói.

“Con bé đang làm gì vậy mẹ?” – Anna hỏi.

Anna rõ ràng rất vui vì Lydia không học đại học; con đường học vẫn bị cắt ngang giữa chừng của Lydia đã giúp Anna bảo vệ vững chắc vị trí đứa con gái thông minh nhất, thành công nhất của nhà Howland. Anna khiến bố mẹ hài lòng bởi sự thông minh của mình và cũng là đứa con gái tuyệt vời nhất. Mặc dù Tom cũng rất thông minh nhưng Anna chưa bao giờ để ý nhiều đến thằng bé, có lẽ vì Tom là con trai. Thế rồi Lydia có mặt trong gia đình họ. Cả hai cô con gái đều thông minh nhưng trong khi Anna phải rất cố gắng mới đạt được những điểm A thì bằng thành tích của Lydia lại cực kì xuất sắc dù con bé chẳng cần cố gắng nhiều. Anna thật sự để tâm chuyện đó. Cả hai đều rất hiếu thắng và vô cùng độc lập nhưng Anna không phải là một người ưa mạo hiểm. Con bé có xu hướng theo đuổi những mục tiêu an toàn, nhiều lợi thế và chắc chắn phải kèm theo phần thưởng hữu hình.

“Lydia vẫn ổn.” – Alice trả lời.

“Thật không thể tin là con bé vẫn tiếp tục như vậy. Nó đã làm được cái gì chưa ạ?” – Anna hỏi.

“Năm ngoái, con bé diễn rất tuyệt trong vở kịch đó.” – John nói.

“Nó đang đi học.” – Alice nói thêm.

Khi nhắc tới điều ấy thì Alice cũng chợt nhớ ra rằng chính John là người đã giấu giếm cô chu cấp tiền cho con bé theo học một chương trình không bằng cấp. Tại sao cô lại có thể quên đi việc đó mà vẫn thoải mái nói chuyện với anh như vậy nhỉ? Cô tia một ánh nhìn đầy giận dữ về phía anh, chính xác là dừng lại trên khuôn mặt anh khiến anh hoàn toàn cảm nhận được điều đang diễn ra. Anh nhẹ nhàng lắc đầu rồi đưa tay xoa xoa lưng cô. Bây giờ không phải là lúc thích hợp để giận dữ. Cô sẽ nói chuyện này với anh sau, nếu như cô vẫn nhớ.

“Ồ, ít nhất thì con bé cũng đang làm gì đó.” – Anna nói có vẻ thỏa mãn vì mọi người dường như đều nhận ra vị trí hiện tại của

những cô con gái nhà Howland.

“À, thí nghiệm thực hành của bố thế nào rồi?” – Tom hỏi.

John vươn người về phía trước và bắt đầu nói đến những thông tin nghiên cứu mới nhất của mình. Alice nhìn chồng và con trai, cả hai đều là những nhà sinh học và họ đều đang bị cuốn vào cuộc thảo luận phân tích, đều đang cố gắng gây ấn tượng với người kia về những điều mình biết. Nơi khóe mắt John có những đường chân chim thường xuất hiện khi anh cười nhưng ngay cả những lúc anh nghiêm túc nhất vẫn có thể nhìn thấy mờ mờ, lúc này khi anh đang say sưa nói về nghiên cứu của mình những nếp nhăn ấy trở nên thật sâu và thật sinh động, hai tay anh cũng phụ họa cho cuộc nói chuyện, trông như những chú rối đang biểu diễn trên sân khấu.

Cô rất thích nhìn anh như vậy. Ngày trước anh thường hào hứng kể cho cô nghe về các nghiên cứu của mình một cách chi tiết, nhưng bây giờ thì không. Cô luôn hiểu rõ về công việc của anh để có thể trao đổi với anh về chúng nhưng chưa bao giờ đi sâu vào chi tiết. Cô nhận ra những lần nói chuyện như thế giữa anh và cô quan trọng như thế nào khi ở cùng với Tom hoặc đồng nghiệp của John. Trước đây anh thường nói với cô tất cả mọi điều, còn cô thì luôn chăm chú lắng nghe. Cô băn khoăn không biết điều ấy đã thay đổi từ khi nào, ai là người không còn hứng thú làm vậy nữa, là anh không muốn nói hay là do cô không còn muốn nghe.

Món mực ống, hào nướng sốt cua vùng Maine, salad rau arugula và bánh xếp nhân bí ngô đều rất tuyệt vời. Sau bữa tối mọi người cùng nhau hát vang bài “Chúc mừng sinh nhật” khiến các vị khách ở những bàn khác cũng hân hoan, vui mừng vỗ tay theo. Alice thối ngon nên cắn trên miếng bánh chocolate ấm áp. Mọi người cùng nhau nâng ly vang Veuve Clicquot trên tay, John nâng ly cao hơn một chút nói.

“Chúc mừng sinh nhật người vợ xinh đẹp và tuyệt vời của anh. Chúc mừng năm mươi năm tiếp theo của em!”

Họ cùng nhau cụng ly và uống rượu.

Alice nhìn chăm chú vào gương trong phòng vệ sinh. Hình ảnh người phụ nữ đã có tuổi ở trong gương không giống lắm với hình ảnh mà cô đã nghĩ về bản thân. Đôi mắt màu nâu vàng của cô trông có vẻ mệt mỏi dù vẫn được nghỉ ngơi rất tốt, làn da trông đã sạm hơn và không còn săn chắc như trước. Cô chắc chắn mình trông giống một phụ nữ hơn bốn mươi tuổi. Mặc dù không còn trẻ nhưng cô nghĩ mình chưa đến mức già nua. Gần đây, chứng đẳng trí của tuổi tiền mãn kinh đáng ghét khiến cô nhận ra mình đã chuyển sang một giai đoạn khác của cuộc đời. Nếu không có nó thì cô đã luôn cảm thấy trẻ trung, mạnh mẽ và sung sức.

Cô nghĩ đến mẹ mình. Hai người trông rất giống nhau. Trong trí nhớ của cô hiện lên gương mặt lúc nào cũng nghiêm túc và chăm chú của bà, nó chỉ lốm đốm những vết tàn nhang ở mũi và hai gò má chứ không hề có nếp nhăn hay chảy xệ. Bà không sống được đủ lâu để có những thứ ấy trên gương mặt. Mẹ của Alice qua đời khi bà mới chỉ bốn mươi một tuổi. Anne – em gái của Alice bây giờ cũng bốn mươi tám. Alice đang ngồi cùng bàn ăn với chồng và các con mình, cô cố hình dung xem Anne trông như thế nào, nhưng cô không thể.

Khi đi vệ sinh cô lại nhìn thấy máu. Kỳ kinh của cô. Đương nhiên cô hiểu rằng trong giai đoạn đầu của thời kì tiền mãn kinh, chu kỳ kinh nguyệt sẽ không có qui luật, nghĩa là nó sẽ không đột nhiên hoàn toàn biến mất. Nhưng trong tâm trí cô lại cứ lớn vồn suy nghĩ rằng đó không phải giai đoạn tiền mãn kinh mà là một vấn đề nào khác đang tồn tại trong cô.

Ý chí của cô bị champagne và máu làm cho yếu đi rồi gục ngã. Cô bắt đầu òa khóc nức nở. Cô dần cảm thấy khó thở, không khí hít vào không đủ. Cô đã năm mươi tuổi và cô cảm thấy mình đang dần dần rơi vào tình trạng mất trí.

Có người gõ cửa.

“Mẹ ời?” – Anna gọi. – “Mẹ không sao chứ?”

THÁNG MƯỜI MỘT, NĂM 2003

Phòng khám của bác sĩ Tamara Moyer nằm ở tầng ba tòa cao ốc năm tầng phía tây quảng trường Harvard, gần nơi mà Alice bị lạc. Nơi đây vẫn vậy, phòng chờ và phòng khám được trang trí bằng những bức ảnh nghệ thuật của Ansel Adams, mấy tấm áp phích quảng cáo dược phẩm được dán trên dãy tủ kê tường màu xám bạc, chúng khiến Alice không còn những suy nghĩ tiêu cực. Moyer là bác sĩ riêng của Alice trong suốt hai mươi năm qua, họ chỉ gặp nhau khi Alice đến kì kiểm tra sức khỏe, chích ngừa, và cuộc gặp gần đây nhất là buổi chụp X quang kiểm tra ung thư vú.

“Điều gì khiến cô đến đây vậy Alice?” – Bác sĩ Moyer hỏi.

“Thời gian gần đây trí nhớ của tôi không được tốt, tôi nghĩ có thể là triệu chứng của thời kì mãn kinh. Sáu tháng liên tôi không có kinh nguyệt, nhưng mới tháng trước nó lại xuất hiện. Tôi nghĩ tốt hơn là mình nên đến gặp chị.”

“Chị thường quên những vấn đề gì?” – Bác sĩ Moyer vừa hỏi vừa cầm cùi ghi chép.

“Những cái tên, từ ngữ khi nói chuyện, nơi tôi để chiếc BlackBerry hay vì sao tôi lại ghi mấy thứ nào đó vào danh sách việc cần làm của mình.”

“Được rồi.”

Alice chăm chú nhìn vị bác sĩ của mình. Lời chia sẻ của cô dường như không tác động nhiều tới bà. Bác sĩ Moyer tiếp nhận các thông tin này như thể bà là vị linh mục đang lắng nghe một cậu bé tuổi mới lớn thổ lộ những suy nghĩ thiếu trong sáng dành cho cô bạn nào đó. Chắc hẳn mỗi ngày bà ấy đã phải nghe rất nhiều những lời than phiền như vậy. Alice suýt nữa thì thốt ra lời xin lỗi vì đã làm tốn thời gian của bác sĩ một cách ngớ ngẩn.

Khi về già thì ai mà chẳng quên những chuyện như thế. Hơn nữa chứng mất kinh cùng với chuyện cô cứ làm ba việc một lúc và suy nghĩ đến mười hai thứ khác một lần, vậy nên những sai sót trở nên nhỏ bé, vô hại, thậm chí là hợp lý. Ai mà chẳng căng thẳng. Ai mà chẳng có những điều mệt mỏi. Rồi ai cũng sẽ quên thứ gì đó.

“Tôi cũng mới bị lạc ở quảng trường Harvard. Tôi đã không biết mình đang ở đâu trong vài phút rồi sau đó mọi thứ lại quay trở về với tôi.”

Bác sĩ Moyer ngừng ghi các triệu chứng trên tờ đánh giá và nhìn thẳng vào Alice. Các câu hỏi liên tiếp được đặt ra.

“Chị có cảm thấy đau thắt ở lồng ngực không?”

“Không.”

“Chị có thấy nhức mỏi hay ngứa ngáy ở đâu không?”

“Không.”

“Có đau đầu hay chóng mặt không.”

“Không.”

“Tim chị có đập nhanh không?”

“Ừm, có, nhưng chỉ khi tôi bối rối thôi, kiểu như một liều adrenaline ức chế nỗi sợ. Tôi nhớ là cảm giác đó thật sự tuyệt, nhưng chỉ trước khi mọi chuyện diễn ra.”

“Còn chuyện gì khác xảy ra ngày hôm đó không?”

“Không, tôi chỉ vừa trở về từ Los Angeles.”

“Chị có gặp phải cơn nóng bừng nào không?”

“Không. Ừm, tôi biết rõ lúc đó bản thân bị mất phương hướng, nhưng tôi nghĩ chắc chỉ do tôi sợ thôi.”

“Được rồi. Chị ngủ được không?”

“Ổn.”

“Chị ngủ bao nhiêu tiếng mỗi đêm?”

“Năm tới sáu tiếng.”

“Thời gian ngủ có khác gì so với trước kia không?”

“Không.”

“Chị có khó ngủ không?”

“Không.”

“Có bị thức giấc giữa đêm không?”

“Tôi nghĩ là không.”

“Chị có thường đi ngủ đúng giờ không?”

“Thường là vậy. Trừ những lúc di chuyển công tác, chẳng hạn như thời gian vừa rồi.”

“Chị đi đến những nơi nào?”

“Trong vài tháng qua thì tôi đã đi California, Italy, New Orleans, Florida, New Jersey.”

“Chị có bị ốm sau những chuyến đi này không? Lên cơn sốt chẳng hạn?”

“Không có.”

“Chị có dùng thuốc, chất chống dị ứng, chất bổ sung, hay loại thuốc nào khác không?”

“Chỉ là vitamin tổng hợp thôi.”

“Có gặp tình trạng ợ chua không?”

“Không.”

“Có thay đổi cân nặng không?”

“Không.”

“Có triệu chứng đại tiện hoặc tiểu tiện ra máu không?”

“Không có.”

Bà ấy cứ liên tục đặt câu hỏi sau khi Alice vừa dứt câu trả lời, và chủ đề thì cứ chuyển từ chuyện nọ đến chuyện kia trước khi Alice có thời gian suy nghĩ lí do. Như thể cô đang ngồi trên chiếc tàu siêu tốc, mắt nhắm nghiền và không biết chuyện gì sẽ xảy ra phía trước.

“Chị có thấy lo lắng hay căng thẳng hơn bình thường không?”

“Chỉ những khi tôi bị quên điều gì đó thôi. Còn lại thì không.”

“Chị và chồng chị vẫn ổn chứ?”

“Ôn mà.”

“Chị có nghĩ mình đang có những cảm xúc tích cực?”

“Có chứ.”

“Chị có nghĩ mình bị trầm cảm không?”

“Không hề.”

Alice biết về bệnh trầm cảm. Cái chết của mẹ và chị gái lúc cô mới mười tám tuổi đã khiến cô rơi vào tình trạng chán ăn và mất ngủ trầm trọng, cô cũng không cảm thấy hứng thú với mọi thứ xung quanh. Triệu chứng này đã kéo dài suốt một năm, và kể từ lúc đó cô chưa bao giờ trải qua bất cứ chuyện tương tự nào. Hai chuyện này hoàn toàn khác nhau. Đây không phải lúc dùng thuốc Prozac.

“Chị có uống rượu không?”

“Chỉ uống xã giao thôi.”

“Uống nhiều không?”

“Một hoặc hai ly vang vào bữa tối, có khi nhiều hơn vào những dịp đặc biệt.”

“Ma túy thì sao?”

“Không.”

Bác sĩ Moyer nhìn Alice đầy suy tư. Bà gõ chiếc bút lên cuốn sổ và chăm chú đọc. Alice không tin là câu trả lời nằm trên mấy tờ giấy đó.

“Vậy có phải là tôi đang trong thời kỳ mãn kinh?” – Cô hỏi trong khi cả hai tay bầu vào lớp ghế da.

“Có thể là như vậy. Chúng ta hãy làm xét nghiệm FSH để biết chắc hơn về điều này, nhưng tất cả dấu hiệu trên cho thấy cô đang trong thời kỳ mãn kinh. Tuổi trung bình bắt đầu từ 48 đến 52 tuổi và cô đang ở giai đoạn này. Cô có thể sẽ lại gặp những triệu chứng này trong thời gian tới. Điều này hoàn toàn bình thường.”

“Liệu pháp thay thế estrogen có giúp ích cho việc cải thiện trí nhớ không?”

“Chúng tôi không dùng liệu pháp này cho phụ nữ, trừ khi họ bị rối loạn giấc ngủ, hoặc rơi vào cảm giác nóng bừng bởi chứng rối loạn vận mạch hay khi họ mắc bệnh loãng xương. Tôi không nghĩ vấn đề trí nhớ của cô là do đến kì mãn kinh.”

Máu dồn lên não Alice. Đây chính xác là những gì cô sợ hãi và chỉ mới dám nghĩ tới. Nhưng khi đã có ý kiến chuyên môn, lời an ủi an toàn của cô tan vỡ. Hẳn là có gì đó đã sai, và cô không chắc mình sẵn sàng để nghe tiếp. Cô đang đấu tranh với những thanh âm dữ dội trong đầu, những tiếng cầu xin cô hoặc là ngắt hẳn đi hoặc là biến khỏi cái phòng khám chết tiệt này ngay lập tức.

“Tại sao không chứ?”

“Vào thời kì mãn kinh, chứng mất ngủ trầm trọng sẽ xuất hiện và là nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy giảm trí nhớ, mất phương hướng. Một số phụ nữ không xử lý công việc tốt vì họ bị thiếu ngủ. Có thể chị đã quên là mình bị mất ngủ. Chị nghĩ kỹ xem có phải vì lịch trình làm việc và sự thay đổi múi giờ, hay chị đã lo lắng chuyện gì đó suốt đêm mà không ngủ đủ giấc.”

Alice nghĩ lại những lần cô bị mất tập trung vì thiếu ngủ. Tinh thần của cô rơi vào trạng thái bất ổn trong những tuần cuối cùng của thai kì, khi mấy đứa nhóc chào đời, hay mỗi khi đến hạn chót của một vấn đề quan trọng. Tuy nhiên, lần bị lạc ở quảng trường Harvard lại không nằm trong những trường hợp đó.

“Có thể là như vậy. Tôi cần phải quan tâm đến giấc ngủ nhiều hơn vì bây giờ tôi đã lớn tuổi hay vì tôi đang ở thời kì mãn kinh?”

“Không. Tôi không nghĩ thiếu ngủ là vấn đề chính.”

“Vậy nếu không phải do thiếu ngủ thì điều gì mới là vấn đề?”
– Cô hỏi, giọng nói bắt đầu mất bình tĩnh và không còn tự tin.

“Ừ, tôi đặc biệt lo ngại với triệu chứng mất phương hướng. Tôi không nghĩ nó có liên quan đến thời kì tiền mãn kinh. Có lẽ chúng ta nên làm một số xét nghiệm. Tôi sẽ cho cô làm xét

nghiệm máu, chụp nhũ ảnh, đo mật độ xương và chụp MRI cho não.”

Chẳng lẽ là u não. Alice không muốn nghĩ tới điều đó. Cô bắt đầu tưởng tượng ra hình ảnh của một con dã thú đang dần tiến về phía cô, khiến cô lại rơi vào trạng thái hoang mang lo sợ.

“Nếu chị không nghĩ do tai biến mạch máu não thì xét nghiệm MRI làm gì?”

“Việc tìm ra nguyên nhân thật sự sẽ dễ dàng hơn nếu loại trừ được những trường hợp này. Chị hãy gặp tôi sau khi lên lịch xét nghiệm MRI, rồi chúng ta sẽ giải quyết mọi thứ.”

Rõ ràng là bác sĩ Moyer đã né tránh không trả lời trực tiếp câu hỏi của cô, nhưng Alice cũng đã không chia sẻ với bác sĩ về ý nghĩ khối u não mà cô đang băn khoăn trong đầu. Có lẽ cả hai cần chờ đợi kết quả cuối cùng sau khi tiến hành các xét nghiệm.

Khoa tâm lý học, xã hội học, nhân học đều thuộc tòa nhà William James Hall nằm ngay bên ngoài Harvard Yard trên đường Kirkland – nơi mà các sinh viên gọi tắt với cái tên là Siberia. Tuy nhiên, vị trí không phải là yếu tố nổi bật nhất khiến nó tách biệt khỏi khuôn viên chính của Harvard. Harvard Yard là nơi tập trung những tòa nhà có kiến trúc trang trọng, cổ điển, các cư xá dành cho sinh viên năm nhất, cũng có cả các lớp Toán, Sử và Tiếng Anh ở đây. William James Hall không giống như vậy, nó thường khiến người ta liên tưởng đến một nhà để xe. Nơi này không có thức cột Doric hay Corinthian, không xây gạch đỏ, không có kính màu Tiffany, không có sảnh lớn, không hiện hữu bất kỳ chi tiết vật lý nào có sự liên kết rõ ràng hay tinh tế với trụ sở chính. Đó là một tòa nhà cao 576m, với màu be (xám tro) nhàm chán, rất có thể là nguồn cảm hứng từ chiếc hộp của B. F. Skinner. Không mấy ngạc nhiên khi nó không nằm trong chuyến tham quan của sinh viên hay lịch trình các hoạt động tại Harvard vào bất kể mùa nào trong năm.

Quang cảnh xung quanh và các văn phòng trong William James Hall đều không có gì nổi bật, nếu không muốn nói là quá

bình thường. Alice ngồi uống trà tại tầng mười, cô đang thư giãn và ngắm vẻ đẹp của sông Charles, khu Boston Back Bay từ khung cửa sổ lớn hướng về phía đông nam. Nơi đây đã thu hút nhiều họa sĩ và nhiếp ảnh gia tái hiện lại bằng tranh sơn dầu, màu nước hay phim ảnh và có thể được lộng kính treo tường ở bất kỳ tòa văn phòng nào tại Boston.

Alice cho rằng những ai có thể thường xuyên được quan sát phiên bản thật của vùng đất này quả là may mắn. Mỗi ngày hoặc mỗi tháng qua đi, khung cảnh bên ngoài khung cửa đều luôn sống động và đem đến những điều thú vị cho người thưởng thức.

Trong buổi sáng tháng mười một đầy nắng, Alice lại ngồi ngắm nhìn Boston từ tòa nhà William James Hall, cô cảm nhận được mùa thu tỏa ánh mặt trời lấp lánh như champagne đang sủi bọt trong chiếc ly xanh da trời nhạt màu của tòa nhà John Hancock, vài mái chèo lướt nhẹ trên dòng sông Charles lấp lánh ánh bạc, hướng về phía Bảo tàng Khoa học như thể chúng được kéo bởi một sợi dây trong cuộc thí nghiệm về sự chuyển động.

Khung cảnh này khiến cô suy nghĩ tích cực hơn về cuộc sống bên ngoài Harvard. Đối lập với bầu trời tối sầm tại công viên Fenway là ánh đèn trắng đỏ nhấp nháy của các biển hiệu CITGO, hình ảnh đó tác động mạnh vào hệ thần kinh của cô, giống như tiếng chuông đột ngột của chiếc đồng hồ báo thức, kéo cô thoát khỏi cơn mộng mị xoay quanh những tham vọng và nghĩa vụ lặp đi lặp lại mỗi ngày.

Nhiều năm trước khi cô còn là giảng viên chính thức, văn phòng của cô nằm trong tòa nhà William James Hall, căn phòng rất nhỏ, không có cửa sổ. Alice thiếu tiếp xúc với môi trường bên ngoài bốn bức tường màu xám tro, thậm chí có những lúc Alice làm việc đến tận tối khuya mà không hề hay biết. Nhiều khi đến cuối ngày cô chết đứng khi phát hiện ra rằng một trận gió Đông Bắc đã chôn vùi Cambridge dưới lớp tuyết dày hơn 30 cm và những người ít chuyên tâm vào công việc cũng như những giảng viên ở các văn phòng có cửa sổ đã rời William

James Hall để đi mua bánh mì, sữa, giấy vệ sinh hay về nhà cả rồi.

Nhưng điều bây giờ Alice cần làm là ngừng nhìn chăm chăm ra bên ngoài cửa sổ. Vào buổi chiều cô có cuộc họp thường niên với Hiệp hội Tâm lý học ở Chicago và trước đó cô còn phải giải quyết một tấn các việc khác nữa. Cô nhìn qua danh sách công việc của mình.

Bài đánh giá Tạp chí Nature Neuroscience ✓

Họp phòng ban ✓

Gặp TA ✓

Lớp Triết học

Hoàn thành áp phích cho buổi hội nghị và chạy chương trình.

Chuyến bay

Cô uống nốt ngụm trà đá cuối cùng và bắt đầu nghiên cứu tập bài giảng. Bài giảng hôm nay chủ yếu liên quan đến ngữ nghĩa học, là chuyên ngành thứ ba trong sáu loại ngành của ngôn ngữ học, đây là loạt tiết học ưa thích của cô trong cả khóa. Dù đã giảng dạy suốt hai mươi lăm năm nhưng Alice vẫn luôn dành ra một giờ đồng hồ để chuẩn bị trước khi đến lớp.

Dĩ nhiên, cho đến thời điểm hiện tại trong sự nghiệp giảng dạy của mình, cô có thể cung cấp 75% kiến thức của bất kỳ bài giảng mà không cần suy nghĩ về chúng. Nhưng 25% còn lại phụ thuộc vào sự hiểu biết, kỹ năng tư duy sáng tạo và quan trọng là các ý rút ra từ những tranh luận về những thứ cô đang tìm hiểu trong lĩnh vực này. Và Alice đã sử dụng thời gian trước khi đến lớp một cách rất hợp lý để chỉnh sửa, trau chuốt từng chi tiết cho bài giảng mới của mình. Tất cả những việc này luôn thúc đẩy cô, làm cô càng ngày càng đam mê hơn với công việc giảng dạy và có tinh thần trách nhiệm hơn trong việc đến lớp.

Các giảng viên ở Harvard chú trọng vào hoạt động nghiên cứu nên hầu như cả sinh viên và giám hiệu rất ít khi quan tâm

tới chất lượng bài giảng. Riêng với Alice, cô đặt nhiều tâm huyết vào bài giảng bởi cô có niềm tin rằng đây là nghĩa vụ cũng như cơ hội để truyền cảm hứng cho những thế hệ kế tiếp theo học lĩnh vực này, hay chí ít cũng vì mong vị lãnh đạo tiếp theo sẽ không có tư-tưởng-tuyệt-vời là thay Tâm lý học bằng Khoa học Chính trị. Thêm nữa, chỉ đơn giản vì cô thích giảng dạy mà thôi.

Khi đã chuẩn bị xong cho buổi lên lớp, cô mới kiểm tra hòm thư của mình.

Alice,

Chúng tôi vẫn đang đợi 3 trang trình chiếu của cô để thêm vào buổi nói chuyện của Michael: một sơ đồ về tìm kiếm từ ngữ, một mẫu phim hoạt hình ngôn ngữ, và một văn bản. Thứ Năm lúc 1 giờ mới diễn ra buổi nói chuyện, nhưng tốt nhất là anh ấy nên cho các trang trình chiếu của cô vào trong bài thuyết trình càng sớm càng tốt, để đảm bảo nội dung ổn và không vượt quá thời gian cho phép. Cô có thể gửi chúng qua email cho tôi hoặc Michael.

Chúng tôi đang ở Hyatt. Hẹn gặp cô tại Chicago.

Trân trọng, Eric Greenberg

Trong đầu Alice như có một chiếc bóng đèn nguội lạnh và cũ kỹ chột lóe sáng. Đó là cái tên Eric bí ẩn trong danh sách những việc cần làm của cô hồi tháng trước. Có nghĩa là không phải Eric Wellman. Cái tên ngay lập tức nhắc cô gửi email những trang trình chiếu ấy cho Eric Greenberg, một đồng nghiệp cũ ở Harvard hiện đang làm giáo sư khoa Thần kinh ở Princeton. Alice và Dan đã cùng hoàn thành ba trang trình chiếu mô tả một thí nghiệm nhanh mà Dan và Eric cộng tác trong phần nghiên cứu hậu tiến sĩ của Michael, nó được đưa vào bài thuyết trình của Michael ở buổi Hội thảo Tâm lý học. Alice ngay lập tức gửi email các trang trình chiếu cùng với lời xin lỗi chân thành nhất đến Eric. May thay, anh vẫn còn nhiều thời gian để nhận chúng nên không có gì đáng lo ngại.

CŨNG NHƯ MỌI THỨ KHÁC Ở HARVARD, khán phòng dành cho khóa học nhận thức của Alice lớn quá mức cần thiết. Những chiếc ghế bọc vải màu xanh bố trí như một đấu trường có hàng trăm chỗ ngồi, nhiều hơn hẳn số sinh viên theo học trong lớp. Cả một trung tâm nghe nhìn công nghệ cao ở phía cuối phòng, và một màn hình máy chiếu to như ở các rạp chiếu phim. Trong lúc ba người đàn ông loay hoay cắm đủ thứ dây cáp vào máy tính của Alice và kiểm tra âm thanh, ánh sáng, đám sinh viên rảo bước đi vào. Alice mở thư mục “Lớp Ngôn ngữ học” trên máy tính xách tay của cô.

Trong đó chứa sáu tệp: “Lĩnh hội ngôn ngữ”, “Cú pháp học,” “Ngữ nghĩa học,” “Nhận thức học”, “Mô hình hóa” và “Bệnh lý học”. Alice đọc các tiêu đề lần nữa. Cô không nhớ được hôm nay cô phải giảng phần nào. Cô vừa mới dành thời gian để nhìn qua các chủ đề này cách đây không lâu mà giờ không thể nhớ nổi. Chúng đều trông quen thuộc đối với cô, nhưng không có môn nào ấn tượng hơn môn nào.

Kể từ khi gặp Bác sĩ Moyer, mỗi khi Alice quên gì đó, cô lại có linh cảm xấu. Không giống như việc cô quên chỗ cô để chiếc sạc điện thoại BlackBerry hay chỗ John để kính, chuyện này không hề bình thường. Bằng một giọng ngập ngừng đầy đau đớn, cô bắt đầu tự nói với chính mình rằng có thể cô bị một khối u não. Cô cũng tự nhủ không được làm John lo lắng hay hoảng sợ cho tới khi nghe thông báo chi tiết hơn từ bác sĩ Moyer. Không may là cô phải đợi đến tuần sau, cũng là khi Hội thảo Tâm lý học kết thúc.

Quyết tâm vượt qua thời gian khó khăn này, cô hít một hơi thật sâu, thở ra đầy tuyệt vọng. Mặc dù cô không nhớ chủ đề của bài giảng ngày hôm nay, nhưng cô vẫn nhớ các học viên của mình.

“Có ai cho tôi biết giáo trình hôm nay nói về điều gì không?”
– Alice hỏi cả lớp.

Vài sinh viên cất tiếng không đều, hợp thành âm thanh “Ngữ nghĩa”.

Cô đã dự đoán chuẩn xác về việc ít nhất có vài sinh viên sẽ chớp lấy cơ hội thể hiện sự hiểu biết của mình. Cô cũng chẳng lo họ sẽ khiếp sợ hay cảm thấy lạ lùng khi cô không biết chủ đề của tiết học hôm nay. Luôn tồn tại một khoảng cách lớn vô hình về tuổi tác, kiến thức và năng lượng giữa các sinh viên và giáo sư.

Hơn nữa, trong suốt học kỳ, các sinh viên đã thật sự ấn tượng bởi khả năng giảng dạy và sức ảnh hưởng của cô đối với khóa học Ngữ văn. Nếu có ai đó phát hiện ra điều gì bất thường thì họ có lẽ sẽ nghĩ rằng cô đã quá chuyên tâm cho các phần học khác đến mức không có thời gian để lướt qua giáo trình Tâm lý học trước khi đến lớp. Chỉ một vài người biết cô đã dành những phút cuối cùng để tập trung hoàn toàn cho phần ngữ nghĩa.

BUỔI SÁNG NẮNG ẤM ĐÃ CHUYỂN SANG BUỔI ĐÊM đầy mây mù và sương lạnh, giống như một kiểu hẹn hò với mùa đông. Một cơn mưa nặng hạt đêm hôm trước đã làm rụng hết những chiếc lá còn sót lại trên cành, chỉ còn những thân cây trơ trụi, trông quá hợp cảnh với tiết trời mùa đông. Tận hưởng sự ấm áp trong chiếc áo lông cừu, Alice dành thời gian đi bộ về nhà, thưởng thức không khí mùa thu lạnh giá và âm thanh rộn rã từ bước chân của cô như xuyên qua tầng tầng lớp lớp lá.

Đèn trong nhà đã được bật, túi và giày của John để ở chiếc bàn cạnh cửa.

“Anh ơi? Em về rồi” – Alice lên tiếng.

John dừng nghiên cứu bài giảng và quay lại nhìn cô chằm chằm, anh bối rối và không biết nói gì. Alice nhìn lại và chờ đợi, cảm thấy lo lắng rằng sắp có gì đó khủng khiếp. Đầu óc cô nghĩ ngay đến con mình. Cô vẫn đứng ở cửa, chuẩn bị tinh thần cho tin tức khủng khiếp đó.

“Em không phải đang ở Chicago sao?”

“À, ALICE, MỌI XÉT NGHIỆM MÁU CỦA CÔ BÌNH THƯỜNG, và MRI của cô cũng tốt” – bác sĩ Moyer nói. – “Chúng ta có thể

làm một trong hai chuyện. Chúng ta có thể chờ đợi xem mọi thứ thế nào, xem xét giấc ngủ hay hành động của cô trong vòng ba tháng, hoặc...”

“Tôi muốn gặp một bác sĩ thần kinh.”

THÁNG MƯỜI HAI, NĂM 2003

Trong đêm tiệc diễn ra tại nhà Eric, bầu trời giăng kín mây âm u như sắp sửa có tuyết rơi. Alice cũng đã hy vọng điều đó xảy ra. Không hiểu sao những đứa trẻ có thể dự đoán được chính xác về cơn tuyết đầu mùa. Bây giờ đang là tháng mười hai, giống như hầu hết người dân New England, cô luôn mong nhanh chóng đến tháng hai, trời đang trở nên lạnh buốt khiến cô bất đắc dĩ phải dùng tới cái xẻng cùng đôi giày đáng nguyên rủa này, mùa đông thật sự nhàm chán, không giống như sắc màu hồng phấn và vàng điểm xanh của mùa xuân. Nhưng trong tối nay, tuyết bỗng nhiên thật đáng yêu.

Mỗi năm vợ chồng nhà Eric, Marjorie đều tổ chức một bữa tiệc cho khoa Tâm lý học tại nhà của họ. Chẳng có gì đặc biệt trong đêm tiệc này ngoại trừ vài khoảnh khắc nhỏ khiến Alice có năm mơ cũng không nghĩ tới: Trong phòng khách có sinh viên và giảng viên ngồi kín các ghế bành và sofa, Eric ngồi thoải mái trên sàn nhà, Kevin và Glen thì vật lộn với trò trao đổi quà Yankee để lấy con búp bê Grinch, rồi cả cuộc tranh giành mấy miếng bánh kem pho-mát huyền thoại của Marty.

Đồng nghiệp của Alice có người tài giỏi, kẻ thì kỳ quặc, người ưa làm từ thiện, kẻ thích chứng tỏ bản thân, người thì cầu tiến, người luôn khiêm tốn... nhưng họ vẫn là một gia đình. Alice cho rằng mình có suy nghĩ này vì mất mẹ và em gái từ sớm. Mà cũng có thể Alice có suy nghĩ này vì càng lớn tuổi người ta có xu hướng tìm kiếm các giá trị tinh thần như sự đồng điệu cảm xúc và nơi nương tựa an toàn. Chỉ là một phần nhỏ, nhưng cũng mang lại nhiều điều hơn cho cuộc sống mỗi người.

Mối quan hệ của họ còn hơn cả những đồng nghiệp bình thường. Niềm vui chiến thắng vì phát hiện mới, được thăng chức hay xuất bản bài nghiên cứu họ đều kỉ niệm cùng nhau, không chỉ vậy, ngay cả dịp đám cưới, sinh con và những thành quả mà con cháu họ đạt được. Họ đi cùng nhau đến các cuộc hội thảo trên khắp thế giới, trải qua bao nhiêu cuộc họp xen vào những kì nghỉ gia đình. Và các gia đình đều như nhau, không phải lúc nào mọi thứ cũng diễn ra tốt đẹp và ngọt ngào. Họ đã giúp đỡ nhau vượt qua những tháng ngày khủng hoảng, khi không nhận được hỗ trợ kinh phí, vượt qua những lúc tự ti đến bất lực, qua bệnh tật và cả những cuộc ly thân.

Nhưng trên hết, họ đồng hành cùng nhau trong nhiệm vụ thấu hiểu về tâm lý của con người, chẳng hạn về cơ chế của hành vi lái xe, sử dụng ngôn ngữ, tình cảm cảm xúc và thậm chí là cảm giác thèm ăn. Trong khi giấc mơ không tưởng của cuộc nghiên cứu này là để thể hiện tài năng và uy danh cá nhân thì mọi người lại đặt trọng tâm là sự nỗ lực cùng hợp tác để tìm ra những thứ có giá trị và đem đến cho thế giới. Chính mong muốn này khiến cuộc sống của họ trở nên kỳ lạ, cạnh tranh, đấu trí và đạt được vinh dự. Sau cùng họ vẫn luôn ở bên nhau.

Bánh kem pho-mát đã hết, Alice chộp lấy chiếc bánh su kem nóng hổi cuối cùng và tìm John. Cô thấy anh đang trò chuyện với Eric và Marjorie ngoài phòng khách. Dan cũng vừa đến.

Dan giới thiệu với mọi người về người vợ mới cưới, cô ấy tên Beth và họ dành cho nhau những cái bắt tay để chúc mừng thật nồng nhiệt. Marjorie hiểu khách đang giữ áo khoác cho hai vợ chồng họ. Dan trông khá chỉnh tề trong bộ comple thắt cravat, còn Beth diện một chiếc váy dài màu đỏ duyên dáng. Có vẻ như đây là lần đầu tiên họ đi cùng nhau đến dự một bữa tiệc nên hai người khá quan tâm về vấn đề trang phục và còn đến muộn nữa. Eric đưa đồ uống cho họ.

“Tôi cũng muốn một ly” – Alice nói, ly vang trên tay cô vẫn còn hơn một nửa.

John trò chuyện với Beth, anh hỏi cô thích một cuộc sống hôn nhân như thế nào. Dù chưa từng gặp mặt, nhưng Alice cũng

biết một chút về Beth thông qua Dan. Khi Dan được nhận vào Harvard thì hai người họ về ở chung với nhau. Beth sống ở Atlanta, điều thú vị là cô gái ấy chấp nhận chuyện yêu xa và tin vào lời hứa hôn nhân sau khi tốt nghiệp của Dan. Nhưng ba năm sau, Dan vô tư nói rằng việc học của cậu có thể sẽ kéo dài đến sáu, bảy năm, vậy mà mối tình vẫn cứ tiếp diễn. Họ vừa cưới nhau vào tháng trước.

Alice cần dùng nhà vệ sinh. Trên đường đi, cô dừng lại ở một hành lang dài nối giữa khu nhà cũ và khu nhà mới, uống cạn ly rượu và ăn nốt chiếc bánh su, ngắm nhìn gương mặt với nụ cười hạnh phúc của những đứa trẻ nhà Eric qua các bức tranh trên tường. Sau khi dùng xong phòng vệ sinh, cô đi trong vô định rồi dừng lại ở phòng bếp, tự rót cho mình một ly vang, và tách mình khỏi cuộc trò chuyện huyền ảo giữa những bà vợ của các giảng viên.

Các bà vợ sóng vai nhau cùng tiến về nhà bếp, họ thân với nhau đến mức biết về các nhân vật trong câu chuyện của nhau, cùng khen ngợi và trêu chọc nhau, cười đùa thoải mái. Họ cũng cùng nhau mua sắm, cùng tham gia hoạt động và câu lạc bộ. Còn Alice thân với những ông chồng của họ, điều đó đẩy cô xa cách với họ. Cô chủ yếu ngồi uống rượu và lắng nghe, gật đầu và mỉm cười theo, hoàn toàn không bận tâm, giống như việc chạy trên máy chạy bộ thay vì trên một con đường thực tế.

Cô rót rượu cho đầy ly rồi lén rời khỏi nhà bếp, ra đến phòng khách thì thấy John vẫn đang nói chuyện với Eric, Dan và cô gái mặc váy đỏ. Alice đứng cạnh chiếc đàn piano của Eric, cô đưa ngón tay nhấn xuống phím đàn trong khi lắng nghe họ trò chuyện. Mỗi năm, Alice đều mong sẽ có ai chơi đàn, nhưng chẳng có ai làm thế cả. Cô và Anne đã học đàn nhiều năm, nhưng giờ cô chỉ nhớ “Baby Elephant Walk” và “Turkey in the Straw” mà không có bản nhạc và chỉ chơi bằng tay phải. Có lẽ người phụ nữ trong chiếc váy đỏ lạ thường kia sẽ biết chơi.

Tại một khoảng lặng của cuộc trò chuyện, ánh mắt của Alice và người phụ nữ váy đỏ vô tình chạm nhau.

“Xin thứ lỗi, tôi là Alice Howland. Tôi không nghĩ là chúng ta đã từng gặp nhau rồi.”

Người phụ nữ có vẻ căng thẳng, nhìn Dan trước khi trả lời. “Tôi tên Beth.”

Cô ấy trông trẻ như một sinh viên đại học. Cô nhớ Marty đã nói rằng anh sẽ thuê một hậu tiến sĩ mới, một phụ nữ. Và đến tháng mười hai thì cô cũng phải tìm bằng được một người để hỗ trợ cô nghiên cứu, cho dù đó chỉ là sinh viên năm nhất.

“Cô có phải là hậu tiến sĩ mới của Marty?” – Alice hỏi.

Người phụ nữ nhìn Dan lần nữa. “Tôi là vợ của Dan.”

“Ôi, thật là vui khi cuối cùng cũng được gặp cô, mừng hạnh phúc hai người!”

Không một ai lên tiếng. Eric nhìn chăm chăm vào mắt John, liếc qua ly rượu trên tay Alice rồi lại nhìn John đầy ẩn ý. Alice không hiểu hành động đó của Eric là ý gì.

“Có chuyện gì vậy?” – Alice hỏi.

“Em biết không em yêu, anh nghĩ là bây giờ đã trễ rồi, mai anh còn phải dậy sớm. Em thấy thế nào nếu giờ chúng ta ra về?” – John hỏi.

Khi họ rời khỏi nhà Eric, cô định hỏi John về ánh mắt liếc nhìn khó hiểu kia của Eric, nhưng cô bị phân tâm bởi vẻ đẹp dịu dàng của những bông tuyết đã rơi thưa đi khi họ vào bên trong xe, và cô quên ngay.

BA NGÀY TRƯỚC LỄ GIÁNG SINH, ALICE ngồi trong phòng đợi của khoa Thần kinh tại Bệnh viện Đa khoa Massachusetts ở Boston. Cô vờ như đang đọc quyển *Tạp chí Y khoa*, nhưng thực ra cô đang quan sát những người khác. Họ đều đi theo cặp. Một phụ nữ khoảng 70 tuổi ngồi bên cạnh bà cụ tầm 90 tuổi, có thể đó là hai mẹ con. Một phụ nữ khác với mái tóc dày, đen một cách không tự nhiên, trên người đeo nhiều trang sức bằng vàng đang nói chuyện lớn tiếng và ề ề bằng chất giọng vùng Boston, kế bên là cha cô ta, ông ấy đang ngồi trên xe lăn và không bao giờ rời

mắt khỏi đôi giày trắng tinh đang đi dưới chân. Còn có một người phụ nữ với mái tóc bạc, người trông xương xẩu đang lật nhanh các trang tạp chí, Alice cá là cô ta chẳng thể đọc được bất cứ điều gì, bên cạnh cô ta là gã đàn ông có thân hình quá khổ với mái tóc hợp thời đang nhịp nhịp bàn tay phải. Có lẽ họ là một cặp vợ chồng.

Alice không biết phải chờ đến bao giờ mới được gọi tên. Ông bác sĩ có khuôn mặt nhẵn nhụi và mái đầu hói kia là Davis. Ông ấy đeo kính gọng màu đen, mặc chiếc áo blouse trắng, khuy không cài hết. Trông ông ta có vẻ mập hơn lúc trước, phần thân dưới sồ sề như chực thoát ra khỏi chiếc áo, nhắc Alice nhớ tới lời nhận xét của Tom về sự thiếu chú ý đến sức khỏe của bản thân các bác sĩ. Anh ngồi sau bàn làm việc và mời cô ngồi đối diện anh.

“Nào Alice, nói tôi biết đã có chuyện gì xảy ra.”

“Tôi đang gặp nhiều vấn đề liên quan đến khả năng ghi nhớ và ở độ tuổi 55 thì điều này không bình thường chút nào. Tôi bị quên nội dung bài giảng, không nhớ những cuộc trò chuyện, tôi phải đặt ‘lớp Nhận thức’ lên danh sách việc cần làm nếu không tôi sẽ quên đi dạy, tôi hoàn toàn quên đến sân bay cho buổi hội nghị ở Chicago và lỡ chuyến bay. Trong vài phút ở quảng trường Harvard, tôi cũng không biết nơi mình đang đứng là đâu dù tôi đi qua đó mỗi ngày.”

“Chuyện như thế xảy ra bao lâu rồi?”

“Từ tháng chín, có lẽ là trong dịp hè.”

“Alice, cô có đến đây cùng với ai khác không?”

“Không.”

“Được rồi. Trong thời gian tới, cô phải thường xuyên đi cùng một người thân hoặc cần một ai đó luôn ở bên cạnh. Cô đang gặp vấn đề về trí nhớ nên những thông tin cô cung cấp có thể chưa hoàn toàn chính xác.”

Thật xấu hổ, Alice thấy mình giống như một đứa con nít. Cái cụm từ “trong thời gian tới” làm cô bối rối, ám ảnh cô nhiều đến mức giống như chiếc vòi nước cứ rỉ từng giọt không ngừng.

“Được thôi” – cô đáp.

“Cô có dùng bất kỳ loại thuốc nào không?”

“Không, chỉ có vitamin tổng hợp thôi.”

“Có dùng thuốc ngủ, thuốc giảm cân hay bất kỳ loại nào khác không?”

“Không.”

“Cô có uống nhiều rượu không?”

“Không nhiều lắm. Một hoặc hai ly cho bữa tối.”

“Cô có ăn chay không?”

“Không.”

“Cô có từng bị chấn thương ở đầu không?”

“Không.”

“Cô có thực hiện cuộc phẫu thuật nào chưa?”

“Chưa hề.”

“Giấc ngủ của cô thì sao?”

“Hoàn toàn ổn.”

“Cô có từng bị trầm cảm chưa?”

“Không, kể từ thời niên thiếu.”

“Mức độ áp lực của cô thế nào?”

“Chuyện thường thôi, tôi chịu được áp lực trong công việc.”

“Nói tôi nghe về bố mẹ cô. Sức khỏe của họ thế nào?”

“Mẹ và chị gái tôi chết trong một tai nạn xe hơi hồi tôi mười tám tuổi. Cha tôi chết vì bệnh gan vào năm ngoái.”

“Viêm gan?”

“Xơ gan. Ông là một kẻ nghiện rượu.”

“Ông ấy bao nhiêu tuổi?”

“Bảy mươi mốt.”

“Ông ấy có bất kỳ vấn đề nào khác liên quan đến sức khỏe không?”

“Tôi thật sự không biết. Nhiều năm liền tôi không gặp mặt ông ấy.”

Và khi bà qua đời, ông trở nên suy sụp, nghiện rượu.

“Còn những thành viên khác thì sao?”

Cô thuật lại mớ kiến thức hạn chế về lịch sử bệnh tật của đại gia đình mình.

“Được rồi. Tôi sẽ đưa ra cho cô một cái tên và địa chỉ, cô hãy nhắc lại cho tôi nghe. Sau đó chúng ta cùng làm một vài bài kiểm tra khác rồi cuối cùng cô nhắc lại tên và địa chỉ một lần nữa. Cô nghe kỹ nhé, John Black, số nhà 42 đường West, Brighton. Cô nhắc lại được không?”

Alice lặp lại tên và địa chỉ.

“Cô bao nhiêu tuổi?”

“Năm mươi.”

“Hôm nay là ngày mấy?”

“23 tháng Mười Hai, năm 2003.”

“Bây giờ là mùa gì?”

“Mùa đông.”

“Cô đang ở đâu?”

“Tầng tám, khoa Thần kinh tại Bệnh viện Đa khoa Massachusetts.”

“Cô có thể đọc tên những con đường ở gần đây chứ?”

“Cambridge, Fruit, Storrow Drive.”

“Được rồi, giờ là lúc nào?”

“Gần trưa.”

“Bắt đầu từ tháng Mười Hai, hãy đọc lùi tên tháng.” Cô trả lời được.

“Đếm ngược từ một trăm, mỗi số cách nhau sáu đơn vị.” Ông bảo cô dừng lại ở con số bảy mươi sáu.

“Cho tôi biết tên những vật này.”

Ông đưa cho cô xấp thẻ có hình vẽ chì.

“Cái vông, bộ lông, chìa khóa, cái ghế, cây xương rồng, găng tay.”

“Được rồi, trước khi nhìn ra cửa sổ, cô hãy chạm má phải bằng tay trái.”

Cô làm theo lời vị bác sĩ.

“Cô có thể viết một câu về thời tiết hôm nay trên tờ giấy này không?”

Cô viết: “Đó là một buổi sáng mùa đông đầy nắng nhưng se lạnh.”

“Bây giờ, vẽ một đồng hồ chỉ bốn giờ kém hai mươi.”

Cô vẽ ra một chiếc đồng hồ như yêu cầu.

“Và sao chép họa tiết này.”

Ông cho cô xem hình ảnh của hai ngũ giác giao nhau.

Cô sao chép chúng.

“Được rồi, Alice, bỏ chúng lên bàn đi. Chúng ta sẽ tiến hành một bài kiểm tra thần kinh.”

Alice dõi theo chiếc đèn bút đang rơi vào mắt mình, cô gõ nhanh các ngón cái và ngón trỏ với nhau, bước đi bằng gót chân cho đến những ngón chân theo một đường thẳng. Cô làm mọi thứ dễ dàng và nhanh chóng.

“Được rồi, cho tôi biết tên và địa chỉ mà tôi đã nói lúc trước.”

“John Black...”

Cô dừng lại và quan sát gương mặt của bác sĩ Davis. Cô không thể nhớ được địa chỉ. Điều này là sao? Có lẽ cô đã không đủ tập trung.

“Ở Brighton, nhưng tôi không tài nào nhớ tên đường.”

“Được rồi, là số nhà 24, 28, 42 hay 48?”

Cô không biết.

“Đoán thử xem.”

“48.”

“Đường North, South, East hay West?”

“Đường South?”

Khuôn mặt và cử chỉ của ông không cho biết cô đoán đúng hay sai, nhưng nếu cô đoán lại lần nữa, hẳn nó sẽ sai.

“Được rồi, Alice, chúng ta phải xét nghiệm máu và MRI của cô gần đây. Tôi muốn cô thử máu và chọc dò tủy sống. Khoảng bốn đến năm tuần nữa cô hãy trở lại đây, sẽ có buổi hẹn kiểm tra thần kinh trước khi gặp tôi.”

“Anh nghĩ chuyện gì đang xảy ra? Liệu có phải chỉ là đăng trí thông thường không?”

“Tôi không nghĩ thế đâu Alice, nhưng chúng ta cần phải xem xét thêm.”

Cô nhìn thẳng vào mắt ông ấy. Một đồng nghiệp của Alice đã từng nói rằng nếu nhìn chăm chăm vào mắt người khác hơn sáu giây mà họ không nhìn ra nơi khác hay nhấp nháy mắt thì chứng tỏ họ có ham muốn tình dục hoặc muốn giết người. Theo lẽ thì cô không tin điều này, nhưng nghe cũng khá thú vị nên cô đã thử kiểm tra với bạn bè và cả người không quen biết. Hết sức ngạc nhiên, ngoài John ra thì mọi người đều nhìn đi nơi khác trước khi sáu giây trôi qua.

Bác sĩ Davis nhìn xuống bàn sau bốn giây. Tức là ông ta không muốn giết chết hay xé quần áo cô, nhưng điều cô lo chính là một điều gì khác không nằm trong hai điều trên. Cô sẽ phải thực hiện nội soi, làm xét nghiệm, chụp quét cắt lớp và được kiểm tra, nhưng cô đoán ông không cần phải xem xét gì thêm. Cô đã kể lại câu chuyện của mình, và cô không tài nào nhớ được địa chỉ của John Black. Ông ta hẳn đã biết chính xác chuyện gì đang diễn ra.

ALICE ĐÓN BUỔI SÁNG Giáng Sinh trên ghế dài, nhâm nhi một tách trà và xem album ảnh. Qua nhiều năm, cuốn album mỗi lúc một dày lên. Cô luôn cẩn trọng lưu giữ từng khoảnh khắc diễn ra trong đời mình, nhưng cô không dán tem ghi chú bức ảnh nào cả. Điều đó không quan trọng vì cô vẫn biết hết về chúng.

Đây là Lydia hồi hai tuổi; Tom lúc sáu tuổi; và Anna khi lên bảy tuổi, bức này chụp ở bãi biển Hardings trong kỳ nghỉ hè đầu tiên của họ tại nhà Cape. Anna chơi ở một đội bóng đá thanh

niên trên sân bóng Pequossette. Cô và John ngồi trên bãi biển Seven Mile ở đảo Grand Cayman.

Cô không chỉ nhớ tuổi mỗi người trong ảnh mà cô còn có thể giải thích từng bức ảnh một cách chi tiết nhất. Có những bức ảnh mà người ngoài chỉ đoán được chúng chụp ở đâu, gồm những ai, nhưng cô thì lại biết tường tận cả những góc khuất không hiện lên trong ảnh.

Lydia trong buổi khiêu vũ đầu tiên, con bé mặc một bộ diễn phục màu xanh phấn, trông khá ngứa ngáy khó chịu. Lúc này là ở nhiệm kỳ trước, Anna học trung học và xin nói thêm là Tom đang tương tự một cô gái trong đội bóng chày, còn John ở Bethesda, đang tận hưởng kì nghỉ phép năm.

Điểm duy nhất làm khó cô chính là những bức ảnh thời bé của Anna và Lydia, chúng đều có khuôn mặt bầu bĩnh, trông hoàn toàn giống nhau. Tuy nhiên, cô có thể tìm thấy chút chi tiết để nhận ra chúng. Trông bộ ria mép cong đặc trưng của John thì có thể bức ảnh này chụp vào năm 1970. Đứa trẻ anh ấy bế hẳn là Anna.

“John, đây là Anna hay Lydia?” – Cô hỏi, đưa tấm ảnh đứa trẻ cho John xem.

Anh rời mắt khỏi cuốn tạp chí, chỉnh cặp kính và nhìn sang.

“Tom hả?”

“Anh yêu, cô bé mặc bộ áo liền quần màu hồng cơ mà. Đó là Lydia.”

Cô kiểm tra ngày chụp của chiếc máy Kodak. 29 tháng Năm, 1982. Lydia.

“Ừ nhỉ.”

Anh đẩy cặp kính của mình lên sống mũi và tiếp tục đọc.

“John, em nghĩ mình nên nói chuyện với nhau về những lớp học diễn xuất của Lydia.”

Anh nhìn lên, đánh dấu trang đang đọc dở rồi đặt quyển tạp chí lên bàn, gấp kính lại và ngả người tựa vào lưng ghế. Anh biết việc này sẽ khá mất thời gian.

“Em nói đi.”

“Em nghĩ chúng ta không nên ủng hộ mọi thứ nó muốn, và em rất không đồng tình với việc anh lén lút trả tiền học phí cho nó sau lưng em.”

“Anh xin lỗi, em đã đúng, anh định nói với em, nhưng vì anh bận quá nên quên mất, em có thể hiểu được mà. Mà anh không đồng tình với em chuyện này, anh vẫn sẽ làm theo cách của anh. Chúng ta không cùng quan điểm.”

“Hai chuyện này không liên quan.”

“Có liên quan đây. Em không thích những gì con nó chọn.”

“Đây không phải trong phim. Nó không học đại học. Cánh cửa tuổi trẻ của nó sẽ nhanh chóng đóng lại, và John, anh đang khiến điều đó trở nên dễ dàng hơn.”

“Nó không muốn học đại học.”

“Em nghĩ nó chỉ muốn nổi loạn để chống lại chúng ta.”

“Anh không nghĩ những gì con bé làm là để chống lại chúng ta hay điều chúng ta muốn hoặc không muốn ở nó.”

“Em chỉ muốn nó tốt hơn.”

“Nó làm việc chăm chỉ, nó hứng thú và nghiêm túc với những gì đang làm, nó hạnh phúc. Đó là tất cả những gì chúng ta muốn ở nó.”

“Điều chúng ta cần làm là phải cho lũ trẻ biết về cuộc sống này. Em thật sự lo rằng nó sẽ bỏ lỡ những thứ quan trọng. Tiếp xúc với nhiều loại người khác nhau, khác về cách nghĩ, những cơ hội, thử thách... Chúng ta đều gặp được ở trong trường đại học.”

“Nó đều gặp những thứ ấy rồi.”

“Chẳng giống nhau chút nào.”

“Vậy thì khác nhau. Anh nghĩ việc trả học phí cho nó là điều hợp lý. Anh xin lỗi vì không nói ra, nhưng thật khó để nói với em chuyện này. Em thậm chí chẳng lung lay.”

“Anh cũng vậy.”

Anh liếc nhìn đồng hồ ở trên lò sưởi, với tay lấy kính rồi cài lên đầu.

“Anh sẽ tới phòng thí nghiệm khoảng một tiếng, sau đó anh sẽ đón và đưa nó ra sân bay. Em có cần gì khi anh ra ngoài không?” – Anh hỏi khi đã đứng lên.

“Không.”

Họ không nhìn nhau.

“Con bé sẽ ổn thôi, Ali, đừng lo nữa.”

Cô nhú mày lại nhưng không nói bất kỳ điều gì. Cô có thể nói gì được nữa? Hai cha con thông đồng với nhau từ trước và đây là kết quả. John đã lập luận mọi thứ rất logic theo cách nhẹ nhàng nhất, luôn luôn vào vai một phụ huynh được yêu thích, không bao giờ thuyết phục Alice chuyển sang phe kia. Và không có gì mà cô nói ra có thể lay chuyển anh.

John rời khỏi nhà. Cô thả lỏng cơ thể, quay lại với những tấm ảnh. Những đứa con đáng yêu của cô từ khi còn là trẻ sơ sinh, khi mới biết đi, khi dậy thì. Thời gian đã đi đâu mất rồi? Cô giữ bức ảnh của Lydia mà John vừa đoán là Tom. Cô cảm thấy một niềm tin mới và yên tâm về trí nhớ mạnh mẽ của mình. Nhưng tất nhiên, những bức ảnh này chỉ mở ra cánh cửa của một đoạn nào đó trong mớ ký ức xa xôi.

Địa chỉ của John Black thì lại thuộc về kí ức gần đây. Sự chú ý, quá trình nhắc lại, lặp lại chi tiết hoặc cảm xúc trực tiếp là những điều cần thiết để giúp một thông tin trở thành ký ức lâu dài, nếu không thì nó sẽ nhanh chóng bị mờ nhạt và rơi vào lãng quên. Việc tập trung vào các câu hỏi và chỉ dẫn của bác sĩ Davis đã làm cô phân tâm, ngăn cô ghi nhớ hay lặp lại địa chỉ. Dù cái tên đó khiến cô thấy chút sợ hãi và giận dữ, nhưng chuyện hư cấu về John Black hoàn toàn không có ý nghĩa gì với cô trong phòng khám của bác sĩ Davis. Khi rơi vào những hoàn cảnh như thế này, não bộ ở mức bình thường sẽ khá dễ dàng quên đi. Và một lần nữa, bộ não của cô không hề tầm thường.

Alice nhận thư qua khe cửa trước và nảy ra một ý tưởng. Cô nhìn kỹ từng thứ trên tay: tấm thiệp có hình một đứa bé đội mũ

Giáng Sinh được gửi từ một cựu sinh viên, tờ quảng cáo từ câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ, hóa đơn điện thoại, hóa đơn tiền ga, còn một catalog L.L.Bean. Cô trở lại ghế, uống trà, đặt những quyển album lên kệ và ngồi yên. Tiếng đồng hồ hẹn giờ và tiếng nước rò rỉ từ những bộ tản nhiệt là những âm thanh duy nhất trong nhà. Cô nhìn chăm chăm vào đồng hồ. Năm phút đã trôi qua. Đủ lâu.

Cô nói to mà không nhìn vào mới thư từ: “Tám thiệp hình em bé đội mũ Giáng Sinh, thông tin thành viên phòng thể hình, hóa đơn điện thoại, hóa đơn gas, catalog L.L.Bean.”

Dễ như ăn bánh. Nhưng công bằng mà nói thì thời gian giữa việc trình bày địa chỉ của John Black và khi được yêu cầu thuật lại phải dài hơn năm phút. Cô cần một khoảng thời gian trì hoãn dài hơn.

Cô lấy từ điển trên kệ và đặt ra hai quy tắc để chọn một từ. Nó phải ít phổ biến, một từ mà cô không sử dụng hằng ngày, và nó phải là một từ cô đã biết. Cô đang thử trí nhớ của mình, không phải học thứ gì mới. Cô lật một trang tùy ý của từ điển và đặt ngón tay mình xuống từ “điên loạn”. Cô viết nó lên một mảnh giấy, gấp lại, bỏ vào túi quần và cài bộ đếm thời gian trên lò vi sóng là mười lăm phút.

Khi Lydia còn nhỏ, một trong những cuốn sách mà con bé yêu thích có tên là *Hippos Go Berserk!* Alice đi chuẩn bị cho bữa tối Giáng Sinh. Bộ đếm thời gian phát ra tiếng bíp.

“Điên loạn” – cô không hề do dự hay cần sự trợ giúp của mảnh giấy.

Cô tiếp tục chơi trò chơi này suốt cả ngày, tăng lên ba từ cần nhớ và kéo dài thời gian thử thách tới tận bốn mươi lăm phút. Mặc dù mức độ khó tăng lên, thêm vào sự phân tâm của việc chuẩn bị bữa tối, cô vẫn không mắc lỗi nào. Ông nghe, thiên niên kỷ, con nhím. Cô làm món ricotta raviolis với nước sốt đỏ. Cực âm, quả lựu, lưỡi mắt cáo. Cô trộn salad vào và ướp rau củ. Kim ngư thảo, phim tài liệu, tan biến. Cô cho thịt vào lò nướng và dọn bàn ăn tối.

Anna, Charlie, Tom và John ngồi ở phòng khách. Alice có thể nghe tiếng Anna và John. Từ dưới bếp, cô không đoán được chủ đề, nhưng cô dám chắc đó là một cuộc tranh cãi bởi giọng nhấn mạnh và âm lượng qua lại. Có thể về chính trị. Charlie và Tom đều quan tâm đến nó.

Lydia khuấy nồi rượu táo trên bếp và nói về lớp học diễn xuất. Giữa việc tập trung vào bữa tối, những từ cô phải ghi nhớ, và Lydia, Alice đã không còn tâm trí nào để phản đối hay tranh cãi. Không hề bị ai cắt ngang, Lydia phát biểu một bài độc thoại miễn phí và đầy đam mê về nghề của mình, mặc dù Alice có khuynh hướng chống lại nó, cô cũng không cưỡng lại được sự quan tâm.

“Sau các biểu tượng, ta tiếp tục đặt nghi vấn cho Elijah, ‘Sao là đêm nay chứ không phải đêm khác?’” – Lydia nói.

Bộ đếm thời gian kêu lên. Lydia biết ý bước sang một bên, còn Alice lén nhìn vào lò nướng. Cô chờ đợi một lời giải thích cho việc tại sao lò nướng lại báo dừng khi thịt chưa đủ thời gian để chín cho đến khi khuôn mặt cô trở nên đỏ bừng. Ô. Đó là thời gian để cô lặp lại ba từ trong túi. *Trống tambourine, con rắn...*

“Ta sẽ không bao giờ sống một cuộc đời như đã sắp đặt trước, các nguyên tắc luôn được lập ra và rồi bị phá vỡ” – Lydia nói.

“Mẹ ơi, đồ khui rượu ở đâu vậy?” – Anna hét lên từ phòng khách.

Alice đấu tranh nội tâm để phớt lờ tiếng kêu la của con gái, đầu óc cô đã được tập luyện để nghe tất cả các âm thanh có trên đời này, và cả tiếng nói bên trong mình, lặp đi lặp lại hai từ đấy như một câu thần chú.

Trống tambourine, con rắn, trống tambourine, con rắn, trống tambourine, con rắn.

“Mẹ à?” – Anna hỏi.

“Mẹ không biết nó ở đâu, Anna! Mẹ đang bận, con tự tìm xem.”

Trống tambourine, con rắn, trống tambourine, con rắn, trống tambourine, con rắn.

“Nó luôn tiếp tục sông khi mẹ nằm bắt được nó. Điều khiến cho nhân vật của con tiếp tục tồn tại và điều gì sẽ đến với con nếu con không nhập tâm vào vai diễn?” – Lydia nói.

“Lydia, làm ơn, mẹ không muốn nghe về mấy thứ đó vào lúc này” – Alice ngắt lời, thái dương đầm mồ hôi.

“Được thôi” – Lydia nói. Cô quay thẳng về bếp và khuấy mạnh nồi rượu, rõ ràng cô đang bị tổn thương.

Trống tambourine, con rắn.

“Con vẫn không thấy nó!” – Anna hét lên.

“Con tìm giúp chị ấy đây” – Lydia nói.

La bàn! Trống tambourine, con rắn, la bàn.

Thở phào nhẹ nhõm, Alice lấy nguyên liệu cho bánh pudding chocolate trắng và đặt chúng trên bàn bếp – vanilla, nửa ly kem tươi đặc, sữa, đường, chocolate trắng, một ổ bánh mì challah, và nửa tá trứng. Một chục quả trứng? Nếu các mảnh giấy ghi chú về công thức nấu ăn của mẹ cô còn tồn tại thì Alice đang tự hỏi chúng ở đâu. Cô đã không đụng đến nó nhiều năm. Đó là một công thức đơn giản, thậm chí ngon hơn bánh pho-mát của Marty, và cô đã làm nó vào mỗi đêm Giáng Sinh từ khi còn là đứa trẻ. Cần bao nhiêu trứng? Nó phải hơn sáu, hoặc bà chỉ dùng một hộp. Có thể là bảy, tám, hay chín?

Cô cố bỏ qua chuyện mấy quả trứng trong một lúc, nhưng những thành phần khác trông như tiếng nước ngoài. Mẹ cô sử dụng hết kem hay chỉ đông ra một ít? Bao nhiêu đường? Bà ấy kết hợp mọi thứ cùng lúc hay theo một trình tự cụ thể. Bà đã dùng loại chảo nào? Nướng ở nhiệt độ bao nhiêu và trong bao lâu? Không có khả năng nào đúng. Không có thông tin nào ở đây.

Cái quái quỷ gì đang diễn ra với tôi thế?

Cô xem xét lại những quả trứng. Vẫn không có gì. Cô ghét thứ trứng chết tiệt này. Cô cầm một quả trong tay và ném nó mạnh nhất có thể vào bồn rửa chén. Từng quả một, cô đập vỡ hết chúng. Điều này khiến cô tạm thấy thoải mái, nhưng vẫn chưa đủ. Cô cần đập vỡ thứ gì khác, thứ gì đó cần nhiều lực hơn,

thứ gì đó làm cô kiệt sức. Cô nhìn quanh nhà bếp. Đôi mắt cô đầy tức giận và điên cuồng khi thấy Lydia ở ngưỡng cửa.

“Mẹ, mẹ đang làm gì vậy?”

Vụ thẩm sát không chỉ giới hạn ở bồn rửa. Vỏ trứng và lòng đỏ bắn tung toé khắp tường và bàn bếp, mặt tủ loang đầy vết lòng trắng.

“Những quả trứng đã hết hạn. Không có bánh năm nay.”

“Chà, chúng ta phải có bánh chứ, đây là đêm Giáng Sinh mà.”

“Ừ, nhưng không còn trứng nữa, và mẹ quá mệt với cái nhà bếp nóng nực này.”

“Con sẽ đến cửa hàng. Mẹ cứ ra phòng khách nghỉ ngơi, con sẽ làm bánh.”

Alice bước ra phòng khách, hơi chệnh choáng nhưng không còn tràn ngập sự giận dữ, cũng không rõ mình đang cảm thấy bị cướp đoạt hay biết ơn. John, Tom, Anna và Charlie đều đang ngồi trò chuyện, cầm ly vang đỏ. Rõ ràng, ai nấy đều đã tìm thấy sự cởi mở. Với áo khoác và mũ trong tay, Lydia ló đầu vào phòng.

“Mẹ cần dùng bao nhiêu quả trứng vậy?”

THÁNG MỘT, NĂM 2004

Cuối cùng thì cô cũng tìm được lý do chính đáng để hủy buổi hẹn với một nhà tâm lý học thần kinh và bác sĩ Davis vào ngày 19 tháng Một.

Sau khi kết thúc kì nghỉ đông, tuần thi học kì và bài thi cuối kì của lớp Ngôn ngữ học do Alice giảng dạy cũng được xếp lịch thi vào sáng hôm đó. Sự hiện diện của cô dù chẳng mấy quan trọng, nhưng cô thấy hứng thú với ý nghĩ rằng lại một năm nữa qua đi và đây là dịp để cô ngắm nhìn tất cả những sinh viên đã theo học từ buổi đầu đến cuối khóa học này. Với đôi chút miễn cưỡng, cô đã cử một trợ giảng giám sát kỳ thi. Lý do hợp lý hơn là 32 năm về trước, mẹ và em gái cô đã mất vào ngày mười chín tháng Một. Cô không cho rằng mình mê tín như John, nhưng cô chưa bao giờ nhận được tin tốt lành gì vào ngày đó.

Cô đã nhờ lễ tân xếp lịch cho một ngày hẹn khác nhưng không thể, và nếu muốn dời lại thì cô buộc phải đợi tới bốn tuần sau. Vậy nên cô không thể hủy hẹn. Cái ý nghĩ chờ đợi thêm một tháng nữa thật sự không hấp dẫn chút nào.

Cô tưởng tượng ra chuyện khi các sinh viên của cô trở lại trường, chúng sẽ vô cùng lo lắng không biết kì này sẽ ra những câu hỏi gì, rồi vội vàng nhồi nhét vào đầu lượng kiến thức của suốt một học kì trong thời gian ngắn, hy vọng điều đó sẽ không khiến chúng gặp thất bại. Cô hiểu rất rõ chúng đang cảm thấy thế nào. Hầu hết các bài kiểm tra về tâm lý thần kinh được ra vào sáng hôm đó sẽ là: hiệu ứng Stroop, ma trận Raven, kỹ thuật Luria Mental Rotation, trắc nghiệm gọi tên Boston, trắc nghiệm hình ảnh WAIS-R, trí nhớ thị giác Benton, trắc nghiệm nhớ câu chuyện NYU, cô biết rõ điều đó. Bài thi được thiết kế như vậy để

kiểm tra khả năng ngôn ngữ, trí nhớ và quá trình lập luận của sinh viên, dĩ nhiên không có chỗ cho những bộ não yếu kém. Thực ra trước kia cô cũng đã làm qua những bài thi như vậy nhiều lần, nhưng ở vai trò là giáo viên hướng dẫn sinh viên hoàn thành khóa luận tốt nghiệp. Nhưng hôm nay cô không phải là người giám sát, cô là đối tượng bị thử nghiệm.

Việc ghi chép, nhớ lại, sắp xếp và điền thông tin mất hết hai giờ mới xong. Cũng như các sinh viên mà cô đã tưởng tượng, cô cảm thấy nhẹ nhõm và khá tự tin trong chuyện này. Được nhà tâm lý học thần kinh dẫn đường, Alice bước vào văn phòng bác sĩ Davis và ngồi ở một trong hai chiếc ghế được xếp cạnh nhau, đối diện với ông. Davis nhìn chiếc ghế trống bên cạnh cô và thở dài thất vọng. Dù ông chưa nói bất cứ lời nào thì cô cũng biết mình đang gặp rắc rối.

“Alice, không phải lần trước ta đã thống nhất rằng cô sẽ tới đây với ai đó sao?”

“Phải.”

“Được rồi, yêu cầu của bệnh viện này là mỗi bệnh nhân phải đến cùng thân nhân hoặc bạn bè của họ. Tôi không thể điều trị cho cô đúng cách trừ khi tôi biết chính xác chuyện gì đang diễn ra, và tôi không chắc mình có được thông tin gì khi họ không có mặt ở đây cùng cô. Lần tới tôi sẽ không thông cảm nữa đâu Alice, được chứ?”

“Tôi hiểu rồi.”

Lần tới. Mọi sự nhẹ nhõm và tự tin mà cô tự đánh giá mình trong các bài kiểm tra thần kinh đều hoàn toàn bốc hơi.

“Hiện tại tôi đã có kết quả kiểm tra, nên chúng ta có thể thông qua hết. Tôi không thấy điều gì bất thường trong kiểm tra MRI của cô. Không bệnh mạch máu não, không có bằng chứng của đột quỵ, không bị tràn máu não hay các bệnh phổ biến nào khác. Tất cả mọi thứ đều có vẻ ổn. Cả xét nghiệm máu và chọc dò tủy sống đều cho kết quả âm tính. Điều tích cực ở đây là chúng ta có thể tìm thấy mọi bệnh lý phù hợp để giải thích cho những triệu chứng của cô. Thế là, chúng ta đã rõ cô không nhiễm HIV,

ung thư, thiếu vitamin, bệnh ti thể, hay một số bệnh hiếm khác.”

Phần trình bày của ông rất trơn tru, hẳn không phải là lần đầu ông nói về vấn đề thể này. Những “bệnh mà cô mắc” đã đến lúc kết thúc. Cô gật đầu, ra hiệu rằng ông cứ tiếp tục.

“Cô đạt 99% trong việc hoàn thành các lý luận trừu tượng, phân tích không gian và văn phong trôi chảy. Nhưng không may, đây là những gì tôi thấy. Cô có một sự suy giảm trí nhớ không tương xứng với độ tuổi, và nó đã suy giảm đáng kể so với trước đây về mặt chức năng. Tôi biết đây là do những vấn đề cá nhân cô đã gặp phải và qua những mô tả của cô, cũng có thể là do những tác động từ bên ngoài đến cuộc sống công việc. Tôi cũng đã kiểm chứng điều này khi cô không thể nói địa chỉ mà tôi yêu cầu ở lần khám trước. Và mặc dù cô xuất sắc ở mọi lĩnh vực nhận thức thì hôm nay, cô đã cho thấy rất nhiều bất ổn ở hai trong số những nhiệm vụ liên quan đến trí nhớ gần đây. Thực tế là cô chỉ đạt 60% trong bài kiểm tra này.”

“Khi tôi xâu chuỗi tất cả các thông tin này với nhau, Alice, những gì tôi có thể nói cho cô biết là cô có khả năng bị chứng mất trí Alzheimer.”

Chứng mất trí Alzheimer.

Những từ đó như cơn bão ập xuống cô. Chính xác thì ông ta vừa nói cái quái gì thế? Cô lặp lại từng lời của ông trong đầu.

Có khả năng. Đúng, chỉ là “có khả năng” thôi. Điều này cho cô ý chí để hít sâu vào, chớp lấy cơ hội để phản biện lại.

“Vậy thì, ‘có khả năng’ cũng tức là có thể tôi không mắc phải căn bệnh đó.”

“Không, chúng tôi sử dụng cụm từ ‘có khả năng’ là vì chẩn đoán xác định Alzheimer hiện tại cần phải kiểm tra mô học của các mô não, trong đó yêu cầu phải sinh thiết não – đây hẳn không phải là lựa chọn tốt cho cô. Đó là một chẩn đoán lâm sàng. Không có protein suy giảm trí nhớ trong máu của cô để có thể cho chúng tôi biết cô có bị mất trí nhớ hay không và chúng

tôi không hề mong sẽ thấy chứng teo não trên xét nghiệm MRI của cô vào giai đoạn sau.”

Teo não.

“Nhưng không thể thế được, tôi mới năm mươi thôi.”

“Chúng ta thường nghĩ chứng Alzheimer là căn bệnh chỉ ảnh hưởng đến người già, nhưng cũng có mười phần trăm người bệnh khởi phát sớm ở độ tuổi dưới sáu mươi lăm.”

“Có gì khác biệt so với những người già hơn không?”

“Không khác mấy, ngoại trừ nguyên nhân do mối liên kết huyết thống chặt chẽ và nó sẽ biểu hiện bệnh sớm hơn nhiều.”

Mối liên kết huyết thống chặt chẽ. Anna, Tom, Lydia.

“Nhưng nếu anh không chắc chắn tôi đang bị gì, làm sao anh khẳng định tôi mắc chứng Alzheimer?”

“Sau khi nghe cô mô tả những gì đã xảy ra và các bệnh tiền sử, sau kiểm tra định hướng, ghi chép trong sổ, sự chú ý, ngôn ngữ và trí nhớ, tôi khẳng định chín mươi lăm phần trăm là thế. Không có lời giải thích nào khác qua những cuộc kiểm tra thần kinh, máu, dịch não tủy hay MRI, năm phần trăm kia là không có khả năng. Tôi chắc chắn thế, Alice à.”

Alice.

Âm thanh gọi tên cô len lỏi sâu vào từng tế bào và dường như lan ra khắp cơ thể cô. Cô tự nhìn chính mình từ phía góc phòng.

“Vậy nghĩa là gì?” – Cô nghe bản thân mình hỏi.

“Chúng tôi có một vài loại thuốc có thể điều trị chứng Alzheimer mà tôi sẽ kê cho cô bây giờ. Đầu tiên là Aricept, làm tăng khả năng tiết acetylcholine. Thứ hai là Namenda. Nó vừa được phê duyệt vào mùa thu này và đã cho thấy có nhiều hứa hẹn. Không hẳn sẽ chữa khỏi hoàn toàn, nhưng có thể làm chậm sự tiến triển của các triệu chứng, và chúng tôi muốn giúp cô kéo dài thời gian càng lâu càng tốt.”

Thời gian? Còn bao lâu đây?

“Tôi cũng muốn cô dùng vitamin E hai lần một ngày và vitamin C, aspirin, statin một lần một ngày. Cô không có những

dấu hiệu rõ ràng nào liên quan đến bệnh tim mạch, nhưng bất cứ thứ gì tốt cho tim thì cũng sẽ tốt cho não bộ, chúng tôi muốn bảo vệ mọi nơ-ron và tế bào thần kinh hết mức có thể.”

Rồi ông viết những thông tin này xuống một toa thuốc.

“Alice, có ai trong gia đình biết cô đến đây không?”

“Không” – cô lại nghe bản thân lên tiếng.

“Thôi được, cô phải nói với ai đó. Chúng tôi có thể làm chậm tốc độ suy giảm nhận thức, nhưng chúng tôi không thể ngăn chặn hay đảo ngược được. Nó quan trọng đối với sự an toàn của cô, ai đó phải biết cô thường xuyên làm gì. Cô sẽ nói với chồng mình chứ?”

Cô thấy mình gật đầu.

“Tốt rồi. Sau đó cô hãy đọc các quy định, làm theo mọi thứ được chỉ dẫn, gọi cho tôi nếu cô có bất kỳ vấn đề gì về tác dụng phụ, và tái khám định kỳ sáu tháng. Từ nay về sau, cô có thể gọi điện hoặc gửi email cho tôi nếu có bất kỳ thắc mắc gì, và tôi cũng khuyến khích cô liên hệ với Denise Daddario. Cô ấy là nhân viên xã hội ở đây và có thể giúp cô bằng các nguồn lực và hỗ trợ. Tôi sẽ gặp vợ chồng cô vào sáu tháng sau và chúng ta sẽ xem cô làm được những gì.”

Cô tìm kiếm ở đôi mắt tinh anh của ông một điều gì khác. Cô chờ đợi. Cô thấy kỳ lạ khi nhận ra tay mình đang siết chặt thanh kim loại của chiếc ghế. Hai tay của cô. Cô đã không trở thành một mẫu sưu tập thanh tao của các phân tử lơ lửng trong góc phòng. Cô, Alice Howland, đang ngồi trên một chiếc ghế cứng và lạnh, cạnh bên một chiếc ghế trống trong văn phòng của một bác sĩ thần kinh, ở khoa Rối loạn bộ nhớ tại tầng thứ tám của Bệnh viện Đa khoa Massachusetts. Và cô vừa được chẩn đoán mắc chứng Alzheimer. Cô đang tìm kiếm một điều gì khác trong đôi mắt vị bác sĩ, nhưng chỉ thấy sự thật và nỗi cảm thông.

Ngày 19 tháng Một. Không bao giờ có chuyện tốt vào ngày này.

NGÔI TRONG VĂN PHÒNG CỬA ĐÓNG KÍN, cô đọc lướt qua bảng câu hỏi “Các hoạt động hằng ngày” của bác sĩ Davis yêu cầu cô gửi cho John. **Bảng này cần được điền từ người cung cấp thông tin, chứ KHÔNG PHẢI từ bệnh nhân** – điều này đã được in đậm ở dòng trên cùng của trang đầu tiên. Người cung cấp tin, cửa đóng kín, và trái tim đập thình thịch của cô góp phần làm cảm giác tội lỗi thêm rõ rệt, giống như cô đang trốn ở một thành phố Đông Âu, sở hữu tài liệu bất hợp pháp, và cảnh sát đang ở trên đường, còi báo động thì hú âm ỉ.

Các thang đánh giá cho từng hoạt động dao động từ 0 (không có vấn đề, giống như mọi khi) đến 3 (nghiêm trọng, hoàn toàn phụ thuộc người khác). Cô nhìn xuống phần mô tả bên cạnh thang 3 và đoán rằng chúng là dấu hiệu của giai đoạn cuối – như một đoạn đường thẳng tắp và ngắn ngủi mà cô thì đang bị trôi vào một chiếc xe mất thẳng và không người lái đang đi trên con đường đó.

Số 3 là một danh sách đầy hổ thẹn:

Phải được đút ăn hầu hết các loại thức ăn.

Không kiểm soát được việc vệ sinh.

Phải nhờ người khác cho uống thuốc và chích ngừa.

Kháng cự lại người chăm sóc khi được tắm gội.

Không còn làm việc.

Chỉ ở nhà hoặc bệnh viện.

Không thể quản lý tiền bạc.

Không thể ra ngoài mà không có người đi kèm. Xấu hổ, nhưng bộ óc phân tích của cô ngay lập tức nghi ngờ sự liên quan thực sự giữa danh sách này với kết quả cá nhân cô. Trong danh sách này những điều nào là sự tiến triển của chứng bệnh Alzheimer và điều nào là xảy ra do người ta quá lớn tuổi. Những người 80 tuổi không kiểm soát được chức năng cơ thể vì họ mắc chứng Alzheimer hay vì bàng quang của họ đã 80 tuổi. Có lẽ những điều ở thang 3 không dành cho một người như cô – một người còn quá trẻ và khỏe mạnh.

Điều tồi tệ nhất của thứ này nằm dưới tiêu đề “Sự giao tiếp.”

Những phát ngôn khó hiểu.

Không hiểu những gì mọi người đang nói.

Mất khả năng đọc.

Không viết được.

Mất khả năng ngôn ngữ.

Khác với việc chẩn đoán sai, cô không tài nào dựng nên một giả thuyết là hệ miễn dịch của cô sẽ bị xếp vào thang 3. Tất cả đều có thể áp dụng cho ai đó giống cô. Một kẻ mắc bệnh Alzheimer.

Cô nhìn mấy chồng sách và tạp chí trên kệ, đồng bài thi cuối kỳ cần chấm trên bàn, những email trong hộp thư đến và ánh sáng đỏ cứ nhấp nháy trên điện thoại. Cô nghĩ đến những quyển sách mình luôn muốn đọc, những quyển cô trưng bày ở kệ sách trong phòng ngủ, sách gối đầu giường của cô sau này. Moby-Dick. Cô có những nghiên cứu cần thực hiện, bài văn cần viết, bài giảng cần dạy. Mọi thứ cô làm và yêu quý, tất cả mọi thứ của cô, đều cần đến ngôn ngữ.

Những trang cuối cùng của bảng câu hỏi yêu cầu các thông tin để đánh giá mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng mà bệnh nhân gặp phải trong tháng qua: hoang tưởng, ảo giác, kích động, trầm cảm, lo âu, phần chấn, thờ ơ, ức chế, khó chịu, rối loạn vận động lặp lại, giấc ngủ bị gián đoạn, thay đổi thói quen ăn uống. Cô cảm thấy bị thôi thúc muốn điền kín các câu trả lời về bản thân, để chứng minh rằng mình vẫn ổn và những phán đoán của bác sĩ Davis là sai. Song cô nhớ tới lời của ông: Cô có thể không phải là nguồn tin đáng tin cậy cho những gì đang diễn ra. Có thể, nhưng hiện tại cô vẫn nhớ ông ấy đã nói gì. Cô tự hỏi còn bao lâu thì cô sẽ rơi vào tình thế đó.

Phải thừa nhận là kiến thức về bệnh Alzheimer của cô rất sơ sài. Cô biết rằng bộ não của người bệnh Alzheimer bị hạ mức acetylcholine, một chất dẫn truyền thần kinh quan trọng đối với việc học và trí nhớ. Cô cũng biết là vùng hồi hải mã – một cấu trúc nằm bên trong thùy thái dương – rất quan trọng đối với sự hình thành ký ức mới, bị tích tụ thành các mảng và đám rối sợi

thân kinh, mặc dù cô không hiểu chính xác đây là những gì. Cô cũng biết đến chứng mất khả năng định danh, một nhánh bệnh lý liên quan đến lưỡi, là một triệu chứng điển hình khác. Và cô biết rằng ngày nào đó, khi cô nhìn vào gương mặt của chồng, của những đứa con, đồng nghiệp, những gương mặt cô từng biết đến và thương yêu vô vàn, nhưng cô không còn nhận ra họ nữa.

Và cô biết là mọi thứ sẽ không chỉ có vậy. Có nhiều mặt đáng lo ngại hơn cần khám phá. Cô tìm kiếm từ khóa “bệnh Alzheimer” trên Google. Ngón tay của cô vội ấn phím xóa khi có tiếng động bên ngoài cửa. Không có bất kỳ cảnh báo hay đợi cô lên tiếng, cửa bật mở. Cô sợ anh có thể đọc thấy sự choáng váng, lo lắng, quanh co trên khuôn mặt mình.

“Em sẵn sàng rồi chứ?” – John hỏi.

Không, không hề. Nếu cô thú nhận với John như lời bác sĩ Davis dặn, nếu cô đưa anh bảng câu hỏi “Các hoạt động hằng ngày”, mọi thứ sẽ trở thành sự thật. John trở thành người cung cấp tin, Alice sẽ trở thành một bệnh nhân hấp hối, không đủ năng lực. Cô vẫn chưa sẵn sàng để chấp nhận sự thật đó. Chưa phải lúc này.

“Đi nào, còn một tiếng nữa là đóng cửa rồi” – John nói.

“Được rồi” – Alice đáp. – “Em sẵn sàng.”

ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀO NĂM 1831, được xem là khu vực nghĩa trang phi tôn giáo đầu tiên của Mỹ, Mount Auburn bây giờ là một cột mốc lịch sử quốc gia, một vườn ươm nổi tiếng thế giới, phong cảnh làm vườn và cuối cùng, đây là nơi an nghỉ của cha mẹ và em gái Alice.

Đây là lần đầu tiên mà cha cô có mặt vào ngày giỗ sau vụ tai nạn định mệnh, hay nói cách khác là ông đã qua đời, điều đó kích động cô. Trước giờ luôn là cuộc viếng thăm riêng giữa cô và mẹ, em gái. Bây giờ, ông ấy cũng ở đây. Nhưng ông ấy không xứng đáng được vậy.

Họ bước xuống Đại lộ Yew, một phân lớn hơn của nghĩa trang. Mắt và chân của cô dừng lại khi họ đi qua phần mộ quen thuộc của gia đình Shelton. Charles và Elizabeth đã chôn cả ba đứa trẻ ở đây – Susie, chỉ là một – đứa bé, có thể chỉ là cái thai chết non, vào năm 1866; Walter, 2 tuổi, vào năm 1868; và Carolyn, 5 tuổi, vào năm 1874. Alice cố lắm mới dám tưởng tượng nỗi đau của Elizabeth khi tên những đứa con của cô cứ lần lượt khắc trên từng bia mộ. Cảnh Anna u buồn và im lặng ngay trong ngày sinh; Tom mất, có lẽ sau cơn bệnh, còn đang mặc bộ pyjama màu vàng; và Lydia, cứng đờ và thiếu sức sống sau một ngày đầy màu sắc ở nhà trẻ – cô không bao giờ có thể kéo dài những tưởng tượng đó. Các mạch tưởng tượng của cô luôn từ chối các hình ảnh khủng khiếp này, và hình ảnh ba đứa con của cô nhanh chóng trở lại một cách sống động.

Elizabeth ở độ tuổi 38 khi đứa con cuối cùng của cô ra đi. Alice tự hỏi liệu cô có cố gắng có thêm một đứa trẻ nhưng lại không thể thụ thai, hoặc cô và Charles bắt đầu ngủ riêng, lo sợ mọi thứ sẽ quá mạo hiểm và rồi sẽ phải mua thêm một phần mộ mới. Cô tự hỏi liệu Elizabeth, người sống hai mươi năm dài hơn Charles, đến bao giờ mới tìm được bình yên trong cuộc đời.

Họ tiếp tục im lặng khi đứng trước các phần mộ của gia đình Alice. Bia mộ của họ rất đơn giản, như những hộp giày Brobdingnagian bằng đá granite, đứng ở một hàng riêng biệt cạnh tán cây sồi lá tím. Anne Lydia Daly, 1955–1972; Sarah Louise Daly, 1931–1972; Peter Lucas Daly, 1932–2003. Tán sồi với những nhánh thấp chỉ tầm ba mươi mét, khoác lên những chiếc lá xanh tía láng bóng vào mùa xuân, hạ và thu. Nhưng bây giờ, vào tháng Một, cây không có lá, những cành như đúc đen và dài, in bóng méo mó trên các phần mộ, trông chúng thật sự đáng sợ. Mọi đạo diễn phim kinh dị hẳn sẽ thích cảnh tượng này.

John nắm lấy bàn tay đeo găng của cô khi họ đứng dưới gốc cây. Không ai lên tiếng. Trong thời tiết ẩm áp thế này, họ thêm nghe âm thanh của chim chóc, vòi phun nước, toàn bộ âm thanh của xe cộ, và tiếng nhạc radio vang lên từ xe. Hôm nay, nghĩa

trang thật tĩnh lặng so với âm thanh xe cộ ồn ào như thủy triều ngoài cổng.

John đã nghĩ gì khi họ đứng đây? Cô không bao giờ hỏi anh. Anh chưa bao giờ gặp mẹ và em gái cô, thế nên sẽ rất áp lực cho anh khi phải trình bày cảm nghĩ dông dài về chuyện này. Anh suy nghĩ đến cái chết hay linh hồn của chính mình? Hay của cô? Liệu anh có nghĩ đến cha mẹ và chị em mình, những người vẫn còn khỏe mạnh? Hay anh đang đắm chìm trong một thế giới khác, nhớ tới những chi tiết trong cuộc nghiên cứu hoặc mơ về bữa ăn tối?

Làm sao cô có thể mắc chứng Alzheimer? Mỗi liên kết huyết thống chặt chẽ. Liệu mẹ cô sẽ mắc bệnh này nếu bà sống tới năm 50 tuổi? Hay là cha cô?

Khi còn trẻ, ông đã nốc kha khá rượu mà chưa bao giờ say khướt. Dần dần, ông trở nên im lặng và sống nội tâm nhưng luôn đảm bảo những kỹ năng giao tiếp cho việc đặt hàng chai whiskey tiếp theo hay để khẳng định mình thừa sức lái xe. Cũng như cái đêm ông đâm chiếc Buick vào cái cây bên quốc lộ 93, kết thúc sinh mạng của chính vợ và con gái mình.

Thói quen uống rượu của ông không bao giờ thay đổi, nhưng cách ăn ở của ông thì có, vào khoảng mười lăm năm trước. Nói năng vô nghĩa, hiếu chiến, không có thói quen giữ vệ sinh, không biết cô là ai – Alice đã nhầm tưởng những điều này là do rượu đã tác động xấu đến gan và tâm trí ông. Liệu có phải ông đã sống với chứng Alzheimer mà không ai hay biết? Cô không muốn quan tâm và cũng chẳng cần khám nghiệm tử thi, bởi nếu đó là sự thật thì nó sẽ trở thành cái cớ lý tưởng để buộc tội cô đã tệ với cha của mình.

Ồ, cha à, cha hạnh phúc chứ? Con đang thừa hưởng mã ADN thật tệ hại đây. Cha đã giết cả gia đình mình. Cha đang cảm thấy thế nào vậy?

Cô bật khóc, không thể kiểm soát cảm xúc và vô cùng đau khổ – khung cảnh này có vẻ phù hợp với bất kỳ người lạ nào khi thấy cô đứng trước cảnh cha mẹ và em gái mình bị chôn vùi dưới lớp đất, bóng tối bao trùm xuống ngôi mộ cạnh cây sồi kỳ

lạ. Với John lại hoàn toàn là điều bất ngờ. Cô không nhỏ một giọt nước mắt về cái chết của cha từ tháng Hai năm trước, và những nỗi buồn, mất mát về cái chết của mẹ và em gái cô dường như đã nguôi ngoai theo thời gian.

Anh ôm cô mà không hề dỗ dành hay nói bất cứ điều gì, và cứ ôm cô như thế cho đến khi cô thôi khóc. Cô nhận ra nghĩa trang đã đóng cửa từ lúc nào. Cô nhận ra mình có thể đã quá lo cho John. Cô nhận ra dù có khóc cạn nước mắt cũng không làm sạch bộ não bị nhiễm bẩn của mình. Cô áp mặt mình vào khăn choàng của anh và khóc nức nở đến khi kiệt sức.

Anh ôm đầu cô và hôn lên đôi mắt ướt.

“Ali, em ổn chứ?”

Em không ổn đâu John. Em bị chứng mất trí nhớ Alzheimer.

Cô ước mình có thể nói lớn tiếng điều đó, nhưng không. Chúng mắc kẹt trong đầu cô, nhưng không phải bị chặn bởi các mảng và đám rối sợi thần kinh. Chỉ là cô không cách nào nói ra được.

Cô tưởng tượng tên mình sẽ được đặt cạnh mộ của Anne. Cô thà chết còn hơn bị mất trí. Cô nhìn sang John, ánh mắt anh đầy nhẫn nại và đang chờ cô trả lời. Làm sao cô có thể nói với anh về chuyện mình bị Alzheimer đây? Anh yêu tâm trí cô. Sao anh còn yêu cô nếu cô đánh mất nó? Cô quay lại nhìn cái tên Anne khắc trên đá.

“Em chỉ vừa trải qua một ngày rất tồi tệ thôi.”

Cô thà chết còn hơn nói cho anh biết.

CÔ MUỐN GIẾT CHÍNH MÌNH. Suy nghĩ bốc đồng về chuyện tự tử đã đến với tốc độ chóng mặt, rút cạn sinh lực của cô, giam cô vào những ngày tăm tối và tuyệt vọng. Song chúng cũng nhanh thiếu sức chịu đựng và chết khô bởi mối liên kết mong manh. Cô không muốn chết. Cô vẫn là một giáo sư Tâm lý học có uy tín của Đại học Harvard. Cô vẫn có thể đọc và sử dụng phòng tắm đúng cách. Cô còn thời gian. Và cô sẽ kể cho John.

Cô ngồi trên ghế và quân tâm chần màu xám trên đùi, ôm lấy đầu gối, cảm giác muốn bỏ mặc tất cả. Anh ngồi xuống mép ghế đối diện cô, cơ thể anh hoàn toàn trầm mặc.

“Ai nói em vậy?” – John hỏi.

“Bác sĩ Davis, anh ấy là một bác sĩ thần kinh ở Bệnh viện Đa khoa Mass.”

“Bác sĩ thần kinh. Hồi nào?”

“Mười ngày trước.”

Anh quay đầu lại và xoay chiếc nhẫn cưới khi trong vờ như mình đang kiểm tra sơn tường. Cô nín thở và chờ anh quay lại nhìn mình lần nữa. Có lẽ anh chẳng còn nhìn cô như trước. Có lẽ cô sẽ không bao giờ thở lại. Cô cuộn mình chặt hơn.

“Anh ta sai đó, Alice.”

“Không đâu.”

“Em không có gì bất ổn cả.”

“Có đấy. Em quên mọi thứ.”

“Ai cũng quên mà. Anh thường không nhớ mình để kính ở đâu. Vậy tay bác sĩ thần kinh đó cũng sẽ nói anh bị Alzheimer à?”

“Các vấn đề em gặp không hề bình thường. Nó không đơn thuần là để quên kính.”

“Được rồi, vậy là em quên đi vài chuyện, nhưng em đang trong thời kỳ mãn kinh, em căng thẳng, và cái chết của cha có thể mang đến tất cả cảm xúc liên quan đến cái chết của mẹ và Anne. Có lẽ do em bị trầm cảm thôi.”

“Em không bị trầm cảm.”

“Làm sao em biết? Em là bác sĩ ư? Em nên gặp bác sĩ của mình chứ không phải một chuyên gia thần kinh.”

“Em gặp rồi.”

“Chính xác thì bà ta nói gì?”

“Bà ấy không nghĩ đó là do trầm cảm hay mãn kinh. Bà ấy không có lời giải thích cụ thể nào. Bà chỉ nghĩ em bị mất ngủ. Bà muốn đợi và coi thử em ra sao trong vài tháng tới.”

“Thầy chưa, em chỉ không chăm sóc mình tốt thôi.”

“Bà ấy không phải bác sĩ thần kinh, John à. Em ngủ đủ giấc. Và nó bắt đầu từ tháng Mười Một. Mọi thứ đã kéo dài vài tháng rồi và nó không hề tốt lên. Nó chỉ tồi tệ thêm mà thôi.”

Để anh tin mình, cô đã gọi lại vài sự việc xảy ra ở vài tháng trước. Bắt đầu từ vài ví dụ mà anh đã biết.

“Anh có nhớ là em không hề đi Chicago không?”

“Điều đó có thể xảy ra với anh hoặc bất kỳ ai ta quen. Chúng ta đều có lịch làm việc kinh khủng.”

“Chúng ta luôn có lịch làm việc kinh khủng, nhưng em chưa bao giờ quên chuyến bay. Và em không chỉ quên chuyến bay, em quên cả cuộc hội nghị, dù rằng em đã chuẩn bị cho nó cả ngày.”

Anh chờ đợi. Có những bí mật khổng lồ mà anh không biết.

“Em quên mất lời. Em hoàn toàn quên chủ đề của bài giảng trong thời gian đi từ văn phòng đến lớp học, đến chiều em không thể giải mã những thứ em đã viết trong danh sách nhắc nhở vào buổi sáng.”

Cô có thể đọc được những ý nghĩ hoài nghi của anh. Một mỗi, căng thẳng, lo lắng. Bình thường, bình thường, bình thường.

“Em đã không làm bánh vào đêm Giáng Sinh bởi vì em không thể. Em không thể nhớ một bước duy nhất trong công thức. Nó đã được mẹ truyền cho em, và em đã làm món tráng miệng này hằng năm kể từ hồi còn nhỏ.”

Cô đã trình bày một trường hợp đầy ngạc nhiên và hẫng là thuyết phục đối với bản thân mình. Đối với ban thẩm phán thì hẫng là đủ. Nhưng John yêu cô.

“Em đã đứng phía trước Nini’s ở quảng trường Harvard và không biết đường về nhà. Em đã không tưởng tượng nổi mình đang ở đâu.”

“Chuyện đó xảy ra lúc nào?”

“Hồi tháng chín.”

Cô đã phá vỡ sự im lặng của anh, nhưng không thể phá quyết tâm của anh đang cố gắng bảo vệ sức khỏe tinh thần cho cô.

“Đây chỉ là một sô chuyện thôi. Em đã quá sợ hãi khi nghĩ đến những chuyện em có thể quên mà em không biết.”

Biểu hiện của anh thay đổi, như thể anh đã xác định được thứ gì có ý nghĩa trong bài trắc nghiệm tâm lý của Rorschach – như những vết ố ở tấm phim RNA của anh.

“Vợ của Dan.” – Anh dường như đang nói với chính mình hơn là nói với cô.

“Gì cơ?” – Cô hỏi.

Một thứ gì đó nứt ra. Cô nhận thấy điều đó. Một khả năng chột tràn ra, khuấy loãng niềm tin của cô.

“Anh cần đọc vài thứ, và sau đó anh cần nói chuyện với bác sĩ thần kinh của em.”

Không nhìn vào mắt cô, anh đứng dậy và đi thẳng tới chỗ nghiên cứu, để mặc cô ngồi trên ghế, ôm lấy đầu gối, cảm giác như muốn bỏ tất cả mà đi.

THÁNG HAI, NĂM 2004

Thứ Sáu:

Uống thuốc cho buổi sáng ✓

Họp ban, 9:00, phòng 545 ✓

Trả lời email ✓

Dạy lớp Động lực và Cảm xúc, 1:00, Trung tâm Khoa học, thính phòng B (bài “Cân bằng nội môi và sự dẫn động”) ✓

Buổi hẹn tư vấn di truyền (John đã có thông tin)

Uống thuốc cho buổi tối

Stephanie Aaron là nhân viên tư vấn di truyền liên kết với khoa Rối loạn bộ nhớ, Bệnh viện Đa khoa Mass. Cô ấy có mái tóc đen dài ngang vai và đôi mày cong gợi sự cởi mở đầy tò mò. Cô ấy chào đón vợ chồng Alice bằng một nụ cười ấm áp.

“Được rồi, cho tôi biết vì sao hai người đến đây” – Stephanie lên tiếng.

“Vợ tôi gần đây nói rằng cô ấy mắc bệnh Alzheimer, và chúng tôi muốn chụp APP, PS1 và đột biến PS2.”

John đã xong việc ở nhà. Anh dành vài tuần qua để vùi đầu trong các luận văn về nguyên nhân gây ra Alzheimer. Những protein không đúng tiêu chuẩn sinh ra từ gen bất kỳ trong ba gen đột biến được xem như kẻ thù trong những trường hợp phát bệnh sớm.

“Alice, nói tôi biết, cô mong đợi gì sau khi làm xét nghiệm?” – Stephanie hỏi.

“Ừm, nó xem như một cách hợp lý để xác nhận phán đoán của tôi. Chắc chắn hiệu quả hơn so với việc sinh thiết não.”

“Cô lo ngại rằng chẩn đoán đó là không chính xác?”

“Chúng tôi nghĩ nó thực sự có khả năng” – John đáp.

“Được rồi, trước tiên, ta sẽ xem xét khả năng dương tính đối với xét nghiệm di truyền đột biến của cô. Những đột biến này hoàn toàn thẩm thấu. Nếu cô dương tính với xét nghiệm APP, PS1 hay PS2 thì chẩn đoán của cô là chính xác. Những điều này yêu cầu tỉ mỉ, tuy nhiên, nếu kết quả của cô là âm tính. Chúng tôi thật sự không biết cách giải thích kết quả này. Khoảng 50% người phát bệnh Alzheimer sớm không có dấu hiệu đột biến ở bất kỳ gen nào trong ba gen. Điều này không nói lên họ thực sự không nhiễm Alzheimer hay bệnh của họ không phụ thuộc gen, điều đó chỉ do chúng ta chưa biết đâu là gen đột biến.”

“Liệu nó có xảy ra nhiều như 10% số người ở độ tuổi cô ấy hay không?” – John hỏi.

“Các con số có chút sai lệch so với ai đó ở tuổi cô, đây là sự thật. Nhưng nếu xét nghiệm của Alice là âm tính, chúng tôi rất tiếc khi không thể nói chắc chắn là cô ấy không mắc bệnh. Chỉ có vài phần trăm rất nhỏ nếu cô ấy rơi vào số người ở độ tuổi này mắc bệnh Alzheimer mà không do gen.”

Điều này rất chính đáng, nhất là khi kết hợp với ý kiến chuyên môn của bác sĩ Davis. Alice biết John hiểu rõ điều này, song John đang cố tìm mọi cách giải thích cho giả thuyết “Alice không mắc bệnh Alzheimer, cuộc sống của chúng tôi không bị xáo trộn”, còn Stephanie thì không.

“Alice, những điều này có ý nghĩa với cô không.” – Stephanie hỏi.

Mặc dù bối cảnh của câu hỏi này là chính đáng, song Alice bực bội và thoáng thấy ẩn ý của cuộc hội thoại trong tương lai của mình. Cô có đủ quyền để hiểu những lời nói đó? Có phải nào cô đã chịu quá nhiều tổn thương và cô đang bối rối chấp nhận điều này? Cô đã luôn giải quyết mọi chuyện trên cơ sở tôn trọng. Nếu sức mạnh tinh thần của cô càng lúc bị thay thế bởi bệnh thần kinh, vậy thứ gì sẽ thay thế cho sự tôn trọng tuyệt vời đó? Lòng thương hại? Sự hạ mình. Sự lúng túng?

“Có” – Alice đáp.

“Tôi cũng muốn đảm bảo rằng nếu xét nghiệm của cô là dương tính thì một chẩn đoán di truyền cũng sẽ không thay đổi bất kỳ thứ gì liên quan đến việc điều trị hay dự đoán về căn bệnh của cô.”

“Tôi hiểu.”

“Tốt. Hãy cho tôi vài thông tin về gia đình. Alice, bố mẹ cô còn sống chứ?”

“Không. Mẹ tôi chết vì tai nạn xe hơi khi bà 41 tuổi, và cha tôi chết hồi năm ngoái, lúc 71 tuổi vì suy gan.”

“Trí nhớ của họ lúc còn sống thế nào? Đã có ai trong số họ có dấu hiệu của chứng mất trí nhớ hoặc thay đổi tính cách không?”

“Mẹ tôi hoàn toàn ổn. Cha tôi nghiện rượu suốt cả đời. Ông ấy luôn là người bình tĩnh, nhưng ông ấy cực kỳ kích động khi về già, và thật khó khăn để có được một cuộc trò chuyện mạch lạc với ông. Tôi không nghĩ ông nhận ra tôi trong nhiều năm qua.”

“Ông ấy có được đưa tới bác sĩ thần kinh không?”

“Không. Tôi chỉ nghĩ là do ông uống rượu thôi.”

“Cô thấy ông ấy thay đổi từ lúc nào?”

“Khoảng lúc năm mươi tuổi.”

“Ông ta uống rượu mỗi ngày. Ông chết vì suy gan chứ không phải Alzheimer” – John nói.

Alice và Stephanie dừng lại và âm thầm đồng ý rằng hãy cứ để anh ấy nghĩ những gì mình muốn và tiếp tục.

“Cô có anh chị em không?”

“Đứa em gái duy nhất của tôi mất trong một tai nạn xe với mẹ vào năm nó mười sáu. Tôi không có bất kỳ anh em trai nào.”

“Vậy còn cô dì, chú bác, anh chị em họ hay ông bà?” Alice cố truyền tải mơ kiến thức không mấy đầy đủ về lịch sử sức khỏe và cái chết của họ hàng mình.

“Được rồi, nếu cô không có thắc mắc nào, y tá sẽ dẫn cô đi lấy mẫu máu. Chúng tôi sẽ gửi nó qua chỗ xét nghiệm và sẽ có kết

quả trong vài tuần nữa.”

Alice nhìn chằm chằm ra ngoài cửa sổ khi họ lái xe xuống Storow Drive. Trời trở lạnh, đã 5:30 tối, và cô không nhìn thấy bất kỳ ai dọc theo sông Charles. Không có dấu hiệu của sự sống. John tắt radio. Chẳng có gì đánh lạc hướng cô khỏi những suy nghĩ về ADN bị tổn thương và mô não hoại tử.

“Nó sẽ âm tính mà, Ali.”

“Nhưng chẳng thay đổi được gì. Điều đó không có nghĩa em không mắc bệnh.”

“Không phải về lý thuyết, nhưng nó chiếm lấy hầu hết suy nghĩ của em nhiều hơn bất kỳ thứ gì.”

“Thế nó giống thứ gì? Anh cũng nói chuyện với bác sĩ Davis rồi. Anh ta đã kiểm tra em cho mỗi nguyên nhân gây chứng mất trí mà anh ta có thể đưa ra.”

“Nhìn đây, anh nghĩ em đã quá vội vàng khi đến gặp bác sĩ thần kinh. Anh ta dò những triệu chứng của em và thấy bệnh Alzheimer, nhưng đó là những gì anh ta được học, điều đó không có nghĩa là anh ta đúng. Nhớ cái lần em bị thương ở khớp gối năm ngoái không? Nếu mà em đi gặp bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình thì hẳn cũng sẽ nói em bị chấn thương dây chằng hoặc gãy xương sụn, và thể nào cũng mổ nó ra. Nhưng em chỉ không cử động được trong vài tuần, em nghỉ ngơi, dùng ibuprofen, và em đã khỏe lại.”

“Anh nghĩ em chỉ đang mệt mỏi và căng thẳng, anh nghĩ những thay đổi nội tiết tố từ thời kỳ mãn kinh đang tàn phá sinh lý của em, và anh nghĩ em chỉ đang bị trầm cảm. Chúng ta sẽ xử lý tất cả, Ali, chúng ta sẽ giải quyết từng chuyện một.”

Có thể anh ấy đúng. Hiếm có người ở độ tuổi cô bị bệnh Alzheimer. Cô chỉ bị mãn kinh, và cô đã kiệt sức. Cũng có thể là cô bị trầm cảm. Điều đó sẽ giải thích tại sao cô gặp khó khăn trong việc đẩy lùi các chẩn đoán, sao cô không đấu tranh ngay cả khi được gợi ý để thoát khỏi số phận này. Đây không phải tính

cách thông thường của cô. Có lẽ cô đã quá áp lực, mệt mỏi, ngay thời kỳ mãn kinh, và trầm cảm. Có lẽ cô không mắc bệnh Alzheimer.

Thứ Năm:

7:00, uống thuốc cho buổi sáng ✓

Hoàn thành bài đánh giá môn Quy luật hoạt động tâm thần ✓

11:00, gặp Dan, phòng làm việc ✓

12:00, hội thảo buổi trưa, phòng 700 ✓

3:00, buổi hẹn tư vấn di truyền (John đã có thông tin)

8:00, uống thuốc cho buổi tối

Stephanie đang ngồi phía sau chiếc bàn khi họ bước vào, nhưng lần này, cô không cười.

“Trước khi chúng ta nói về kết quả, cô có bất kỳ đánh giá nào về những thông tin mà chúng tôi cung cấp trong thời gian qua không?” – Cô ấy hỏi.

“Không” – Alice nói.

“Cô vẫn muốn biết kết quả chứ?”

“Phải.”

“Tôi rất tiếc, Alice, cô dương tính với đột biến PS1.”

Ồ, nó là như thế, bằng chứng tuyệt đối, phục vụ thẳng thừng, không thêm đường, không bỏ muối, không ai đuổi bắt. Và điều này đã chặn đứt mọi lối đi. Cô có thể gọi một ly cocktail làm từ hỗn hợp của estrogen, Xanax và Prozac, rồi ngủ mười hai tiếng một ngày trong suốt sáu tháng ở trại Canyon, nhưng cũng chẳng thay đổi được gì. Cô bị bệnh Alzheimer. Cô muốn nhìn John, nhưng cô không tài nào ngoái đầu lại được.

“Như chúng ta đã nói, đột biến này là tính trạng trội; nó liên quan nhất định đến sự tiến triển của bệnh Alzheimer, vì vậy kết quả này phù hợp với chẩn đoán mà cô đã nhận được.”

“Tỷ lệ dương tính sai của phòng thí nghiệm là bao nhiêu? Tên của phòng thí nghiệm đó là gì?” – John hỏi.

“Phòng xét nghiệm Athena, và họ đã xét nghiệm được ở mức độ chính xác hơn 99% đối với các ca phát hiện đột biến này.”

“John, là dương tính” – Alice nói.

Cô nhìn thẳng vào anh. Khuôn mặt anh, bình thường góc cạnh và cương quyết, giờ đã chùng xuống và có gì đó xa lạ với cô.

“Tôi rất tiếc, tôi biết cả hai đang tìm lối thoát cho căn bệnh này.”

“Chuyện này có ảnh hưởng gì tới con chúng tôi không?” – Alice hỏi.

“Có nhiều vấn đề đây. Chúng bao nhiêu tuổi rồi?”

“Chúng đều ở tuổi đôi mươi.”

“Vậy nên chúng tôi không mong đợi chúng sẽ có bất kỳ triệu chứng gì. Con của cô có 50% khả năng kế thừa đột biến và 100% sẽ gây bệnh. Xét nghiệm gien tiền triệu chứng là có khả thi, nhưng có nhiều thứ cần phải xem xét. Liệu chúng có muốn biết khi đang còn trẻ hay không? Liệu điều này có thay đổi cuộc sống của chúng không? Nếu xét nghiệm của đứa này dương tính còn đứa kia âm tính thì sao, có ảnh hưởng đến mối quan hệ của chúng không? Alice, chúng có biết về chẩn đoán của cô không?”

“Không.”

“Cô nên nghĩ về việc phải nói với chúng sớm. Tôi biết có rất nhiều thứ cần giải quyết, đặc biệt là khi bản thân cô vẫn đang nhận thức được điều này. Với một bệnh tiến triển nhanh như thế, cô cần có kế hoạch để nói với chúng sau này, để sau này có khi cô sẽ không thể nói được như dự tính ban đầu. Hay cô muốn John là người sẽ nói điều này với chúng.”

“Không, chúng tôi sẽ nói chuyện với chúng” – Alice kiên quyết.

“Họ đã có con hay chưa?”

Anna và Charlie.

“Chưa” – Alice đáp.

“Nêu họ có dự định đó thì đây thật sự là những thông tin quan trọng mà họ cần biết. Dưới đây là một số thông tin văn bản mà tôi thu thập được, cô có thể cung cấp cho họ nếu muốn. Ngoài ra, đây là danh thiếp của tôi và của một bác sĩ chuyên khoa đã từng trò chuyện với gia đình những người từng trải qua sàng lọc di truyền và chẩn đoán. Cô có bất kỳ thắc mắc nào nữa không?”

“Không, giờ tôi không nghĩ được gì cả.”

“Tôi rất tiếc vì đã không cung cấp cho cô kết quả như mong muốn.”

“Tôi cũng vậy.”

Cả hai đều im lặng. Họ vào trong xe, John trả phí giữ xe, và họ theo lộ trình rời Storror Drive trong im lặng. Trong hai tuần liên tiếp, nhiệt độ hạ xuống âm với những đợt rét. Những người chạy bộ buộc phải ở trong nhà, hoặc là chạy bộ trên máy tập hoặc đơn giản chỉ cần đợi cho thời tiết ấm lên. Alice rất ghét máy tập chạy bộ. Cô ngồi ở ghế khách và chờ đợi John sẽ nói gì đó. Nhưng anh không làm thế. Anh đã khóc suốt quãng đường về nhà.

THÁNG BA, NĂM 2004

Alice mở nắp ngăn để thuốc dành cho thứ Hai trong chiếc hộp thuốc nhựa chia thuốc cho bảy ngày của cô, rồi dốc bảy viên thuốc nhỏ bé vào bàn tay đang khum lại. John đi vào bếp để tìm gì đó, nhưng vừa thấy thuốc trên tay cô thì anh lập tức xoay người rời đi như thể anh lỡ vào phòng mẹ khi bà đang thay quần áo. Anh không muốn nhìn thấy cô uống thuốc. Hoặc có thể anh sợ nếu nói chuyện thì cô có thể bị phân tâm và lẫn lộn thuốc ở các ngăn, nên anh rời phòng. Mọi chuyện cứ thế kết thúc trong im lặng.

Alice nuốt liều thuốc với ba ngụm trà nóng hồi đến cháy họng. Cảm giác thật sự không dễ chịu với cô chút nào. Cô ngồi vào bàn bếp, thổi nguội trà rồi nghe tiếng chân đi thình thịch của John phát ra từ phòng ngủ trên lầu.

Cô hỏi vọng lên: “Anh đang tìm gì vậy?”

“Không có gì” – Anh trả lời thật to.

Có lẽ John đang tìm cặp kính. Từ cái tháng họ đến gặp chuyên gia tư vấn di truyền, anh đã thôi nhờ vợ mình tìm giúp kính mắt và chìa khóa xe, mặc dù cô biết rằng anh vẫn đang vật lộn với việc tìm kiếm chúng.

Anh vội vàng đi vào bếp, với vẻ hấp tấp.

“Em giúp được không?” – Cô hỏi.

“Không, anh ổn mà.”

Alice tự hỏi không biết cái tính tự lập cứng đầu này từ đâu ra. Liệu có phải John đang cố san sẻ bớt gánh nặng tinh thần với cô vì trước đây cô luôn phải để mắt đến những thứ anh thường để lạc? Liệu có phải anh đang chuẩn bị cho một tương lai sống

thieu cô? Hay liệu anh cảm thấy ngưỡng vì nhờ một bệnh nhân Alzheimer giúp? Cô nhấp một ngụm trà rồi nhìn chăm chăm vào bức tranh vẽ một quả táo và một quả lê đã treo trên tường ít nhất một thập kỷ và lắng nghe tiếng John lục lọi trong đồng thư từ và giấy tờ trên cái quầy bếp sau lưng cô.

Cô nghe tiếng chiếc tủ ngoài hành lang trước mở ra, rồi tiếng đóng lại. Cô nghe tiếng các ngăn kéo được kéo ra rồi đẩy vào.

“Em chuẩn bị chưa?” – Anh gọi cô.

Cô uống vội tách trà của mình và ra hành lang với anh. John đã khoác áo, kính cài trên mái đầu tổ quạ và chìa khóa đã cầm trên tay.

“Rồi anh” – Alice trả lời và theo anh ra ngoài.

Mùa xuân ở Cambridge bắt đầu rồi, nhưng sẽ chẳng ai công nhận điều đó và có khi còn ngỡ vực, ngỡ rằng thời gian đang đánh lừa mình. Không một chồi non trên cành, không một bông uất kim hương nào đủ dũng cảm hay ngu ngốc trỗi lên khỏi lớp tuyết đã đóng lại cả tháng nay và lũ ếch cây tí hon cũng chưa hòa ca. Đường phố vẫn còn chật hẹp vì bị những khối tuyết nhộp nhộp chèn hai bên. Chút tuyết nào tan ra trong hơi ẩm giữa ngày đều đông lại khi nhiệt độ tụt xuống đột ngột lúc xế chiều khiến cho đường đi trong khuôn viên trường Harvard và hè phố biến thành những dải băng đen sì trơn tuột. Ngày tháng ghi trên lịch chỉ khiến mọi người cảm thấy bị lừa phỉnh, cột nhạo, và nghĩ đến mùa xuân đã bắt đầu ở một nơi nào khác, nơi mà người ta mặc áo thun ngắn tay, thức dậy trong tiếng chim oanh lạnh lớt. Còn ở đây, cái lạnh khủng khiếp vẫn không thuyên giảm và tiếng chim duy nhất Alice nghe thấy lúc họ đi vào khuôn viên trường là tiếng quạ.

John đã đồng ý cùng cô đi dạo trong Harvard mỗi sáng. Cô nói với anh rằng cô không muốn liêu đi một mình để rồi bị lạc. Thật ra cô chỉ muốn dành khoảng thời gian quý giá này cùng anh, để bắt đầu lại thói quen trước đây họ thường làm vào mỗi sáng. Nhưng tệ thật, sau khi cân nhắc về việc bị thương do trượt ngã trên tuyết hay là bị xe tông cái nào nguy hiểm hơn, cuối

cùng một người đi trước, một người đi sau, họ chẳng thể trò chuyện với nhau.

Hòn sỏi văng lên, lọt vào ủng của cô. Cô bắn khoản không biết nên dừng trên đường để lấy nó ra, hay đợi đến khi họ vào quán Jerri's. Để lấy hòn sỏi ra, cô phải đứng thẳng bằng trên đường bằng một chân còn chân kia thì phơi ra ngoài không khí lạnh thấu xương. Cô quyết định chịu đựng sự khó chịu này, đi qua thêm hai dãy nhà nữa.

Nằm trên Đại lộ Massachusetts, giữa đoạn đường đi từ quảng trường Porter đến quảng trường Harvard, từ lâu quán Jerri's đã trở thành một địa điểm quen thuộc ở Cambridge dành cho những người nghiện cà phê lâu năm, trước cả khi Starbucks có mặt. Thực đơn gồm café, trà, bánh ngọt và bánh mì kẹp được viết hoa bằng phấn trên chiếc bảng đặt ở phía sau quầy. Cái bảng ấy vẫn không thay đổi gì từ những ngày Alice còn học cao học. Chỉ có giá tiền ghi bên cạnh mỗi món cho thấy những dấu hiệu được quan tâm gần đây. Chúng được vẽ viền bằng bụi phấn trên giấy xóa bảng và được viết bởi một ai khác chứ không phải tác giả của những chữ viết bên trái chúng. Alice mơ hồ quan sát tấm bảng.

“Chào buổi sáng, Jess, cho tôi một café và một bánh quế nướng” – John gọi món.

“Tôi cũng vậy” – Alice nói.

“Em đâu có thích café” – John nói tiếp.

“Có, em thích.”

“Không, không đâu. Cô ấy sẽ dùng trà với chanh.”

“Tôi muốn một café với bánh nướng.”

Jess chờ xem liệu John có tiếp tục tranh cãi với Alice, nhưng rồi anh im lặng.

“Rồi, hai café và hai bánh nướng” – Jess chốt lại.

Ra khỏi quán, Alice nhấp một ngụm. Ly café của cô đắng ngắt đến khó chịu và vị của nó chẳng giống gì với mùi thơm hấp dẫn mà nó thể hiện.

“Café của em ngon không?” – John hỏi cô.

“Ngon tuyệt.”

Trong khi họ đi vào khuôn viên, Alice thưởng thức món café mà cô chẳng ưa thích gì để trêu tức John. Cô không thể đợi đến lúc được ở một mình trong văn phòng của mình, nơi mà cô có thể vứt phần còn lại của thức uống kinh khủng cô đã gọi. Hơn nữa, cô muốn lấy viên sỏi chết tiệt khỏi ửng.

SAU KHI CỎI ỬNG RA, vứt café vào thùng rác, việc đầu tiên Alice làm là kiểm tra hộp thư của cô. Cô mở một bức thư điện tử từ Anna.

Chào Mẹ,

Tụi con muốn tham dự bữa tối gia đình, nhưng tuần này hơi khó vì vụ xét xử của Charlie. Tuần sau thì sao Mẹ? Ngày nào tiện cho Bố và Mẹ? Tụi con nào tụi con cũng rảnh trừ thứ Năm và thứ Sáu.

Anna

Cô nhìn xuống con trỏ chuột đang nhấp nháy một cách khó chịu trên màn hình máy vi tính và cố nghĩ ra những từ cô muốn dùng để trả lời. Việc truyền đạt ý nghĩ của cô thành lời nói, chữ viết hay đánh máy đòi hỏi một nỗ lực đáng kể và những lời động viên nhẹ nhàng. Rồi cô gom chút tự tin về những từ ngữ mà lâu nay nhờ có chúng, cô nhận được những ngôi sao vàng và khen thưởng dành cho giáo viên.

Điện thoại đổ chuông.

“Chào mẹ.”

“Ôi hay quá, mẹ đang định trả lời email của con.”

“Con đâu có gửi email cho mẹ.”

Cảm thấy không chắc chắn, Alice đọc lại bức thư trên màn hình.

“Mẹ vừa đọc này. Charlie phải ra tòa tuần này...”

“Mẹ ơi, con là Lydia này.”

“Ôi, con làm gì mà dậy sớm vậy?”

“Bây giờ ngày nào con cũng dậy sớm. Con muốn gọi cho bố mẹ từ tối qua, nhưng mà lúc đó trễ quá rồi. Con vừa nhận được một vai cực hay trong một vở kịch tên là *Ký ức của nước*, do một đạo diễn xuất chúng chỉ đạo và vở kịch sẽ được diễn sáu lần trong tháng năm. Con nghĩ là sẽ hay lắm, và nhờ đạo diễn này, sẽ có nhiều người chú ý đến. Con đang hi vọng bố mẹ có thể đến xem.”

Alice nhận ra đoạn lên giọng rồi một khoảng lặng sau đó nghĩa là đến lượt cô nói, và cô phải tiếp tục chủ đề Lydia đang nói đến. Alice thường lúng túng khi nói chuyện qua điện thoại vì cô không thấy được biểu hiện của người đối diện. Từ ngữ đôi khi lẫn lộn vào nhau, chủ đề nói chuyện thay đổi đột ngột cũng làm cô khó tương tác và không thể theo kịp cuộc nói chuyện, rồi cô không hiểu được cuộc nói chuyện nữa. Mặc dù viết ra cũng có những vấn đề riêng, nhưng cô có thể giấu những vấn đề ấy đi bởi cô không phải trả lời ngay tức khắc.

“Nếu mẹ không muốn, mẹ không phải trả lời đâu” – Lydia nói tiếp.

“Không, mẹ muốn chứ, nhưng...”

“Hoặc là mẹ bận quá hay có bất cứ lý do gì đi nữa. Con biết là con nên gọi cho bố thì hơn.”

“Lydia...”

“Không sao đâu, con cúp máy đây.”

Cô gác máy. Alice đã định nói là cô cần phải bàn với John rằng nếu anh có thể xin nghỉ ở phòng thí nghiệm thì cô sẽ đến xem ngay. Còn nếu John không đi được, cô không thể đi máy bay qua đầu bên kia đất nước một mình, và cô phải viện một lý do nào đó. Vì cô lo rằng khi ở xa nhà, cô sẽ đi lạc hay hoảng loạn, lâu nay cô vẫn tránh đi xa. Cô từ chối lời đề nghị phát biểu ở Đại học Duke tháng tới và cũng vứt luôn tài liệu đăng kí cuộc Hội thảo Ngôn ngữ học mà thời cao học cô vẫn hay tham dự. Cô muốn xem vở diễn của Lydia, nhưng lần này, việc cô có đến được hay không còn phụ thuộc vào việc John rảnh hay bận.

Cô cầm lấy điện thoại, định gọi lại cho Lydia. Nhưng cô lại đặt điện thoại xuống, suy nghĩ kỹ hơn. Cô tắt thư trả lời đang định viết cho Anna và soạn một thư khác cho Lydia. Cô nhìn chăm chăm vào con trỏ chuột, ngón tay cô tê liệt trên bàn phím. Nào cô ngày hôm nay như hết pin vậy.

“Thôi nào” – cô tự hỏi thúc bản thân, ước gì cô có thể cắm vài sợi cáp điện vào đầu và sạc đầy năng lượng lại.

Cô không có thời gian dành cho bệnh Alzheimer vào hôm nay. Cô có những thư điện tử phải trả lời, một đề xuất khổng lồ phải soạn, một lớp học và một cuộc hội nghị chuyên đề phải tham dự. Và cuối ngày, một buổi chạy bộ nữa. Có thể chạy bộ sẽ giúp cô tỉnh táo hơn một chút.

ALICE NHẾT MỘT MẢNH GIẤY ghi tên, địa chỉ và số điện thoại của cô vào tất. Dĩ nhiên, nếu cô đăng trí quá đến mức không nhớ đường về thì có khi cô cũng không nhớ nổi rằng cô mang theo một mảnh giấy hữu ích đến vậy trên người. Nhưng dẫu sau cô cũng cần một giải pháp dự phòng.

Chạy bộ ngày càng mất hiệu quả trong việc giúp cô minh mẫn hơn. Thực tế là những ngày này cô cảm thấy giống như cô đang lướt theo những câu trả lời trôi trong một dòng chảy vô tận của những câu hỏi. Và mặc cho cô cố gắng đến mấy, cô cũng không thể nào bắt kịp.

Tôi phải làm gì đây? Cô uống thuốc, ngủ sáu đến bảy tiếng một ngày và bám vào cuộc sống thường ngày ở Harvard.

Cô cảm thấy như một kẻ lừa đảo trong cái lót một giảng viên Đại học Harvard, không có bệnh thoái hóa thần kinh nào đang tiến triển, làm việc hàng ngày như thể mọi thứ vẫn ổn và sẽ tiếp tục như thế.

Tiêu chuẩn cho hiệu quả công việc hay trách nhiệm trong cuộc sống hàng ngày của một giảng viên cũng không có gì nhiều. Cô không phải dè chừng chỉ tiêu, không phải đặt ra hạn ngạch mua sắm cho mình, không phải viết báo cáo để nộp. Cô vẫn có

thể sai phạm, nhưng đèn chường nào? Sau cùng hành động của cô cũng sẽ đi đến một mức độ khiến cô bị chú ý và không được chấp nhận nữa. Cô muốn rời Harvard trước đó, trước khi những lời đàm tiếu diễn ra, nhưng cô không biết khi nào cô nên rời đi.

Và mặc dù cái ý nghĩ ở lại quá lâu làm cô thấy sợ, ý nghĩ rời Harvard còn khiến cô sợ hơn rất, rất nhiều. Cô sẽ là ai, nếu không phải là một giáo sư Tâm lý học ở Harvard?

Liệu cô nên dành thời gian ở bên John càng nhiều càng tốt? Làm vậy có thực sự có ý nghĩa không? Ngồi cạnh Anna khi cô gõ những bản báo cáo, theo dõi Tom trong từng vòng thi của anh, quan sát Lydia trong lớp diễn xuất? Làm sao cô có thể bảo các con rằng chúng có năm mươi phần trăm khả năng mắc phải bệnh này? Và sẽ ra sao nếu chúng trách cô và ghét cô như cô đã trách và ghét bố mình?

John còn quá trẻ để về hưu. Anh thật sự có thể bỏ ra bao nhiêu thời gian mà không hủy hoại sự nghiệp của mình? Thời gian cô có là bao nhiêu? Hai năm? Hai mươi năm?

Mặc dù bệnh Alzheimer đối với những trường hợp khởi phát sớm có xu hướng tiến triển nhanh hơn những người khởi phát trễ, những người bệnh khởi phát sớm thường phải sống với căn bệnh nhiều năm hơn. Căn bệnh thần kinh này trú ngụ trong những cơ thể tương đối trẻ và khỏe mạnh. Cô có thể duy trì mọi thứ, nhưng cũng phải chịu đựng một kết cục tàn nhẫn. Cô sẽ không thể tự ăn, không thể nói, không thể nhận ra John và các con cô. Cô sẽ co quắp, sẽ quên cách nuốt thức ăn và sẽ phải chịu bệnh viêm phổi. Rồi John, Anna, Tom và Lydia sẽ thống nhất rằng không chữa bệnh bằng một liều kháng sinh bình thường nữa, họ sẽ rời bởi trong cảm giác tội lỗi hơn là biết ơn vì thứ gì đó sau cùng cũng đến và hủy hoại thân thể cô.

Cô ngừng chạy, nôn hết phần lasagna cô đã ăn trong bữa trưa. Phải hơn vài tuần nữa tuyết mới tan nổi để rửa trôi nó đi.

CÔ BIẾT CHÍNH XÁC NƠI CÔ ĐANG ĐỨNG, CÔ đang trên đường về nhà, trước Nhà thờ Hội Thánh Giám Lý, chỉ cách nhà

cô vài dãy nhà. Cô biết chính xác cô ở đâu, nhưng chưa bao giờ cô có cảm giác lạc lối như vậy. Dàn chuông nhà thờ bắt đầu ngân lên một giai điệu khiến cô nhớ lại chiếc đồng hồ của ông bà cô. Cô xoay cái nắm tròn bằng sắt trên cánh cửa màu đỏ cà chua rồi tiến vào theo cái cảm giác đang thôi thúc mình từ bên trong.

Cô cảm thấy nhẹ nhõm vì không có ai ở trong, bởi cô chưa kịp nghĩ ra một câu chuyện hợp lý nào để giải thích tại sao cô lại có mặt ở đây. Mẹ cô là người Do Thái, nhưng bố cô luôn quyết tâm dưỡng dục cô và Anne theo Công Giáo. Thế là cô đi lễ mỗi chủ nhật, nhận thánh thể, đi xưng tội và được thêm sức, nhưng vì mẹ cô không bao giờ tham gia vào bất cứ hoạt động nào, nên Alice bắt đầu phân vân về sự thật của những niềm tin này từ lúc bé. Và vì không nhận được một câu trả lời nào thỏa mãn từ bố hay từ phía nhà thờ, cô chưa bao giờ có một niềm tin thật sự.

Ánh sáng từ đèn đường len lỏi qua các ô kính màu, rọi vào trong đủ sáng để cô thấy được toàn cảnh nhà thờ. Trên mỗi ô cửa, Đức Jesus, khoác áo choàng màu đỏ và trắng, được khắc họa như một người mục đồng hay một thầy thuốc đang thực hiện một phép màu chữa bệnh. Biểu ngữ bên phải cung thánh khắc dòng chữ ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ NƠI NƯỞNG NẤU VÀ SỨC LỰC CỦA CHÚNG TÔI, NGÀI SẴN GIÚP ĐỠ TRONG CƠN GIAN TRUÂN.

Cô đang vướng phải khó khăn trầm trọng và muốn được giúp đỡ hết mức. Nhưng cô cảm thấy mình như một kẻ tội đồ, không xứng đáng, không thành kính. Cô là ai mà có thể cầu xin giúp đỡ từ Đức Chúa mà cô không chắc đã tin tưởng, ở trong nhà thờ mà cô chẳng biết gì về nó?

Alice nhắm mắt lại, lắng nghe sự bình lặng, tiếng xe cộ dập dìu như tiếng sóng biển và cô cố mở lòng. Cô không biết cô đã ngồi trên băng ghế bọc đệm nhung trong nhà thờ lạnh lẽo tối tăm, mong đợi một câu trả lời trong bao lâu. Chẳng có câu trả lời nào cả. Cô đợi lâu hơn, hy vọng một tu sĩ hay một giáo dân sẽ ghé qua và hỏi tại sao cô ở đây. Giờ cô đã có một lý do. Nhưng chẳng ai đến cả.

Cô nghĩ đến những tâm danh thiếp cô nhận được từ bác sĩ Davis và Stephanie Aaron. Có lẽ cô nên nói chuyện với một nhà hoạt động xã hội hay một bác sĩ trị liệu. Có khi họ giúp được cô. Rồi chợt một tia sáng lóe lên trong đầu cô, câu trả lời đến với cô.

Nói chuyện với John.

CÔ CẢM THẤY MÌNH BẤT LỰC trước đợt công kích cô lãnh phải khi vừa bước vào nhà.

“Em vừa đi đâu vậy?” – John hỏi cô.

“Em chạy bộ.”

“Em chạy bộ này giờ sao?”

“Em cũng ghé vào nhà thờ.”

“Nhà thờ? Anh không tin được. Ali. Xem này, em không uống café, em cũng không đi nhà thờ đâu.”

Cô ngửi thấy mùi rượu trong hơi thở của John.

“Vâng, nhưng hôm nay thì có.”

“Chúng ta đã định đi ăn tối với Bob và Sarah. Anh phải gọi họ và hủy cuộc hẹn, em không nhớ sao?”

Ăn tối với bạn của họ, Bob và Sarah, không có trong lịch của cô.

“Em quên, em mắc bệnh Alzheimer.”

“Anh hoàn toàn không biết được em ở đâu nếu em lạc. Em phải bắt đầu mang theo điện thoại di động mọi lúc đi.”

“Em không thể mang theo lúc em chạy, quần áo em đâu có túi.”

“Anh không cần biết em làm thế nào, kể cả dán lên đầu, anh sẽ không chịu nổi mỗi lần em quên cuộc hẹn.”

Cô theo John vào phòng khách. Anh ngồi phịch xuống ghế sofa, cầm ly rượu trên tay và không ngược lên nhìn cô. Mồ hôi trên trán anh lấm tẩm y như những giọt nước đọng quanh ly rượu scotch của anh. Cô chần chừ, rồi ngồi vào lòng anh, vòng

tay qua vai anh ôm anh thật chặt, bàn tay cô nắm lấy khuỷu tay kia, cô tựa đầu vào anh rồi cô tâm sự.

“Em xin lỗi vì em quên cuộc hẹn và vì em đã mắc căn bệnh này. Em không thể chịu được cái suy nghĩ là bệnh sẽ nặng thêm bao nhiêu nữa. Em không thể chịu được ý nghĩ phải nhìn anh mỗi ngày, nhìn gương mặt người em yêu thương mà không biết anh là ai.”

Bàn tay cô vuốt theo cạnh gương mặt anh rồi xuống cằm, rồi xuống nếp nhăn bên khóe miệng chẳng mấy khi hiện lên vì đau đớn. Cô lau mồ hôi trên trán anh và nước mắt của anh.

“Chỉ nghĩ đến căn bệnh thôi cũng đủ làm em nghẹn thở. Nhưng ta phải nghĩ đến nó. Em không biết em còn nhớ ra anh được bao lâu nữa. Chúng ta cần bàn về chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo.”

Anh uống một hơi đến hết ly rượu, nuốt xuống từng ngụm đến cạn hết và ráng mút lấy chút rượu còn đọng ở đáy viên nước đá. Anh nhìn cô bằng ánh mắt buồn rười rượi xen lẫn nỗi sợ hãi. Cô chưa bao giờ thấy ánh mắt anh như thế.

“Anh không biết mình làm được không.”

THÁNG TƯ, NĂM 2004

Dù có thông minh đến thế nào, họ cũng không thể cùng dựng nên một kế hoạch rõ ràng lâu dài được. Có quá nhiều điều chưa biết để tìm ra ẩn số cho bài toán của họ, ẩn số quan trọng nhất: căn bệnh sẽ tiến triển nhanh cỡ nào?

Sáu năm trước, họ đã dành ra một năm cùng nhau tập trung nghiên cứu để viết cuốn *Từ Phân tử đến Tư duy*, và rồi mỗi năm sau đó họ càng ngày càng không thể có được một lần như vậy nữa. Liệu cô có thể chịu được lâu như vậy không? Đến lúc này, họ đã quyết định rằng cô sẽ giải quyết xong học kỳ này, tránh phải đi xa mọi lúc có thể và họ sẽ dành cả mùa hè ở Cape. Họ chỉ có thể nghĩ được đến đây.

Và họ đồng ý là sẽ chưa nói với ai hết, trừ các con họ. Rồi ngay sáng hôm sau, bí mật đằng sau cuộc nói chuyện làm hai vợ chồng đau khổ nhất cũng đã phơi bày cùng với bánh mỳ vòng, trái cây trộn, trứng tráng kiểu Mẽ, cocktail mimosa, chocolate trứng.

Cả gia đình đã không ở bên nhau trong lễ Phục Sinh nhiều năm rồi. Anna đôi khi dành ra cuối tuần để bên cạnh gia đình Charlie ở Pennsylvania, Lydia thì ở Los Angeles mấy năm gần đây, trước đó con bé còn lang thang đâu đó bên Châu Âu, còn John thường đến dự hội thảo ở Boulder. Phải bỏ ra không ít công sức mới thuyết phục được Lydia về nhà năm nay. Vì đang trong đợt diễn tập cho vở kịch, Lydia đã báo rằng con bé không thể trả nổi tiền phạt bỏ giữa chừng hay trả tiền vé máy bay nhưng John đã thuyết phục con bé rằng nó hãy nghỉ hai ngày và John sẽ trả tiền vé.

Anna từ chối món cocktail mimosa và Bloody Mary, thay vào đó, con bé chén sạch caramel trứng như ăn bắp rang với một ly nước đá. Nhưng trước khi ai đó có thể mảy may nghi ngờ gì về chuyện con bé mang thai, Anna tuyên bố chi tiết về quá trình thụ tinh nhân tạo mà con bé đang thử.

“Bọn con đến gặp một chuyên gia thụ tinh nhân tạo ở Brigham nhưng ông ấy không giải quyết được. Trứng của con khỏe mạnh, trứng vẫn rụng hàng tháng, và tinh trùng của Charlie cũng khỏe mạnh.”

“Anna, anh không nghĩ mọi người muốn nghe về tinh trùng đâu” – Charlie nói tiếp vào.

“Vâng, là thật, thật là khó chịu. Con đã thử cả châm cứu, và vẫn không có kết quả gì. Chỉ có chữa được chứng đau nửa đầu của con. Vậy là ít ra bọn con cũng biết được con sẽ có thể mang thai. Con bắt đầu tiêm hormone kích thích nang trứng vào thứ ba, và tuần tới con sẽ tiêm tiếp một thứ sẽ giải phóng trứng và rồi trứng sẽ được thụ tinh bằng tinh trùng của Charlie.”

“Anna à” – Charlie lại nhắc Anna.

“Vâng, chúng sẽ thụ tinh và hy vọng là con sẽ mang thai tuần tới.”

Alice gượng cười an ủi, nén lại những lo sợ đằng sau hàm răng đang cắn chặt của cô. Các triệu chứng của bệnh Alzheimer không bộc lộ cho tới khi người phụ nữ hết độ tuổi sinh sản, cho tới khi gien bị đột biến truyền đến thế hệ thứ hai. Sẽ như thế nào nếu Anna biết được mình mang gien này, mang số phận này, trong mỗi tế bào trên cơ thể mình? Liệu con bé sẽ mang thai hay cân nhắc lại để tránh căn bệnh? Liệu nó có liều mình chơi trò may rủi, đặt hi vọng vào quá trình phân bào giảm nhiễm? Đôi mắt màu hổ phách của cô, mũi khoằm của John và gien presenilin-1 của cô. Dĩ nhiên, giờ đây, cô không thể nào tưởng tượng ra được cuộc sống của cô mà không có các con. Nhưng trước khi cô có con, trước khi trải qua thứ tình cảm vô hình mặc đã gắn kết họ, liệu cô có thể quyết định rằng sẽ tốt hơn nếu mọi người không sinh con? Liệu Anna có quyết định được không?

~ . ~ ~

Tom bước vào, anh nói xin lỗi vì đèn trễ và không dẫn bạn gái về được. Nhưng vậy cũng ổn, vì ngày hôm nay chỉ nên có mặt các thành viên trong gia đình. Mà Alice cũng không nhớ được tên cô bạn gái của Tom. Anh lượn vòng quanh phòng ăn, có vẻ hơi lo vì anh đã lỡ bữa ăn, rồi quay lại phòng khách với một nụ cười rạng rỡ và một đĩa chất đầy thức ăn, mỗi món một ít. Anh ngồi vào ghế sofa với Lydia. Cô đang cầm kịch bản, mắt nhắm nghiền, lầm lẩm các câu thoại của mình. Mọi người đã đến đủ. Đến lúc rồi.

“Bố và mẹ có một vài chuyện quan trọng phải nói với các con, và bố mẹ muốn cả ba đứa con về đủ.”

Cô nhìn qua John. Anh gật đầu rồi nắm chặt tay cô hơn.

“Mẹ đang phải trải qua một số khó khăn về trí nhớ dạo gần đây, và trong tháng Một, mẹ được chẩn đoán mắc phải bệnh Alzheimer khởi phát sớm.”

Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ đặt trên lò sưởi tưởng như vang to hơn như thể có ai mở to tiếng nó lên trong một căn nhà trống vậy. Tom như hóa đá trong khi nĩa của anh còn ghim đầy trứng trắng chưa kịp đưa vào miệng. Alice lẽ ra nên đợi đến khi anh ăn xong bữa.

“Mẹ có chắc là bệnh Alzheimer không? Mẹ đã thử gặp bác sĩ chưa?” – Tom hỏi cô.

“Mẹ con đã xét nghiệm gien. Mẹ con bị một đột biến ở gien presenilin-1” – John nói thay Alice.

“Nó có ảnh hưởng đến toàn bộ nhiễm sắc thể không?” – Tom hỏi.

“Có, con à.”

John trao đổi thêm vài điều với Tom, nhưng chỉ qua ánh mắt.

“Vậy là sao? Bố, bố vừa nói gì với em ấy vậy?” – Anna hỏi bố.

“Tức là chúng ta có năm mươi phần trăm khả năng mắc phải Alzheimer” – Tom nói.

“Còn đứa bé trong bụng con thì sao?”

“Chị còn chưa có con mà” – Lydia nói.

“Anna, nếu con có ghen đột biến, con của con cũng sẽ có. Mỗi đứa con của con có năm mươi phần trăm khả năng kế thừa ghen đó” – Alice giải thích.

“Vậy bọn con phải làm sao? Bọn con có phải đi kiểm tra không?” – Anna hỏi mẹ.

“Con có thể kiểm tra” – Alice nói.

“Ôi Chúa ơi, nếu con mang ghen đó thì sao? Và rồi con của con cũng sẽ có.” – Anna nói.

“Đến thời con cháu chúng ta thì người ta cũng sẽ tìm ra cách chữa trị rồi” – Tom trấn an chị.

“Nhưng với chúng ta thì không, phải vậy không? Con cháu chúng ta sẽ khỏe, nhưng chúng ta thì sẽ trở thành những xác sống vô hồn.”

“Đủ rồi, Anna!” – John ngắt lời Anna.

Hàm anh nghiến chặt, mặt anh nóng ran. Giả như mười năm trước thì anh đã cầm túc Anna trong phòng. Thay vào đó, anh nắm lấy tay Alice thật chặt và lấy chân hất nhẹ vào chân Anna. Anh dường như bất lực trước tình huống này.

“Con xin lỗi” – Anna nói.

“Có thể khi con đến tuổi bố mẹ sẽ có một phương pháp trị liệu có thể ngăn được căn bệnh. Đây cũng là một trong những lý do để con kiểm tra thử con có mang ghen đột biến không. Nếu có, con có thể chuẩn bị chữa trị trước khi các triệu chứng bộc phát, mẹ hy vọng là con không bị” – Alice nói.

“Mẹ, vậy họ đang áp dụng phương pháp nào cho mẹ?” – Lydia hỏi cô.

“Họ cho mẹ các loại vitamin chống lão hóa, thuốc aspirin, statin và hai loại thuốc truyền dẫn thần kinh.”

“Mấy thứ thuốc đó có ngăn bệnh Alzheimer trở nên nguy hiểm hơn không?” – Lydia hỏi tiếp.

“Có thể được một thời gian, họ cũng không bảo đảm được.”

“Vậy còn kết quả của những cuộc khám nghiệm lâm sàng?” – Tom hỏi.

“Bố đang nghiên cứu chúng đây” – John trả lời con.

John bắt đầu nói về những nhà nghiên cứu và các nhà khoa học ở Boston. Họ đang nghiên cứu nguyên nhân của bệnh Alzheimer ở cấp độ phân tử, đưa quan điểm của họ về những liệu pháp tương đối hứa hẹn. John là một nhà sinh vật học về tế bào ung thư, không phải một nhà khoa học thần kinh, nhưng cũng không quá khác biệt về chuyên môn nên anh hiểu được quá trình những tế bào bệnh tật lây lan điên cuồng trong một hệ thống. Cả hai ngành đều có chung những thuật ngữ – thụ thể ràng buộc, phốt-pho hóa, quy luật phiên mã, các lỗm mặc áo protein clathrin, enzyme secretase. Tốt nghiệp Harvard giống như John được cấp thẻ thành viên của một câu lạc bộ xa hoa nhất, anh có được sự tín nhiệm để có thể tiếp cận hầu hết những bộ óc hàng đầu trong cộng đồng nghiên cứu Alzheimer ở Boston. Nếu một phương pháp tốt hơn tồn tại hoặc xuất hiện, John sẽ tìm ra cho Alice.

“Mà mẹ trông vẫn hoàn toàn khỏe mạnh mà. Với mẹ thật sự bệnh này là quá sớm, con thậm chí còn không thấy có dấu hiệu bệnh tật gì” – Tom nói.

“Em biết” – Lydia nói tiếp. – “Không phải vì mẹ mắc Alzheimer mà vì có gì đó không ổn.”

“Như thế nào?” – Anna hỏi.

“Như đôi khi mẹ nói những câu vô nghĩa trên điện thoại, mẹ nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Hay mẹ quên mất những gì em vừa nói cách đó năm phút. Và mẹ không nhớ cách làm bánh pudding Giáng Sinh như thế nào.”

“Con để ý bao lâu rồi?” – John hỏi.

“Ít nhất một năm rồi.”

Alice không thể nhớ chuyện xảy ra xa đến vậy, nhưng cô tin con mình. Cô cảm nhận được John cảm thấy hổ thẹn.

“Con cần biết liệu con có mắc phải bệnh này hay không. Con muốn kiểm tra. Mọi người muốn kiểm tra không?” – Anna hỏi.

“Cho dù con mắc bệnh thì biết vẫn đỡ lo hơn là không.” – Tom nói.

Lydia nhắm nghiền mắt lại. Mọi người đang chờ đợi. Alice chợt nghĩ đến một ý tưởng ngớ ngẩn rằng Lydia đang nhớ lại lời thoại của mình hoặc đang ngủ gục. Sau một hồi im lặng căng thẳng, con bé mở mắt và trả lời.

“Con không muốn biết.”

Lydia luôn làm mọi thứ theo cách riêng của con bé.

Ở WILLIAM JAMES HALL HÔM ĐÓ YÊN LẶNG ĐẾN KÌ LẠ. Tiếng ồn râm ran của sinh viên ở các hành lang, tiếng hỏi han nhau, tranh cãi, đùa giỡn, than thở, khoe khoang, gạ gẫm, tất cả đều biến mất. Kỳ đọc sách mùa xuân thường đột ngột dồn hết sinh viên trong khuôn viên trường vào các phòng kí túc xá hay thư viện, nhưng còn một tuần nữa mới đến lúc ấy. Nhiều sinh viên Tâm lý học nhận thức đã lên kế hoạch dành trọn một ngày quan sát các thí nghiệm đồ hình cộng hưởng từ trường ở Charlestown. Có lẽ là hôm nay.

Cho dù lý do là gì, Alice cảm thấy thích thú với cơ hội hoàn thành núi công việc mà không bị gián đoạn. Cô đã quyết định không ghé qua quán Jerri's mua một cốc trà trên đường đến văn phòng và giờ cô tiếc rằng giá như mình đã mua một cốc. Cô có thể uống thức uống chứa caffeine. Cô đọc qua các bài viết trong cuốn tạp chí Ngôn ngữ học mới, cô gom bài kiểm tra cuối kỳ của môn Động lực và cảm xúc của năm nay. Cô trả lời hết tất cả các thư điện tử gần đây cô đã bỏ qua. Cô sẽ làm được tất cả nếu không có điện thoại reo hay ai gõ cửa.

Cô đã về nhà trước khi cô nhận ra rằng cô quên ghé quán Jerri's. Cô vẫn muốn uống trà. Cô xuống bếp, đặt ấm nước lên bếp. Đồng hồ trên lò vi sóng hiện lên 4:22 sáng.

Cô nhìn ra cửa sổ. Cô nhìn thấy ngoài trời đen kịt và bóng cô trên kính. Cô đang mặc đồ ngủ của mình.

Chào Mẹ,

Thụ tinh nhân tạo không thành công. Con chưa mang thai được. Nhưng mà con không buồn như con tưởng (còn Charlie có vẻ thờ phào nhẹ nhõm). Con hi vọng kết quả xét nghiệm kia cũng âm tính. Buổi hẹn nhận kết quả vào ngày mai. Tom và con sẽ ghé qua báo bố mẹ kết quả.

Yêu mẹ nhiều,

Anna

ĐIỀU BẤT THƯỜNG từ khó xảy ra đến mức hi hữu là nếu cả hai bọn họ đều có kết quả âm tính đối với gien đột biến di truyền này thì họ đã phải đến rồi, nhưng Alice đã đợi họ cả tiếng đồng hồ. Nếu cả hai người đều âm tính, thì cuộc hẹn này sẽ nhanh thôi, một cuộc hẹn kiểu như “cả hai đứa đều khỏe mạnh”, “cảm ơn các con rất nhiều,” và gặp nhau ngay ngoài cửa. Chắc là Stephanie chạy bộ trễ hôm nay. Có khi Anna và Tom phải ngồi ở phòng đợi lâu hơn nhiều so với suy nghĩ của Alice.

Rồi cuối cùng họ cũng đến trước cửa nhà. Sự bất thường từ hi hữu đến mức dường như không thể xảy ra là nếu họ đều âm tính, họ hẳn đã reo hò hay trên mặt họ cũng biểu lộ niềm vui sướng đến muốn nhảy cẫng lên như thế nào. Nhưng không, họ ém lại những gì họ mới biết khi bước vào phòng khách, cố gắng níu lấy cuộc sống trước khi những chuyện này diễn ra đến chừng nào có thể, trước khi họ buông để sự thật nực cười họ đang giữ bật tung ra.

Họ ngồi cạnh nhau trên ghế sofa, Tom bên trái và Anna bên phải, giống như lúc nhỏ họ hay ngồi trên ghế sau ô tô. Tom thuận tay trái và thích ngồi gần cửa sổ, còn Anna ngồi ở giữa cũng được. Giờ đây, họ ngồi sát nhau hơn lúc trước, rồi khi Tom nắm lấy tay Anna, con bé không hét toáng lên như lúc trước: “Mẹ ơi, Tommy đụng con!”

Tom nói ra trước: “Con không có gien đột biến mẹ à.”

“Nhưng con có” – Anna nói.

Sau khi Tom ra đời, Alice nhớ lại cô đã hạnh phúc vô cùng, rằng cô đã có những đứa con lý tưởng. Rồi hai mươi sáu năm trôi qua, niềm hạnh phúc biến thành một lời nguyện. Gương mặt điềm tĩnh kiên cường ở một bà mẹ của Alice sụp đổ, cô bắt đầu khóc.

“Mẹ xin lỗi con” – cô nước mắt.

“Sẽ ổn thôi mẹ. Giống như mẹ nói, người ta sẽ tìm ra liệu pháp thôi” – Anna an ủi cô.

Khi Alice nghĩ về chuyện này, cô thấy thật trở trêu làm sao. Kể ra, ít nhất Anna cũng là người mạnh mẽ nhất. Con bé chịu đựng hết nỗi buồn, mà cũng phải, chuyện này không mấy là ngạc nhiên vì Anna là đứa con giống mẹ nhất. Con bé có mái tóc giống Alice, giống màu tóc, giống tính cách của mẹ và giống cả gen presenilin-1.

“Con sẽ tiếp tục thụ tinh ống nghiệm. Con đã nói chuyện với bác sĩ, họ sẽ thực hiện chẩn đoán di truyền tiền cấy phôi trên các phôi thai. Họ sẽ kiểm tra từng tế bào trong phôi và chỉ cấy cho phôi không mang tế bào đột biến. Như vậy chúng ta sẽ đảm bảo con của con sẽ không bao giờ mắc bệnh.”

Thật là một tin tốt. Nhưng trong khi mọi người còn lắng nghe thông tin từ Anna, Alice lại cảm thấy một chút chua xót cho chính mình. Thay vì tự trách mình, cô cảm thấy ghen tị với Anna, cô không thể làm những gì như Anna làm để giữ con mình an toàn. Anna sẽ không bao giờ phải ngồi đối diện con gái của mình, đứa con đầu lòng, nhìn con bé đau đớn chịu đựng sự thật rằng một ngày nào đó nó sẽ mắc Alzheimer. Cô ước gì cô đã có thể sử dụng những tiến bộ trong sản khoa này. Nhưng rồi phôi tạo nên Anna đã không hình thành.

Theo như Stephanie Aaron, Tom sẽ khỏe mạnh, nhưng anh trông không giống vậy. Anh trông xanh xao, run rẩy và yếu ớt. Alice đã tưởng rằng kết quả âm tính đối với một trong hai người thôi cũng đủ để cô thở phào nhẹ nhõm. Nhưng họ là gia đình, gắn bó bởi ký ức về nhau, ADN và tình yêu thương. Anna là chị của Tom. Con bé dạy Tom trò thổi kẹo cao su và nút thành tiếng, và con bé luôn cho Tom kẹo trong lễ Halloween.

“Ai sẽ báo cho Lydia đây?” – Tom hỏi.

“Chị sẽ báo cho nó” – Anna trả lời.

THÁNG NĂM, NĂM 2004

Lúc đầu Alice nghĩ trong tuần sẽ đi thám thính tình hình sau khi cô nhận được chẩn đoán bệnh, nhưng cô lại không đi. Bánh quy may mắn, tử vi, bài tarot và các nhà trợ sinh đều không gợi lên chút hứng thú gì ở cô. Mặc cho căn bệnh ngày càng đến gần hơn, cô vẫn nhàn tản không màng đến tương lai của mình. Không có gì đặc biệt vào sáng hôm đó làm cho cô thấy tò mò hay có dũng khí tham quan Viện dưỡng lão Mount Auburn Manor. Nhưng hôm nay, cô đã đặt chân đến đây.

Hành lang chẳng có gì đáng sợ. Một bức tranh màu nước vẽ cảnh biển treo trên tường, tấm thảm phương Đông đã sờn trải dưới sàn, một người phụ nữ với cặp mắt trang điểm cực đậm và mái tóc đen ngắn ngồi bên chiếc bàn xoay ra phía cửa trước. Hành lang này có thể bị nhầm lẫn với kiểu hành lang của khách sạn, nhưng chỉ khác ở mùi thuốc nhè nhẹ, không có hành lý, không có người giữ cửa và những người ra vào nơi đây không giống như ở khách sạn. Họ sống ở đây chứ không phải khách.

“Tôi có thể giúp gì cho bà?” – Người phụ nữ hỏi.

“À, vâng. Ở đây có nhận bệnh nhân Alzheimer không?”

“Có, chúng tôi có một đơn vị chuyên chăm sóc các bệnh nhân Alzheimer. Bà có muốn xem qua không?”

“Vâng.”

Cô đi theo người phụ nữ đến thang máy.

“Cô đến tìm bố hay mẹ hả?”

“Đúng vậy” – Alice trả lời.

Họ phải đợi. Thang máy ở đây cũng già nua và chậm chạp y như những người chúng thường chuyên chở.

“Dây chuyền của bà dễ thương quá” – người phụ nữ khen.

“Cảm ơn.”

Alice đặt tay lên ngực rồi miết ngón tay lên viên đá xanh đính trên đôi cánh của mặt dây chuyền hình bướm theo phong cách nghệ thuật cách tân của mẹ cô. Mẹ cô ngày xưa chỉ thường đeo nó vào lễ kỷ niệm, lễ cưới, và cũng giống mẹ, Alice để dành nó cho những dịp đặc biệt quan trọng. Nhưng trên lịch của cô không có dịp nào trọng đại, và cô thích sợi dây chuyền nên một ngày vào tháng trước, cô đã đeo thử trong khi mặc quần jeans và áo thun. Sợi dây chuyền trông rất hợp với trang phục của cô.

Vả lại, cô thích được nhắc về hình ảnh bướm bướm. Cô nhớ khi cô sáu hay bảy tuổi, cô đã ở ngoài sân khóc cho số phận của loài bướm vốn chỉ sống được vài ngày. Mẹ của cô đã dỗ dành cô và nói với cô không phải buồn cho loài bướm, vì cuộc đời chúng tuy ngắn nhưng không phải là một thảm kịch. Ngắm nhìn chúng bay dưới ánh mặt trời ấm áp giữa những đóa hoa cúc trong vườn, rồi mẹ cô bảo, con thấy đấy, chúng có một cuộc đời tươi đẹp. Alice thích nhớ về kỷ niệm ấy.

Họ rời thang máy, bước vào tầng ba và đi dọc theo hành lang dài trải thảm, đi qua hàng loạt các cánh cửa đôi rồi dừng lại. Người phụ nữ quay người về phía cánh cửa tự động khép lại sau lưng họ và giới thiệu.

“Đơn vị Chăm sóc đặc biệt cho bệnh nhân Alzheimer được khóa, tức là nếu không biết mật mã thì không thể ra vào những cánh cửa này được.”

Alice nhìn vào bàn phím số trên tường ngay cạnh cánh cửa. Các con số được sắp xếp tách rời nhau theo thứ tự ngược từ dưới lên và từ phải sang.

“Tại sao phải sắp xếp những con số như vậy?”

“À, để những người ở đây không học thuộc được mật mã.”

Dường như đây là một sự cẩn thận quá mức. Nếu mà họ nhớ nổi mật mã thì họ đâu có cần phải sống ở đây.

“Tôi không biết bà đã thấy bố mẹ mình như thế này chưa, nhưng cảnh lang thang và thức suốt đêm là những biểu hiện rất

phổ biến của bệnh nhân Alzheimer. Đơn vị của chúng tôi cho phép các bệnh nhân ở đây đi dạo mọi lúc, nhưng phải đảm bảo họ an toàn và không đi lạc. Chúng tôi cũng không cho họ dùng thuốc an thần hay giữ họ trong phòng vào ban đêm. Chúng tôi cố gắng để họ duy trì sự tự do và độc lập càng nhiều càng tốt. Chúng tôi biết đây là điều quan trọng với họ và cả gia đình của họ.”

Một người phụ nữ tóc bạc trắng, thân hình nhỏ nhắn khoác lên bộ đồ ngủ tuềnh toàng bước đến đối diện Alice.

“Cô không phải con gái tôi.”

“Không, xin lỗi, tôi không phải.”

“Trả tiền lại đây!”

“Cô ấy không lấy tiền của bà, Evelyn. Tiền của bà ở trong phòng. Kiểm tra ngăn tủ trên cùng xem, tôi nghĩ bà để tiền trong đấy.”

Bà lão nhìn chằm chằm vào Alice với một vẻ nghi ngờ khinh khỉnh, nhưng sau đó bà nghe lời người chăm sóc và lê về phòng trên đôi dép vải lông trắng đã ố bẩn của bà.

“Bà ấy có một tờ tiền hai mươi đô la mà bà ấy luôn giấu đi vì sợ ai đó sẽ lấy trộm. Và dĩ nhiên là bà ấy quên mất để nó ở đâu và buộc tội mọi người đã lấy nó. Chúng tôi ráng thuyết phục bà tiêu tờ tiền đi hoặc là gửi ngân hàng, nhưng bà ấy không chịu. Đôi lúc bà ấy quên mất mình có tờ tiền, thế nên có tiền cũng như không.”

Thoát khỏi cuộc điều tra hoang tưởng của Evelyn, họ đi tiếp đến một phòng sinh hoạt chung ở cuối hành lang mà không bị ai cản đường nữa. Căn phòng đầy người già đang ăn trưa quanh những chiếc bàn tròn. Quan sát kỹ hơn một chút, Alice nhận ra căn phòng hầu như chỉ toàn những bà lão.

“Chỉ có ba ông lão thôi à?”

“Thật ra chỉ có hai trong ba mươi hai bệnh nhân ở đây là đàn ông. Ông Harold đến đây mỗi ngày để dùng bữa với vợ mình.”

Có lẽ vì phải theo luật chơi của trò con rận thuở bé nên hai ông lão mắc Alzheimer ngồi cạnh nhau ở bàn của họ, tách khỏi

những bà lão. Những người đi qua đi lại làm khoảng trống giữa các bàn trong chật chội. Nhiều bà lão ngồi trên xe lăn. Hầu hết họ đều có mái tóc trắng lưa thưa và đôi mắt sâu hoắm được phóng to lên bởi cặp kính dày. Cả khi ăn, cử động của họ cũng thật chậm. Không tương tác, không nói chuyện với nhau, cả Harold và vợ ông cũng vậy. Âm thanh duy nhất ngoài tiếng phát ra từ việc ăn uống là một bà lão vừa ăn vừa hát, chiếc kim đọc đĩa của cái máy hát trong bà nhảy lên nhảy xuống tiêu đề bài hát “Dưới ánh trăng bạc”. Không có ai phàn nàn hay khen ngợi gì.

Dưới ánh trăng bạc.

“Chắc bà cũng đoán được, đây là phòng ăn và phòng sinh hoạt của chúng tôi. Các bệnh nhân dùng bữa sáng, trưa và tối ở đây mỗi ngày. Việc dự đoán các thói quen có thể rất quan trọng. Các hoạt động khác cũng diễn ra ở đây. Chúng tôi có các hoạt động như chơi bowling, ném bao đậu, đồ vui, nhảy múa và làm đồ thủ công. Họ đã làm những ngôi nhà cho chim đáng yêu này vào sáng nay. Và chúng tôi cho người đọc báo cho họ mỗi ngày để họ cập nhật được sự kiện diễn ra ở hiện tại.”

Dưới ánh

“Ở đây có vô vàn cơ hội cho bệnh nhân giữ được cơ thể và tinh thần của họ bận rộn và phong phú đến chừng nào có thể.”

trăng bạc.

“Chúng tôi luôn hoan nghênh gia đình và bạn bè của họ đến, tham gia vào mọi hoạt động ở đây, và dùng bữa cùng với người họ yêu thương.”

Ngoài Harold ra, Alice không thấy người thân nào đến thăm. Không người chồng, người vợ hay con, cháu, bạn bè nào. “Chúng tôi cũng có một đội ngũ y tế được đào tạo chuyên nghiệp chăm sóc bất cứ bệnh nhân nào cần chăm sóc đặc biệt.”

Dưới ánh trăng bạc.

“Ở đây có ai dưới sáu mươi tuổi không?”

“Ồ không, người trẻ nhất cũng bảy mươi tuổi. Độ tuổi trung bình ở đây là tám mươi hai, tám mươi ba. Hiếm khi chúng tôi gặp ai trẻ hơn sáu mươi tuổi.”

Cô đang gặp một người đây, quý cô.

Dưới ánh trăng bạc.

“Chi phí ở đây như thế nào?”

“Tôi có thể gửi cô một tập thông tin chi tiết khi ra ngoài, nhưng qua tháng Một, chi phí ở Đơn vị Chăm sóc đặc biệt cho bệnh nhân Alzheimer sẽ là tám mươi lăm đô la một ngày.”

Alice cố gắng thực hiện bài toán khó trong đầu. Khoảng một trăm nghìn đô la một năm. Nhân với năm, mười, hai mươi năm nữa.

“Bà có cần hỏi gì nữa không?”

Dưới ánh trăng

“Không, cảm ơn cô.”

Cô theo người hướng dẫn ra lại cánh cửa đôi đã khóa và xem cô ấy nhập mật mã.

0791925

Cô không thuộc về nơi này.

ĐÂY LÀ NGÀY HIẾM THẤY NHẤT Ở Cambridge, một ngày kỳ diệu mà những cư dân New England mơ về, một ngày mà mỗi năm người ta không tin nổi là có thật: nắng ấm, nhiệt độ đạt đến hai mươi một độ. Bầu trời xanh thẫm như sáp màu, cuối cùng cũng đến lúc không cần phải mặc áo ấm nữa. Một ngày mà mọi người không nên để phí thời giờ ngồi trong văn phòng, đặc biệt là với một người mắc bệnh Alzheimer. Cô lạc qua vài dãy nhà phía đông nam của Yard rồi đi vào quán Ben & Jerry's. Cô hơi rùng mình vì những cô cậu sinh viên trốn học.

“Cho tôi một phần kem ốc quế ba viên kem bơ đậu.”

Ồi khốn thật, tôi đang dùng thuốc giảm mỡ máu.

Cô chiêm ngưỡng phần kem đồ sộ như giải Oscar, cô trả tiền bằng tờ bạc năm đô la rồi thả tiền thừa vào lọ tiền boa cho sinh viên, và tiếp tục đi đến sông Charles.

Nhiều năm nay cô đã đổi sang món yogurt đá, một món thay thế lành mạnh hơn và cô đã quên mất vị của món kem đặc sệt, béo ngậy và ngon lành như thế nào rồi. Cô nghĩ về những gì cô thấy ở Trung tâm dưỡng lão Mount Auburn Manor trong lúc vừa đi vừa thưởng thức món kem. Cô cần một kế hoạch hay hơn, một kế hoạch để cô không phải chơi ném bao đậu với bà Evelyn ở Đơn vị Chăm sóc đặc biệt cho bệnh nhân Alzheimer. Một kế hoạch không để John phải trút hết gia tài nuôi sống một người phụ nữ không còn nhận ra được anh, mà quan trọng hơn cả, là anh cũng không nhận ra nổi. Việc ở đây ngay lúc này với cô chẳng có nghĩa lý gì, vì gánh nặng cả về tình cảm lẫn tài chính hoàn toàn đè bẹp mọi lợi ích của việc đi dạo.

Cô đã phạm phải sai lầm, và cô đang chật vật để bù đắp lại, nhưng cô cảm thấy chắc chắn rằng, chỉ số IQ của cô đã tụt đến mức ít nhất là độ lệch chuẩn chỉ hơn được mức trung bình. Và người với chỉ số IQ trung bình thường không tự sát. Chà, một số người cũng có hành vi tự tử, nhưng không phải vì lý do liên quan đến chỉ số IQ.

Tuy trí nhớ mục ruỗng đi từng ngày, nhưng bộ não cô vẫn phục vụ cô rất hiệu quả trong vô số việc khác nhau. Ví dụ như, ngay trong lúc này, cô thưởng thức món kem mà không đổ một giọt kem nào ra ốc quế hay đổ ra tay nhờ kỹ thuật vừa ăn vừa xoay mà lúc nhỏ cô tự nghĩ ra và được lưu lại đâu đó gần vùng ký ức về cách đi xe đạp hay buộc dây giày. Cùng lúc đó, cô bước xuống lòng đường và băng qua đường, vùng não vận động và tiểu não của cô giải quyết những phương trình toán học phức tạp cần thiết để cô di chuyển sang bên kia đường mà không bị ngã hay bị xe tông phải. Cô nhận ra mùi hương ngọt ngào của hoa thủy tiên và mùi cà-ri thoảng bay ra từ nhà hàng Ấn ở góc phố. Từng chút kem tan trong miệng, cô khoan khoái trong vị ngon của chocolate và bơ đậu phộng, minh chứng cho dây thần kinh hưng cảm trong não cô vẫn hoạt động tốt. Sợi dây thần kinh ấy cho phép cô tận hưởng chuyện ân ái hay cảm nhận vị ngon của một chai rượu vang.

Nhưng một lúc nào đó, cô sẽ quên cách ăn kem ôc quê, quên cách buộc dây giày và quên cả cách bước đi. Một lúc nào đó, những sợi dây thần kinh hưng cảm của cô sẽ lụi tàn bởi sự tàn phá của amyloid tích tụ lại và cô sẽ không còn khả năng tận hưởng những thứ cô yêu thích. Và một lúc nào đó, sẽ chẳng còn lúc nào cả.

Cô ước gì mình bị ung thư. Cô sẽ đối Alzheimer lấy ung thư ngay lập tức. Cô cảm thấy tủi nhục khi phải ước như vậy, một cuộc thương lượng thật vô ích, nhưng dù vậy cô vẫn tiếp tục mơ tưởng điều đó. Đối với ung thư, chí ít cô cũng có gì đó để chiến đấu. Cô có thể phẫu thuật, xạ trị, và hóa trị. Cô vẫn có cơ hội chiến thắng. Gia đình cô và những người ở Harvard sẽ luôn đứng đằng sau, hỗ trợ cô trong trận chiến và coi trọng nỗ lực của cô hơn. Và cho dù sau cùng cô có thất bại, cô vẫn nhìn vào mắt họ, nhận ra họ và chào tạm biệt trước khi ra đi.

Bệnh Alzheimer là một con quái vật hoàn toàn khác. Không thứ vũ khí nào có thể hạ được nó. Uống thuốc Aricept và Namenda cũng chẳng khác gì chĩa súng nước vào một trận hỏa hoạn. John tiếp tục thử nghiệm các loại thuốc trong phát triển lâm sàng, nhưng cô nghĩ rằng sẽ chẳng có thứ nào trong số chúng đáp ứng được và thay đổi gì nhiều cho cô, nếu có thì anh đã gọi cho bác sĩ Davis và quyết tâm để cô dùng chúng. Hiện tại, mọi bệnh nhân Alzheimer đều phải đối mặt với cùng kết cục, cho dù họ tám mươi hai tuổi hay năm mươi tuổi, dù là bệnh nhân ở nhà dưỡng lão Mount Auburn Manor hay một giáo sư tâm lý học ở Đại học Harvard. Trận hỏa hoạn sẽ nuốt chửng tất cả. Chẳng ai thoát được cả.

Và trong khi đầu bị cạo trọc cùng dải ruy băng vắt chéo vì bị ung thư được tôn vinh như huân chương cho lòng dũng cảm và hi vọng, thì những ngôn từ rối bời cùng với trí nhớ đang suy giảm chỉ phơi ra thần kinh không ổn định và bệnh mất trí của cô. Những người mắc bệnh ung thư có thể mong đợi hỗ trợ từ cộng đồng còn Alice chỉ có thể đợi đến lúc bị ruồng bỏ. Ngay cả những người tốt hay người có học cũng có xu hướng giữ khoảng

cách với những bệnh nhân tâm thần vì sợ. Cô không muốn trở thành một người mà ai cũng thấy sợ và phải tránh né.

Nếu chấp nhận sự thật rằng cô mắc Alzheimer, cô chỉ có thể dựa vào hai thứ thuốc có tác dụng với Alzheimer, và cô không thể đổi lấy bất cứ căn bệnh có thể chữa được nào khác, Alice muốn làm gì? Giả sử Anna thụ tinh ống nghiệm thành công, cô muốn sống để chăm cháu ngoại mình. Cô muốn xem Lydia diễn một vở kịch nào đó khiến cô cảm thấy tự hào. Cô muốn thấy cảnh Tom hẹn hò. Cô muốn thêm một năm đi nghiên cứu cùng John. Cô muốn đọc mọi cuốn sách cô có thể đọc cho đến khi cô không đọc được nữa.

Cô cười, ngạc nhiên với những gì cô bày tỏ với chính mình. Trong những việc ấy, không có thứ gì liên quan đến Ngôn ngữ học, việc dạy học hay trường Harvard. Cô ăn miếng kem cuối cùng. Cô muốn được tận hưởng những ngày 21 độ và ăn kem ốc quế nhiều hơn nữa.

Và khi gánh nặng bệnh tật lớn đến áp đảo niềm vui từ món kem, cô chỉ muốn chết. Nhưng cô có thật sự tỉnh táo để nhận ra thời điểm khủng khiếp đó đã đến? Cô lo rằng trong tương lai, cô sẽ không thể nhớ và thực hiện kế hoạch đó được. Cô đâu thể nhờ John hay các con cô hỗ trợ cô trong việc này. Cô không bao giờ dồn bất cứ ai trong gia đình vào tình cảnh như thế.

Ngay bây giờ cô cần sắp xếp một kế hoạch để tự kết liễu cuộc đời mình trong tương lai. Cô cần lập nên một bài kiểm tra đơn giản, một bài kiểm tra mà cô có thể tự giám sát mình mỗi ngày. Cô nghĩ đến những câu hỏi của bác sĩ Davis và nhà tâm lý học thần kinh đã hỏi cô, những câu hỏi cô không thể trả lời trong tháng Mười Hai vừa rồi. Cô nghĩ về những gì cô vẫn đang muốn. Với những thứ ấy vốn không cần đến một trí tuệ sáng suốt để trả lời. Cô dự định sẽ sống được với một vài lỗ hổng lớn trong vùng ký ức ngắn hạn.

Cô lôi chiếc điện thoại BlackBerry ra từ chiếc giỏ Anna William màu xanh nhạt mà Lydia đã tặng cô trong sinh nhật. Cô mang chiếc giỏ mỗi ngày, khoác quai giỏ lên vai trái, khoác chéo lên hông bên phải. Chiếc giỏ trở thành món phụ kiện không thể

tách rời giông như chiếc nhẫn cưới bạch kim và đồng hồ chạy bộ của cô. Và chiếc giỏ trông rất hợp với sợi dây chuyền bướm bướm. Alice đứng điện thoại BlackBerry và chìa khóa trong đó. Chỉ khi nào đi ngủ cô mới bỏ ra.

Cô bắt đầu gõ:

Alice, hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Bây giờ là tháng mấy?
2. Cô sống ở đâu?
3. Văn phòng của cô ở đâu?
4. Sinh nhật của Anna vào ngày nào?
5. Cô có bao nhiêu người con?

Nếu cô thấy khó trả lời bất cứ câu hỏi nào trong những câu trên, hãy mở thư mục “Bướm bướm” trên máy tính của cô và làm theo hướng dẫn ngay lập tức.

Cô chuyển báo thức sang chế độ rung và cài đặt lịch nhắc nhở cô đều đặn mỗi buổi sáng lúc tám giờ, cô thiết lập nhắc nhở vĩnh viễn. Cô nhận ra kế hoạch này cũng có nhiều vấn đề, hoàn toàn không đơn giản chút nào. Cô chỉ hi vọng cô mở được thư mục “Bướm bướm” trước khi cô trở nên ngớ ngẩn đến mức không xác định được.

CÔ CHẠY NHANH HẾT MỨC CÓ THỂ để đến lớp học vì sợ trễ, nhưng không có cô nên trong lớp học vẫn chưa có ai bắt đầu việc gì cả. Cô ngồi vào một chỗ bên cánh khán phòng, cách trung tâm về phía sau bên trái bốn hàng ghế. Một vài sinh viên lén vào qua cửa sau, nhưng hầu hết sinh viên trong lớp đã đến, sẵn sàng cho tiết học. Cô nhìn vào đồng hồ. 10 giờ 5 phút. Điều bất thường nhất là đồng hồ của cô khớp với giờ trên đồng hồ treo tường. Cô cố tỏ ra bận rộn.

Cô xem qua chương trình học và lướt qua ghi chú về buổi học trước. Cô đã lập một danh sách các việc phải làm trong ngày:

Phòng thí nghiệm
Hội nghị chuyên đề
Chạy
Nghiên cứu cuối cùng

Thời gian: 10 giờ 10 phút. Cô gõ cây viết theo nhịp bài hát “Sharora của tôi”.

Đám sinh viên nhón nháo. Họ kiểm tra vở rồi nhìn đồng hồ trên tường, họ lật qua lật lại sách giáo khoa rồi gấp lại, họ khởi động máy tính xách tay rồi nhấp chuột, đánh máy. Có người uống cho hết ly café của mình. Họ vò bao đựng các thanh kẹo và hàng tá các món thức ăn nhanh rồi nhai nhồm nhoàm. Có người bắt đầu cắn nắp bút và móng tay. Có người quay lại dò xem phía cuối phòng, họ quay sang nghe ý kiến bạn ngồi cùng hàng, họ nhíu mày rồi nhún vai. Họ thăm thì và cười rúc rích với nhau.

“Có lẽ cô ấy là giáo viên thỉnh giảng” – một cô sinh viên ngồi cách vài hàng ghế phía trước Alice.

Alice mở chương trình học Động lực và Cảm xúc ra một lần nữa. Thứ Ba, ngày 4 tháng Năm: Căng thẳng, Tuyệt vọng và Kiểm soát (chương 12 và 14). Không có giảng viên thỉnh giảng nào ở đây cả. Không khí trong căn phòng chuyển từ mong đợi sang nhón nháo. Đám sinh viên như những hạt bắp được cho vào lò. Một khi hạt đầu tiên bắt đầu nổ phồng lên, những hạt khác sẽ nổ theo, nhưng không ai biết hạt nào sẽ xung phong nổ trước và khi nào thì bung. Theo quy định của trường Harvard, sinh viên phải đợi hai mươi phút nếu giảng viên đến trễ, sau đó lớp học mới chính thức hủy. Không sợ phải đóng vai hạt bắp đầu tiên, Alice gấp vở lại, đóng nắp viết và cho mọi thứ vào trong cặp xách. Đã 10 giờ 21 phút, đủ lâu rồi.

Khi cô quay sang định ra về, cô nhìn bốn nữ sinh viên ngồi trước mặt mình. Họ đều nhìn cô và cười, có lẽ biết ơn vì đã giải

thoát họ khỏi áp lực và cho họ ra ngoài. Cô giơ cổ tay lên, đưa mặt đồng hồ ra như một bằng chứng không ai chối cãi được.

“Tôi không biết các cô cậu thế nào, tôi thì có việc hay hơn để làm.”

Cô bước lên bậc thang, đi ra cửa sau rồi khỏi khán phòng vẫn đầy những sinh viên đang phấn khởi. Cô không bao giờ nhìn lại.

CÔ NGỒI TRONG VĂN PHÒNG CỦA MÌNH, nhìn dòng xe cộ giờ cao điểm lấp loáng dọc theo đường Memorial Drive. Cô cảm thấy hông mình rung lên. Đã đến 8 giờ. Cô lôi chiếc BlackBerry trong chiếc giỏ màu xanh nhạt của mình ra.

Alice, hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Bây giờ là tháng mấy?
2. Cô sống ở đâu?
3. Văn phòng của cô ở đâu?
4. Sinh nhật của Anna vào ngày nào?
5. Cô có bao nhiêu người con?

Nếu cô thấy khó trả lời bất cứ câu hỏi nào trong những câu trên, hãy mở thư mục “Bướm bướm” trên máy tính của cô và làm theo hướng dẫn ngay lập tức.

Tháng Năm

Số 34 Đường Poplar, Cambridge, MA 02138

Tòa nhà William James Hall, phòng 1002

Ngày 14 tháng Chín, 1976

Ba

THÁNG SÁU, NĂM 2004

Một bà lão với sơn móng tay và son màu hồng chói không thể lẫn vào đâu được đang giỡn với một bé gái chừng năm tuổi. Hai người họ chắc là bà cháu. Cả hai đều đang vô cùng vui vẻ. Trang quảng cáo viết: “TUMMY TICKLER là SÔ MỘT – phương thuốc chữa bệnh Alzheimer hàng đầu được các bác sĩ khuyên dùng”. Alice đã lật qua gần hết cuốn tạp chí Boston, nhưng cô không thể bỏ qua trang ấy. Sự căm ghét bà lão ấy và trang quảng cáo dâng trào trong cô như một thứ dung dịch đang sôi sục. Cô nghiền ngẫm bức tranh và dòng chữ, chờ xem suy nghĩ của cô có theo kịp những gì ruột gan cô cảm thấy, nhưng trước khi cô kịp hiểu ra tại sao cô cảm thấy kích động như vậy, bác sĩ Moyer mở cửa để cô vào phòng khám.

“Alice, trông cô như bị mất ngủ. Nói tôi nghe xem có chuyện gì vậy.”

“Tôi mất cả tiếng đồng hồ mới đi vào giấc ngủ được và vài tiếng sau tôi lại thức dậy, rồi mọi thứ cứ thế lặp lại.”

“Lúc đi ngủ cô có những triệu chứng như nóng bừng trong người hay toàn thân khó chịu không?”

“Không.”

“Cô đang uống những thuốc nào?”

“Aricept, Namenda, Lipitor, vitamins C và E, và aspirin.”

“Chà, không may là Aricept có thể gây ra tác dụng phụ làm mất ngủ.”

“Phải, nhưng tôi không bỏ thuốc Aricept được.”

“Vậy hãy kể tôi nghe cô làm gì khi không ngủ được.”

“Hầu như tôi chỉ nằm bốn chân. Tôi biết là như vậy chỉ khiến bệnh tệ hơn, nhưng tôi thấy lo và không biết khi nào thì mình đi ngủ rồi thức giấc vào buổi sáng mà không còn biết tôi đang ở đâu, tôi là ai hay tôi đang làm gì nữa. Tôi biết là vô lý, nhưng tôi nghĩ Alzheimer chỉ có thể hủy hoại các tế bào não khi tôi ngủ và chừng nào tôi còn thức và canh chừng thì tôi sẽ vẫn bình thường.”

“Tôi biết là nỗi lo này khiến tôi không thể ngủ, nhưng tôi không làm khác được. Tôi không ngủ được nên tôi thấy lo, và vì lo lắng nên tôi lại không ngủ được. Phải nói với cô rằng tôi kiệt quệ vì chuyện này.”

Phần nào những gì Alice vừa kể là thật. Cô lo lắng thật. Nhưng lâu nay cô vẫn ngủ như một đứa bé.

“Ban ngày cô có cảm thấy lo lắng giống như vậy không?” – Bác sĩ Moyer hỏi cô.

“Không.”

“Tôi có thể kê cho cô một đơn thuốc SSRI.”

“Tôi không muốn dùng thuốc chống trầm cảm. Tôi không bị trầm cảm.”

Sự thật là có lẽ cô bị trầm cảm nhẹ bởi cô đã được chẩn đoán mắc phải căn bệnh vô phương cứu chữa. Và con gái cô cũng mắc phải. Dường như cô hoàn toàn không đi xa nữa, những bài giảng một thời sôi nổi của cô cũng đã trở nên chán không ai chịu nổi nữa, và ngay cả những dịp hiếm hoi John ở nhà với cô, cô cũng cảm thấy anh ở xa hàng triệu cây số. Thật vậy, cô cảm thấy buồn một chút. Nhưng đó cũng là một câu trả lời thỏa đáng trong trường hợp này và không phải thêm một thứ thuốc nào, thêm một tác dụng phụ nào vào đơn thuốc hàng ngày của cô. Và mục đích cô đến đây không phải vậy.

“Chúng ta có thể thử dùng Restoril, một viên mỗi tối trước khi đi ngủ. Nó sẽ giúp cô chìm vào giấc ngủ nhanh chóng và cho phép cô ngủ liên tục sáu tiếng đồng hồ, sáng dậy cô cũng không thấy uể oải.”

“Tôi muốn thứ gì đó mạnh hơn.”

Một khoảng lặng giữa cuộc nói chuyện.

“Tôi nghĩ tôi nên hẹn cô một buổi khác đến đây cùng với chồng cô, và chúng ta sẽ bàn về việc dùng thuốc mạnh hơn.”

“Chuyện này không liên quan đến chồng tôi. Tôi không bị trầm cảm, và tôi không tuyệt vọng. Tôi hiểu được tôi muốn gì, Tamara à.”

Bác sĩ Moyer đắm chiêu nhìn cô. Alice cũng nhìn bác sĩ như vậy. Họ đều đã ngoài bốn mươi, chưa đến mức già, cả hai đều đã lập gia đình, học vấn uyên bác. Alice không hiểu chủ trương của bác sĩ Moyer. Cô sẽ đến gặp một bác sĩ khác nếu cần thiết. Chứng mất trí của cô đang trở nên nặng hơn. Cô không thể liệu mình lâu hơn nữa. Cô có thể sẽ quên hết. Cô đã luyện tập để đối thoại tiếp nhưng cô cũng không cần dùng đến nữa. Bác sĩ Moyer gác sổ kê đơn qua một bên và bắt đầu ghi chép.

ALICE QUAY LẠI PHÒNG XÉT NGHIỆM tí hon với Sarah gì đó, một nhà tâm lý học thần kinh. Cô gái đó đã giới thiệu mình với Alice một lần nữa chỉ mới ít phút trước nhưng Alice lập tức quên mất họ của cô. Không phải là một điềm lành. Căn phòng, giống như Alice nhớ về nó từ hồi tháng một, chật chội, được vô trùng và lạnh lẽo. Ở trong đó là một chiếc bàn làm việc, một máy tính iMac, hai ghế ngồi kiểu quán thức ăn nhanh và một cái tủ sắt đựng hồ sơ. Chẳng còn gì khác. Không cửa sổ, không cây kiểng, không tranh ảnh, không treo cả lịch trên tường. Không có gì chi phối, không một gợi ý nào, không có cơ hội để nhờ vả ai cả.

Sarah gì đó bắt đầu cuộc nói chuyện rất bình thường.

“Alice, cô bao nhiêu tuổi?”

“Năm mươi.”

“Cô tròn năm mươi tuổi khi nào?”

“Ngày 11 tháng Mười.”

“Bây giờ đang là khoảng thời gian nào trong năm?”

“Mùa xuân, nhưng nóng gần như mùa hè rồi.”

“Tôi biết, hôm nay ngoài trời nóng. Và bây giờ chúng ta đang ở đâu?”

“Đơn vị Rối loạn bộ nhớ thuộc Bệnh viện đa khoa Massachusetts ở Boston.”

“Cô có thể gọi tên bốn thứ trong bức tranh này không?”

“Quyển sách, điện thoại, con ngựa, chiếc xe.”

“Và thứ gì ở trên chiếc áo sơ-mi này?”

“Một chiếc nút áo.”

“Còn trên tay tôi?”

“Chiếc nhẫn.”

“Cô có thể đánh vần ngược từ water không?”

“R-E-T-A-W.”

“Và lặp lại theo tôi: Ai, cái gì, khi nào, ở đâu, tại sao.”

“Ai, cái gì, khi nào, ở đâu, tại sao.”

“Cô có thể nâng bàn tay lên, nhắm mắt lại và mở miệng ra không?”

Cô làm theo.

“Alice, bốn thứ trong bức tranh hồi nãy cô gọi tên là gì vậy?”

“Con ngựa, chiếc xe, điện thoại và quyển sách.”

“Tuyệt, bây giờ hãy viết cho tôi một câu ra đây.”

Tôi không tin nổi có một ngày tôi sẽ làm những việc này.

“Rất tốt, và giờ trong một phút, cô hãy liệt kê các từ bắt đầu bằng âm s càng nhiều càng tốt.”

“Sarah, say xỉn, sưng sờ, sóng âm. Sống sót, suy sụp. Say đắm. Say xỉn.Ồ không, từ đó tôi nói rồi. Sôi động. Sợ hãi.”

“Và giờ hãy đọc các từ bắt đầu bằng âm l.”

“Lãng quên. Luôn luôn. Lộn nhào. Lượn lờ. Làm tình.” – Cô bật cười, ngạc nhiên với chính mình.

“Xin lỗi vì từ tôi vừa nói.”

Xin lỗi bắt đầu với âm x.

“Không sao, tôi nghe từ đó hoài.”

Alice tự hỏi cô có thể nói ra bao nhiêu từ nêu như là một năm trước. Cô tự hỏi không biết bao nhiêu từ trong một phút là bình thường.

“Và bây giờ, hãy gọi tên các loại rau củ mà cô biết.”

“Măng tây, bông cải xanh, súp-lơ, tỏi tây, hành, ớt. Ớt... tôi không biết, tôi không thể nghĩ ra thêm.”

“Câu cuối cùng, hãy kể tên các con vật bốn chân mà cô biết.”

“Chó, mèo, sư tử, hổ, gấu, ngựa vằn, hươu cao cổ, linh dương.”

“Bây giờ cô hãy đọc lớn câu này lên.”

Sarah gì đó đưa cho cô một mẫu giấy.

“Vào thứ Ba ngày 2 tháng Bảy, ở Santa Ana, California, một trận hỏa hoạn đã khiến sân bay John Wayne đóng cửa, làm mắc kẹt ba mươi hành khách bao gồm sáu trẻ em và hai lính cứu hỏa.” – Alice đọc mảnh giấy.

Đó là một bài kiểm tra của Đại học New York, một bài kiểm tra khả năng nhớ.

“Và giờ, cô hãy kể lại những chi tiết ở trong mẫu tin cô vừa đọc.”

“Vào thứ Ba ngày 2 tháng Bảy, ở Santa Ana, California, một đám cháy làm mắc kẹt ba mươi người ở sân bay, bao gồm sáu trẻ em và hai lính cứu hỏa.”

“Rất tốt. Giờ tôi sẽ cho cô xem một chuỗi các hình ảnh in trên các tấm thẻ và cô sẽ kể tên của các hình này.”

Bài kiểm tra gọi tên của Boston.

“Va-li, chong chóng, kính viễn vọng, lều tuyết, đồng hồ cát, hà mã.” Một loài động vật bốn chân. “Cái vọt. À, khoan đã, tôi biết cái này, đây là kệ để trồng cây, hàng rào đan chéo phải không? Không, lưới mắt cáo! Phong cầm, bánh quy que, trống lắc. Ôi, khoan nào. Chúng tôi có một cái như vậy trong sân nhà ở Cape. Mắc giữa hai cây để nằm lên. Không phải ván. Nó là một cái..., vòng phải không? Không. Ôi Trời ơi, nó bắt đầu bằng chữ v, nhưng tôi không thể nghĩ ra.”

Sarah gì đó ghi một kí hiệu lên bảng điểm của cô. Alice muốn giải thích rằng sự lãng quên của cô có lẽ chỉ đơn giản là một trường hợp bị hạn chế rất bình thường do bệnh Alzheimer. Ngay cả những sinh viên cao đẳng sức khỏe hoàn hảo vẫn trải qua một hoặc hai lần trong tuần không nói ra được một từ mặc dù biết rõ từ ấy.

“Được rồi, chúng ta hãy tiếp tục nào.”

Alice gọi tên những bức tranh còn lại mà không vương phải khó khăn nào thêm, nhưng cô vẫn không thể kích hoạt tế bào thần kinh đã mã hóa tên của tấm lưới mà cô vẫn hay nằm ngủ trưa. Tấm lưới mà gia đình treo giữa hai cây vân sam trong sân nhà ở Chatham. Alice nhớ về bao nhiêu giấc ngủ lúc chiều muộn ở đó với John, cảm giác thoải mái dưới bóng cây mát mẻ, dựa vào vai anh và lồng ngực anh như gối ngủ, mùi hương nước xả vải quen thuộc trên áo sơ-mi của anh cùng với mùi làn da rám nắng hè pha mùi muối biển làm cô ngây ngất trong mỗi hơi thở. Cô có thể nhớ lại tất cả, nhưng không nhớ nổi thứ có tên bắt đầu bằng chữ V mà họ nằm trên.

Cô lướt qua bài kiểm tra sắp xếp hình ảnh WAIS-R, ma trận màu Raven, bài kiểm tra xoay khối hình học của Luria, bài kiểm tra đọc tên màu của Stroop và ghi nhớ các khối hình học. Cô kiểm tra đồng hồ. Cô đã ở căn phòng nhỏ bé đó hơn một giờ rồi.

“Được rồi, Alice, giờ tôi muốn cô nhớ lại mẫu tin cô đọc lúc này. Cô có thể kể lại giúp tôi không?”

Cô nén sự hoảng loạn xuống, và cơn hoảng loạn khựng lại, nặng nề chèn vào cơ hoành khiến cô không thở nổi. Cả những sợi dây thần kinh dẫn đến những chi tiết của mẫu tin cũng nghẽn lại, hoặc có khi cô không có đủ sức mạnh điện hóa để kích hoạt những tế bào thần kinh đang chứa chúng. Nếu ra khỏi căn phòng chật hẹp này, cô có thể tra cứu những thông tin mất đi bằng chiếc BlackBerry của cô. Cô có thể đọc lại các thư điện tử và tự viết nhắc nhở cho mình vào mục ghi chú những thứ phải gửi. Cô có thể dựa vào sự kính trọng có được nhờ vị trí của mình ở Harvard. Ra khỏi căn phòng nhỏ bé này, cô có thể giấu đi những sợi dây thần kinh tắc nghẽn và những tín hiệu thần kinh

yêu ớt của mình. Và dù cô biết rằng những bài kiểm tra này được lập nên để xác nhận rằng cô không thể truy cập vào thông tin được lưu trữ trong não mình, vị bác sĩ đã thấy rằng cô ngơ ngác và lúng túng đến thế nào.

“Thật sự tôi không nhớ được nhiều.”

Vậy đây, căn bệnh Alzheimer của cô, trần trụi dưới ánh đèn huỳnh quang, phơi ra cho Sarah gì đó khám xét và đánh giá.

“Được rồi, hãy kể cho tôi những gì cô nhớ được, bất cứ chi tiết nào.”

“Vâng, tôi nghĩ là sự kiện diễn ra về một sân bay.”

“Sự kiện đó diễn ra vào Chủ nhật, thứ Hai, thứ Ba hay thứ Tư?”

“Tôi không nhớ.”

“Thử đoán xem.”

“Thứ Hai.”

“Đã xảy ra lốc xoáy, ngập lụt, hỏa hoạn hay tuyết lở.”

“Một trận hỏa hoạn.”

“Sự kiện diễn ra vào tháng Tư, Năm, Sáu hay tháng Bảy?”

“Tháng Bảy.”

“Sân bay nào đã bị ngưng hoạt động: John Wayne, Dulles hay LAX?”

“LAX.”

“Bao nhiêu hành khách đã bị mắc kẹt: ba mươi, bốn mươi, năm mươi hay sáu mươi?”

“Tôi không biết nữa, chắc là sáu mươi.”

“Bao nhiêu trẻ em bị mắc kẹt: hai, bốn, sáu hay tám?”

“Tám.”

“Còn ai bị kẹt lại nữa: hai lính cứu hỏa, hai cảnh sát, hai doanh nhân hay hai giáo viên?”

“Hai lính cứu hỏa.”

“Rất tốt, cô đã hoàn thành hết các bài kiểm tra. Tôi sẽ dẫn cô ra gặp bác sĩ Davis.”

Tốt sao? Làm thế nào mà cô nhớ được sự kiện mà cô còn chưa biết là cô có biết hay không?

CÔ BƯỚC ĐẾN VĂN PHÒNG BÁC SĨ DAVIS, ngạc nhiên rằng John đã ở đó, anh ngồi vào chiếc ghế mà hai lần trước cô đến rõ ràng vẫn trống. Giờ thì tất cả đã đến. Alice, John, và bác sĩ Davis. Cô không tin được chuyện như thế này diễn ra, cô không tin được cuộc sống của mình như thế này, một người phụ nữ bệnh tật đến khám bác sĩ thần kinh với chồng mình. Cô dường như cảm thấy mình như một nhân vật trong vở kịch có người phụ nữ mắc Alzheimer. Người chồng ôm kịch bản trong lòng. Chỉ có một điều là đó không chỉ là kịch bản, mà là bảng khảo sát các hoạt động hàng ngày. (Cảnh trong văn phòng của bác sĩ. Bác sĩ tâm thần của người phụ nữ ngồi đối diện với người chồng. Người phụ nữ bước vào.)

“Alice, hãy ngồi xuống đi. Tôi với John vừa nói chuyện được vài phút.”

John xoay xoay chiếc nhẫn cưới và rung chân phải. Ghế của họ chạm vào nhau nên anh làm cô rung người theo. Họ đang nói về chuyện gì? Cô muốn nói chuyện riêng với John trước khi họ bắt đầu, để biết được chuyện gì đã xảy ra và hiểu rõ những điều họ nói. Và cô muốn yêu cầu anh ngừng rung người cô.

“Cô khỏe không?” – Bác sĩ Davis hỏi cô.

“Tôi khỏe.”

Ông mỉm cười với cô. Một nụ cười hiền từ và nụ cười ấy làm dịu bớt cảm giác lo lắng của cô.

“Được rồi, trí nhớ cô thế nào? Có thêm lo ngại hay thay đổi gì từ lần trước cô đến đây không?”

“Phải nói là tôi gặp khó khăn trong việc tiến hành các kế hoạch của mình. Suốt ngày tôi phải bám theo chiếc BlackBerry của mình và danh sách các việc cần làm. Bây giờ tôi thấy ghét phải nói chuyện điện thoại. Nếu tôi không thể thấy người tôi đang đối thoại, tôi khó mà hiểu được toàn bộ cuộc hội thoại. Tôi

thường xuyên quên mất người bên kia đang nói gì trong khi cô hình dung các từ ngữ trong đầu.”

“Còn chuyện mất phương hướng, cô có khi nào cảm thấy lạc đường hay bối rối?”

“Không. Đôi khi tôi cũng cảm thấy rối về giờ giấc, cho dù đã xem đồng hồ, nhưng rồi tôi cũng đoán ra được. Tôi từng một lần đến văn phòng vì tưởng lúc đó buổi sáng, phải đến lúc về nhà tôi mới nhận ra lúc đó đang là nửa đêm.”

“Có chuyện đó à?” – John quay sang – “Khi nào vậy?”

“Em không nhớ. Em nghĩ là tháng trước.”

“Lúc đó anh đang ở đâu?”

“Anh đang ngủ.”

“Sao bây giờ anh mới được biết vậy, Ali?”

Cô mỉm cười, nhưng nụ cười không làm anh thấy khác đi. Có thể nỗi lo của anh đã dâng lên một chút.

“Kiểu rối loạn rồi đi lang thang vào ban đêm này rất phổ biến và có xu hướng tái diễn. Có khi cô phải nghĩ đến việc gắn chuông ngoài cửa trước hay cái gì đó đánh thức John dậy phòng khi cô ra ngoài lúc nửa đêm. Và có lẽ cô nên đăng kí chương trình nhận dạng an toàn của Hiệp hội Alzheimer. Tôi nghĩ chi phí khoảng bốn mươi đô la, và cô sẽ mang vòng đeo tay có mã số định danh và một mã cá nhân trên đó.”

“Tôi đã có thư mục ‘John’ trong điện thoại rồi, tôi để điện thoại trong giỏ và luôn mang theo bên mình.”

“Được rồi, vậy cũng tốt, nhưng lỡ như hết pin hay điện thoại của John tắt mà cô bị lạc thì sao?”

“Vậy một mảnh giấy ghi tên tôi, tên John, địa chỉ và số điện thoại của chúng tôi bỏ trong giỏ của tôi thì sao?”

“Cách này cũng được, nhưng mà cô phải luôn mang theo. Cô có thể quên mang theo giỏ, còn đeo vòng tay thì cô không phải lo nữa.”

“Ý hay đấy” – John tiếp lời bác sĩ. – “Cô ấy sẽ đeo một cái.”

“Việc dùng thuốc của cô như thế nào rồi, cô có dùng đủ liều?”

“Có.”

“Có tác dụng phụ, buồn nôn, chóng mặt không?”

“Không.”

“Ngoài lần cô đến văn phòng lúc nửa đêm ra, cô có gặp khó khăn gì khi đi ngủ không.”

“Không.”

“Cô vẫn tập thể dục đều đặn chứ.”

“Vâng, hầu như mỗi ngày tôi vẫn chạy bộ, chừng tám cây số.”

“John, anh có chạy bộ không?”

“Không, tôi đi bộ đến chỗ làm rồi về, tôi chỉ vận động vậy thôi.”

“Tôi nghĩ anh cùng vợ chạy bộ là một ý hay. Có những dữ liệu thử nghiệm trên động vật rất thuyết phục rằng vận động có thể làm chậm quá trình tích tụ protein amyloid-beta và thoái hóa nhận thức.”

“Tôi đã xem các nghiên cứu đó” – Alice nói.

“Phải, cho nên cô hãy tiếp tục chạy bộ. Nhưng tôi thấy tốt hơn cô nên có bạn chạy cùng; bằng cách này chúng ta không phải lo rằng cô sẽ quên hay bỏ qua việc chạy bộ vì đang trí.”

“Tôi sẽ bắt đầu chạy bộ với cô ấy.” – John ghét chạy bộ. Anh thường chơi squash và tennis, thỉnh thoảng thì chơi golf, nhưng anh không bao giờ chạy. Hiển nhiên anh vượt trội cô về mặt tinh thần, nhưng thể lực thì cô vẫn hơn hẳn anh. Nghĩ đến việc chạy cùng John làm cô thích thú nhưng cô nghi rằng anh không chấp nhận được việc thua cô.

“Tâm trạng cô thế nào, cô cảm thấy ổn chứ?”

“Nói chung là tốt. Mà tôi cảm thấy hết sức buồn bực và kiệt sức vì cố gắng theo kịp mọi thứ. Và tôi lo lắng về những gì đang đợi tôi ở phía trước. Nhưng mặt khác tôi cảm thấy vẫn bình thường, thật ra, theo một cách nào đó thì thoải mái hơn từ khi tôi kể cho John và các con nghe.”

“Cô đã bảo cho ai ở Harvard chưa?”

“Chưa.”

“Liệu cô có khả năng lên lớp và hoàn thành các yêu cầu chuyên môn trong kỳ này?”

“Có, tôi phải cố gắng hơn kỳ trước rất nhiều, nhưng mọi thứ vẫn ổn.”

“Dạo gần đây cô có đi dự các buổi họp ở xa và thỉnh giảng một mình không?”

“Tôi gần như ngưng rồi. Tôi hủy hai lớp ở trường đại học, tôi bỏ qua một hội thảo lớn vào tháng Tư và tôi chuẩn bị lỡ mất một cuộc hội thảo khác ở Pháp tháng này. Thường thì mùa hè tôi đi nhiều, cả hai chúng tôi đều đi, nhưng năm nay chúng tôi dành cả mùa hè cho căn nhà ở Chatham. Chúng tôi sẽ đến đó tháng tới.”

“Tốt quá, nghe thật tuyệt. Được rồi, vậy là hè này cô sẽ được chăm sóc tốt. Tôi nghĩ cô nên nghĩ đến một kế hoạch cho mùa thu, mà trong đó có việc báo với mọi người ở Harvard. Có lẽ là nghĩ ra cách nào đó nghe hợp lý để chuyển công tác, và tôi nghĩ là cô sẽ không bị yêu cầu phải đi xa một mình nữa.”

Cô gật đầu. Cô cảm thấy sợ tháng Chín.

“Cũng có những thủ tục phải đưa vào kế hoạch, các bản tiền chỉ thị như giấy ủy quyền và di chúc. Cô đã bao giờ nghĩ đến việc hiến não của mình cho nghiên cứu khoa học chưa?”

Cô đã từng nghĩ đến. Cô tưởng tượng ra não của cô được rút hết máu, ngâm trong formalin, có màu như nhựa dẻo Silly Putty và được một sinh viên ngành y nào đó cầm trên tay. Giảng viên sẽ chỉ vào những nếp gấp và rãnh, chỉ ra vị trí của khu cảm xúc, khu thính giác và khu thị giác của não bộ. Mùi của biển, giọng nói của các con cô, bàn tay và gương mặt của John. Hoặc là bộ não sẽ bị cắt thành lát mỏng như thịt xông khói deli, rồi được dán lên các phiến kính phòng thí nghiệm. Trên tiêu bản ấy, những não thất được phóng to lên ắt sẽ gây bất ngờ lắm. Những khoảng trống ấy là nơi cô đã từng trú ngụ.

“Có, tôi muốn.”

John thu mình lại.

“Được rồi, vậy tôi sẽ nhờ cô điên đây đủ giấy tờ trước khi rời đi. John, tôi có thể xin lại bằng khảo sát anh đang cầm không?”

Anh đã nói gì về cô trong đó? Họ chẳng bao giờ nói gì về chuyện đó.

“Alice kể với anh chẩn đoán của cô ấy khi nào?”

“Ngay sau khi ông báo với cô ấy.”

“Được rồi, vậy từ lúc đó anh thấy cô ấy thế nào?”

“Rất khỏe mạnh, tôi nghĩ là vậy. Chuyện điện thoại là thật. Cô ấy thường không trả lời hết các cuộc điện thoại nữa. Cho dù tôi nhắc máy hay cô ấy để máy tự nhận cuộc gọi. Cô ấy giữ khư khư chiếc BlackBerry, dường như là cô ấy buộc phải làm vậy. Đôi khi vào buổi sáng, trước khi đi ra ngoài, cô ấy lại kiểm tra chiếc điện thoại cứ mỗi phút một lần. Nhìn cô ấy vậy tôi khá là không thoải mái.”

Càng ngày, dường như John càng không thể chịu được phải nhìn vào cô. Khi nhìn cô, anh nhìn bằng ánh mắt nghiên cứu, giống như cô là một con chuột bạch của anh vậy.

“Còn gì nữa không, có điều gì Alice chưa nhắc đến không?”

“Tôi không nghĩ được gì thêm nữa.”

“Anh có để ý thấy tâm trạng với tính cách của cô ấy thay đổi không?”

“Không, cô ấy vẫn bình thường. Có lẽ hơi đề phòng một chút. Và ít nói hơn, cô ấy ít khi bắt chuyện hơn.”

“Anh thấy thế nào?”

“Tôi hả, tôi ổn.”

“Tôi có một số thông tin về nhóm hỗ trợ chăm sóc của chúng tôi, anh có thể mang về. Denise Daddario là nhân viên công tác xã hội ở đây. Anh nên hẹn gặp cô ấy và cho cô ấy biết chuyện gì xảy ra.”

“Tôi hẹn hả?”

“Phải.”

“Thật hả, tôi không cần đâu, tôi ổn mà.”

“Được rồi, vâng, những thông tin này ở đây nêu anh thấy cần. Giờ thì tôi có vài câu hỏi cho Alice.”

“Thật sự thì tôi muốn bàn về một số liệu pháp bổ sung và những thử nghiệm lâm sàng.”

“Được rồi, hãy bàn về chúng, nhưng trước hết chúng ta hãy hoàn tất bài kiểm tra của cô ấy. Alice, hôm nay thứ mấy vậy?”

“Thứ Hai.”

“Cô sinh ngày mấy?”

“11 tháng Mười năm 1953.”

“Phó Tổng thống của Liên Bang là ai?”

“Dick Cheney.”

“Được rồi, giờ tôi sẽ đọc cho cô một cái tên và địa chỉ, cô sẽ lặp lại cho tôi. Sau đó, tôi sẽ hỏi cô vài câu khác rồi lặp lại nó sau. Sẵn sàng chưa? John Black, 42 đường West, Brighton.”

“Như lần trước.”

“Phải, rất tốt. Cô có thể nhắc lại không?”

“John Black, 42 đường West, Brighton.”

John Black, 42 đường West, Brighton.

John không bao giờ mặc màu đen, Lydia sống ở phía tây, Tom sống ở Brighton, tám năm trước, tôi bốn mươi hai tuổi.

John Black, 42 đường West, Brighton.

“Được rồi, cô có thể đếm đến hai mươi rồi đếm ngược lại được không?”

Cô làm theo.

“Giờ tôi muốn cô giơ số ngón tay lên bằng tay trái ứng với vị trí trong bảng chữ cái của chữ cái đầu tiên trong tên thành phố cô đang sống.”

Cô nhắm trong đầu những gì ông vừa nói rồi giơ biểu tượng hòa bình bằng ngón tay trỏ và ngón tay giữa trên tay trái.

“Tốt. Chi tiết này ở trên đồng hồ của tôi gọi là gì?”

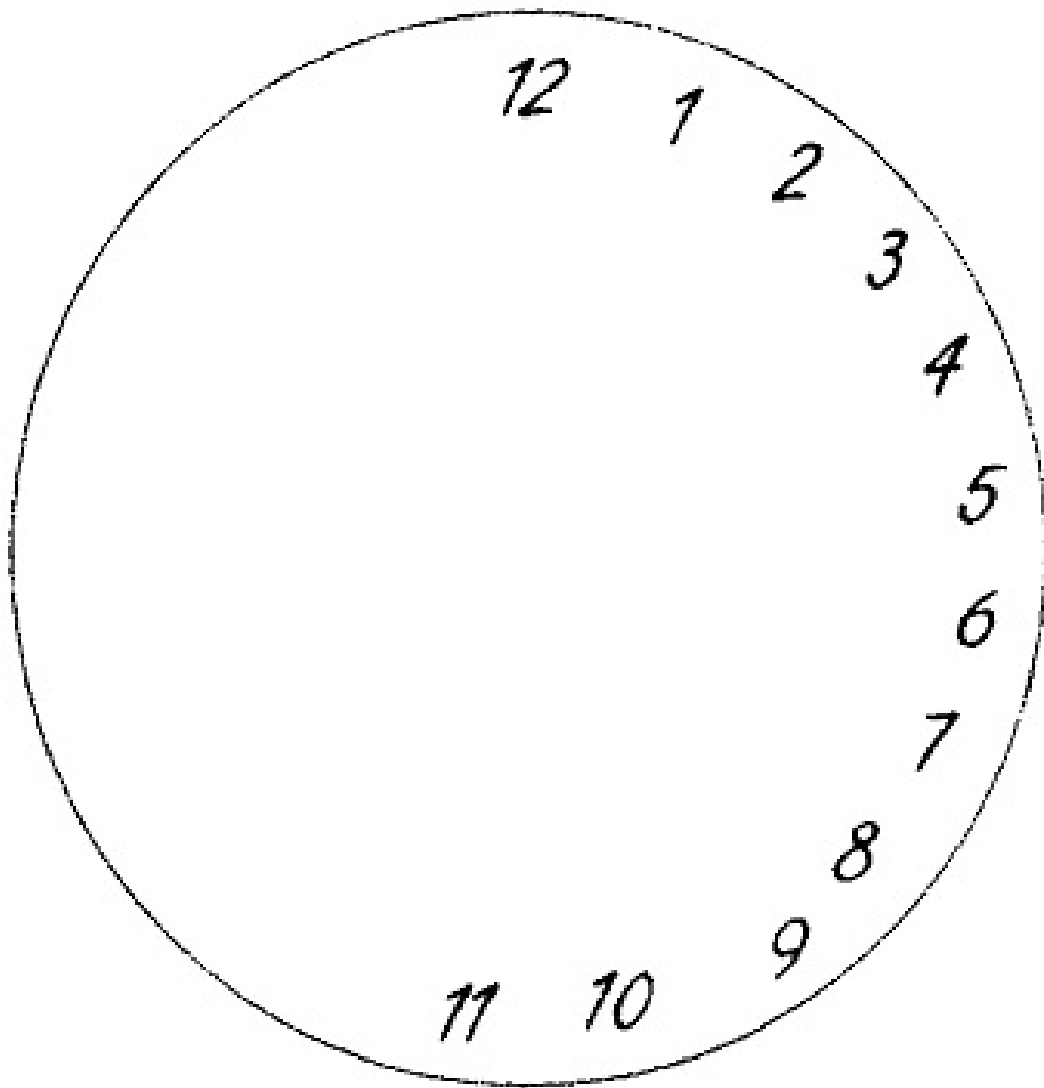
“Chốt.”

“Được rồi, giờ viết một câu về thời tiết hôm nay trên mảnh giấy này.”

Trời mờ mờ, nóng và ẩm ướt.

“Mặt bên kia tờ giấy, cô hãy vẽ một đồng hồ chỉ ba giờ bốn mươi lăm phút.”

Cô vẽ một vòng tròn lớn và điền vào các số, bắt đầu bằng mười hai ở trên đỉnh vòng tròn.



“Ồi, tôi vẽ lớn quá rồi.”

Cô nguệch ngoạc ghi ra.

3:45

“Không, không phải đồng hồ điện tử. Tôi muốn cô vẽ đồng hồ kim” – bác sĩ Davis nói.

“Ông đang kiểm tra thử tôi có thể vẽ hay xem thử tôi còn biết xem đồng hồ không à? Nếu ông vẽ cho tôi sẵn mặt đồng hồ, tôi có thể vẽ ba giờ bốn mươi lăm. Tôi chưa bao giờ giỏi vẽ vởi gì cả.”

Khi Anna ba tuổi, con bé rất thích ngựa và thường năn nỉ Alice vẽ hình ngựa. Các tác phẩm đẹp nhất của Alice trông giống chó lai rồng theo phong cách hậu hiện đại và tranh của cô chẳng bao giờ vừa ý trí tưởng tượng non nớt đơn giản của đứa trẻ còn chưa đi học. Không, mẹ ơi, không phải vậy, vẽ cho con một con ngựa đi.

“Tôi thật sự đang cần cô vẽ cả hai thứ, Alice. Alzheimer thật sự ảnh hưởng đến thùy đỉnh khá sớm, và đó là nơi chúng ta giữ những biểu trưng nội tại cho không gian cá nhân bổ sung. John, đây là lý do tôi muốn anh chạy bộ với cô ấy.”

John gật đầu. Họ đang về cùng một phe với nhau.

“John, anh biết là em không biết vẽ mà.”

“Alice, chỉ vẽ cái đồng hồ thôi mà, đâu phải con ngựa.”

Ngạc nhiên vì anh không bảo vệ cô, cô nhìn chăm chăm vào anh và nhíu mày, cho anh một cơ hội để xem lại tình cảnh của cô hoàn toàn hợp lý để từ chối. Anh chỉ nhìn chăm chăm lại rồi xoay chiếc nhẫn trên tay mình.

“Nếu anh vẽ cho tôi mặt đồng hồ, tôi sẽ vẽ ba giờ bốn mươi lăm.”

Bác sĩ Davis vẽ một mặt đồng hồ lên một trang giấy mới, và Alice vẽ các kim đồng hồ chỉ đúng giờ.

“Được rồi, giờ tôi muốn cô hãy đọc lại tên và địa chỉ tôi đã yêu cầu cô nhớ lúc này.”

“John Black, ở đâu đó trên đường West, Brighton.”

“Được rồi, là ở số bốn hai, bốn bốn, bốn sáu hay bốn tám?”

“Bốn tám.”

Bác sĩ Davis viết gì đó khá nhiều vào một mảnh giấy có vẽ đồng hồ lúc này.

“John, đừng rung ghê của em nữa.”

“Rồi, giờ chúng ta sẽ nói về các lựa chọn thử nghiệm lâm sàng. Có một số nghiên cứu đang được thực hiện ở đây và ở Brigham. Nghiên cứu tôi thấy thích hợp nhất cho cô sẽ bắt đầu kêu gọi các bệnh nhân vào tháng này. Nghiên cứu đã đến pha III, và cô sẽ dùng một loại thuốc tên là Amylix. Nó có vẻ sẽ không chế và ngăn chặn sự tích tụ amyloid-beta, nên không giống như các loại thuốc cô đang dùng, hy vọng loại thuốc này sẽ ngăn bệnh không phát triển trầm trọng hơn. Pha II của nghiên cứu rất tích cực. Các bệnh nhân chịu được thuốc và sau một năm uống thuốc, nhận thức của các bệnh nhân xem ra đã ngừng suy thoái, thậm chí còn cải thiện.”

“Tôi cho rằng đây là thí nghiệm đối chứng giả dược phải không?” – John hỏi.

“Phải, cả nhà nghiên cứu và đối tượng đều không biết bệnh nhân sẽ uống giả dược hay một trong hai loại thuốc.”

Vậy là tôi có thể chỉ được uống đường. Cô nghĩ rằng hiệu ứng giả dược hay sức mạnh của suy nghĩ tích cực chẳng làm được cái quái gì với amyloid-beta.

“Ông nghĩ sao về các chất ức chế hoạt động của secretase?” – John hỏi.

John cảm thấy những chất này khả quan nhất. Secretase là loại enzyme tồn tại tự nhiên, giải phóng ra protein amyloid-beta ở mức bình thường, không gây nguy hiểm. Đột biến của presenilin-1 ở Alice làm cho secretase đang ở mức kém nhạy đến điều tiết bình thường bị thay đổi, và nó đã sản sinh ra quá nhiều amyloid-beta. Quá nhiều sẽ gây nguy hiểm. Giống như mở một cái vòi nước rồi không đóng lại được, bồn của cô đã tràn quá rồi.

“Hiện tại các chất ức chế hoạt động của secretase hoặc quá độc hại để thử nghiệm lâm sàng hoặc...”

“Còn flurizan thì sao?”

Flurizan là một thuốc chống viêm tương tự như Advil. Rất nhiều hãng dược đã công bố rằng nó giảm được sự sản sinh ra amyloid-beta 42. Bớt được ít nước trong bồn.

“Phải, loại này đang được chú ý đến nhiều. Hiện tại đang có một nghiên cứu pha II về nó, nhưng chỉ thực hiện ở Canada và Anh.”

“Ông nghĩ sao nếu Alice dùng flurbiprofen?”

“Chúng tôi chưa có dữ liệu để kết luận được nó có ích cho bệnh Alzheimer hay không. Tôi cho rằng nếu cô ấy quyết định không tham gia vào thử nghiệm lâm sàng thì cũng không hại gì. Nhưng nếu cô ấy muốn tham gia vào một nghiên cứu, dùng thuốc flurbiprofen sẽ được coi như là điều trị trong thử nghiệm đối với Alzheimer, và cô ấy không thể tham gia vào nghiên cứu nữa.”

“Được rồi, vậy còn kháng thể đơn dòng của Elan thì sao?” – John hỏi tiếp.

“Tôi thấy cũng khả quan, nhưng nghiên cứu mới ở pha I và chưa tiếp nhận đối tượng nghiên cứu. Giả sử nghiên cứu đó đủ an toàn để tiếp tục thì sớm nhất phải tới mùa xuân sang năm họ mới tiếp tục pha II, mà tôi thì muốn Alice thử nghiệm sớm hơn nếu chúng ta có thể.”

“Anh đã thử liệu pháp IVIg với ai chưa?” – John hỏi.

John cũng thích ý tưởng của liệu pháp này. Được chiết xuất từ lượng huyết tương được hiến tặng, các immunoglobulin tiêm tĩnh mạch được chứng minh là an toàn và hiệu quả trong điều trị suy giảm miễn dịch tiên phát và một số các rối loạn thần kinh cơ tự miễn. Phí điều trị sẽ đắt và không được công ty bảo hiểm hoàn tiền vì thuốc hiện tại được liệt vào loại sử dụng ngoài hướng dẫn, nhưng nếu có tác dụng thì bao nhiêu tiền cũng đáng.

“Tôi chưa có bệnh nhân nào thử nó cả. Tôi không phủ nhận nó, nhưng chúng tôi không xác định được liều lượng phù hợp và nó thật sự là một phương pháp rất thô, cũng không thể xác định được kết quả. Tôi e là hiệu quả sẽ rất ít ỏi.”

“Chúng tôi chấp nhận sự ít ỏi đó” – John nói.

“Được rồi, nhưng anh cần phải biết anh đang đánh đổi những gì. Nếu anh quyết định đi tiếp với liệu pháp IVIg, Alice sẽ

không thể tham gia vào bất cứ thử nghiệm lâm sàng nào, mà những liệu pháp trong đó hứa hẹn sẽ chính xác và tập trung vào căn bệnh hơn.”

“Nhưng cô ấy phải được bảo đảm không rơi vào nhóm dùng giả dược.”

“Phải, cả hai lựa chọn đều có những rủi ro.”

“Tôi có phải bỏ dùng Aricept và Namenda để tham gia vào thử nghiệm lâm sàng?”

“Không, cô vẫn có thể uống.”

“Tôi có thể thử liệu pháp thay đổi nội tiết tố estrogen không?”

“Có. Có nhiều chứng cứ chưa được chứng minh cho rằng phương pháp đó ít ra cũng an toàn ở một mức độ nào đó, nên tôi sẵn lòng kê cho cô một đơn thuốc CombiPatch. Nhưng nó cũng được xem là một loại thuốc điều trị trong thử nghiệm và cô cũng không thể tham gia vào thử nghiệm Amylix.”

“Cuộc thử nghiệm sẽ kéo dài bao lâu?”

“Mười lăm tháng.”

“Tên vợ ông là gì?” – Alice hỏi.

“Lucy.”

“Ông sẽ muốn Lucy làm gì nếu cô ấy mắc bệnh?”

“Tôi sẽ yêu cầu cô ấy tham gia vào thử nghiệm Amylix.”

“Vậy là Amylix là lựa chọn duy nhất ông đề nghị?” – John hỏi.

“Phải.”

“Tôi nghĩ chúng ta nên thử liệu pháp IVIg cùng với flurbiprofen và CombiPatch” – John nói.

Căn phòng trở nên tĩnh lặng. Họ vừa trao đổi một lượng thông tin khổng lồ. Alice bịt chặt mắt bằng những ngón tay của cô, cố phân tích những lựa chọn điều trị cho mình. Cô cố hết sức để lập nên bảng so sánh các thứ thuốc trong đầu mình, nhưng tấm bảng trong tưởng tượng của cô cũng không ích gì, và cô vứt tấm bảng ấy vào trong đồng rác tưởng tượng. Thay vào đó, cô tư

duy một cách trừu tượng và nghĩ tới một hình ảnh rõ ràng duy nhất. Một khẩu súng săn hay một viên đạn duy nhất.

“Cô không phải quyết định ngay đâu. Cô có thể về nhà và nghĩ về chuyện này kĩ hơn rồi quay lại gặp tôi.”

Không, cô không cần nghĩ thêm nữa. Cô là một nhà khoa học. Cô hiểu như thế nào về đánh cược tất cả mọi thứ với một cuộc tìm kiếm bí ẩn mà không có gì bảo đảm. Cô đã trải qua rất nhiều lần trong nhiều năm với công việc nghiên cứu của mình, do vậy, cô chọn viên đạn.

“Tôi muốn thử nghiệm lâm sàng.”

“Ali, anh nghĩ em nên tin ở anh.” – John nói với cô.

“Em vẫn có thể tự đưa ra kết luận mà, John. Em muốn tham gia cuộc thử nghiệm.”

“Được rồi, tôi sẽ đưa cô các phiếu để đăng kí.”

(Cảnh trong văn phòng của bác sĩ. Nhà thần kinh học đã rời phòng. Người chồng xoay chiếc nhẫn. Người vợ hi vọng tìm ra một phương thuốc.)

THÁNG BẢY, NĂM 2004

“John? John? Anh có nhà không?”

Cô biết chắc rằng anh không ở nhà, nhưng khả năng chắc chắn được một việc gì cũng biến mất bởi kí ức cô đã có quá nhiều lỗ hổng, kể cả việc anh có ở nhà hay không.

Chắc hẳn anh đã đi đâu đó, nhưng cô không tài nào nhớ được anh rời đi khi nào hay đi đâu. Có phải anh đã chạy ra quán để uống sữa hoặc cà phê? Hay anh ra ngoài thuê phim? Nếu vậy thì anh sẽ trở về trong vài phút nữa. Cũng có thể anh lái xe về Cambridge, trong trường hợp anh muốn đi đâu đó ít nhất là vài giờ và cũng có thể là cả đêm? Hoặc cuối cùng anh cũng đã quyết định, và chỉ đơn giản là anh đã rời đi, không bao giờ trở lại? Không, anh sẽ không làm thế. Cô chắc chắn như vậy.

Căn nhà ở quần đảo Chatham của họ được xây dựng vào năm 1990 có vẻ lớn hơn, thoáng và ít phòng hơn căn nhà ở Cambridge. Cô bước vào bếp, nó chẳng giống như căn bếp ở nhà của họ. Tường, tủ, các vật dụng và ghế quầy bar đều màu trắng, sàn gạch trắng đôi chỗ bị nứt vì chiếc bàn đá xà bông có các vết sắc xanh cô-ban và những chiếc lọ thủy tinh, đồ gốm trên bàn cũng mang sắc trắng. Tất cả trông như một trang sách tô màu chỉ dùng mỗi một cây bút chì màu xanh để tô lên.

Hai chiếc đĩa và khăn ăn được sử dụng trên đảo còn hiện rõ bằng chứng của những vết salad, mì spaghetti và sốt đỏ cho bữa tối. Một chiếc ly trong số đó có đọng một ngum vang trắng. Với sự tò mò phân tích của một nhà khoa học pháp lý, cô cầm ly lên và kiểm tra nhiệt độ rượu bằng môi mình. Nó vẫn còn lạnh. Cô đã cảm thấy thỏa mãn. Cô nhìn lên đồng hồ. Chỉ vừa qua chín giờ.

Họ đã ở Chatham một tuần nay. Trong những năm qua, sau một tuần xa cách lối sống ngày qua ngày bận tâm về Harvard, cô được tận hưởng một cuộc sống thoải mái ở nơi đây và hoàn toàn chuyên tâm vào việc cho ra đời quyển sách thứ ba hoặc thứ tư. Nhưng năm nay, mặc dù lịch trình ngày qua ngày của Harvard đều chất chồng và cần giải quyết gấp, điều đó lại khiến cô cảm thấy thân thuộc và được an ủi. Các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, giờ lên lớp, và những cuộc hẹn như vụn bánh mì giúp cô sống sót qua ngày.

Giờ ở Chatham, cô không có thời gian biểu. Cô ngủ muộn, ăn bất cứ khi nào và lắng nghe mọi âm thanh. Cô uống thuốc hai lần mỗi ngày, kiểm tra trạng thái tinh thần vào mỗi sáng và cô chạy bộ cùng John. Nhưng như vậy vẫn chưa đủ. Cô cần vụn bánh mì lớn hơn và nhiều hơn thế nữa.

Cô thường không biết hôm nay là thứ mấy hoặc bây giờ là thời điểm nào trong ngày và đó là vấn đề lớn. Hơn một lần khi cô ngồi xuống bàn ăn, cô không thể biết đây là bữa nào trong ngày. Ngày hôm qua, khi người hầu bàn ở bar Sand đặt một đĩa sò nướng trước mặt cô, cô chỉ sẵn lòng và nhiệt tình xúc một miếng bánh kếp.

Nhìn ra ngoài đường từ cửa phòng bếp đang mở, chẳng có chiếc xe nào cả. Không khí bên ngoài vẫn lưu lại dấu vết của những ngày nóng và có tiếng ếch ương kêu, tiếng cười của một phụ nữ, cả tiếng thủy triều ngoài biển Hardings. Cô để lại cho John lời nhắn bên cạnh những chiếc đĩa còn chưa được rửa sạch:

Em đi dạo ngoài biển. Yêu anh, A

Cô hít thật sâu bầu không khí buổi đêm trong lành. Bầu trời xanh nửa đêm đã chỉ chút những vì sao sáng và vàng trắng lười liềm như đang nhoẻn miệng cười. Trời có vẻ tối, nhưng vẫn không tối bằng đêm ở Cambridge. Hoàn toàn không có đèn đường hay ánh sáng hắt từ xa ở đường chính, chỉ có ánh sáng từ ban công, từ những căn phòng trong nhà, đèn pha xe, và ánh trắng chiếu xuống khu vực bãi biển. Ở Cambridge, bóng tối như thế này sẽ khiến cô không thoải mái khi đi bộ một mình, nhưng

tại đây, bên bờ biển nhỏ và khu vực nghỉ mát này, cô cảm thấy vô cùng an toàn.

Không có chiếc xe nào đậu ngoài bãi và cũng không ai ở trên biển. Cảnh sát thị trấn thường không khuyến khích hoạt động về đêm. Vào giờ này, không hề có tiếng trẻ em la hét hay tiếng kêu của đàn hải âu, không có những cuộc gọi điện không-thể-không-trả-lời, không tích cực lo lắng cho những gì sắp tới, không có gì phá vỡ được sự yên bình.

Cô bước dọc mép nước và để sóng biển vỗ vào chân mình. Những đợt sóng ấm áp lướt nhẹ lên chân cô. Nằm ở khu vực Nantucket Sound, nước ở bãi biển Hardings ấm hơn mười độ so với những bờ biển lân cận tiếp giáp trực tiếp vùng Atlantic lạnh giá.

Cô cởi bỏ áo thun và áo ngực trước tiên, rồi đến váy và quần lót, tiến bước xuống. Nước, những đám rong biển tự do hòa cùng từng đợt sóng, chạm nhẹ vào chân cô. Cô bắt đầu hít thở theo nhịp thủy triều. Lúc cô nằm ngửa và tự thả trôi, cô kinh ngạc khi phát hiện ngón tay và ngón chân mình lúc lướt qua mặt biển sẽ phát ra làn quang như bụi yêu tinh.

Ánh trăng phản chiếu cổ tay phải của cô. Cụm từ “Trở về an toàn” được khắc ở mặt trước của một chiếc vòng phẳng, rộng hai inch, bằng thép không gỉ. Con số một-tám-không-không, ký hiệu số dành riêng cho cô, và những từ “suy giảm trí nhớ” được khắc ở mặt sau. Suy nghĩ của cô xô dạt theo những đợt sóng, di chuyển từ món trang sức không mong muốn đến dây chuyền bướm bướm của mẹ cô, vượt qua kế hoạch tự tử, qua những quyển sách cô dự định đọc, và cuối cùng mắc kẹt vào số phận chung của Virginia Woolf và Edna Pontellier. Thật dễ dàng. Cô có thể bơi thẳng đến Nantucket cho tới khi mệt rũ rời.

Cô nhìn xuống mặt nước tối tăm. Cơ thể cô mạnh mẽ và khỏe khoắn, giữ cho cô nổi lên trên nước, mỗi bản năng cơ thể đều chiến đấu vì sự sống. Phải, cô đã không nhớ đến bữa ăn với John tối nay hay anh đã đi đâu. Và có thể vào sớm mai, cô lại không thể nhớ về đêm nay, nhưng lúc này, cô không hề tuyệt vọng. Cô cảm thấy tràn đầy sức sống và hạnh phúc.

Cô nhìn về phía bờ biển, khung cảnh đều mờ ảo. Một bóng hình đang tiến đến. Cô biết đó là John trước khi bản thân có thể xác định bất kỳ dấu hiệu nào của anh qua dáng đi.

Cô không hề hỏi anh đã ở đâu hay anh đã rời đi bao lâu. Cô cũng không cảm ơn anh vì đã quay trở lại. Anh cũng không mắng cô vì đã ra ngoài một mình mà không có điện thoại di động, và anh cũng không yêu cầu cô đứng lên và về nhà ngay. Không nói một lời, anh cởi áo và lao vào đại dương của cô.

“JOHN?”

Cô tìm thấy anh đang sơn phần khung của nhà để xe.

“Em đã đi khắp nhà tìm anh” – Alice nói.

“Anh đã ra ngoài, anh không nghe tiếng em” – John đáp.

“Khi nào anh có cuộc họp?” – Cô hỏi.

“Thứ Hai.”

Anh sẽ tới Philadelphia trong một tuần để tham dự Hội nghị Quốc tế về bệnh Alzheimer lần thứ chín.

“Tức là sau khi Lydia tới đây à?”

“Ừ, con bé sẽ đến đây vào Chủ nhật.”

“Ừ.”

Nhận được đơn xin việc của Lydia, nhà hát Monomoy đã mời cô tham gia như là một nghệ sĩ khách mời cho mùa hè này.

“Em sẵn sàng chạy chưa?” – John hỏi.

Sương mù buổi sáng vẫn chưa tan đi, và không khí mát hơn khi cô mặc áo vào.

“Em chỉ cần thay bộ quần áo khác thôi.”

Bước vào cửa trước, cô mở tủ quần áo. Mặc quần áo thoải mái ở đây vào mùa hè thật sự là một thách thức, với nhiệt độ vào mọi ngày luôn bắt đầu từ năm mươi độ F, tăng vọt lên đến tám mươi độ F và vòng trở lại khoảng năm mươi độ F, kèm theo những cơn gió đại dương mạnh lúc đêm xuống. Nó đòi hỏi một tinh thần thời trang sáng tạo và khả năng sẵn sàng thêm hay bỏ phụ kiện

nhiều lần trong ngày. Dù có vài bộ khá hoàn hảo để ngồi hay đi bộ dọc bãi biển, mọi thứ lúc này lại như quá công kênh cho việc chạy bộ.

Cô lên tầng trên và vào phòng ngủ của họ. Sau khi tìm kiếm nhiều ngăn kéo, cô tìm thấy một chiếc áo lông cừu mỏng và mặc nó vào. Cô chú ý đến quyển sách mình muốn đọc đang ở trên đầu giường. Cô cầm lên, xuống cầu thang và vào bếp. Cô rót cho mình một ly trà đá và bước ra ban công phía sau. Sương mù sáng sớm còn chưa tan hết, và trời mát hơn cô dự đoán. Cô đặt ly nước và quyển sách lên chiếc bàn đặt giữa chiếc ghế Adirondack màu trắng, rồi trở vào nhà để lấy tấm chăn.

Cô trở lại, quần mình trong chăn, ngồi lên ghế và mở quyển sách ra ngay trang đã được đánh dấu. Đọc sách giờ đã trở thành chuyện đầy cay đắng. Cô phải đọc đi đọc lại các trang liên tục để đảm bảo mình sẽ nhớ được các luận điểm hoặc đoạn tường thuật, và nếu cô đặt sách xuống trong một khoảng thời gian nào đó, rất có thể cô phải đọc lại cả chương để tìm lại chủ đề. Thêm vào đó, cô cảm thấy lo lắng hơn khi quyết định cần phải đọc những gì. Nếu cô không đủ thời gian để đọc tất cả những thứ mình muốn thì sao? Nỗi đau được ưu tiên, một lời nhắc nhở rằng đồng hồ đã điểm, rằng có vài thứ sẽ mãi không thành.

Cô chỉ vừa bắt đầu đọc vở *Vua Lear*. Cô rất thích những vở bi kịch của Shakespeare nhưng chưa bao giờ đọc chúng. Thật không may, như một thói quen, cô lại thấy mình mắc kẹt chỉ sau vài phút. Cô đọc lại trang trước, ngón tay trở rà dọc những con chữ để lần lại dòng hồi tưởng. Cô uống trà đá và ngắm nhìn đàn chim trên cành.

“Em đây rồi. Em làm gì thế, ta ra ngoài đi dạo không?” – John hỏi.

“Ừ, được, tuyệt đấy. Quyển sách này làm em điên mất.”

“Vậy thì đi thôi.”

“Anh sẽ đi họp vào hôm nào?”

“Thứ Hai.”

“Hôm nay là thứ mấy rồi?”

“Thứ Năm.”

“À. Còn khi nào Lydia tới đây?”

“Chủ nhật.”

“Nghĩa là trước khi anh đi.”

“Ừ. Ali, anh đã nói với em về tất cả chuyện này rồi. Em nên ghi chú chúng trong di động đi, anh nghĩ nó sẽ giúp em cảm thấy ổn hơn.”

“Được rồi, em xin lỗi.”

“Sẵn sàng chứ?”

“Ừ. Để em đi vệ sinh trước đã.”

“Được thôi, anh sẽ ra nhà xe.”

Cô đặt chiếc cốc rỗng ở cạnh bồn rửa bát, bỏ tấm chăn và quyển sách trên ghế bành ở phòng khách. Cô đã sẵn sàng di chuyển, nhưng đôi chân cô vẫn chần chừ cần định hướng. Cô tới đây để làm gì nhỉ? Cô ngó lại – tấm chăn và sách, cốc nước trên bàn, ban công với John. Anh sẽ rời đây sớm để tham dự Hội nghị Quốc tế về chứng bệnh Alzheimer. Có thể là vào Chủ nhật? Cô phải hỏi anh để chắc chắn. Họ sắp ra ngoài chạy bộ. Trời hơi lạnh bên ngoài. Cô vào đây để lấy áo lông cừu! Không, không phải nó. Cô đã mặc nó rồi. Thứ chết tiệt đó.

Chỉ đến khi cô ra khỏi cửa, một áp lực bất thành linh xuất hiện ở bàng quang nhắc nhở cô rằng mình cần đi vệ sinh bây giờ. Cô vội vã trở vào nhà và mở cửa vào phòng tắm. Chỉ là, như cô nghi ngờ, đó không phải phòng tắm. Một cây chổi, cây lau nhà, xô, máy hút bụi, ghế đẩu, hộp công cụ, bóng đèn, đèn pin, thuốc tẩy. Phòng đựng đồ gia dụng.

Cô nhìn xa hơn dọc xuống hành lang. Nhà bếp ở bên trái, phòng khách ở bên phải, và nó ở đây. Phải có ở tầng này chứ. Nó phải ở đây. Ở ngay chỗ này. Nhưng không có gì cả. Cô vội vã vào nhà bếp nhưng chỉ tìm thấy một cánh cửa, và nó dẫn ra cổng sau. Cô chạy lại phòng khách, nhưng dĩ nhiên, không có cái phòng tắm nào ở phòng khách cả. Cô chạy lại hành lang và đẩy tay nắm cửa.

“Ơn trời, ơn trời, ơn trời.”

Cô đẩy cánh cửa như thể một ảo thuật gia đang tiết lộ cú lừa ngoạn mục nhất, nhưng phòng tắm không hề xuất hiện.

Làm thế nào mà mình có thể lạc ở chính ngôi nhà của mình?

Cô nghĩ tới chuyện lao lên những tầng trên với đầy đủ phòng tắm, nhưng kỳ lạ thay, cô như chết lặng và bị mắc kẹt ở Miền Ảo Ảnh – cứ như là phòng tắm bị biến mất khỏi tầng một. Cô không thể giữ bình tĩnh hơn. Cô như đang mơ hồ quan sát chính mình, một người phụ nữ khốn khổ, xa lạ đang khóc ở hành lang. Đó không phải âm thanh khóc than vì bảo vệ điều gì đó của một phụ nữ trưởng thành. Đó là tiếng khóc sợ hãi, thua cuộc và không thể kiềm chế của một đứa trẻ con.

Không chỉ rơi nước mắt, cô không thể chịu đựng lâu hơn được nữa. John phá cửa trước vào vừa kịp lúc chứng kiến nước tiểu chảy xuống chân phải, vớ và cả giày thể thao của cô.

“Đừng nhìn em!”

“Ali, đừng khóc nữa, sẽ ổn thôi mà.”

“Em không biết em đang ở đâu nữa.”

“Ổn thôi, em ở ngay đây mà.”

“Em đang bị lạc.”

“Em không bị lạc, Ali, em đang ở cùng anh.”

Anh ôm cô, và vỗ về, an ủi cô như thể lúc cô thấy anh đang trấn an con họ sau vô số chấn thương vật lý và bất công xã hội.

“Em không thể tìm được phòng tắm.”

“Không sao mà.”

“Em xin lỗi.”

“Đừng xin lỗi, ổn cả mà em. Đi nào, hãy thay đổi không khí một tí. Thời tiết dạo này đang nóng lên, em hẳn là cần thứ gì đó để xoa dịu.”

TRƯỚC KHI JOHN DỰ HỘI NGHỊ, anh đưa cho Lydia những hướng dẫn chi tiết liên quan đến thuốc của Alice, thời gian chạy bộ, số di động của cô, và chương trình “Trở về an toàn”. Anh

cũng cho Lydia số điện thoại của bác sĩ thân kinh để phòng hờ. Khi Alice hồi tưởng lại bài thuyết trình nhỏ của anh trong đầu, nó trông rất giống như lời dặn dò của các vị phụ huynh đến người bảo mẫu trước khi họ rời đi Maine hay Vermont trong kỳ nghỉ cuối tuần. Giờ đây cô cần được coi sóc. Bởi chính con gái mình.

Sau bữa tối đầu tiên hai mẹ con ăn riêng với nhau tại Squire, Alice và Lydia đi dọc xuống phố chính mà không nói lời nào. Các dòng xe ô tô sang trọng và những chiếc SUV đỗ dọc theo lề đường có trang bị giá đỡ dành cho xe đạp và những xuồng kayak chất nghe trên nóc xe, chen chúc với xe đẩy em bé, ghế bãi biển, những chiếc dù, hay những biển số xe thể thao đến từ Connecticut, New York, và New Jersey thêm với Massachusetts, báo hiệu chính thức bắt đầu một mùa hè sôi động. Những gia đình thông thả đi dọc theo vỉa hè mà không thèm màng tới đâu là làn đường cho người đi bộ, thông thả và không có phương hướng cụ thể, dừng lại, lùi xuống, hay nhìn ngắm những món hàng trưng bày của các cửa tiệm. Như thể bọn họ có toàn bộ thời gian trên cõi đời này.

Qua mười phút dạo bộ, hai người dễ dàng thoát khỏi trung tâm thành phố đông đúc. Họ dừng trước ngọn hải đăng Chatham và hít thở không khí trong cái nhìn toàn cảnh bãi biển bên dưới trước khi đi tiếp ba mươi bước xuống bãi cát. Một hàng giày dép có sẵn từ trước, là do những người tới sớm hơn sắp sẵn. Alice và Lydia thêm đôi giày của mình vào cuối hàng và tiếp tục đi bộ. Biển hiệu phía trước có ghi:

CẢNH BÁO: DÒNG CHẢY MẠNH. Những đợt sóng và dòng chảy bất ngờ có thể gây nguy hiểm tính mạng. Khu vực nguy hiểm đối với các hoạt động: bơi lội, lặn, trượt nước, lướt ván, chèo thuyền nhỏ, bè và canô.

Alice nhìn và không ngừng lắng nghe tiếng sóng đang vỗ vào bờ. Nếu không có những bờ đê khổng lồ được xây dựng ở cạnh

các bất động sản triệu đô dọc Shore Road, bãi biển có thể nuốt trọn mọi ngôi nhà, căn xé chúng mà không chút tiếc thương hay ân hận.

Cô tưởng tượng căn bệnh Alzheimer của mình như đại dương ở biển Lighthouse – không thể ngăn lại, dã man và muốn phá hủy hết thảy. Chỉ khác là không có bờ đê nào trong bộ não để bảo vệ những ký ức và suy nghĩ của cô khỏi sự tấn công.

“Mẹ xin lỗi vì không đến buổi biểu diễn” – cô nói với Lydia.

“Không sao ạ. Con biết là vì bố bận trong thời gian này.”

“Mẹ không thể chờ đến khi vở kịch của con ra mắt trong mùa hè này.”

“Vâng ạ.”

Mặt trời treo lửng lơ dưới thấp và trông to lớn đến không tưởng ở nền trời màu xanh phớt hồng, như chực lao vào biển Atlantic. Họ đi ngang qua một người đàn ông đang quỳ trên cát, ngắm máy ảnh ngay đường chân trời, cố nắm bắt vẻ đẹp thoáng qua của nó trước khi chúng biến mất cùng ánh mặt trời.

“Buổi hội thảo bố dự có liên quan đến căn bệnh Alzheimer đúng không?”

“Ừ.”

“Bố có tìm được một phương pháp tốt hơn không?”

“Ông ấy đang cố.”

“Mẹ nghĩ bố sẽ tìm ra chứ?”

Alice nhìn đợt sóng đang đến, xóa sạch mọi dấu chân, đánh vỡ một tòa lâu đài cát có trang trí vỏ sò, đẩy xẻng nhựa vào một lỗ cát bị đào lên, sóng đánh lên bờ biển lịch sử hằng ngày. Cô ghen tị với những ngôi nhà xinh đẹp bên kia bờ.

“Không.”

Alice nhặt một vỏ sò lên. Cô phỉu những hạt cát đi, để lộ vỏ sò màu trắng sữa và phần trong vỏ màu hồng nhả nhặn. Cô thích cảm giác mềm mại này, nhưng cạnh bị vỡ một chút. Cô có ý nghĩ ném nó xuống nước nhưng vẫn quyết định giữ lại.

“Con nghĩ là bố sẽ không dành thời gian để đi nêu ông cho rằng mình không tìm được gì đâu” – Lydia nói.

Hai cô gái mặc chiếc áo sơ mi đầm mề hời của Đại học Massachusetts đi ngang qua họ, cười khúc khích. Alice nở nụ cười và nói “Xin chào” ngay khi họ đi qua.

“Mẹ ước gì con đi học đại học” – Alice nói.

“Mẹ, thôi đi mà.”

Không muốn mở đầu tuần mới cùng nhau bằng cách thổi bùng lên một trận chiến, Alice lảng lạng hồi tưởng lại khi họ bước đi. Những giáo sư cô rất kính trọng và lo sợ mình sẽ thành trò hề trước mặt họ, những chàng trai cô rất yêu quý và càng sợ mình sẽ trông như một trò hề hơn, những buổi thức thâu đêm trước kỳ thi, các lớp học, bữa tiệc, tình bạn, buổi gặp gỡ John – ký ức của cô về khoảnh khắc ấy luôn sinh động, hoàn toàn nguyên vẹn, và thật dễ dàng gọi nhớ. Chúng khiến cô có chút tự mãn, mọi thứ đầy đủ và sẵn sàng, cứ như thể chẳng có dấu hiệu gì về cuộc chiến sắp diễn ra cách đây vài centimet.

Bất cứ khi nào nghĩ về trường đại học, dòng hồi tưởng của cô luôn quay về khoảng tháng Một khi cô còn là sinh viên năm nhất. Tầm khoảng ba giờ sau khi gia đình cô tới thăm và ra về, Alice đã nghe thấy tiếng gõ cửa ngập ngừng tại phòng ký túc xá.

Cô vẫn nhớ từng chi tiết của vị trưởng khoa đứng ở ngưỡng cửa lúc ấy – những nếp nhăn mỏng và sâu in hằn chính giữa lông mày, phần nam tính toát ra từ mái tóc muối tiêu, những đốm lông xù lên trên chiếc áo len màu lục, cùng sự cẩn thận trong giọng nói đã được ông hạ âm lượng xuống mức thấp nhất.

Bố của cô đã lái xe đâm vào một cái cây ở quốc lộ 93. Có thể ông đã ngủ quên. Có thể ông đã uống quá nhiều vào bữa tối. Ông ta luôn quá chén như thế.

Ông đã được đưa đến bệnh viện Manchester. Mẹ cô và em gái đều đã mất.

“JOHN? ANH PHẢI KHÔNG?”

“Không, là con đang lây khăn vào. Trời mưa rồi” – Lydia đáp.

Bầu không khí đầy nặng nề. Tất cả đều vì cơn mưa. Thời tiết đã vô cùng hoàn hảo trong cả tuần qua, với buổi sáng đầy nắng cho việc chuyển bưu thiếp, còn nhiệt độ thì cực tuyệt vời cho giấc ngủ hàng đêm. Não bộ của cô cũng rất chịu khó hợp tác trong suốt cả tuần. Cô đã có thể nhận ra sự khác biệt giữa những ngày tìm kiếm ký ức, ngôn ngữ hay thậm chí là nhà vệ sinh đầy khó khăn; với những ngày chứng Alzheimer tựa như nằm im, không can thiệp chuyện gì. Vào những ngày yên ắng đấy, cô gần như thuyết phục mình rằng bác sĩ Davis và nhân viên tư vấn di truyền đã sai, hoặc sáu tháng qua chỉ là một giấc mơ khủng khiếp, chỉ là một cơn ác mộng, cả con quái vật dưới gầm giường cào mạnh vào người cô đều không có thực.

Từ phòng khách, Alice nhìn Lydia gấp khăn và xếp chúng vào một chiếc ghế đẩu ở dưới bếp. Con bé mặc một chiếc áo hai dây màu xanh lam sáng và chiếc váy đen. Trông con bé như vừa tắm xong. Alice vẫn còn mặc đồ tắm bên dưới chiếc đầm in hình chú cá đang phai dần.

“Mẹ có nên thay đồ không?” – Cô hỏi.

“Tùy mẹ thôi.”

Lydia dọn cốc sạch cho vào tủ và xem đồng hồ. Sau đó cô bước vào phòng khách, gom các tạp chí và catalog từ trang kỷ đến sàn nhà, rồi chất chúng thành một chồng thật gọn ghẽ cạnh bàn cà phê. Cô xem đồng hồ của mình. Cô lấy một bản sao của tờ Cape Cod ở bên trên chồng tạp chí, ngồi xuống trang kỷ rồi lướt nhanh qua nó. Họ dường như đang giết thời gian, nhưng Alice không hiểu tại sao. Có gì đó không đúng.

“John đâu rồi?” – Alice hỏi.

Lydia ngược lên khỏi tờ tạp chí, Alice không đoán ra con bé đang thấy buồn cười hay bối rối, hay thậm chí là cả hai.

“Bố sẽ về nhà ít phút nữa thôi.”

“Vậy là chúng ta đang chờ ông ấy.”

“Vâng.”

“Còn Anne?”

“Anna đang ở Boston với Charlie.”

“Không, Anne, em gái mẹ ấy, Anne đâu rồi?”

Lydia nhìn cô không chớp mắt, mọi ánh sáng như rút cạn khỏi khuôn mặt cô.

“Mẹ, dì Anne mất rồi. Dì ấy chết trong một tai nạn giao thông cùng với bà ngoại.”

Đôi mắt của Lydia vẫn nhìn chăm chăm Alice. Alice ngừng thở, và tim cô tựa hồ bị ai bóp nghẹt lại. Đầu và ngón tay cô tê cứng, cả thế giới xung quanh như chìm trong bóng tối và ngọt ngào. Cô hít vào một ngụm không khí thật lớn. Oxi lập tức lấp đầy đầu và những ngón tay cô, nhưng đồng thời trái tim đang đập thình thịch của cô cũng bị lấp đầy bởi cơn giận dữ và đau buồn. Cô bắt đầu nấc lên và khóc.

“Không, mẹ à, chuyện này xảy ra lâu rồi, mẹ nhớ chứ.”

Lydia tiếp tục nói chuyện, nhưng Alice không còn nghe cô nói gì nữa. Cô chỉ có thể cảm nhận cơn giận dữ và nỗi buồn chảy qua từng tế bào, qua con tim âm ỉ đau và giọt nước mắt nóng hổi, và cô chỉ có thể nghe tiếng chính mình vang vọng trong đầu đang la hét, kêu gào tên Anne và mẹ.

John đứng trước họ, cả người ướt sũng.

“Chuyện gì thế?”

“Mẹ vừa hỏi về dì Anne. Mẹ nghĩ họ chỉ vừa mới mất.”

Anh ôm lấy cô trong vòng tay. Anh cố nói chuyện với cô, cố giúp cô giữ bình tĩnh. Tại sao anh cũng không suy sụp? Anh đã biết điều này một thời gian, đó là lý do, và anh đã giữ bí mật chuyện này. Cô không thể tin anh nữa.

THÁNG TÁM, NĂM 2004

Mẹ và em gái cô mất khi cô còn là sinh viên đại học năm nhất. Thậm chí ảnh của mẹ cô và Anne còn không đầy một trang album. Không có bất kỳ bằng chứng cho sự hiện diện của họ ở lễ tốt nghiệp hay hôn lễ của cô, hay những ngày lễ, kỳ nghỉ mát, dịp sinh nhật cùng với cô, John và lũ trẻ. Cô không thể hình dung mẹ mình khi về già, và chắc chắn bà sẽ như thế lúc này nếu còn sống, và Anne sẽ thế nào khi không còn ở tuổi vị thành niên. Tuy nhiên, cô vẫn tin rằng họ đã bước qua cửa trước, không phải như một bóng ma trong quá khứ mà là một thực thể sống và khỏe mạnh, và họ đã ở cùng cô tại ngôi nhà ở Chatham mùa hè này. Cô sợ mình sẽ bối rối khi tỉnh táo trở lại và nhận ra những gì mình thấy chỉ là ảo ảnh, vì thực tâm thì cô mong mẹ và em gái sẽ tới thăm mình. Điều đó chính là thứ đáng sợ nhất trong những thứ mà cô sợ hãi.

Alice, John và Lydia ngồi quanh chiếc bàn đặt ngoài hiên và ăn sáng. Lydia đã nói về những thành viên của đội nhạc kịch mùa hè và những buổi tập dượt của mình. Nhưng hầu như con bé chỉ nói chuyện với John.

“Bố có biết trước khi đến đây con đã rất lo sợ không? Ý con là bố nên nhìn thấy đội ngũ nhân viên của họ. Những MFA ở nhà hát từ NYU, studio đào tạo diễn viên và bằng cấp từ Yale, kinh nghiệm ở Broadway.”

“Wow, có vẻ là một đội ngũ nhiều kinh nghiệm đấy. Họ bao nhiêu tuổi vậy?” – Anh hỏi.

“Ồ, con trẻ nhất nhóm đấy. Hầu hết bọn họ có lẽ ở độ tuổi tầm ba mươi đến bốn mươi, nhưng cũng có một người đàn ông và phụ nữ già cỡ bố với mẹ đấy.”

“Già hả?”

“Bố hiểu ý con mà. Dù sao thì, con không biết con sẽ thế nào nếu không làm việc cùng đội ngũ này, nhưng chúng con được đào tạo cùng nhau, và công việc con đang làm đã mang tới nhiều kỹ năng hữu ích. Con thật sự biết con đang làm gì.”

Alice nhớ đến sự bất an và sự thể hiện trong tháng đầu tiên cô giảng dạy tại Harvard.

“Họ chắc chắn đều có kinh nghiệm hơn con, nhưng không ai trong số họ nghiên cứu về Meisner. Họ đều nghiên cứu về Stanislavsky, hoặc những thủ thuật, nhưng con nghĩ Meisner là cách tiếp cận mạnh mẽ nhất để có được sự tự nhiên trong diễn xuất. Vậy nên dù con không có nhiều kinh nghiệm sân khấu, con cũng sẽ đem lại điều gì đó khác biệt cho cả nhóm.”

“Nghe thật tuyệt, con yêu. Đó có thể là một trong những lý do họ tuyển con. Mà ‘sự tự nhiên trong diễn xuất’, chính xác nó nghĩa là gì?” – John hỏi.

Alice cũng đang tự hỏi điều tương tự, nhưng ngôn ngữ của cô lại đang kết dính sền sệt như một thứ bột, cô liền bị tụt lại phía sau John, như những cuộc trò chuyện bấy lâu nay. Thế nên cô nghe chồng và con gái huyền thuyên dễ dàng trước mặt mình giống như là một khán giả đang xem các diễn viên đứng trên sân khấu.

Cô cắt chiếc bánh vừng làm đôi và cắn một miếng. Cô không thích hương vị giản đơn này. Có thêm một vài gia vị tùy chọn được đặt trên bàn – mứt việt quất đại vùng Maine, một lọ bơ đậu phộng, một thanh bơ đặt trên đĩa và một bát “bơ màu trắng”. Nhưng người ta không gọi nó là “bơ màu trắng”. Nó được gọi là gì nhỉ? Không phải sốt mayonnaise. Không, nó quá dày, như bơ vậy. Nó gọi là gì nhỉ. Cô chỉ con dao cắt bơ vào nó.

“John, anh đưa nó cho em được không?”

John đưa cho cô bát “bơ màu trắng”. Cô thoa một lớp dày lên lát bánh vừng và nhìn chăm chăm vào nó. Cô biết chính xác vị nó thế nào, và rằng mình thích nó, nhưng cô sẽ không cắn

miếng nào cho đến khi cô tự mình nói ra cái tên. Lydia nhìn mẹ đang chăm chăm nghiên cứu cái bánh vòng.

“Mẹ, là kem phô mai.”

“Đúng rồi. Kem phô mai. Cảm ơn con, Lydia.”

Điện thoại reo lên, John vào trong nhà để nghe máy. Ý nghĩ đầu tiên nảy ra trong tâm trí cô là mẹ cô vừa gọi, thông báo cho họ biết cuối cùng bà cũng tới đây. Suy nghĩ đó khá thực tế và có khả năng xảy ra, nó xuất hiện như một lý do để cô mong John trở về bàn ăn trong vài phút tới. Alice chấn chỉnh lại ý nghĩ bốc đồng này, tự mắng chửi mình và gạt nó đi. Mẹ và em gái cô đã chết khi cô còn học năm nhất. Thật điên rồ khi cứ phải tự nhắc nhở bản thân chuyện này.

Ở một mình với con gái, ít nhất trong thời điểm này, cô đã có cơ hội để mở lời.

“Lydia, còn về việc đến trường để lấy bằng ở nhà hát thì sao?”

“Mẹ, mẹ có nghe từng câu từng chữ con vừa nói không đấy? Con không cần bằng cấp.”

“Mẹ nghe mọi thứ con nói và mẹ hiểu hết. Mẹ chỉ đang nghĩ tới một tương lai xa hơn. Mẹ chắc vẫn còn nhiều khía cạnh về nghề diễn mà con chưa khám phá, những điều con có thể học hỏi, hay thậm chí là định hướng đúng đắn. Vấn đề là, một tấm bằng có thể mở ra nhiều cánh cửa hơn, và con cần có nó.”

“Và những cánh cửa đó là gì?”

“Ừm, một trong số đó là, tấm bằng có thể tăng thêm uy tín cho con nếu con muốn giảng dạy.”

“Mẹ, con muốn trở thành một diễn viên, chứ không phải giáo viên. Đây là thứ mẹ muốn, chứ không phải con.”

“Mẹ biết, Lydia, con đã thể hiện điều đó rất rõ. Mẹ không hẳn là nghĩ đến một giáo viên dạy ở trường đại học hay cao đẳng, mặc dù con có khả năng đó. Mẹ nghĩ ngày nào đó con có thể dạy hội thảo như những người con đã gặp và rất quý trọng.”

“Mẹ, con xin lỗi, nhưng con sẽ không tốn năng lượng để suy nghĩ về những gì con có thể làm nếu con không đủ giỏi để trở

thành diễn viên. Con không cần phải nghi ngờ bản thân như thế.”

“Mẹ không nghi ngờ chuyện con có thể có sự nghiệp diễn xuất. Nhưng nếu một ngày con quyết định lập gia đình, và con muốn bước chậm lại nhưng vẫn ở trong giới kinh doanh? Dạy hội thảo, thậm chí là tại nhà cũng là một khả năng linh hoạt khá tốt. Thêm vào đó, vấn đề không phải là con biết những gì, mà là con biết những ai. Các khả năng kết nối cộng đồng với bạn cùng lớp, giáo sư, nữ sinh, mẹ chắc đó là một vòng khép kín mà con sẽ không dễ dàng bước vào nếu không có một tấm bằng hay có một vị trí trong kinh doanh đã được công nhận.”

Alice dừng lại, chờ Lydia thốt lên “Dạ, nhưng mà...”, song cô không nói gì cả.

“Con hãy nhận thức điều này. Cuộc sống sẽ ngày càng bận rộn hơn. Con sẽ khó hòa nhập khi càng về già. Con có thể nói chuyện với vài người trong đội nhạc kịch và nhìn nhận những quan điểm của họ về việc tham gia diễn xuất khi đã ba mươi, bốn mươi tuổi hay khi lớn hơn. Được chứ.”

“Dạ được.”

Được rồi. Đó là lần gần nhất họ đi tới sự thống nhất trong chủ đề này. Alice cố nghĩ thêm chuyện gì để nói nhưng không thể. Bấy lâu nay, họ chỉ nói về vấn đề này. Sự im lặng giữa hai người tăng lên.

“Mẹ, nó như thế nào ạ?”

“Cái gì như thế nào?”

“Mắc chứng Alzheimer ấy. Mẹ có cảm nhận được nó không?”

“Ừm, mẹ biết bản thân không bị nhầm lẫn hay lặp đi lặp lại điều gì bây giờ, nhưng chỉ vài phút trước, mẹ đã không thể nhớ ra từ “kem phô mai”, và mẹ đã cảm thấy khó khăn khi trò chuyện với hai bố con. Mẹ biết chỉ là vấn đề thời gian trước khi những chuyện này lặp lại lần nữa, và thời gian giữa chúng đang ngày một ngắn hơn. Còn vấn đề xảy ra thì càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy kể cả khi mẹ cảm thấy hoàn toàn bình thường, mẹ

biết bản thân không như thế. Đó không phải kết thúc, chỉ là khoảng nghỉ ngơi. Mẹ không còn tin chính mình nữa.”

Ngay khi kết thúc câu nói, cô lo lắng vì đã thú nhận quá nhiều. Cô không muốn làm con bé sợ. Nhưng Lydia đã không nao núng và vẫn còn quan tâm, nên Alice cảm thấy thoải mái hơn.

“Vậy là mẹ biết khi nào nó diễn ra?”

“Hầu như là vậy.”

“Như chuyện xảy ra khi mẹ không thể nhớ ra cái tên của kem phô mai?”

“Mẹ biết mẹ tìm kiếm điều gì, nhưng bộ não mẹ không làm được. Nó giống như khi con muốn một ly nước, mà bàn tay con lại không cầm cái ly lên. Con lịch sự năn nỉ nó, đe dọa nó, nhưng tay con vẫn không nhúc nhích. Cuối cùng thì tay con có thể di chuyển, nhưng thay vào đó con lại cầm lọ muối lên, hoặc con va vào cái ly và làm nước đổ đầy bàn. Hoặc tới khi tay con có thể cầm cái ly và đưa lên môi, thì sự nóng ran trong cổ họng con đã biến mất, con không cần uống thêm bất kỳ thứ gì nữa. Thời điểm cần thiết đã trôi qua.”

“Nghe cứ như tra tấn ấy.”

“Nó đấy.”

“Con rất tiếc.”

“Ừm, cảm ơn con.”

Lydia chìa bàn tay qua những bát đĩa và ly nước, qua cả khoảng cách thời gian mà nắm lấy tay mẹ. Alice nắm chặt và mỉm cười. Cuối cùng, họ cũng tìm ra thứ gì khác để nói.

ALICE TỈNH DẬY trên băng ghế dài. Cô thường xuyên ngủ trưa trong khoảng thời gian gần đây, có khi là hai lần một ngày. Trong khi việc nghỉ trưa rất có ích cho sự chú tâm và năng lượng của cô, thì lúc thức giấc cô lại khó chịu đến gai người. Bốn giờ mười lăm. Cô không thể nhớ mình đã ngủ gà ngủ gật lúc nào. Cô nhớ đến bữa ăn trưa. Một bánh sandwich, vài loại

sandwich, cùng John. Lúc đó có thể là khoảng giữa trưa. Có thứ gì đó ở bên cạnh đè vào hông cô. Quyển sách cô đang đọc. Cô hẳn đã thiếp đi khi đang đọc sách.

Bốn giờ hai mươi. Buổi diễn tập của Lydia kéo dài đến bảy giờ. Cô ngồi dậy và lắng nghe. Cô có thể nghe tiếng chim hải âu kêu quang quác ở Hardings và tưởng tượng cảnh truy lùng kho báu của chúng, một cuộc chạy đua điên rồ để tìm và căn xé những mẩu bánh cuối cùng mà bọn người có làn da rám nắng đã bắt căn bỏ lại. Cô đứng lên và bước vào cuộc săn của chính mình, ít điên cuồng hơn lũ hải âu, cô tìm John. Cô kiểm tra phòng ngủ và suy xét. Cô nhìn ra đường lớn. Không có ô tô. Chỉ vừa mới nguyên rửa anh vì không để lại lời nhắn thì cô đã thấy nó được dính nam châm trên cửa tủ lạnh.

Ali – Anh lái xe ra ngoài, sẽ về sớm, John.

Cô ngồi xuống chiếc ghế dài và nhặt quyển sách lên, Lý trí và Tình cảm của Jane Austen, nhưng không mở nó ra. Cô thật sự không muốn đọc chúng bây giờ. Cô chỉ mới đọc được nửa quyển Moby-Dick trước khi làm mất nó. Cô và John đã lật tung ngôi nhà nhưng vẫn không tìm thấy. Họ thậm chí truy tìm cả những góc ngách đặc biệt mà một người đăng trí có thể đặt quyển sách vào – tủ lạnh, tủ đông, tủ đựng thức ăn, ngăn kéo tủ quần áo, tủ đựng khăn gối, lò sưởi. Nhưng không ai tìm thấy. Cô đoán chắc mình đã để quên trên bãi biển. Cô hy vọng thế. Đó là việc ít nhất mà cô đã làm trước khi chứng Alzheimer lại bộc phát.

John đã đưa một bản sao khác lúc đón cô. Có thể anh đã đến hiệu sách. Cô hy vọng là vậy. Nếu cô chờ lâu hơn, cô sẽ quên tất cả những gì đã đọc và phải bắt đầu lại. Tất cả mọi việc. Chỉ cần nghĩ đến cũng khiến cô mệt mỗi lần nữa. Trong khi chờ đợi, cô bắt đầu với Jane Austen, nhà văn cô yêu thích. Nhưng tác phẩm này không thu hút được sự chú ý của cô.

Cô lang thang ở tầng trên đến phòng ngủ của Lydia. Trong số ba đứa con, cô biết về Lydia ít nhất. Trên nóc tủ quần áo, có những chiếc nhẫn màu ngọc lam bằng bạc, một dây chuyền bằng da, một chiếc đính đầy những hạt cườm sắc sỡ lộ ra khỏi hộp

các-tông để mở. Bên cạnh hộp là một đồng kẹp tóc và một cái khay để đồng hương. Lydia thật sự có đôi chút lập dị.

Quần áo của con bé ở trên sàn, có cái gấp lại, có cái không. Cũng không có gì nhiều trong ngăn kéo tủ quần áo. Con bé còn chưa dọn giường. Lydia còn là một đứa không mấy cẩn thận.

Những quyển sách về thơ và nhạc kịch nằm trên kệ sách – *Người mẹ bóng đêm*; *Bữa tối với bạn bè*; *Bằng chứng*; *Cân bằng mong manh*; *Tuyển tập sông Spoon*; *Agnes của Thiên Chúa*; *Những thiên thần Mỹ*; *Oleanna*. Lydia là một diễn viên.

Cô cầm một vài vở kịch lên và lướt qua chúng. Chúng tầm tám mươi đến chín mươi trang, và mỗi trang chỉ thừa thớt đôi dòng. Có lẽ nó giúp con bé dễ dàng và thoải mái hơn khi đọc kịch bản. Và mình sẽ nói về chúng với Lydia. Cô nắm chặt vở *Bằng chứng*.

Sổ nhật ký, iPod của Lydia, quyển Học diễn xuất với Sanford Meisner, và một bức tranh được đóng khung đặt trên giường của cô. Alice cầm quyển nhật ký lên. Cô do dự, nhưng chỉ thoáng qua. Cô không có nhiều thời gian xa xỉ. Ngồi xuống giường, cô lướt qua từng trang giấy viết về những giấc mơ và lời thú tội của con gái mình. Cô đã đọc về những khó khăn và sự đột phá trong lớp diễn xuất, nỗi sợ và niềm hy vọng xung quanh buổi thử giọng, sự thất vọng và niềm vui sướng trong buổi thử vai. Cô đã đọc về niềm đam mê và sự kiên trì của một cô gái trẻ tuổi.

Cô đọc về Malcolm. Trong khi họ đang vào vai ở một phân đoạn kịch tính ở lớp học, Lydia đã phải lòng anh ta. Một lần con bé nghĩ mình có thể mang thai, nhưng không. Lydia cảm thấy nhẹ nhõm, vì chưa sẵn sàng để kết hôn hay có con. Trước tiên con bé muốn tìm con đường riêng của mình trong thế giới.

Alice nghiên cứu bức ảnh được đóng khung của Lydia cùng một người đàn ông, có thể là Malcolm. Khuôn mặt tươi cười của họ chạm vào nhau. Cả hai trong bức ảnh đều hạnh phúc. Lydia đã là một cô gái trưởng thành.

“Ali, em có đây không?” – John hỏi.

“Em ở trên lầu này.”

Cô đặt quyển nhật ký và khung ảnh lên giường rồi bước xuống tầng dưới.

“Anh định đi đâu à?” – Alice hỏi.

“Anh ra ngoài một lát.”

Anh cầm hai tay hai chiếc túi nhựa trắng.

“Anh đã mua cho em một bản sao mới của Moby Dick à?”

“Đại loại thế.”

Anh đưa cho Alice một chiếc túi. Nó đựng đầy những chiếc DVD – Moby Dick với Gregory Peck và Orson Welles, Vua Lear với Laurence Olivier, Casablanca, Bay trên tổ chim cú cu, Giai điệu hạnh phúc, luôn là những thứ ưa thích của cô.

“Anh nghĩ những thứ này có thể dễ dàng với em hơn. Và chúng ta có thể cùng xem.”

Cô mỉm cười.

“Có gì trong cái túi kia vậy?”

Cô cảm thấy choáng váng, như một đứa trẻ vào buổi sáng Giáng Sinh. Anh kéo ra một gói bỏng ngô được hâm nóng và một hộp Milk Duds.

“Chúng ta có thể xem Giai điệu hạnh phúc chứ?”

“Chắc chắn rồi.”

“Em yêu anh, John.”

Cô vòng cánh tay quanh người anh.

“Anh cũng yêu em, Ali.”

Với bàn tay đặt cao trên lưng anh, cô áp mặt vào ngực anh và cảm nhận rõ hơi thở ấm áp của chính mình. Cô muốn nói thêm với anh, rằng anh có ý nghĩa như thế nào, nhưng không tìm được từ để diễn tả. Anh ôm chặt cô hơn một chút. Anh biết. Họ đứng ôm nhau mà không nói gì trong một lúc.

“Đây, em hãy đi làm bỏng ngô, còn anh sẽ lấy đĩa phim và chờ em ở sofa” – John nói.

“Được thôi.”

Cô bước tới lò vi sóng, mở cửa lò và cười to. Cô nên cười.

“Em đã tìm thấy Moby Dick!”

ALICE ĐÃ Ở MỘT MÌNH trong vài giờ. Trong nỗi cô đơn buổi sớm, cô uống trà xanh, đọc một vài trang sách và tập yoga ngoài bãi cỏ. Trong tư thế “chó đuổi mình”, cô lấp đầy phổi với không khí biển ban mai trong lành và cảm thấy xa xỉ một cách kỳ lạ, gần như niềm vui vì đau đớn kéo căng ở gân khoeo và mông cô. Qua khước mắt, cô quan sát thấy cơ tam đầu bên trái khớp với cơ thể ở vị trí này. Rắn chắc, đường nét như điêu khắc, vô cùng đẹp đẽ. Cả cơ thể cô trông thật khỏe mạnh và xinh đẹp.

Cô đang ở trong hình thái vật chất tốt nhất của cuộc đời mình. Chế độ ăn uống lành mạnh cộng với bài tập thể dục hằng ngày cân đối với lực ở cơ tam đầu, sự linh hoạt ở hông, bắp chân mạnh mẽ và khả năng hô hấp dễ dàng trong suốt cuộc chạy bốn dặm. Chúng, dĩ nhiên, chỉ ở trong tâm trí cô. Không hồi đáp, bất tuân, yếu đuối.

Cô lấy mấy viên Aricept, Namenda, loại thuốc viên bí ẩn Amylix còn đang thử nghiệm, Lipitor, vitamin C và E, và aspirin cho trẻ em. Cô dùng các chất chống oxy hóa bổ sung bằng các loại quả việt quất, vang đỏ, và chocolate đen. Cô uống trà xanh. Cô thử dùng bạch quả. Cô ngồi thiền và chơi Numero. Cô đánh răng bằng cánh tay không thuận. Cô ngủ khi đã quá mệt mỏi. Tuy nhiên, không có nỗ lực nào trong số đó cho một kết quả có thể trông thấy hay đo đếm được. Có lẽ khả năng nhận thức của cô sẽ xấu đi đáng kể nếu cô không tập thể dục, dùng Aricept hay quả việt quất. Có lẽ chẳng khó khăn gì, chứng mất trí của cô sẽ chạy điên cuồng. Có lẽ vậy. Nhưng cũng có thể toàn bộ những điều này chẳng gây ảnh hưởng gì. Cô không thể biết, trừ khi chấm dứt điều trị, thôi ăn chocolate hay uống vang, và ngồi chờ cho tới tháng kế. Đây không phải cuộc thử nghiệm cô mong muốn.

Cô đứng thành tư thế chiến binh, thở ra và chìm sâu hơn trong tư thế lao tới kẻ thù, chấp nhận sự khó chịu và thách thức

để tập trung và chịu đựng, quyết tâm duy trì tư thế này. Quyết tâm vẫn là một chiến binh.

John bước vào nhà bếp, quả đầu bù xù như thầy ma nhưng trang phục đã sẵn sàng để chạy bộ.

“Anh muốn uống cà phê trước không?” – Alice hỏi.

“Không, ta đi thôi, anh sẽ uống khi mình quay về.”

Họ chạy hai dặm mỗi sáng dọc đường chính đến trung tâm thành phố và trở về theo tuyến đường cũ. Cơ thể anh đã trở nên thon gọn và anh có thể chạy ở khoảng cách này rất dễ dàng, nhưng anh đã không tận hưởng giây phút đó. Anh chạy cùng cô, nhẩn nhẩn và không than vãn, với sự nhiệt tình và say mê như khi anh trả hóa đơn hay giặt giũ. Và cô yêu anh vì lẽ đó.

Cô chạy phía sau, để anh chọn tốc độ, quan sát và lắng nghe như thể anh là một nhạc cụ tuyệt đẹp – khuỷu tay anh đánh qua lại như con lắc, hơi thở ra nhịp nhàng và thoáng mát, nhịp gõ của đôi giày thể thao xuống vỉa hè đầy cát. Sau đó anh nhổ nước bọt, và cô bật cười. Anh cũng không hỏi tại sao.

Họ đang trên đường về nhà, cô vẫn chạy bên cạnh anh. Trong một thoáng thương cảm, cô định nói với anh rằng anh không cần phải chạy cùng cô nếu không muốn, rằng cô có thể tự xử lý những tuyến đường này. Nhưng sau đó, theo lộ trình của anh, họ rẽ phải vào một ngã ba trên đường Mill về phía ngôi nhà, nơi cô đã định rẽ trái. Alzheimer không thích bị bỏ quên.

Trở về nhà, cô cảm ơn, hôn lên gò má ướt đầm mồ hôi của anh, và sau đó họ đi thẳng vào nhà tắm, bỏ qua Lydia còn trong bộ đồ ngủ và đang uống cà phê ngoài cổng. Mỗi buổi sáng, cô và Lydia thảo luận mọi vở kịch. Alice đã liếc qua phần ngũ cốc với việt quất, bánh vòng hạt mè với kem phô mai, cà phê và trà. Bản năng của Alice đã đúng. Cô thích đọc những vở kịch bất tận hơn là những tiểu thuyết hay tiểu sử danh nhân, và kể những gì vừa đọc với Lydia, cho dù đó là cảnh một, hành động đầu, hoặc toàn bộ vở kịch, đã chứng minh một cách thú vị và mạnh mẽ cho việc tăng cường bộ nhớ của cô. Qua việc phân tích phân cảnh, nhân vật, và cốt truyện với Lydia, Alice nhận thấy chiều sâu trong trí

tuệ của con gái mình, sự hiểu biết phong phú về nhu cầu, cảm xúc và sự đấu tranh của con người. Cô nhìn Lydia. Và cô yêu con bé.

Hôm nay, họ thảo luận về một cảnh của vở *Những thiên thần Mỹ*. Họ lướt tới lui những lời hỏi đáp đầy hăm hở, cuộc đối thoại hai chiều, bình đẳng, vui vẻ. Vì Alice không phải cạnh tranh với John để hoàn thiện ý nghĩ của mình, cô có thêm thời gian và không bị bỏ lại phía sau.

“Con thấy thế nào khi đóng cảnh này với Malcolm?” – Alice hỏi.

Lydia nhìn chăm chăm cô như thể câu hỏi kia thổi bay hết tâm trí cô.

“Hả?”

“Không phải con và Malcolm đã diễn cảnh này trong lớp sao?”

“Mẹ đọc nhật ký của con?”

Dạ dày của Alice trống rỗng. Cô cứ nghĩ Lydia đã từng nói với cô về Malcolm.

“Con yêu, mẹ xin lỗi...”

“Con không tin được mẹ làm thế. Mẹ chẳng biết lý lẽ gì cả!”

Lydia đẩy ghế và giận dữ bỏ đi, mặc kệ một mình Alice ngồi ở bàn, choáng váng và mặt mày xám xịt. Một vài phút sau, Alice nghe thấy tiếng cửa trước đóng sầm lại.

“Đừng lo lắng, con bé sẽ bình tĩnh lại thôi” – John nói.

Cả buổi sáng cô đã cố làm điều gì đó khác: dọn dẹp, làm vườn, đọc sách, nhưng tất cả những gì cô làm được chỉ là lo lắng. Cô lo mình đã gây ra một chuyện không thể tha thứ được và sẽ đánh mất sự tôn trọng, lòng tin, và tình yêu của đứa con gái mà cô chỉ mới vừa thấu hiểu.

Sau bữa trưa, Alice và John đi bộ ngoài bãi biển Hardings. Alice bơi cho đến khi cơ thể hoàn toàn kiệt sức. Cô không còn cảm thấy còn cào trong ruột, cô trở lại ghế dài, ngả người ra, nhắm mắt và tĩnh tâm.

Cô đã từng đọc được ở đâu đó rằng ngôi thiên có thể làm tăng độ dày của vỏ não và làm chậm sự lão hóa. Lydia đều thiên mỗi ngày, và khi Alice bày tỏ sự quan tâm, Lydia đã dạy cô. Cho dù nó có giúp duy trì độ dày vỏ não hay không, Alice vẫn thích thời điểm tập trung yên tĩnh này, nó rất hiệu quả và giữ kín những tiếng ồn lộn xộn, lo lắng trong đầu cô. Nó thật sự mang bình yên cho tâm trí cô.

Sau khoảng hai mươi phút, cô trở lại trạng thái thức tỉnh, thoải mái, tràn đầy sinh lực, và nóng nực. Cô lại ra biển, chỉ để nhanh chóng được ngâm mình trong khoảng thời gian này, giải phóng mồ hôi, nhiệt trong cơ thể nhờ muối biển và tận hưởng sự mát mẻ. Trở lại ghế ngồi, cô nghe thấy một phụ nữ ngồi trên tấm trải bên cạnh nói về vở nhạc kịch tuyệt vời mà bà ta vừa xem ở nhà hát Monomoy. Cô lại cảm thấy cồn cào trong dạ dày.

Tối hôm đây, John nướng burger phô mai, còn Alice làm salad. Lydia không hề về nhà ăn tối.

“Anh chắc là do buổi diễn tập kết thúc hơi trễ một tí thôi” – John nói.

“Nó ghét em.”

“Nó không ghét em đâu.”

Sau bữa tối, Alice uống thêm hai ly vang đỏ, còn John đã uống ba ly scotch. Vẫn không thấy Lydia về. Sau khi Alice dốc số thuốc buổi tối vào dạ dày đang nhận nhạo của mình, họ ngồi trên ghế dài với bát bỏng ngô, một hộp Milk Duds và xem *Vua Lear*.

John đánh thức cô trên chiếc ghế dài. Tivi đã tắt và căn nhà chìm trong bóng tối. Cô chắc hẳn đã ngủ trước khi bộ phim kết thúc. Dù thế nào cô cũng không nhớ ra cái kết. Anh dẫn cô lên cầu thang để vào phòng ngủ của họ.

Cô đứng ở bên giường, đặt tay lên miệng vì không thể tin nổi, nước mắt đầm đìa trên mặt, nỗi lo lắng bị trục xuất khỏi dạ dày và tâm trí cô. Nhật ký của Lydia nằm trên ghế.

“XIN LÔI CON VÊ TRÊ” – TOM NÓI và bước vào.

“Được rồi, mọi người, giờ có Tom ở đây, Charlie và con có một vài tin muốn chia sẻ” – Anna nói, – “Con đã mang thai năm tuần và là song sinh!”

Những cái ôm, nụ hôn và lời chúc mừng cũng như các câu hỏi liên tiếp dành tặng cho Anna. Khi Alice bắt đầu cảm thấy mình khó có thể theo kịp cuộc trò chuyện của các thành viên, sự nhay cảm trong cô cùng những điều chưa nói, ngôn ngữ cơ thể và cảm xúc kìm nén bắt đầu lớn dần lên. Cô đã kể hiện tượng này với Lydia vào vài tuần trước, con bé nói rằng đây là một kỹ năng tuyệt vời để trở thành diễn viên. Con bé nói rằng mình và những diễn viên khác đã vô cùng khó khăn khi nỗ lực tập trung tách rời bản thân khỏi ngôn ngữ nói để không bị ảnh hưởng bởi hành động và cảm xúc của người khác. Alice không hoàn toàn hiểu hết sự khác biệt ấy, nhưng cô yêu cái cách mà Lydia nhìn khuyết điểm của cô như một kỹ năng tuyệt vời.

John trông hạnh phúc và vui mừng, nhưng Alice thấy anh chỉ chạm vào một chút niềm hạnh phúc và vui mừng mà anh thật sự cảm thấy, có lẽ vì cố gắng tôn trọng lời cảnh báo “vẫn còn quá sớm” của Anna. Thậm chí nếu Anna không cảnh báo, anh vẫn mê tín dị đoan, tin rằng “nói trước bước không qua”. Nhưng anh đã không đợi được nữa. Anh muốn có cháu.

Ẩn chứa trong niềm hạnh phúc và phấn khích của Charlie, Alice nhìn thấy sự căng thẳng dày đặc bao phủ quanh một lớp khủng hoảng còn dày hơn. Alice nghĩ mọi người dễ dàng nhìn ra được, nhưng chỉ riêng Anna dường như không biết gì, và cũng không ai ý kiến về điều đó. Hay cô chỉ đang nhìn thấy sự lo lắng điển hình của một người lần đầu làm cha? Charlie đang lo lắng vì phải nuôi hai miệng ăn cùng một lúc hay trả học phí đại học cũng gấp đôi? Chúng chỉ giải thích cho sự căng thẳng đang hiện trên mặt Charlie. Hay cậu ấy cũng đang sợ cái viễn cảnh có hai đứa con học đại học, và, cùng lúc đó, với một người vợ bị mất trí?

Lydia và Tom đứng cạnh nói chuyện với Anna. Những đứa trẻ xinh đẹp, những đứa trẻ đã không còn là trẻ con nữa. Lydia

trông thật rạng rỡ; con bé đang thích thú với tin vui này còn hơn là việc cả gia đình đều ở đây để xem con bé diễn.

Tom nở nụ cười chân thành, nhưng Alice thấy một tia bất rút từ cậu, đôi mắt và má hơi chùng, cơ thể cậu căng cứng hơn. Có phải vì trường lớp? Một cô bạn gái à? Tom nhận ra mẹ đang quan sát mình.

“Mẹ, mẹ cảm thấy thế nào?” – Cậu hỏi.

“Khá là tuyệt.”

“Thật chứ?”

“Ừ, thật tình là mẹ thấy ổn.”

“Mẹ yên lặng quá đấy.”

“Có nhiều người nói cùng lúc với nói nhanh quá mà” – Lydia lên tiếng.

Nụ cười của Tom vụt tắt, và trông anh như chực khóc. Chiếc BlackBerry của Alice trong cái túi em bé màu xanh ở bên hông cô, rung lên nhắc nhở đã đến giờ uống thuốc buổi chiều. Cô muốn trì hoãn vài phút. Cô không muốn uống chúng lúc này, ngay trước mặt Tom.

“Lyd, buổi trình diễn ngày mai của con là lúc mấy giờ vậy?” – Alice hỏi, cầm chiếc BlackBerry trong tay.

“Tám giờ ạ.”

“Mẹ, mẹ không cần lên lịch gì đâu. Tụi con đều ở đây mà. Mẹ cứ làm như tụi con sẽ quên đưa mẹ đi cùng ấy” – Tom nói.

“Tên vở kịch chúng ta sắp xem là gì vậy?” – Anna hỏi.

“Bằng chứng” – Lydia đáp.

“Em lo lắng không?” – Tom hỏi.

“Một chút, bởi vì đây là vở mở đầu đêm diễn, và nhà mình đều tới xem. Nhưng em sẽ quên sự tồn tại của mọi người ngay khi em lên sân khấu thôi.”

“Lydia, mấy giờ con diễn vậy?” – Alice hỏi.

“Mẹ, mẹ vừa hỏi rồi. Đừng bận tâm về nó nữa” – Tom lên tiếng.

“Lúc tám giờ, mẹ ạ” – Lydia trả lời. – “Tom, anh vô dụng quá.”

“Không, em mới là vô dụng đây. Sao em cứ làm mẹ lo lắng về chuyện phải nhớ giờ giấc trong khi mẹ chả cần bận tâm về nó chứ?”

“Mẹ sẽ không phải lo nếu ghi chú trong chiếc BlackBerry. Cứ để mẹ làm vậy đi” – Lydia nói.

“Ồ, mẹ không nên phụ thuộc vào chiếc BlackBerry đó quá. Mẹ nên vận động trí nhớ một xíu khi có thể” – Anna nói.

“Vậy là sao? Mẹ nên nhớ giờ diễn của em hay phụ thuộc mọi thứ vào chúng ta?” – Lydia hỏi.

“Em nên khuyến khích mẹ tập trung và thực sự chú ý. Mẹ nên cố gắng tự mình nhớ lại những thông tin và không được lười biếng” – Anna đáp.

“Mẹ không hề lười biếng” – Lydia nói.

“Em và chiếc BlackBerry đó đang làm thế đấy. Nhìn xem, mẹ, giờ diễn của Lydia là mấy giờ thế?” – Anna hỏi.

“Mẹ không biết. Bởi vậy mẹ mới hỏi con bé” – Alice đáp.

“Em ấy nói đi nói lại tận hai lần rồi, mẹ à. Mẹ có thể cố nhớ những gì em ấy nói không?”

“Anna, đừng đùa giỡn như vậy đi” – Tom gầm lên.

“Mẹ đang tính lưu nó trong chiếc BlackBerry thì con gián đoạn mẹ.”

“Con không kêu mẹ nhìn vào cái di động BlackBerry đó. Con muốn mẹ nhớ thời gian mà em ấy đã nói.”

“À, mẹ không cần phải nhớ, vì mẹ sẽ ghi chúng vào điện thoại của mình.”

“Mẹ, chỉ cần nghĩ một giây thôi. Mấy giờ ngày mai Lydia sẽ biểu diễn?”

Alice không biết câu trả lời, nhưng cô nghĩ Anna đáng thương cần phải đặt mình vào vị trí của cô.

“Lydia, mai mấy giờ con biểu diễn?” – Alice hỏi.

“Tám giờ ạ.”

“Lúc tám giờ, Anna.”

TÁM GIỜ KÉM NĂM PHÚT, họ yên vị tại chỗ của mình, ở khu vực trung tâm hàng thứ hai. Nhà hát Monomoy là một nơi ấm cúng, với một trăm ghế ngồi và một sàn sân khấu cách hàng ghế đầu hơn một mét. Alice không thể chờ đến khi đèn tắt hết. Cô đã đọc vở kịch và nói về nó rất nhiều lần với Lydia. Cô thậm chí còn muốn giúp con bé định hướng nhân vật. Lydia diễn vai Catherine, con gái của một thiên tài toán học điên loạn đã mất. Alice không thể chờ để thấy những nhân vật này hiện hữu trước mặt mình.

Từ phân cảnh đầu tiên, diễn xuất nhiều sắc thái, trung thực và đa chiều, khiến Alice dễ dàng đắm chìm hoàn toàn trong thế giới tưởng tượng mà những diễn viên tạo ra. Catherine tuyên bố cô đã viết một chứng minh mang tính đột phá, nhưng cả người cô yêu thương lẫn em gái đều ghẻ lạnh và thắc mắc liệu thần kinh cô có ổn định. Cô tự tra tấn mình với nỗi sợ hãi rằng, giống như người cha thiên tài, có thể cô bị điên. Alice trải qua nỗi đau, sự phản bội, và sợ hãi cùng với cô. Nhân vật Catherine đã mê hoặc mọi người từ đầu chí cuối.

Sau đó, các diễn viên ra ngoài chào khán giả. Catherine cười rạng rỡ. John tặng hoa cho cô và ôm thật chặt.

“Con thật tuyệt, thật không thể tin được!” – John nói.

“Cảm ơn bố! Nó không tuyệt đến thế chứ?”

Những người khác cũng ôm hôn và ca tụng Lydia.

“Cháu đã tỏa sáng và đẹp rạng ngời khi diễn” – Alice nói.

“Cảm ơn mẹ.”

“Liệu chúng tôi có được xem cháu diễn vở nào trong mùa hè này nữa không?” – Alice hỏi.

Lydia nhìn Alice một lúc lâu đầy khó chịu trước khi trả lời.

“Không, đây là vai diễn duy nhất của con trong mùa hè này.”

“Cháu chỉ ở đây vào mùa hè thôi à?”

Câu hỏi đặt ra dường như khiến Lydia buồn hơn bao giờ hết.
Đôi mắt con bé ngấn nước.

“Phải, con sẽ trở lại L.A vào cuối tháng Tám, nhưng con sẽ trở lại như thế này nhiều lần để thăm gia đình.”

“Mẹ, đó là Lydia, con gái mẹ đây” – Anna đáp.

...

Tình trạng khỏe mạnh của một tế bào thần kinh phụ thuộc vào khả năng của nó khi tiếp xúc với tế bào khác. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự kích thích điện và hóa học từ cả hai đầu sẽ hỗ trợ hoạt động của một tế bào sống. Những tế bào thần kinh sẽ không kết nối hiệu quả với các tế bào đã bị teo, thật vô vọng, một tế bào không kết nối được sẽ là tế bào chết.

THÁNG CHÍN, NĂM 2004

Dù học kỳ mùa thu ở Harvard đã chính thức bắt đầu, thời tiết vẫn diễn ra y nguyên như trên tờ lịch. Vào một ngày mùa hè ẩm ướt tháng Chín, nhiệt độ hơn hai mươi sáu độ, Alice khởi hành đến Harvard Yard. Trong những ngày gần kề kỳ tuyển sinh hàng năm, cô luôn thấy hào hứng khi được gặp những sinh viên năm nhất đến từ ngoài New England. Mùa thu ở Cambridge gợi nên hình ảnh cảnh lá rụng đưa, cảnh hái táo, những trận bóng bầu dục, những chiếc áo len cùng với khăn quàng cổ. Một ngày tháng Chín ở Cambridge sẽ chẳng có gì bất thường nếu thức dậy lúc gần trưa mà thấy sương giá đọng trên những quả bí ngô. Trong khi ấy, những ngày tháng Chín này, đặc biệt những ngày đầu tháng vẫn ồn ã tiếng máy điều hòa trên các cửa sổ gầm rú huyền não không ngừng và những cuộc tranh luận nhốn nháo đầy lạc quan về đội bóng bầu dục Red Sox. Dĩ nhiên năm nào cũng vậy, những sinh viên mới đến lang thang dọc theo vỉa hè của Harvard Square, mơ hồ như khách đi du lịch trái mùa. Họ lúc nào cũng khoác lên mình hàng tá các lớp áo len lông và quá chừng giở xách mua sắm từ Harvard Coop. Trong đó đựng đầy các vật dụng cho bàn học và áo thun dán nhãn Harvard. Những thứ tầm thường đáng yêu.

Dù chỉ mặc một chiếc áo thun sợi bông và chiếc váy dài đến mắt cá, Alice cảm thấy ẩm ướt khó chịu ngay khi đến văn phòng của Eric Wellman. Căn phòng ấy nằm trên lầu, ngay trên văn phòng của Alice, diện tích bằng nhau, bố trí các vật dụng như nhau và cùng hướng ra Boston và sông Charles, nhưng dù sao văn phòng của Eric vẫn trông ấn tượng và uy nghiêm hơn. Cô luôn cảm thấy mình như một sinh viên mỗi khi vào phòng anh,

và hôm nay cảm xúc ấy đặc biệt dâng lên khi anh gọi cô vào “để nói chuyện một chút.”

“Kỳ nghỉ hè thế nào?” – Eric hỏi cô.

“Rất thoải mái. Còn anh thì sao?”

“Cũng ổn, mà trôi qua nhanh quá. Chúng tôi đều nhớ cuộc hội thảo hồi tháng Sáu được gặp cô.”

“Tôi biết, tôi cũng thấy nhớ.”

“Vâng, Alice, tôi muốn bàn với cô về các đánh giá khóa học của cô cho kỳ vừa rồi trước khi các lớp mới bắt đầu.”

“Ồ, tôi chưa có thời gian để xem qua nữa.”

Một chồng đánh giá khóa học Động lực và cảm xúc của cô được cột dây thun ở đầu đó trong văn phòng vẫn chưa được động đến. Đánh giá phản hồi của sinh viên Harvard hoàn toàn vô danh và chỉ giảng viên của khóa học và trưởng khoa mới được xem. Trước đây, cô chỉ đọc qua những bảng đánh giá ấy để kiểm tra thôi. Cô biết mình là một giảng viên giỏi, và những bảng đánh giá sinh viên của cô luôn nhận được cái gật đầu đồng ý không hề nao núng. Nhưng Eric chưa bao giờ yêu cầu cô xem lại chúng. Cô cảm thấy sợ, lần đầu tiên trong sự nghiệp, cô không thể đối diện với chính mình, thông qua những bảng đánh giá ấy.

“Đây, cô hãy dành ít phút xem qua nào.”

Anh đưa cô bản sao của chồng đánh giá cùng với trang tóm tắt đặt ở trên.

Trên thang điểm từ một đến năm, từ hoàn toàn không đồng ý đến đồng ý hoàn toàn: Giảng viên thúc đẩy sinh viên làm việc đạt hiệu quả cao.

Toàn bốn đến năm điểm.

Học tại lớp nâng cao khả năng hiểu tài liệu. Bốn, ba và hai điểm.

Giảng viên giúp tôi hiểu những khái niệm khó hiểu và ý tưởng phức tạp.

Vẫn bốn, ba và hai.

Giảng viên khích lệ đặt câu hỏi và cân nhắc các quan điểm khác nhau.

Hai học sinh đánh giá một điểm.

Trên thang điểm từ một đến năm theo mức từ kém đến xuất sắc, hãy đánh giá chung giảng viên.

Hầu như là ba điểm. Nếu cô nhớ không lầm, cô chưa bao giờ nhận được điểm thấp hơn bốn trong mục này.

Toàn bộ trang tóm tắt được rải lên những con điểm ba, hai và một. Cô không cố tự nhủ rằng bảng đánh giá ấy chẳng thể hiện một điều gì ngoài nhận xét tường tận, chính xác không chút hiềm khích từ các sinh viên của cô. Nhìn từ bên ngoài có thể thấy được khả năng giảng dạy của cô còn bị ảnh hưởng nhiều hơn những gì cô ý thức được. Dù vậy, cô vẫn sẵn sàng cược mọi thứ rằng cô vẫn còn giỏi hơn rất nhiều so với người được đánh giá tệ nhất trong khoa. Có lẽ cô chìm xuống nhanh thật, nhưng không lý gì cô chạm đến đáy cả.

Cô ngược nhìn Eric, sẵn sàng đối mặt với âm điệu có lẽ cô chẳng thích nhưng cũng không hẳn là khó chịu.

“Nếu tôi không thấy tên cô trong bảng tổng kết này, tôi sẽ chẳng suy nghĩ gì đâu. Sự tụt dốc như vậy vốn không phải những gì tôi thường thấy ở cô, nhưng thật ra cũng chưa đến nỗi. Cái đáng quan tâm là những nhận xét được viết ra, và tôi nghĩ là chúng ta nên nói chuyện.”

Alice chưa xem thêm gì ngoài trang tổng kết. Anh chuyển sang ghi chép của anh và đọc lớn.

“Cô bỏ qua cả những khối kiến thức khổng lồ trong chương trình nên sinh viên cũng bỏ qua luôn, nhưng khi kiểm tra cô lại muốn chúng em biết những kiến thức ấy.”

“Có vẻ như cô không biết về kiến thức mình đang dạy.”

“Đi học thật phí thời gian. Em có thể tự đọc sách.”

“Theo dõi bài giảng của cô không dễ chút nào. Mà ngay cả cô còn không theo được. Khóa học này so với khóa khởi đầu của cô thì kém xa.”

“Một lần cô vào lớp nhưng chẳng dạy gì. Cô chỉ ngồi vài phút rồi đi mất. Lần khác, cô giảng lại đúng bài cô đã giảng một tuần trước. Em không bao giờ dám làm mất thời gian của Tiến sĩ Howland nhưng em nghĩ cô cũng không nên làm mất thời gian của em.”

Không dễ nghe chút nào. Tình hình thật sự trầm trọng hơn rất nhiều những gì cô ý thức được.

“Alice, chúng ta biết nhau lâu rồi phải không?”

“Đúng vậy.”

“Vậy bỏ qua cho tôi hỏi chuyện riêng tư nhé. Gia đình cô ổn chứ?”

“Vâng.”

“Vậy còn cô thì sao, có khi nào cô cảm thấy quá căng thẳng hay trầm cảm không?”

“Không, không phải đâu.”

“Thật sự tôi cũng hơi ngượng khi hỏi thế này, nhưng cô có nghĩ là cô bị nghiện rượu hay vấn đề tế nhị gì không?”

Cô thật sự đã nghe đủ. Cô không thể sống khi mang tiếng nghiện ngập trầm cảm hay căng thẳng gì cả. Thà bị mất trí vẫn còn ít phải chịu nhục hơn như thế.

“Eric, tôi mắc chứng Alzheimer.”

Mặt anh trắng bệch đi. Anh đã sẵn sàng nghe chuyện John phản bội cô. Anh cũng chuẩn bị giới thiệu một bác sĩ tâm lý giỏi cho cô. Anh thậm chí lên hẳn kế hoạch can thiệp hoặc buộc cô phải chấp nhận vào bệnh viện McLean để cai rượu. Nhưng anh chưa chuẩn bị cho tình huống này.

“Tôi được chẩn đoán hồi tháng Một. Học kỳ vừa rồi tôi giảng dạy rất khó khăn, nhưng tôi không nhận thức được căn bệnh diễn tiến đến như vậy.”

“Tôi rất tiếc, Alice.”

“Tôi cũng vậy.”

“Tôi không lường trước chuyện này.”

“Tôi cũng không.”

“Tôi đã nghĩ là có gì đó nhất thời rồi cô sẽ vượt qua. Đây không phải là vấn đề nhất thời chúng ta đang mong đợi.”

“Không, không phải đâu.”

Alice nhìn anh suy nghĩ. Eric giống như người cha của tất cả mọi người trong khoa, anh luôn bảo ban và rộng lượng, nhưng cũng rất thực tế và nghiêm khắc.

“Hàng năm phụ huynh phải đóng bốn mươi nghìn đô. Họ không dễ chấp nhận chuyện này đâu.”

Không, dĩ nhiên là không. Họ đâu có vung ra hàng đồng tiền để cho con trai con gái họ đi học một giảng viên mắc Alzheimer. Có thể cô cũng đã thoáng nghe thấy những lời gièm pha xáo trộn trên chương trình thời sự buổi tối.

“Ngoài ra, một vài học sinh trong lớp cô đang tranh cãi về điểm. Tôi sợ chuyện này sẽ tiếp tục gia tăng.”

Trong suốt hai mươi lăm năm giảng dạy, chưa từng có ai tranh cãi về số điểm mà cô cho. Chưa một sinh viên nào.

“Tôi nghĩ có lẽ cô không nên tiếp tục giảng dạy, nhưng tôi tôn trọng chương trình của cô. Cô có kế hoạch gì chưa?”

“Tôi hi vọng được ở lại hết năm rồi tôi sẽ đi nghiên cứu. Tôi đã không chú ý đến vấn đề là những triệu chứng biểu hiện và ảnh hưởng đến bài giảng như vậy. Tôi không muốn trở thành một giảng viên kém cỏi, Eric à. Tôi không phải như vậy.”

“Tôi biết là không. Vậy cáo bệnh rồi sau đó cô bắt đầu năm nghiên cứu thì thế nào?”

Anh muốn cô nghỉ ngay. Cô vốn là một người gương mẫu trong công việc và có quá khứ sáng sủa, quan trọng nhất là cô thuộc biên chế. Theo pháp lý, họ không được sa thải cô. Nhưng cô không muốn giải quyết theo hướng như vậy. Cô càng muốn tiếp tục sự nghiệp thì cô càng phải chiến đấu với bệnh Alzheimer chứ không phải với Eric hay Đại học Harvard.

“Tôi chưa sẵn sàng ra đi, nhưng tôi đồng ý với anh, mặc dù tim tôi muốn nát vụn ra, tôi nghĩ là tôi không nên dạy nữa. Tôi sẽ tiếp tục làm giáo viên hướng dẫn cho Dan và tôi vẫn muốn tiếp tục tham gia các hội nghị chuyên đề và các cuộc họp.”

Tôi không còn là giảng viên nữa.

“Tôi nghĩ chúng ta sẽ sắp xếp được. Tôi muốn cô nói chuyện với Dan, giải thích cho cậu ấy những gì đang xảy ra và để cậu ấy tự quyết định. Tôi cũng sẽ rất vui được đồng hướng dẫn với cô nếu cô cảm thấy thoải mái. Ngoài ra, rõ ràng là cô cũng không nên đảm nhiệm thêm nghiên cứu sinh nào nữa. Dan sẽ là người cuối cùng.”

Tôi không còn là nhà nghiên cứu khoa học nữa.

“Có lẽ cô cũng không nên nhận lời phát biểu ở các đại học khác hoặc là ở các buổi hội thảo. Với khả năng hiện tại thì xuất hiện ở Harvard không phải là ý hay. Tôi cũng để ý rằng cô hầu như cũng không đi xa nữa, nên chắc cô cũng đã nhận ra việc này rồi chứ.”

“Vâng, đúng vậy.”

“Cô muốn sắp xếp để báo với lãnh đạo và các thành viên trong khoa như thế nào? Tôi cũng nhắc lại là tôi tôn trọng chương trình của cô, cô muốn làm sao cũng được.”

Cô sắp sửa nghỉ dạy, thôi làm nghiên cứu, đi lại và giảng bài. Mọi người sẽ chú ý đến. Họ sẽ suy diễn, xâm xì to nhỏ bàn tán. Họ sẽ nghĩ rằng cô là một con nghiện, trầm cảm, căng thẳng. Mà có khi một vài người cũng đã làm vậy rồi.

“Tôi sẽ báo với họ. Tôi nên tự nói.”

NGÀY 17 THÁNG CHÍN, NĂM 2004

Chào tất cả bạn bè đồng nghiệp,

Mặc dù rất đỗi đo và vô cùng nuối tiếc, nhưng tôi đã quyết định rút khỏi mọi công việc giảng dạy, nghiên cứu ở Harvard. Vào tháng Một năm nay, tôi đã được chẩn đoán mắc phải Alzheimer khởi phát sớm.

Mặc dù căn bệnh của tôi mới ở giai đoạn đầu với mức độ vừa phải, nhưng sự khó lường trong suy giảm nhận thức khiến tôi không thể đạt được những yêu cầu cho vị trí hiện tại cùng với những tiêu chuẩn cao nhất mà nơi đây và cả tôi luôn đặt ra cho bản thân.

Tuy mọi người không còn gặp tôi ở các giảng đường hay thầy tôi vùi đầu vào viết những đề xuất kinh phí nữa, tôi vẫn ở lại dưới vai trò giảng viên hướng dẫn luận văn của Dan Maloney, và tôi sẽ vẫn tham gia các buổi họp và hội nghị chuyên đề. Ở đó, tôi hi vọng được chào đón để tiếp tục cống hiến như một thành viên tích cực.

Xin gửi đến tình cảm và sự biết ơn chân thành nhất,

Alice Howland

TUẦN ĐẦU TIÊN CỦA KỲ HỌC vào mùa thu, Marty tiếp quản công việc giảng dạy của Alice. Khi cô gặp anh để bàn giao giáo trình và các tài liệu giảng dạy, anh ôm lấy cô và bày tỏ sự tiếc nuối. Anh hỏi cô cảm thấy thế nào và anh có thể làm gì cho cô không. Cô cảm ơn anh và nói rằng cô vẫn khỏe. Và khi anh đã nhận đủ mọi thứ để bắt đầu khóa học, anh rời khỏi văn phòng của cô nhanh hết mức có thể.

Khá nhiều những thành viên trong khoa cũng đến y như thế.

“Tôi rất tiếc, Alice.”

“Tôi không thể tin được.”

“Tôi không biết làm sao nữa.”

“Tôi có thể làm gì bây giờ?”

“Cô chắc không? Cô trông không khác gì mấy.”

“Tôi rất tiếc.”

“Tôi rất tiếc.”

Rồi họ rời đi thật nhanh. Họ đến gặp cô bày tỏ lòng tốt theo lẽ lịch sự, nhưng họ không đến thường xuyên. Đa phần là bởi lịch làm việc của họ đặc kín còn lịch của Alice hiện tại trống trơn. Nhưng một nguyên nhân không quan trọng lắm là họ không muốn đến. Gặp mặt cô cũng như đối mặt với căn bệnh thần kinh của cô và một ý nghĩ sẽ nảy ra trong nháy mắt mà không thể tránh được: Họ sẽ bị lây bệnh. Gặp mặt cô thật đáng sợ, và đối với hầu hết mọi người là vậy. Trừ khi trong các buổi họp và hội nghị chuyên đề họ buộc phải gặp.

NGÀY HÔM NAY LÀ BUÔI ĐẦU TIÊN của hội nghị chuyên đề về Tâm lý học diễn ra trong giờ ăn trưa. Leslie, một trong những sinh viên cao học của Eric đã đứng chuẩn bị sẵn sàng ở đầu bàn hội thảo. Trang trình chiếu tiêu đề đã chiếu sẵn lên màn hình. “Đi tìm lời giải: Sự chú ý ảnh hưởng đến khả năng nhận biết những điều chúng ta nhìn thấy như thế nào.” Alice cũng đã sẵn sàng, cô ngồi vào ghế đầu tiên ở chiếc bàn đối diện với Eric. Cô bắt đầu dùng bữa trưa, món bánh xếp cà tím và rau trộn, trong khi ấy, Eric đang thảo luận với Leslie, rồi mọi người dần dần vào kín cả căn phòng.

Vài phút sau, Alice để ý rằng, mọi chỗ tại bàn đều có người ngồi, trừ chiếc ghế bên cạnh cô, và những người đến sau đó bắt đầu đứng ra phía sau phòng. Ai cũng muốn ngồi vào bàn. Không chỉ vì vị trí thuận tiện để theo dõi bài thuyết trình, mà vì ngồi ở bàn thì không phải đối mặt với tình cảnh rối rắm xoay sở giữa dao nĩa, đĩa thức ăn, thức uống, bút và sổ tay. Nhưng rõ ràng, tình cảnh đó vẫn đỡ hơn ngồi cạnh cô. Cô nhìn những người đang không nhìn cô. Khoảng năm mươi người lấp đầy căn phòng này là những người cô đã quen biết bao năm nay, cô đã coi họ như người thân trong gia đình.

Dan vội chạy vào, tóc anh rối bời, áo sơ-mi luộm thuộm, anh đeo kính thay vì kính áp tròng. Anh dừng lại một lúc, rồi đi thẳng đến chiếc ghế trống cạnh Alice và thả quyển sổ lên bàn như tuyên bố đó là chỗ của anh.

“Em đã thức cả đêm để viết. Em phải kiếm gì ăn đã, em quay lại liền.”

Phần thuyết trình của Leslie kéo dài cả tiếng đồng hồ. Phải tràn trề năng lượng lắm mới theo dõi hết được, nhưng Alice vẫn theo dõi đến cùng. Sau khi Leslie đã mở hết các trang trình chiếu và màn hình còn lại trống trơn, cô ấy bắt đầu mời mọi người thảo luận. Alice bắt đầu trước tiên.

“Vâng, mời Tiến sĩ Howland” – Leslie nói.

“Tôi nghĩ em đã thiếu một nhóm kiểm soát để đo đạc chính xác khả năng đánh lạc hướng của các yếu tố gây nhiễu. Em có thể lập luận rằng, cho dù vì bất cứ lý do nào, một số yếu tố

không được chú ý đến và sự hiện diện của chúng không gây phân tâm. Em có thể kiểm tra khả năng của các đối tượng nghiên cứu có đồng thời để ý và hướng sang các yếu tố gây nhiễu hay không, hoặc em có thể thực hiện một chuỗi thử nghiệm trong đó em thay đổi từng yếu tố gây nhiễu cho từng đối tượng.”

Nhiều người ngồi tại các bàn gập đầu tán thành. Dan ậm ờ, miệng anh tọng đầy bánh xép. Leslie chộp lấy cây viết trước khi Alice kết thúc ý kiến của cô và hí hoáy ghi chép.

“Phải rồi. Leslie, hãy mở lại trang thiết kế thí nghiệm một lát” – Eric bảo với cô.

Alice nhìn quanh căn phòng. Mọi ánh nhìn đang dán vào màn hình. Họ chăm chú nghe Eric giải thích về bình luận của Alice. Nhiều người tiếp tục gập đầu. Cô cảm thấy chiến thắng và một chút tự mãn. Việc cô mắc phải Alzheimer đâu có nghĩa cô không còn lập luận phân tích được nữa. Cũng đâu có nghĩa cô không xứng đáng được ngồi giữa bọn họ. Và càng không có nghĩa cô không còn xứng đáng được lắng nghe.

Câu hỏi cùng các câu trả lời tiếp nối thắc mắc và giải đáp kéo theo đó vài phút nữa. Alice ăn nốt phần bánh xép và rau trộn của cô. Dan đứng lên rồi quay lại tức khắc. Leslie chiến đấu với câu hỏi phản biện từ nghiên cứu sinh mới của Marty đặt ra. Màn hình đang chiếu trang thiết kế thí nghiệm của cô ấy. Alice đọc rồi giơ tay lên.

“Vâng, thưa Tiến sĩ Howland?” – Leslie hỏi cô.

“Tôi nghĩ em đã thiếu một nhóm kiểm soát để đo đặc khả năng đánh lạc hướng thực sự của các yếu tố gây nhiễu. Có khả năng rằng một vài cái có thể không được chú ý. Em có thể kiểm tra khả năng đánh lạc hướng đồng thời, hoặc em có thể thay đổi yếu tố gây nhiễu cho từng đối tượng.”

Đây được xem như một luận điểm có giá trị. Phương pháp Alice nhắc đến là cách đúng đắn để thực hiện thí nghiệm này, và báo cáo thí nghiệm của Leslie sẽ không thể xuất bản nếu không đáp ứng được yêu cầu đó. Alice chắc chắn về điều này. Mặc nhiên chẳng ai nhìn ra cả. Cô nhìn những người đang không nhìn cô.

Ngôn ngữ cơ thể họ cho thấy sự ngượng ngùng và e sợ. Cô đọc lại dữ liệu trên màn hình. Thí nghiệm đó cần thêm một nhóm kiểm soát. Việc cô mắc phải Alzheimer đâu có nghĩa cô không thể lập luận phân tích. Và cũng đâu có nghĩa cô không biết mình đang nói gì.

“À, đúng rồi, cảm ơn cô” – Leslie trả lời.

Nhưng Leslie không ghi chép gì nữa cả, và cô không nhìn thẳng vào mắt Alice, mà cũng không tỏ ra biết ơn chút nào cả.

CÔ KHÔNG CÓ LỚP để dạy, không có đề xuất kinh phí để viết, không có nghiên cứu mới để thực hiện, không có hội thảo để dự, và không có buổi thỉnh giảng nào. Cô cảm thấy như phần lớn nhất của đời cô đã chết đi rồi, phần mà lâu nay cô vẫn thường xuyên tán dương, tô điểm vì vị trí oai vệ của nó. Và những phần nhỏ hơn, ít được coi trọng hơn đang gào khóc với nỗi đau tự thương xót cho bản thân mình, cô tự hỏi những phần nhỏ bé này còn có ý nghĩa gì nếu cô thiếu đi phần to lớn kia.

Cô nhìn qua khung cửa sổ khổng lồ của văn phòng và nhìn những người chạy bộ đang chạy dọc theo đôi bờ uốn lượn của sông Charles.

“Hôm nay anh có thời gian chạy bộ không?” – Cô hỏi John.

“Có thể” – John trả lời.

Anh nhắm nháp ly café và nhìn qua cửa sổ. Cô thầm nghĩ không biết anh thấy gì, liệu mắt anh cũng hướng về những người đang chạy bộ hay liệu anh thấy những gì hoàn toàn khác.

“Em ước mình dành thời gian bên nhau nhiều hơn” – cô nói.

“Ý em là sao? Chúng ta vừa dành cả mùa hè với nhau mà.”

“Không, không phải mùa hè, mà cả cuộc đời mình. Em đang nghĩ về chuyện này và em ước chúng ta đã dành thời gian bên nhau nhiều hơn.”

“À, chúng ta sống cùng nhau, làm cùng chỗ, chúng ta đã dành cả đời bên nhau rồi.”

Ban đầu là vậy. Họ ở cùng nhau, sông chung một cuộc đời. Nhưng năm tháng trôi qua, cuộc sống thay đổi. Họ buộc phải để cuộc đời họ thay đổi. Cô nghĩ về những cuộc nghiên cứu phải xa nhau, họ phân công chăm lo những đứa con, rồi những chuyến đi, những lần họ đi một mình để cống hiến cho công việc. Họ đã sống cạnh nhau rất lâu rồi.

“Em nghĩ chúng ta đã bỏ mặc nhau quá lâu.”

“Anh không cảm thấy bị bỏ mặc, Ali à. Anh thích cuộc sống của chúng ta, anh nghĩ hiện tại chúng ta đang có được sự cân bằng giữa cuộc sống riêng để theo đuổi đam mê và cuộc sống hôn nhân của hai ta.”

Cô nghĩ về con đường theo đuổi đam mê nghiên cứu của anh luôn dữ dội hơn của cô nhiều. Ngay cả khi những thí nghiệm làm anh thất vọng, khi dữ liệu không đồng nhất, khi những giả thuyết sau cũng sai hết, tình yêu anh đặt vào niềm đam mê của anh không bao giờ phai đi chút nào. Dù thất bại đến đâu, dù nghiên cứu làm cho anh phải vò đầu bứt tóc suốt đêm, anh vẫn yêu nó. Thời gian, tâm trí, sự tập trung và năng lượng anh dồn vào đó luôn truyền cảm hứng cho cô làm việc cật lực hơn. Và cô đã làm việc như vậy.

“Em không bị bỏ mặc, Ali. Anh luôn ở ngay bên cạnh em.”

Anh nhìn đồng hồ, rồi nhìn xuống ly café uống dở.

“Anh phải chạy đến lớp rồi.”

Anh tóm lấy chiếc cặp, thả ly café vào thùng rác rồi đến bên cạnh cô. Anh cúi người, ôm lấy mái tóc đen gọn sóng của cô trong tay, anh hôn cô thật dịu dàng. Cô ngược nhìn anh và bặm môi lại, gượng cười, cố kìm lại dòng nước mắt cho đến khi anh đi khỏi văn phòng cô.

Cô ước gì cô là niềm đam mê của anh.

CÔ NGỒI TRONG VĂN PHÒNG trong lúc lớp học Nhận thức tiếp tục mà không có cô và ngắm dòng xe cộ lấp lóa trên theo đường Memorial Drive. Cô nhấp một ngụm trà. Cô còn nguyên

một ngày phía trước, mà lại chẳng có gì để làm. Cô cảm thấy bên hông mình rung lên. Đã 8 giờ sáng. Cô lôi chiếc BlackBerry từ chiếc giỏ xanh nhạt của cô.

Alice, hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Bây giờ là tháng mấy?
2. Cô sống ở đâu?
3. Văn phòng của cô ở đâu?
4. Sinh nhật của Anna vào ngày nào?
5. Cô có bao nhiêu người con?

Nếu cô thấy khó trả lời bất cứ câu hỏi nào trong những câu trên, hãy mở thư mục “Bướm bướm” trên máy tính của cô và làm theo hướng dẫn ngay lập tức.

Tháng Chín

Số 34 đường Poplar, Cambridge

Tòa nhà William James Hall, phòng 1002

Ngày 14 tháng Chín

Ba

Cô nhấp thêm một ngụm trà và tiếp tục nhìn dòng xe cộ trên đường Memorial Drive.

THÁNG MƯỜI, NĂM 2004

Cô ngồi dậy trên giường và tự hỏi sẽ làm gì. Trời vẫn còn tối, vẫn còn nửa đêm. Cô không còn thấy bối rối. Cô biết lẽ ra cô phải đang ngủ rồi. John nằm ngay bên cạnh cô, anh ngủ sâu đến mức ngáy vang. Nhưng cô không ngủ được. Gần đây, cô đang phải đối mặt với hàng tá khó khăn để ngủ được ban đêm, có lẽ vì ban ngày cô đã ngủ nhiều rồi. Hay là ban ngày cô ngủ nhiều vì ban đêm cô không ngủ được? Cô vướng vào một vòng luẩn quẩn, một vòng lặp phản hồi dương, một chuyến xe điên cuồng mà cô không biết làm sao để bước xuống. Có lẽ nếu cô chiến thắng cơn buồn ngủ trong ngày, cô sẽ ngủ được suốt đêm và bỏ được thói quen hiện tại. Nhưng hàng ngày, cứ xế chiều cô lại thấy kiệt quệ đến mức ngã lăn ra ghế sofa. Và mọi lúc khác trong ngày đều mời gọi cô vào giấc ngủ. Cô nhớ đến ngày trước cô đã đối mặt với nghịch cảnh tương tự hồi những đứa con cô chừng hai tuổi. Không được ngủ trưa khiến chúng cáu gắt, đêm về không nghe lời cô. Còn nếu được ngủ trưa, dù đã quá giờ đi ngủ cả vài tiếng đồng hồ, chúng vẫn tỉnh như sáo. Cô không nhớ ra mình đã giải quyết thế nào.

Với đồng thuốc tôi đang uống, hẳn bạn nghĩ ít nhất cũng có tác dụng phụ nào đó gây buồn ngủ. À khoan, tôi được kê một liều thuốc ngủ.

Cô bước ra khỏi giường và đi xuống cầu thang. Mặc dù khá tự tin rằng thuốc của cô ở trong chiếc giỏ màu xanh, cô vẫn dốc hết các vật dụng có trong đó ra. Ví tiền, BlackBerry, điện thoại di động, chìa khóa. Cô mở ví. Thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng, bằng lái, thẻ Harvard, thẻ bảo hiểm y tế và hai mươi đô la gồm cả năm những tờ tiền được thối.

Cô bối trong chiếc tô hình nằm trắng chỗ họ hay để thư từ. Hóa đơn tiền điện, gas, điện thoại, giấy tờ thể chấp, một vài thư từ Harvard, biên lai.

Cô mở và lấy hết mọi thứ trong ngăn kéo bàn và tủ hồ sơ trong phòng làm việc. Cô lôi hết tạp chí và các quyển catalog trong sọt ở phòng khách ra. Cô đọc một vài trang trong Tạp chí The Week và một trang được gấp góc đánh dấu trong quyển catalog J.Jill đang một mẫu áo len dễ thương. Cô thích mẫu áo này nhưng là màu xanh bạc hà.

Cô kéo ngăn tủ đựng các thứ linh tinh ra. Pin, tuốc-nơ-vít, băng keo Scotch, băng keo dán điện, hồ dán, chìa khóa, một vài chiếc sạc, diêm, và nhiều thứ khác. Ngăn tủ này có lẽ nhiều năm rồi không được sắp xếp. Cô lôi hẳn ngăn tủ ra khỏi đường rãnh và đổ hết thảy mọi thứ ra bàn bếp.

“Ali, em đang làm gì vậy?” – John hỏi.

Cô giật mình, quay sang nhìn mái đầu rối bời và cặp mắt ngái ngủ của anh.

“Em đang kiểm...”

Cô nhìn xuống đồng đồ đạc rải ra trên bàn trước mặt cô. Pin, bộ dụng cụ may, hồ dán, thước dây, vài chiếc sạc, một chiếc tuốc-nơ-vít.

“Em đang kiểm một thứ.”

“Ali, mới ba giờ hơn thôi. Em đang làm ồn đấy. Em có thể để sáng mai mới tìm không?”

Giọng nói anh tỏ ra không mấy kiên nhẫn. Anh không thích đang ngủ mà bị phá rối.

“Được.”

Cô nằm xuống giường và cố nhớ lại xem mình đang tìm gì. Trời vẫn tối, vẫn còn giữa đêm. Cô biết cô lẽ ra phải đang ngủ rồi. John đã ngủ lại và anh còn ngáy. Anh là người dễ ngủ. Trước đây cô cũng từng dễ ngủ. Nhưng giờ cô không thể ngủ được. Gần đây phải khó khăn lắm cô mới ngủ được ban đêm, có lẽ vì ban ngày cô đã ngủ nhiều rồi. Hay là ban ngày cô ngủ nhiều vì ban đêm cô không ngủ được? Cô vướng vào một vòng luẩn quẩn,

một vòng lặp phản hồi dương, một chuyên xe điên cuồng mà cô không biết làm sao bước xuống được.

À khoan, tôi có một cách để ngủ. Tôi có một toa thuốc của bác sĩ Moyer. Tôi để ở đâu nhỉ?

Cô lại rời khỏi giường và đi xuống cầu thang.

HÔM NAY KHÔNG CÓ CUỘC HỌP hay hội nghị chuyên đề nào. Không một cuốn sách, tạp chí hay thư từ gì ở văn phòng làm cô có hứng thú. Dan chưa có gì sẵn sàng đưa cho cô đọc. Hộp thư của cô cũng không có gì mới. Thư điện tử gửi hàng ngày của Lydia phải đến chiều mới tới. Cô nhìn dòng chuyển động ngoài cửa sổ của mình. Xe cộ lướt qua những đường cong trên đường Memorial Drive, những người chạy bộ chạy dọc theo đôi bờ uốn lượn của dòng sông. Những ngọn thông chọc vào không khí mùa thu.

Cô lôi hết tất cả các tập tài liệu đánh dấu *Tài liệu tái bản của Howland* trong kệ tài liệu của cô. Cô đã ghi tên mình trên hàng trăm tài liệu được phát hành. Cô nắm giữ trong tay mình cả đồng bài nghiên cứu, bài bình luận, phê bình và sự nghiệp vừa bị cắt ngang đáng giá bằng những suy nghĩ và ý kiến của mình. Thật nặng nề. Suy nghĩ và ý kiến của cô như bị đè nén. Ít ra, chúng cũng từng là gánh nặng của cô. Cô nhớ công việc nghiên cứu của cô, nhớ lúc cô nghĩ về nó, nói về nó, nhớ những ý tưởng của riêng cô, kiến thức của chính cô, một món nghệ thuật tao nhã trong ngành khoa học của cô.

Cô đặt chồng tài liệu xuống và chọn lấy cuốn sách *Từ Phân tử đến Tư duy* trên kệ. Cuốn sách cũng rất nặng. Đây là thành quả soạn thảo mà cô tự hào nhất, ngôn từ và suy nghĩ của cô hòa quyện với John, họ cùng tạo nên một thứ độc nhất trong vũ trụ để truyền đạt và ảnh hưởng đến ngôn từ và suy nghĩ của bao người khác. Cô đã cho rằng họ sẽ viết một cuốn nữa một ngày nào đó. Cô lật nhanh qua cuốn sách, nhưng không bị nó hấp dẫn. Cô không cảm thấy muốn đọc sách lúc này.

Cô xem đồng hồ. Cô và John đã định chạy bộ vào cuối ngày nhưng đã trễ mấy giờ đồng hồ rồi. Cô quyết định chạy về.

Nhà của họ cách văn phòng chỉ hơn một cây số rưỡi nên cô chạy về nhanh chóng và dễ dàng. Tiếp đến là gì? Cô bước vào bếp, pha một ít trà. Cô mở vòi, đổ đầy nước vào ấm, đặt lên lò và điều chỉnh nhiệt độ ở mức cao. Cô đi lấy một túi trà. Cô tìm khắp bàn bếp nhưng không thấy chiếc hộp thiếc văn hay đựng trà. Cô mở tủ đựng cốc café. Nhưng khi cô nhìn chằm chằm vào lại thấy ba hàng đĩa. Cô đẩy cánh cửa tủ về phía bên phải, tưởng rằng sẽ thấy những hàng ly thủy tinh, nhưng trong đó lại là những chiếc tô, chén và cốc.

Cô lấy những chiếc chén và cốc ra khỏi tủ, xếp chúng ra bàn bếp. Sau đó, cô lấy hết đĩa ra và đặt chúng cạnh chén và cốc. Cô mở ngăn tủ tiếp theo. Trong đó mọi thứ cũng không đúng thứ tự. Bàn bếp ngay lập tức đầy ắp đĩa, chén, cốc, ly uống nước trái cây, ly uống nước, ly uống rượu, chậu, chảo, hộp nhựa, miếng lót tay, khăn lau đĩa và các dụng cụ bằng bạc. Toàn bộ nhà bếp đều bị xáo trộn. Giờ thì vị trí cũ của tất cả những thứ này ở đâu? Ấm pha trà rít lên làm cô không thể nghĩ ra. Cô vịn núm lò xuống nút tắt.

Cô nghe tiếng cửa trước mở. Ôi, tốt rồi, John về nhà sớm.

“John, sao anh lại làm vậy với nhà bếp?” – Cô nói vọng ra.

“Alice, cô đang làm gì thế?” – Giọng người phụ nữ làm cô giật mình.

“Ồ, Lauren, cô làm tôi giật mình.”

Người phụ nữ ấy là hàng xóm đối diện nhà cô. Lauren không nói gì.

“Tôi xin lỗi, cô có muốn ngồi không? Tôi đang định pha trà.”

“Alice, đây không phải nhà bếp của cô.”

Sao cơ? Cô nhìn quanh căn phòng – mặt bàn bếp đá hoa cương đen, tủ gỗ bu-lô, sàn ốp gạch trắng, cửa sổ ngay chỗ bồn rửa, máy rửa bát đĩa bên cạnh bồn, và lò đôi. Khoan đã, cô không có lò đôi, phải vậy không? Và rồi, đến giờ cô mới chú ý đến chiếc tủ lạnh. Bằng chứng cho nhầm lẫn của cô đây. Chùm

ảnh cắt dán dính bằng nam châm lên cửa tủ lạnh gồm ảnh Lauren, ảnh chồng của Lauren, ảnh con mèo của Lauren và những đứa bé mà Alice không nhận ra.

“Ôi, Lauren, xem tôi làm gì nhà bếp của cô. Tôi sẽ giúp cô xếp lại.”

“Không sao đâu Alice. Cô ổn chứ?”

“Không, không ổn lắm.”

Cô đã muốn chạy về, vào nhà bếp của cô ngay lập tức. Liệu họ có thể quên chuyện vừa xảy ra không? Liệu cô có thật sự phải nói chuyện về căn bệnh Alzheimer của cô? Cô ghét phải nói ra căn bệnh của mình.

Alice cố đoán ra cảm xúc trên gương mặt Lauren. Cô ấy trông bối rối và sợ hãi. Gương mặt ấy đang suy nghĩ, chắc Alice hóa điên rồi. Alice nhắm mắt lại và hít thật sâu.

“Tôi mắc bệnh Alzheimer.”

Cô mở mắt ra. Ánh mắt của Lauren không khác đi.

GIỜ ĐÂY, MỖI LẦN CÔ VÀO NHÀ BẾP, cô đều kiểm tra tủ lạnh, chỉ để bảo đảm. Không có ảnh của Lauren. Cô đang ở đúng nhà. Trong trường hợp cô vẫn chưa hết nghi ngờ, John đã viết sẵn một tờ ghi chú với nét chữ to đen đậm, dính bằng nam châm lên cửa tủ lạnh.

ALICE,

ĐỪNG CHẠY BỘ MỘT MÌNH.

SỐ CỦA ANH: 617-555-1122

ANNA: 617-555-1123

TOM: 617-555-1124

John bắt cô phải hứa không ra ngoài chạy bộ mà không có anh. Cô đã đặt tay lên ngực và hứa cô sẽ không làm vậy. Nhưng dĩ nhiên có thể cô vẫn sẽ quên.

Dù sao mắt cá chân của cô có lẽ phải nghỉ ngơi. Tuần trước, cô bị trật chân lúc bước khỏi vỉa hè. Cảm nhận về không gian của cô có phần mờ nhạt đi. Các vật thể đôi khi hiện ra gần hơn, có khi xa hơn, mà nhìn chung là chúng dời đi chỗ khác. Cô đã đi khám mắt. Mắt cô vẫn tốt như đôi mắt một người mới hai mươi tuổi vậy. Vấn đề không nằm ở giác mạc, thủy tinh thể hay võng mạc của cô. Theo John, sự cố nằm đâu đó ở trong quá trình xử lý thông tin hình ảnh, đâu đó trong thùy chẩm. Rõ ràng, cô có đôi mắt như sinh viên đại học và thùy chẩm của một bà lão tám mươi.

Không được chạy bộ mà không có John. Cô có thể sẽ lạc hoặc bị thương. Nhưng gần đây cô cũng không được chạy bộ với John luôn. Anh phải đi xa nhiều, và khi anh không xa, anh cũng rời khỏi nhà từ sớm để đến Harvard rồi lại đi làm về muộn. Đến khi anh về nhà thì anh cũng thấm mệt. Cô ghét phải phụ thuộc vào anh để chạy bộ, đặc biệt là khi anh chẳng phải phụ thuộc vào ai.

Cô nhắc máy và quay số ghi trên tủ lạnh.

“Alô?”

“Hôm nay chúng ta có chạy bộ không?” – Cô hỏi anh.

“Anh không biết nữa, chắc có, anh đang họp. Anh sẽ gọi cho em sau” – John trả lời cô.

“Em thật sự phải ra ngoài chạy bộ.”

“Anh sẽ gọi lại cho em.”

“Khi nào?”

“Khi nào anh có thể.”

“Được thôi.”

Cô gác máy, nhìn ra cửa sổ và nhìn xuống đôi giày chạy bộ mang dưới chân. Cô tuột giày ra rồi ném vào tường.

Cô mệt mỏi vì phải hiểu cho anh. Anh cần làm việc. Nhưng tại sao anh không hiểu là cô cần chạy bộ? Nếu có thứ gì đó chỉ đơn giản như thể dục thường xuyên thật sự giúp cô chống chọi với sự tiến triển của căn bệnh, vậy cô nên chạy thường xuyên hết mức có thể. Mỗi khi anh nói với cô “Hôm nay không được”, cô lại mất đi nhiều sợi thần kinh mà lẽ ra cô sẽ giữ được. Cái chết

lẽ ra đâu đến với cô nhanh như vậy. John đang dần đưa cô đến chỗ chết.

Cô nhắc điện thoại lên lần nữa.

“Sao vậy em?” – John hỏi cô, anh nói thầm tỏ ra khó chịu.

“Em muốn anh hứa chạy với em hôm nay.”

“Tôi xin phép một phút” – anh quay sang nói với một ai đó khác. – “Xin em, Alice, để anh gọi cho em sau buổi họp này.”

“Hôm nay em cần phải chạy bộ.”

“Anh không biết khi nào anh mới hết việc ngày hôm nay.”

“Vậy thì?”

“Đây là lý do anh nghĩ chúng ta nên mua cho em một máy chạy bộ.”

“Ôi, chết tiệt.” – Cô bực bội gác máy.

Cô cho rằng như vậy là không được lắng nghe. Cơn giận của cô bùng lên sau đó. Liệu đây là triệu chứng căn bệnh của cô hay là một phản ứng bình thường, cô cũng không biết nữa. Cô cần anh. Có lẽ cô không nên quá cứng đầu. Có lẽ chính cô cũng đang tự giết mình.

Cô luôn có thể đi đến đâu đó mà không cần anh. Dĩ nhiên, phải là nơi nào đó “an toàn”. Cô có thể đi bộ đến văn phòng. Nhưng cô không muốn đến văn phòng. Cô cảm thấy buồn chán, lạc lõng và xa lạ ở văn phòng của mình. Ở đó, cô cảm thấy mình ngớ ngẩn. Cô không còn thuộc về nơi đó nữa. Trong ánh hào quang lộng lẫy của Harvard đâu còn chỗ cho một giáo sư Tâm lý học nhận thức mang trong mình tình trạng nhận thức tàn tạ đến vậy.

Cô ngồi xuống ghế bành trong phòng khách và cố nghĩ ra việc gì đó để làm. Cô chẳng nghĩ ra được việc gì có ý nghĩa. Cô cố tưởng tượng đến ngày mai, tuần sau rồi mùa đông sắp tới. Không gì có ý nghĩa cả. Cô cảm thấy buồn chán, lạc lõng và xa lạ trên chính chiếc ghế bành ở phòng khách nhà mình. Mặt trời buổi xế chiều tỏa những tia sáng kỳ lạ, những cái bóng như trong phim của Tim Burton đổ xuống sàn nhà và lên trên tường những hình thù kỳ quái. Cô nhìn những cái bóng mờ dần đi

rồi căn phòng tôi sâm xuống. Cô nhắm mắt lại, cảm thấy buồn ngủ.

ALICE TRẦN TRUÔNG ĐỨNG TRONG PHÒNG NGỦ của hai vợ chồng, trên người cô chỉ có đôi tất cao đến mắt cá và vòng tay an toàn. Cô vật vã gào thét trong chiếc áo đang quấn lấy đầu cô. Như một vũ điệu của Martha Graham, cuộc chiến chống lại chiếc áo đang bó vào đầu cô trông như những động tác mãnh liệt diễn tả sự đau đớn. Cô trút một tiếng gào dài.

“Chuyện gì vậy?” – John chạy vào hỏi cô.

Cô nhìn anh bằng một con mắt hoảng loạn qua cái lỗ tròn trên chiếc áo đang bị xoắn lại.

“Em không biết làm sao! Em không biết phải mặc cái áo ngực thể thao khốn kiếp này vào thế nào nữa. Em không nhớ cách mặc áo ngực, John! Em không mặc áo ngực được.”

Anh lại gần và xem chiếc áo trên đầu cô.

“Đây không phải áo ngực, Ali, đây là quần lót.”

Cô phá lên cười.

“Không vui đâu em.” – John nói. Cô cười lớn hơn nữa.

“Thôi đi em, không vui đâu. Nghe này, nếu em muốn chạy bộ, em phải nhanh lên, mặc quần áo vào. Anh không có nhiều thời gian.”

Anh rời khỏi phòng, anh không chịu được khi nhìn cô trần truồng, trùm quần lót lên đầu mà cười điên dại.

ALICE BIẾT CÔ GÁI ĐANG NGỒI ĐỐI DIỆN CÔ là con gái cô, nhưng cô cảm thấy một sự mơ hồ khó chịu về điều cô đang biết. Cô biết rằng cô có một người con gái tên Lydia, nhưng khi cô nhìn cô gái ngồi đối diện, cô nhận thức rằng Lydia giống một kiến thức học thuật hơn là một hiểu biết thực tế mà cô đồng ý, hay thông tin mà cô nhận được và chấp nhận là đúng.

Cô nhìn Tom và Anna, họ cũng ngồi vào bàn, cô có thể tự động liên kết họ với những hồi ức của cô về con trai và con gái lớn của cô. Cô có thể tưởng tượng ra lúc Anna mặc váy cưới, lúc mặc áo tốt nghiệp trường luật, trường cao đẳng và trường trung học, rồi bộ đồ ngủ Bạch Tuyết mà Anna ngày nào cũng nhất quyết đòi mặc hồi ba tuổi. Cô có thể nhớ Tom mặc áo tốt nghiệp và đội nón, cô nhớ một tai nạn lúc trượt tuyết khiến anh bị gãy chân phải đeo nẹp, rồi lúc anh mặc đồng phục Little League và nhớ về lúc anh còn là đứa bé nằm trong vòng tay cô.

Trong đầu cô cũng nhìn ra những ký ức về Lydia, nhưng một cách nào đó cô gái ngồi đối diện cô không gắn với ký ức của cô về con gái út của cô. Cô cảm thấy đứt rứt và đau đớn nhận ra rằng cô đang trầm trọng hơn, quá khứ của cô đã tách khỏi hiện tại của cô rồi. Và thật kỳ lạ rằng cô không thấy khó khăn chút nào để nhận ra người đàn ông ngồi cạnh Anna là Charlie, chồng của Anna. Anh mới bước vào cuộc đời họ vài năm trước. Cô hình dung ra căn bệnh Alzheimer của cô như một con quỷ trong đầu cô, liên tục cắn xé trên một con đường hủy diệt không theo quy luật nào, xé nát sợi dây liên kết giữa “Lydia bây giờ” và “Lydia ngày xưa”, nhưng vẫn bỏ mặc những liên kết về “Charlie” bình yên vô sự.

Nhà hàng đông đúc và ồn ào. Giọng nói từ các bàn khác giành lấy sự tập trung của Alice, tiếng nhạc như dội vào đầu cô rồi lại dịu xuống. Cô không phân biệt được giọng nói của Anna và Lydia. Mọi người dùng đại từ nhiều quá. Cô phải gắng sức xác định ai đang nói trong bàn của cô và cố theo dõi những gì mọi người đang nói.

“Cứng à, em ổn chứ?” – Charlie hỏi vợ mình.

“Mùi khó chịu quá” – Anna nói.

“Em muốn ra ngoài một lát không?” – Charlie hỏi.

“Để mẹ đi với con bé” – Alice nói.

Alice co người lại ngay khi họ ra khỏi không khí ẩm áp của nhà hàng. Cả hai đều quên mang áo khoác. Anna nắm lấy tay

Alice và dẫn cô ra khỏi đám thanh niên đang quây lại hút thuốc gần cửa ra.

“A... Không khí trong lành” – Anna nhẹ nhõm, hít một hơi thật xa xỉ và thở ra bằng mũi.

“Và yên tĩnh nữa” – Alice nói.

“Mẹ thấy thế nào rồi?”

“Mẹ ổn con à” – Alice trả lời.

Anna vuốt ve bàn tay mẹ cô, bàn tay mà trước đây cô luôn nắm lấy.

“Mẹ đã thấy đỡ hơn rồi” – Alice nói.

“Con cũng vậy” – Anna nói. – “Mẹ có bị giống như vậy khi mẹ mang thai con không?”

“Có.”

“Làm sao mẹ vượt qua được?”

“Con cứ cố gắng, sẽ qua nhanh thôi.”

“Và trước khi mẹ kịp biết, những đứa bé đã ra đời rồi.”

“Mẹ mong quá.”

“Con cũng vậy” – Anna nói. Nhưng giọng cô không hồ hởi như Alice. Dòng nước mắt đột nhiên tuôn ra khỏi mắt cô.

“Mẹ ơi, lúc nào con cũng cảm thấy phát bệnh, con kiệt sức, mỗi lần con quên một thứ gì đó, con lại nghĩ con bắt đầu có triệu chứng.”

“Ôi, con yêu, không phải đâu, con chỉ mệt thôi.”

“Con biết, con biết. Chỉ vì khi con nghĩ đến mẹ không đi dạy nữa, và mẹ đang mất hết mọi thứ...”

“Đừng con. Đây là lúc con phải thật phấn khởi. Con hãy nghĩ đến những gì chúng ta đang có này.”

Alice siết chặt bàn tay cô đang nắm lấy và đặt tay kia lên bụng Anna. Anna mỉm cười, nhưng dòng nước mắt vẫn chảy ra từ đôi mắt ướt đầm của cô.

“Con không biết con phải làm sao để vượt qua hết những gì đang diễn ra. Công việc của con và hai đứa bé và...”

“Và Charlie. Đừng quên những gì giữa con và Charlie. Hãy giữ lấy những gì con có với cậu ấy. Hãy giữ mọi thứ cân bằng, giữa con và Charlie, sự nghiệp của con, con của con, và mọi thứ con yêu. Đừng đánh giá thấp những thứ con yêu quý trong cuộc sống và con sẽ vượt qua hết. Charlie sẽ giúp con.”

“Anh ấy nên như vậy” – Anna trầm giọng.

Alice cười. Anna lấy cổ tay lau nước mắt vài lần, cô thở mạnh ra theo kỹ thuật thở thư giãn Lamaze.

“Cảm ơn mẹ. Con cảm thấy đỡ hơn rồi.”

“Tốt rồi.”

Họ trở lại nhà hàng, yên vị trong ghế ngồi và dùng bữa tối. Cô gái ngồi đối diện Alice, đưa con út tên Lydia của cô gõ vào ly rượu đã uống cạn bằng dao ăn.

“Mẹ, tụi con có một món quà lớn cho mẹ.”

Lydia tặng cô một gói quà hình khối chữ nhật gói bằng giấy màu nhũ vàng. Ất hẳn trong đó phải có gì rất quan trọng. Alice lột lớp giấy gói. Trong đó là ba đĩa DVD ghi tên Những Đứa Trẻ nhà Howland, Alice và John, và Alice Howland.

“Đây là một đoạn phim hồi ký cho mẹ. Những Đứa Trẻ nhà Howland là một tuyển tập các đoạn phỏng vấn Anna, Tom và con. Con quay hồi hè này. Đây là ký ức của tụi con về mẹ, tuổi thơ của tụi con và thời gian tụi con lớn lên. Đĩa thứ hai là phim quay bố, về những ký ức của bố từ lúc gặp mẹ, hẹn hò, đám cưới, những kỳ nghỉ và rất nhiều thứ khác. Trong đó có một vài câu chuyện rất hay mà tụi con chưa bao giờ biết. Còn đĩa thứ ba, con chưa làm. Con sẽ phỏng vấn mẹ, những câu chuyện của mẹ, nếu mẹ muốn làm.

“Dĩ nhiên mẹ muốn làm rồi. Mẹ thích lắm. Cảm ơn các con, mẹ muốn xem quá.”

Người bồi bàn mang cho họ café, trà và bánh chocolate đã cắm sẵn nến. Họ cùng hát “Chúc mừng sinh nhật.” Alice thổi nến và ước.

THÁNG MƯỜI MỘT, NĂM 2004

Những đĩa phim mà John mua về hồi hè cũng chung số phận với mấy cuốn sách mà trước đó Alice đã dành khá nhiều thời gian cho chúng. Cô không thể nào dõi theo cốt truyện hay nhớ vai trò của các nhân vật nếu như họ không xuất hiện liên tục. Cô có thể nhận ra những tình tiết nhỏ nhưng khi đến hồi kết, trong đầu cô chỉ đọng lại cảm nhận chung chung về bộ phim mà thôi. Bộ phim ấy thật vui nhộn. Khi John và Anna xem cùng cô, họ thường cười phá lên, giật mình vì sợ hãi, hay nhăn nhó vì thấy ghê tởm, họ phản ứng lại những gì diễn ra rất rõ ràng, mãnh liệt nhưng cô chẳng thể hiểu được. Cô cũng thường tham gia với họ, giả vờ hiểu và cố giấu họ sự thật là cô mơ hồ đến dường nào. Xem phim khiến cô nhận ra trí nhớ của mình đã giảm sút nhiều đến mức nào.

Lydia làm những đĩa DVD thật đúng lúc. Mỗi câu chuyện John và những đứa con của cô kể chỉ kéo dài vài phút nên cô có thể ghi nhớ từng chuyện, và cô không phải cố gắng giữ lấy thông tin của một câu chuyện nào nên cô có thể hiểu và tận hưởng những câu chuyện khác. Cô xem đi xem lại từng đoạn phim. Cô không nhớ được hết những điều mà mọi người nói, nhưng việc này vẫn hoàn toàn bình thường, bởi các con cô và John cũng không nhớ được hết các chi tiết. Và khi Lydia bảo họ nhắc lại cùng một câu chuyện, mỗi người lại nhớ theo một cách khác nhau, cắt bớt vài phần, phóng đại vài phần, và nhấn mạnh câu chuyện theo cách nhìn của họ. Ngay cả những tình tiết tưởng rằng không thể khác đi được cũng dễ dàng chịu những lỗ hổng và nhiễu loạn.

Cô chỉ có thể xem được đoạn phim Alice Howland đúng một lần. Trước đây, cô quá minh mẫn, thoải mái nói trước bất cứ người nào. Giờ đây, cô phải lậm dậm từ “gì đó” và lặp đi lặp lại vô số lần đến ngớ ngẩn. Nhưng cô cảm thấy biết ơn đoạn phim đó, nó có kí ức của cô, suy nghĩ của cô và những lời khuyên được ghi lại, giữ lại các phân tử tàn tật mà bệnh Alzheimer muốn cuốn đi. Những đứa cháu của cô sẽ xem đoạn phim một ngày nào đó và nói: “Đó là bà hồi lúc bà còn có thể nói chuyện và nhớ được.”

Cô vừa xem xong đoạn phim Alice và John. Cô vẫn ngồi lại trên ghế sofa, đắp chăn ngang người tới khi màn hình tivi tắt đi rồi cô bắt đầu cảm nhận. Sự yên tĩnh làm cô thấy thoải mái. Cô hít thở và chẳng nghĩ về thứ gì khác ngoài tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ trên lò sưởi. Rồi, bất giác, tiếng tích tắc ấy gợi cho cô nhớ một chuyện, mắt cô mở to.

Cô nhìn xuống cổ tay mình. Mười giờ kém mười. Ôi trời ơi, mình còn làm gì ở đây? Cô ném chiếc chăn thẳng xuống sàn nhà, xỏ vệt chân vào giày, chạy xuống phòng làm việc và kéo khóa túi đựng máy tính xách tay lại. Cái túi màu xanh của mình ở đâu? Không có trên ghế, không phải trên bàn, không có trong ngăn kéo, cũng không phải ở trong túi máy tính xách tay. Cô chạy lên phòng ngủ. Không có trên giường, không nằm trên bàn đầu giường, không có trên tủ đựng chén bát, không có trong tủ quần áo, cũng không ở trên bàn. Cô đứng giữa hành lang, cố gắng dò lại những nơi có thể biết trong bộ não ì ạch của mình, cho đến khi cô thấy chiếc túi xách thì nó đang được treo trên tay nắm cửa phòng tắm.

Cô kéo khóa ra. Trong đó là chiếc BlackBerry, nhưng không thấy chùm chìa khóa. Cô luôn để trong này. Chà, cũng không phải hoàn toàn là vậy. Cô luôn muốn để chìa khóa trong này. Đôi khi, cô để trong ngăn kéo bàn làm việc, ngăn kéo đựng dao nĩa, ngăn kéo đồ lót, hộp trang sức, hộp thư và các túi áo, túi quần. Đôi khi cô cảm luôn ở ổ khóa. Cô ghét phải nghĩ về việc bỏ ra bao nhiêu phút để tìm kiếm các thứ bị lạc mỗi ngày.

Cô chạy nhanh xuống phòng khách. Không có chìa khóa, nhưng cô tìm thấy áo khoác của cô trên ghế dựa. Cô khoác áo lên và thò tay vào túi áo. Là chùm chìa khóa!

Cô lao nhanh ra hành lang trước, nhưng dừng lại trước khi ra đến cửa. Thật kì lạ. Có một cái hố trên sàn ngay trước cửa. Bề rộng nó ngang bằng bề rộng của hành lang, còn chiều dài khoảng hai mét rưỡi đến ba mét, mà chẳng có gì trong đó ngoài bóng tối. Cô không thể nào vượt qua được. Ván ốp hành lang trước đã cong vênh và kêu cọt kẹt, cô và John đã từng bàn về chuyện thay mới. John đã gọi thợ nào chưa? Có ai đến đây hôm nay không? Cô không nhớ ra. Cho dù lý do là gì, cũng không thể ra cửa trước cho tới khi cái hố được bít lại.

Trong lúc cô đi ra cửa sau, chuông điện thoại reo lên.

“Chào mẹ, khoảng bảy giờ con ghé qua, con sẽ mang đồ ăn tối.”

“Được rồi.” – Alice trả lời, trong giọng nói của cô vui một chút.

“Con là Anna nè.”

“Mẹ biết mà.”

“Bố ở New York tới mai, mẹ nhớ không? Con sẽ ngủ lại, mà tới sáu giờ rưỡi con mới tan ca, cho nên mẹ đợi con qua ăn nhé. Có lẽ mẹ nên ghi chú vào bảng trắng treo trên tủ lạnh.”

Cô nhìn qua chiếc bảng.

KHÔNG ĐƯỢC CHẠY BỘ MỘT MÌNH.

Bất thần, cô muốn hét vào điện thoại là cô không cần bảo mẫu, và cô có thể tự xoay sở một mình trong nhà của mình. Nhưng rồi cô hít thở.

“Được rồi, hẹn gặp lại con.”

Cô gác máy rồi tự tán thưởng bản thân vì vẫn còn khả năng làm chủ được cảm xúc tự nhiên của mình. Một ngày nào đó, sớm thôi, cô sẽ không còn kiểm soát được nữa. Cô muốn tận hưởng những giờ phút được gặp Anna, vả lại ở một mình lúc này không hay chút nào.

Cô khoác áo, quàng giỏ xách và túi đựng máy tính xách tay lên vai. Cô nhìn ra ngoài cửa sổ nhà bếp. Trời gió, ẩm ướt và xám xịt. Đang là buổi sáng chẳng? Cô không muốn ra ngoài, cũng chẳng muốn ngồi trong văn phòng. Cô cảm thấy chán nản, lạc lõng và xa lạ trong chính văn phòng của mình. Cô cảm thấy mình thật ngớ ngẩn. Cô đâu còn thuộc về nơi ấy.

Cô lại bỏ giỏ xách xuống, cởi áo khoác và đi vào phòng làm việc, nhưng đột nhiên một tiếng thịch, rồi tiếng leng keng lại kéo cô ra lại hành lang trước. Lá thư vừa lọt vào khe bỏ thư cửa trước, nó nằm ngay trên miệng hố, một cách nào đó, nó nằm lơ lửng ở trên miệng hố. Hẳn nó phải nằm thẳng bằng trên một thanh dầm ẩn bên dưới hay một tấm ván mà cô không thấy được. Lá thư nổi. Nào mình bị nhũn ra mất rồi! Cô lùi về phòng làm việc và cố quên đi cái hố không trọng lực ở cửa trước. Bất ngờ thay, thật khó mà quên được.

CÔ NGỒI TRONG PHÒNG LÀM VIỆC, tay ôm đầu gối, dán mắt ra ngoài cửa sổ nhìn màn đêm dần buông xuống, đợi Anna đến mang theo bữa tối, đợi John từ New York về để cô có thể ra ngoài chạy bộ. Cô ngồi và đợi. Tâm trạng của cô trở nên tệ hơn vì ngồi đợi. Cô phát bệnh vì phải ngồi và đợi chờ.

Ở Harvard, cô là người duy nhất biết mình mắc phải Alzheimer khởi phát sớm và cũng là người duy nhất mắc căn bệnh này. Nhưng ngoài kia, chắc chắn cô không phải người duy nhất. Cô phải tìm những người bạn mới cho mình. Cô phải thích nghi với thế giới mới này, thế giới dành cho cô, thế giới của những người mất trí.

Cô gõ vào Google cụm từ “bệnh Alzheimer khởi phát sớm”. Kết quả cho ra rất nhiều thông tin và dữ liệu thống kê.

Ước tính có đến năm trăm nghìn người ở Hoa Kỳ mắc phải Alzheimer khởi phát sớm.

Alzheimer khởi phát sớm được định nghĩa là mắc phải Alzheimer trước tuổi sáu mươi.

Triệu chứng có thể xuất hiện ở tuổi ba mươi hoặc bốn mươi.

Google cho cô những trang điện tử liệt kê ra các triệu chứng, những nhân tố, nguyên nhân nguy hiểm đến gần, và các phương pháp trị liệu. Có những bài viết về việc nghiên cứu và phát hiện ra thuốc. Trước đây cô đã xem qua hết rồi.

Cô thêm từ “hỗ trợ” vào từ khóa tìm kiếm rồi nhấn phím trở về.

Cô tìm thấy những diễn đàn, đường dẫn, nguồn dữ liệu, bảng tin nhắn và các phòng chat. Chúng dành cho những người chăm sóc bệnh nhân. Người chăm sóc phải lo những việc bao gồm thăm các cơ sở y tế, hỏi thăm về việc chữa trị, giải tỏa căng thẳng, đối phó với hoang tưởng, lang thang vào ban đêm, ứng phó với tâm lý cô lập và trầm cảm của bệnh nhân. Những người chăm sóc bệnh nhân sẽ đăng câu hỏi và câu trả lời, quan tâm đến các giải pháp giải quyết khó khăn về những người mẹ tám mươi một tuổi, những người chồng bảy mươi bốn tuổi và những người bà tám mươi lăm tuổi mắc bệnh Alzheimer.

Vậy đối với những người mắc Alzheimer thì sao?

Còn nơi của những người mất trí năm mươi một tuổi ở đâu? Nơi những người sự nghiệp còn dang dở rồi bị căn bệnh xé nát cuộc sống của họ từ bên trong ở đâu? Cô không phủ nhận rằng mắc Alzheimer ở tuổi nào cũng là một bi kịch cả. Cô không phủ nhận rằng những người chăm sóc người bệnh cũng cần hỗ trợ. Và cũng không phủ nhận rằng họ cũng phải chịu đựng. Cô biết John đang phải chịu đựng. Nhưng còn cô thì sao?

Cô nhớ đến tấm danh thiếp của một nhân viên xã hội ở Bệnh viện Đa khoa Massachusetts. Cô tìm thấy nó rồi quay số.

“Denise Daddario xin nghe.”

“Chào Denise, tôi là Alice Howland. Tôi là một bệnh nhân của bác sĩ Davis, và anh ấy đưa tôi danh thiếp của cô. Tôi năm mươi một tuổi và một năm trước, tôi được chẩn đoán mắc phải

Alzheimer khởi phát sớm. Tôi muốn hỏi rằng Bệnh viện Đa khoa Massachusetts có nhóm hỗ trợ cho bệnh nhân Alzheimer không?”

“Không may là chúng tôi không có. Chúng tôi có một nhóm hỗ trợ, nhưng chỉ dành cho những người chăm sóc bệnh nhân. Hầu hết các bệnh nhân Alzheimer của chúng tôi đều không đủ khả năng tham gia vào diễn đàn như vậy.”

“Nhưng vài người sẽ đủ.”

“Phải, nhưng tôi e rằng chúng tôi không có đủ kinh phí đáp ứng được nguồn lực để mở ra và duy trì một nhóm như vậy.”

“Nguồn lực như thế nào?”

“À, đôi với nhóm hỗ trợ người chăm sóc bệnh nhân của chúng tôi, khoảng mười hai đến mười lăm người gặp nhau hàng tuần trong vài giờ. Chúng tôi có một phòng được đặt trước, có café, bánh ngọt, một vài nhân viên hậu cần và một khách mời phát biểu hàng tháng.”

“Nếu như chỉ có một căn phòng trống để những người bị mất trí sớm gặp nhau và nói chuyện về những gì họ đang trải qua thì sao?”

Tôi có thể mang café và một ít bánh vòng nhân mít, ơn trời.

“Chúng tôi cần một nhân viên nào đó giám sát và không may là hiện tại chúng tôi không còn ai có thể đảm nhận.”

Vậy còn một trong hai nhân viên hậu cần trong nhóm hỗ trợ những người chăm sóc bệnh nhân thì sao?

“Cô có thể cho tôi thông tin liên lạc của những bệnh nhân mất trí sớm để tôi có thể tự sắp xếp không?”

“Tôi e là tôi không thể cho thông tin như vậy. Cô có muốn hẹn gặp để nói chuyện với tôi không? Tôi rảnh vào mười giờ sáng thứ Sáu, ngày 17 tháng Mười Hai.”

“Không, cảm ơn.”

TIẾNG ỒN Ở CỬA TRƯỚC đánh thức cô khi đang ngủ trên ghế sofa. Căn nhà vừa lạnh, vừa tối. Cửa trước mở ra cọt kẹt.

“Con xin lỗi, con đến trễ.”

Alice đứng dậy và bước ra hành lang. Anna đứng ôm một túi giấy màu nâu to bằng một tay, tay kia nắm một chồng thư. Cô đang đứng trên hồ!

“Mẹ ơi, đèn tắt hết cả. Mẹ đang ngủ hả? Mẹ không nên ngủ vào giờ này, mẹ thức trắng đêm mất.”

Alice bước lại gần Anna và cúi xuống. Cô đặt tay lên cái hồ. Cô chỉ cảm thấy khoảng không. Cô rà ngón tay trên những mũi dẹt của tấm thảm len đen. Hành lang của cô đã trải thảm đen nhiều năm rồi. Cô đập tay xuống thật mạnh đến mức tiếng động vang lên.

“Mẹ ơi, mẹ đang làm gì vậy?”

Tay cô nhức buốt, cô quá mệt mỏi để chịu được câu hỏi của Anna, và mùi đậu phộng quyến rũ từ chiếc túi làm cô thấy ghê tởm.

“Để mẹ yên!”

“Mẹ, ồ mà. Mẹ với con vào bếp ăn tối nào.” Anna đặt chồng thư xuống và với lấy tay mẹ cô, bàn tay đang đau nhức. Alice giật tay ra và gào lên.

“Để mặc mẹ! Đi khỏi nhà mẹ đi! Mẹ ghét con! Mẹ không muốn con đến đây!”

Lời của cô đập vào Anna còn đau hơn cô tát vào mặt con mình. Vượt qua dòng nước mắt đang chảy xuống, Anna tìm cảm xúc mình lại để giải quyết ôn hòa.

“Con mang theo bữa tối, con đang đói, con sẽ ở lại. Con sẽ vào nhà bếp để ăn tối và con sẽ đi ngủ.”

Alice đứng một mình trên hành lang, cơn phẫn nộ và mâu thuẫn sôi lên trong từng mạch máu cô. Cô mở cửa và bắt đầu kéo tấm thảm ra. Cô lôi nó bằng tất cả sức lực còn lại, cô vấp ngã. Cô lại đứng dậy, kéo, vặn và quăng tấm thảm tới khi nó nằm hoàn toàn bên ngoài. Sau đó, cô đá vào tấm thảm và gào lên điên

cuông cho tới khi nó văng xuống khỏi thêm nhà trước và nằm
bất động trên vỉa hè.

Alice, hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Bây giờ là tháng mấy?
2. Cô sống ở đâu?
3. Văn phòng của cô ở đâu?
4. Sinh nhật của Anna vào ngày nào?
5. Cô có bao nhiêu người con?

Nếu cô thấy khó trả lời bất cứ câu hỏi nào trong những câu trên, hãy mở thư mục “Bướm bướm” trên máy tính của cô và làm theo hướng dẫn ngay lập tức.

Tháng Mười Một, Cambridge, Harvard, Tháng Chín, Ba

THÁNG MƯỜI HAI, NĂM 2004

Luận văn của Dan đã dài đến 142 trang rồi, chưa kể danh mục tham khảo. Lâu rồi Alice chưa đọc bất cứ thứ gì dài như vậy. Cô ngồi trên ghế sofa với bài làm của Dan ở trên đùi, giắt bút đỏ trên tai và tay phải cầm cây bút dạ màu hồng. Cô dùng bút đỏ để sửa bài và bút dạ màu hồng để dò theo những gì cô đã đọc. Cô đánh dấu tất cả những gì cô cảm thấy quan trọng, nên khi cô cần dò lại, cô có thể giảm bớt công việc bằng cách chỉ đọc những từ được đánh dấu.

Cô dừng hoàn toàn một cách vô vọng ở trang hai mươi sáu vì cả trang đã tô hồng. Não cô cảm thấy quá tải và van xin cô nghỉ ngơi. Cô tưởng tượng những dòng chữ hồng trên trang giấy trở thành cây kẹo bông gòn hồng rịn rít trong đầu cô. Càng cố đọc, cô càng cần phải đánh dấu để hiểu và nhớ được cô đã đọc những gì. Càng đánh dấu, đầu cô càng cảm thấy quá tải vì món kẹo được tạo nên từ những sợi màu hồng đang quăn quýt và làm nghẽn những mạch điện trong não cô, khiến cô không thể hiểu và nhớ nổi những gì cô đã đọc. Đến trang hai mươi sáu, cô không còn hiểu được gì cả.

Bíp, bip.

Cô thả bài luận văn của Dan xuống bàn phòng khách và ngồi vào máy tính trong phòng làm việc. Cô thấy một thư điện tử trong hộp thư của cô, từ Denise Daddario.

Thân gửi Alice,

Tôi đã chia sẻ ý tưởng của cô về một nhóm hỗ trợ giữa những người mất trí sớm trong đơn vị của chúng tôi và với những người khác ở bệnh viện Brigham and Womens Hospital. Tôi đã nghe phản hồi từ

ba người trong khu vực rằng họ rất có hứng thú với ý tưởng này. Họ cho phép tôi cung cấp tên và thông tin liên lạc cho cô (tệp đính kèm). Có lẽ cô cũng muốn liên lạc với Hiệp hội Alzheimer Massachusetts. Họ có thể sẽ biết những người khác cũng muốn tham gia. Hãy cập nhật tình hình và cho tôi biết nếu tôi có thể cung cấp thêm những thông tin hay hỗ trợ tư vấn. Thực lòng xin lỗi vì chúng tôi không thể làm thêm điều gì cho cô trong trường hợp này.

Chúc may mắn!

Denise Daddario.

Cô mở tệp đính kèm.

Mary Johnson, năm mươi bảy tuổi, sa sút trí tuệ thái dương
Cathy Roberts, bốn mươi tám tuổi, Alzheimer khởi phát sớm
Dan Sullivan, năm mươi ba tuổi, Alzheimer khởi phát sớm

Họ đây rồi, những bạn mới của cô. Cô đọc đi đọc lại tên họ. Mary, Cathy và Dan. Mary, Cathy và Dan. Cô bắt đầu cảm thấy vô cùng phấn khích, pha với chút sợ hãi đè nén mà cô thường trải qua trước khi vào mẫu giáo, đại học và cao học. Họ trông như thế nào? Họ có đang làm việc? Họ đã sống với căn bệnh bao lâu rồi? Triệu chứng của họ có giống cô, nhẹ hơn hay nặng hơn? Họ có giống cô chút nào không? Nếu cô nặng hơn họ nhiều thì sao?

Thân gửi Mary, Cathy và Dan,

Tôi là Alice Howland. Tôi năm mươi một tuổi và được chẩn đoán mắc phải Alzheimer khởi phát sớm. Tôi từng là một giáo sư Tâm lý học ở đại học Harvard trong hai mươi lăm năm nhưng hồi tháng Chín tôi buộc phải rời khỏi vị trí vì những triệu chứng của căn bệnh. Hiện tại tôi đang ở nhà và cảm thấy vô cùng cô đơn. Tôi đã gọi cho Denise Daddario ở Bệnh viện Đa khoa Massachusetts để xin thông tin về nhóm hỗ trợ bệnh nhân mất trí sớm. Họ chỉ có một nhóm hỗ

trợ cho những người chăm sóc bệnh nhân mà không có gì cho chúng ta. Nhưng cô ấy đã cho tôi thông tin của các bạn. Tôi muốn mời các bạn đến nhà tôi dùng trà, café để nói chuyện vào Chủ nhật này, ngày 5 tháng Mười Hai vào lúc 2:00. Người chăm sóc của các bạn cũng được mời nếu các bạn muốn. Địa chỉ và bản đồ đến nhà tôi được đính kèm bên dưới.

Tôi rất mong được gặp các bạn,
Alice

Mary, Cathy, và Dan. Mary, Cathy, và Dan. Dan. Luận văn của Dan. Cậu ta đang đợi mình chỉnh sửa. Cô quay lại phòng khách và mở luận văn của Dan đến trang hai mươi sáu. Màu hồng lại lao vào, xâm nhập não cô. Cô cảm thấy đau đầu. Cô không biết có ai đã trả lời chưa. Cô để mặc thứ gì đó của Dan trước khi cô suy nghĩ xong. Cô nhấn vào hộp thư. Không có gì mới.

Bíp. Bíp.

Cô nhắc máy. “Xin chào?”

Tiếng máy chờ. Cô hi vọng đó là Mary, Cathy hay Dan. Dan.

Luận văn của Dan.

Cô quay lại ghế sofa, cô căng mắt, cầm lấy cây bút dạ, nhưng mắt cô không tập trung vào những dòng chữ trên trang giấy được. Cô lại mơ mộng.

Mary, Cathy và Dan còn có thể đọc được hai mươi sáu trang và nhớ tất cả những gì họ đọc không? Nếu cô là người duy nhất nghĩ tầm thảm hành lang là một cái hố thì sao? Nếu cô là người duy nhất suy giảm thì sao? Cô không bị suy sụp nhưng cảm thấy mình đang trượt xuống một cái hố bệnh điên. Một mình.

“Tôi cô đơn, tôi cô đơn, cô đơn” – cô than vãn, chìm sâu hơn vào trong cái hố cô đơn thực sự mở ra mỗi khi cô nghe chính giọng nói của mình nhắc đến những từ ấy.

Bíp, bip.

Tiếng chuông cửa hắt cô ra khỏi giấc mộng. Họ tới rồi à? Cô có mời họ tới hôm nay không nhỉ?

“Một phút thôi!”

Cô dụi mắt bằng tay áo, vừa đi cô vừa dùng tay vuốt vuốt mái tóc rối của mình, hít một hơi thật sâu và ra mở cửa. Không có ai ở đó cả.

Ảo giác về cả âm thanh lẫn hình ảnh là những hiện tượng thường diễn ra đối với những người mắc Alzheimer, nhưng đến nay cô chưa từng trải qua. Hoặc có lẽ cũng đã từng. Khi cô ở một mình, chẳng có cách nào rõ ràng để biết việc cô trải qua là thực tế hay ảo giác do bệnh Alzheimer gây ra. Cảm giác của cô không giống như những rối loạn, ảo giác trí nhớ, ảo ảnh và tất cả những thứ điên loạn được tô bằng màu hồng huỳnh quang, không lẫn vào những thứ bình thường, chân thực và chính xác. Dưới góc nhìn của cô, cô không thấy được sự khác biệt. Tầm thẳm là một cái hố. Tiếng ồn đó là tiếng chuông cửa.

Cô kiểm tra hộp thư một lần nữa. Một thư mới.

Chào mẹ,

Mẹ khỏe không? Mẹ có dự hội nghị chuyên đề vào giờ ăn trưa hôm qua không? Mẹ có chạy bộ không? Lớp học của con vẫn như thường lệ, rất tuyệt. Con tham gia một buổi diễn thử quảng cáo cho một ngân hàng. Bọn con cũng chưa biết kết quả thế nào. Bố khỏe không mẹ? Tuần này bố có ở nhà không? Con biết tháng rồi rất khó khăn. Mẹ đợi con nhé. Con sẽ về sớm!

Con yêu mẹ,

Lydia

Bíp, bíp.

Cô nhắc điện thoại lên. “Alô?”

Tiếng chuông chờ. Cô mở ngăn kéo trên cùng của tủ tài liệu, quăng điện thoại vào, cô nghe tiếng nó va vào đáy kim loại nằm dưới hàng trăm tập tài liệu tái bản và đẩy ngăn tủ vào. Khoan đã, hình như đó là điện thoại của mình.

“Điện thoại, điện thoại, điện thoại” – cô hô lên như thế đang chơi trò chơi trong nhà, cố gắng giữ mục tiêu tìm kiếm.

Cô kiểm tra khắp nơi nhưng không tìm được nó. Rồi cô nhận ra rằng, cô cần phải lục chiếc giỏ màu xanh của mình. Cô ngân nga.

“Giỏ xanh, giỏ xanh, giỏ xanh.”

Cô tìm thấy giỏ của cô trên bàn bếp, điện thoại di động của cô ở bên trong, nhưng tắt. Có thể tiếng ồn do còi báo động ở xe của một người nào đó vừa khóa lại hay tắt đi. Cô trở lại ghế sofa và mở luận văn của Dan đến trang hai mươi sáu.

“Xin chào?” – Giọng một người đàn ông.

Alice nhìn lên, mắt cô mở tròn, lắng nghe, giống như cô vừa nghe ma gọi.

“Alice?” – Giọng nói kì lạ hỏi cô.

“Vâng.”

“Alice, em sẵn sàng đi chưa?”

John xuất hiện ở ngưỡng cửa phòng khách, anh đang đợi. Cô cảm thấy nhẹ nhõm nhưng cô muốn biết rõ hơn.

“Chúng ta đi nào. Chúng ta ăn tối cùng Bob và Sarah, và chúng ta đã hơi trễ rồi.”

Ăn tối. Cô vừa nhận ra rằng cô đang đói ngấu lên. Cô không nhớ hôm nay cô đã ăn gì chưa. Có lẽ đó là lý do cô không đọc nổi luận văn của Dan. Có lẽ cô chỉ cần ăn một chút. Nhưng suy nghĩ về bữa tối và đoạn hội thoại ở trong nhà hàng ồn ào tiếp tục bám lấy cô.

“Em không muốn đi ăn tối. Hôm nay em mệt lắm rồi.”

“Anh cũng mệt. Hãy đi ăn cùng nhau nào.”

“Anh đi đi. Em muốn ở nhà thôi.”

“Đi nào, sẽ vui lắm. Chúng ta đã không đến bữa tiệc của Eric. Ra ngoài sẽ tốt cho em mà, và mọi người cũng mong gặp em.”

Không, họ không đâu. Họ thổi phào nhẹ nhõm vì em không đến. Em là một cây kẹo bông gòn hình con voi màu hồng trong căn phòng. Em sẽ làm mọi người khó chịu. Em sẽ biến bữa ăn tối

thành một màn xiếc điên khùng giữa những người găng gượng vừa giữ vẻ thương hại và mỉm cười, vừa giữ lấy những ly rượu, và dao nĩa của họ.

“Em không muốn đi. Bảo họ em xin lỗi, nhưng em không cảm thấy muốn đến.”

Bíp, bip.

Cô nhìn thấy John cũng nghe được tiếng ồn, và cô đi theo anh vào bếp. Anh mở cửa lò vi ba và kéo ca nước trong đó ra.

“Nguội ngắt rồi. Em muốn anh hâm lại không?”

Hắn là cô đã pha trà để uống sáng nay, rồi cô quên uống. Sau đó, chắc cô đã cho trà vào lò để hâm, nhưng rồi cũng để nó lại trong đó.

“Không, cảm ơn anh.”

“Được rồi, Bob và Sarah có lẽ đang đợi. Em có chắc em không muốn đến?”

“Em chắc mà.”

“Anh không đi lâu đâu.”

Anh hôn cô rồi đi một mình. Cô đứng trong nhà bếp chỗ anh bước đi một lúc lâu, giữ ca trà lạnh tanh trên tay.

CÔ CHUẨN BỊ ĐI NGỦ, John vẫn chưa đi ăn về. Ánh sáng xanh phát ra từ máy vi tính ở phòng làm việc đập vào mắt cô trong lúc cô bước lên cầu thang. Cô bước vào và kiểm tra hộp thư, dường như là theo thói quen hơn là sự tò mò đơn thuần.

Đây rồi.

Thân gửi Alice,

Tôi là Mary Johnson. Tôi 57 tuổi và được chẩn đoán sa sút trí tuệ thái dương năm năm trước. Tôi sống ở Bờ Bắc, không xa nơi cô ở. Ý tưởng của cô thật sự rất hay. Tôi rất muốn đến. Chồng tôi, Barry sẽ chở tôi đến. Tôi không chắc là ông ấy muốn ở lại. Chúng tôi đều nghĩ

hữu non và cả hai chúng tôi ở nhà suốt. Tôi nghĩ ông ấy muốn nghỉ để chăm sóc tôi. Hẹn sớm gặp cô.

Mary

Chào Alice,

Tôi là Dan Sullivan, 53 tuổi, được chẩn đoán mắc phải Alzheimer khởi phát sớm ba năm trước. Căn bệnh di truyền cho cả nhà tôi. Mẹ tôi, hai người chú, một trong các người dì của tôi bị và 4 người anh em họ của tôi cũng mắc bệnh. Cho nên tôi đã chứng kiến căn bệnh phát sinh và đã sống với nó cùng gia đình mình từ khi còn nhỏ. Đáng buồn cười là việc phát hiện ra bệnh hay sống với nó cũng chẳng dễ dàng hơn gì cả. Vợ tôi biết nơi cô ở. Cũng không xa Bệnh viện Đa khoa Massachusetts. Gần Harvard. Con gái tôi học ở Harvard. Tôi cầu nguyện mỗi ngày là nó không mắc bệnh.

Dan

Chào Alice,

Cám ơn thư điện tử và lời mời của cô. Tôi được chẩn đoán mắc phải Alzheimer khởi phát sớm năm ngoái cũng như cô vậy. Tôi gần như cảm thấy nhẹ nhõm. Tôi tưởng tôi đã hóa điên. Tôi không tập trung vào các cuộc hội thoại được, không hoàn chỉnh được câu nói của mình, quên đường về nhà, không hiểu được sổ chi phiếu, và lẫn lộn thời gian biểu của hai đứa nhỏ (tôi có một con gái 15 tuổi và một con trai 13 tuổi). Lúc các triệu chứng bắt đầu, tôi mới 46 tuổi, nên không ai nghĩ là bệnh Alzheimer.

Tôi nghĩ các đơn thuốc rất có ích. Tôi đang dùng Aricept và Namenda. Tôi có những ngày rất ổn và những ngày tệ hại. Vào những ngày ổn định, mọi người và cả gia đình tôi nghĩ rằng tôi hoàn toàn ổn, thậm chí tôi chỉ dựng chuyện lên thôi! Tôi không thấm đến mức phải được quan tâm! Rồi, ngày tồi tệ đến, tôi không nghĩ ra được từ ngữ hay bị mất tập trung, và tôi không thể làm nhiều việc một lúc. Tôi còn cảm thấy cô đơn nữa. Tôi rất mong được gặp cô.

Cathy Roberts.

TÁI BÚT: Cô có biết đến Mạng lưới Hỗ trợ và Tư vấn bệnh mất trí Quốc tế không? Hãy vào trang: www.dasninternational.org. Đây là một trang tuyệt vời cho người mắc bệnh khởi phát sớm như chúng ta ở giai đoạn đầu để nói chuyện, tâm sự, được hỗ trợ và chia sẻ thông tin.

Họ đây rồi. Và họ đã đến.

MARY, CATHY CÙNG DAN CỞI ÁO KHOÁC rồi tìm chỗ ngồi trong phòng khách. Người vợ, người chồng đi cùng họ giữ áo khoác, ngập ngừng chào tạm biệt, cùng với John đi uống café ở quán Jerri's.

Mary có mái tóc vàng dài đến cằm, đôi mắt nâu chocolate lẩn trốn sau cặp kính gọng đen. Cathy có gương mặt sáng sủa, tươi tắn và đôi mắt biết cười. Alice có thiện cảm với cô ngay tức khắc. Dan có ria mép dày, đầu hói và thân hình rắn chắc. Họ chắc đã từng là những giáo sư từ nơi khác đến, thành viên của một hội sách hay những người bạn cũ.

“Có ai muốn suy nghĩ chút gì không?” – Alice hỏi mọi người. Họ nhìn chằm chằm vào cô và nhìn nhau, không trả lời. Phải chăng họ quá ngỡ ngàng hay lịch sự mà không trả lời trước?

“Alice, có phải cô muốn nói nhảm nhi không?” – Cathy hỏi.

“Phải, đó là điều tôi muốn hỏi.”

“Cô vừa nói ‘suy nghĩ’.”

Alice đỏ mặt. Nhảm từ không phải là ấn tượng đầu tiên cô muốn tạo ra.

“Tôi thật sự muốn một ly ‘suy nghĩ’. Mấy ngày rồi, đầu tôi trống rỗng này, tôi có thể được lấp đầy rồi.” – Dan nói đùa.

Họ cười, và cuộc gặp gỡ kết nối họ lại với nhau ngay lập tức. Alice mang café và trà lên, trong khi Mary kể chuyện.

“Tôi làm nhân viên bất động sản được hai mươi năm. Đột nhiên, tôi bắt đầu quên các cuộc họp, buổi hẹn, các buổi họp phụ huynh của con mình. Tôi về nhà mà không có chìa khóa. Tôi lạc

trong lúc chờ khách đi xem nhà trong khu vực mà tôi luôn nằm trong lòng bàn tay. Tôi lái xe loanh quanh cả bốn mươi lăm phút trong khi bình thường chỉ mất mười phút thôi. Tôi có thể tưởng tượng ra cô ấy nghĩ gì lúc đó.

Tôi bắt đầu dễ nổi giận và phát điên đối với các nhân viên khác trong phòng. Trước kia, tôi luôn dễ tính và được yêu mến, nhưng đột nhiên, tôi trở nên nổi tiếng vì tính thất thường của mình. Tôi đã hủy hoại hoàn toàn danh tiếng của mình. Danh tiếng là tất cả đối với tôi. Bác sĩ của tôi kê cho tôi một đơn thuốc chống trầm cảm. Và khi thuốc này lờn, ông ấy lại cho tôi thuốc khác, và thuốc khác nữa.”

“Trong một thời gian dài, tôi chỉ nghĩ là tôi đã quá mệt và làm nhiều việc một lúc quá mức” – Cathy chia sẻ. – “Để nuôi hai đứa nhỏ và chăm lo cho gia đình, tôi đã làm thêm ngoài giờ tại cửa hàng bán thuốc tây, quay cuồng từ công việc này đến việc khác như gà mất đầu. Tôi mới bốn mươi sáu tuổi nên không thể nào mắc bệnh mất trí được. Rồi một ngày trong khi làm việc, tôi không thể nhớ ra tên thuốc, tôi không biết phải đo trên mười ml như thế nào. Ngay sau đó, tôi nhận ra tôi có thể đưa nhầm liều lượng hay thậm chí nhầm thuốc, tôi có thể vô tình giết chết ai đó. Vậy nên tôi cởi bỏ áo blouse, về nhà sớm, và không bao giờ quay lại làm nữa. Tôi hoàn toàn tuyệt vọng. Tôi tưởng tôi hóa điên rồi.”

“Còn anh thì sao, Dan? Điều anh chú ý đến đầu tiên là gì?” – Mary hỏi.

“Tôi từng rất tháo vát việc nhà. Rồi một ngày, tôi không thể nghĩ ra làm sao để sửa thứ mà tôi luôn sửa được. Tôi luôn giữ xưởng của mình ngăn nắp, mọi thứ đều vào chỗ. Giờ thì nơi ấy thật sự là một đống hỗn độn. Khi tôi không tìm được thứ gì, tôi đổ lỗi bạn tôi mượn đồ nghề của tôi và xáo trộn mọi thứ mà không trả lại cho tôi. Nhưng thật ra chỉ có tôi thôi. Tôi là một lính cứu hỏa. Tôi bắt đầu quên tên các đồng nghiệp trong lực lượng. Tôi không thể nói được hết câu. Tôi quên phải pha cà phê như thế nào. Tôi nhìn thấy những thứ giống mẹ tôi hồi tôi mười mấy tuổi. Bà cũng mắc Alzheimer khởi phát sớm.”

Họ chia sẻ câu chuyện về những triệu chứng đầu tiên của họ, những khó khăn để đi đến chẩn đoán chính xác, những chiến lược họ dành để đối phó và sống với bệnh mất trí. Họ gật đầu, cười và khóc vì những câu chuyện về mất chìa khóa, đánh mất những suy nghĩ, những ước mơ trong cuộc sống. Alice cảm thấy thật chân thực và thật sự được lắng nghe. Cô cảm thấy mình bình thường.

“Alice, chồng cô vẫn làm việc à?” – Mary hỏi.

“Phải. Anh ấy vẫn vui mình trong nghiên cứu và giảng dạy. Anh ấy di chuyển khá nhiều. Cũng khó. Nhưng sang năm chúng tôi cùng có một năm nghiên cứu. Nên tôi chỉ cần cố đến hết kỳ tới, chúng tôi sẽ có thể ở nhà với nhau cả năm.”

“Cô vượt qua được mà, sắp rồi.” – Cathy nói. Chỉ còn vài tháng nữa thôi.

ANNA BẢO LYDIA VÀO BẾP để làm bánh mì kem sữa chocolate trắng. Thai nhi đã lớn, và cô không còn ốm nghén, Anna dường như ăn liên tục, như thể bù cho năng lượng mất đi suốt những tháng mà sáng nào cô cũng phát bệnh.

“Bố có vài tin” – John nói. – “Bố đã được đề nghị vị trí chủ tịch ở Chương trình Sinh học Ung thư và Gien ở Sloan-Kettering.”

“Là ở đâu vậy bố?” – Anna hỏi, miệng cô nhét đầy viẹt quất bọc chocolate.

“New York.”

Không ai nói một lời nào. Trên máy nghe nhạc, Dean Martin ca bài *Thế giới kẹo xộp*.

“Vâng, mà bố đâu hứng thú với vị trí đó đâu phải không?” – Anna hỏi.

“Thật ra là có. Bố đã đến đó vài lần hồi mùa thu, và vị trí đó thật hoàn hảo cho bố.”

“Còn mẹ thì sao?” – Anna hỏi.

“Mẹ không đi làm nữa, và mẹ hiếm khi phải đi vào trường.”

“Nhưng mẹ cần phải ở đây.” – Anna nói.

“Không, không cần đâu. Mẹ con sẽ ở với bố.”

“Ôi Trời! Con ghé qua ban đêm để bố có thể làm việc đến khuya, con ngủ lại mỗi khi bố đi khỏi thành phố, còn Tom đến mọi cuối tuần em ấy có thể” – Anna nói. – “Tụi con không ở đây suốt, nhưng...”

“Phải, tụi con không ở đây suốt nên tụi con chưa thấy tình hình tệ thế nào đâu. Mẹ con giả vờ biết được nhiều hơn những gì mẹ thật sự biết. Con nghĩ mẹ con thật sự mong đợi việc bố mẹ ở Cambridge thêm một năm? Mẹ con không nhận ra cô ấy đang ở đâu khi mà bố mẹ mới đi qua có ba dãy nhà. Bố mẹ có thể sống rất thoải mái ở thành phố New York, và bố có thể nói đó là quảng trường Harvard, và mẹ con sẽ chẳng thấy được gì khác biệt đâu.”

“Có đó bố à” – Tom nói. – “Đừng nói vậy bố.”

“Mà tới tháng Chín bố mẹ mới dời đi. Còn lâu mà.”

“Không quan trọng là khi nào dời đi, mẹ cần phải sống ở đây. Mẹ sẽ xuống dốc rất nhanh nếu bố đi” – Anna nói.

“Con cũng nghĩ vậy” – Tom nói.

Họ nói về cô như thể cô không ngồi ở ghế dựa ngay đó, chỉ cách đó vài bước chân. Họ bàn về cô, ngay trước mặt cô, như thể cô là người điếc vậy. Họ bàn về cô, ngay trước mặt cô, mà không để cô tham gia vào, như thể cô là bệnh nhân Alzheimer.

“Cả đời bố cũng chẳng bao giờ có được vị trí này một lần nào nữa đâu, và họ cần bố.”

“Con muốn mẹ còn được gặp hai bé song sinh,” – Anna nói.

“New York đâu có xa. Mà cũng đâu có gì buộc tất cả các con sống ở Boston.”

“Có lẽ con sẽ đến đây” – Lydia nói.

Lydia đứng ở cửa ra vào giữa nhà bếp và phòng khách. Nhưng tới khi cô mở lời Alice mới thấy, sự xuất hiện bất ngờ từ trong góc phòng của Lydia làm Alice giật mình.

“Con nộp đơn vào Đại học New York, Brandeis, Brown và Yale. Nếu con vào được Đại học New York, con sẽ sống với bố mẹ và giúp mẹ. Và nếu bố mẹ ở đó mà con vào được Brandeis hay Brown, con cũng có thể qua lại” – Lydia nói.

Alice muốn nói với Lydia rằng đó là những trường xuất sắc. Cô muốn hỏi Lydia về những chương trình mà con mình thích thú nhất. Cô muốn bảo với Lydia rằng cô cảm thấy tự hào. Nhưng hôm nay suy nghĩ của cô, đi từ ý tưởng đến lời nói rất chậm, và giả sử những suy nghĩ ấy bơi hàng cây số băng qua dòng sông bùn lầy trước khi ngoi lên để nói ra được thì phần lớn chúng cũng chết đuối đâu đó trên đường đi rồi.

“Thật tuyệt, Lydia” – Tom nói.

“Như vậy thôi à? Bố định tiếp tục cuộc sống giống như mẹ không mắc Alzheimer và chúng ta không có gì để nói nữa?” – Anna quay sang hỏi.

“Bố đã hi sinh rất nhiều” – John nói.

John luôn yêu thương Alice, nhưng cô không thể làm khó anh được. Cô nâng niu từng giây từng phút còn được ở bên anh. Cô không biết cô còn cầm cự được bao lâu nữa, nhưng cô đã tự nhủ rằng, cô sẽ ổn cho đến hết năm nghiên cứu. Năm nghiên cứu cùng nhau cuối cùng. Cô sẽ không để mất dù bất kì giá nào.

Nhưng, anh thì có. Sao anh có thể làm vậy? Câu hỏi không lời giải văng vẳng giữa dòng sông bùn lầy trong đầu cô. Sao anh có thể làm vậy? Rồi câu trả lời lóe lên trong cô và bóp nghẹt lấy tim cô. Một trong hai bọn họ phải hi sinh tất cả.

Alice, hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Bây giờ là tháng mấy?
2. Cô sống ở đâu?
3. Văn phòng của cô ở đâu?
4. Sinh nhật của Anna vào ngày nào?
5. Cô có bao nhiêu người con?

Nếu cô thấy khó trả lời bất cứ câu hỏi nào trong những câu trên, hãy mở thư mục “Bướm bướm” trên máy tính của cô và làm theo hướng dẫn ngay lập tức.

Tháng Mười Hai, Quảng trường Harvard, Harvard, Tháng Tư, Ba

THÁNG MỘT, NĂM 2005

“Mẹ ơi, dậy đi. Mẹ đã ngủ bao lâu rồi bố?”

“Tối giờ là khoảng mười tám tiếng rồi.”

“Đã bao giờ mẹ ngủ lâu vậy chưa?”

“Vài lần rồi.”

“Bố à, con thấy lo. Lỡ như hôm qua mẹ uống thuốc quá liều thì sao?”

“Không đâu, bố kiểm tra lọ thuốc và hộp chia thuốc của mẹ rồi.”

Alice có thể vẫn nghe họ nói, và cô có thể hiểu họ đang nói gì, nhưng không hứng thú lắm. Giống như là nghe trộm một cuộc nói chuyện giữa hai người lạ về một người phụ nữ mà cô không quen biết. Cô không muốn thức dậy. Cô cũng không ý thức được rằng mình đang ngủ.

“Ali? Em nghe thấy anh không?”

“Mẹ ơi, con nè, Lydia nè, mẹ thức dậy được không?”

Cô gái tên là Lydia nói về việc gọi bác sĩ. Người đàn ông được gọi là bố nói về việc để người phụ nữ tên Ali ngủ thêm một lát. Họ bàn về việc gọi thức ăn Mexico và cùng ăn tối ở nhà. Có lẽ mùi thức ăn trong nhà sẽ đánh thức người phụ nữ tên Ali dậy. Sau đó, các giọng nói ngừng đi. Mọi thứ lại tăm tối và tĩnh lặng.

CÔ BƯỚC XUỐNG CON ĐƯỜNG phủ cát dẫn đến khu rừng xanh um, băng qua hàng loạt những đoạn đường quanh co dẫn ra khỏi khu rừng đưa đến một vách đá cao lớn hùng vĩ. Cô tiến tới bờ vực và nhìn xuống. Biển phía bên dưới đông đặc, bờ biển

bị chôn vùi dưới hàng đông tuyết tích tụ lại. Toàn cảnh trước mắt cô bất động, không màu sắc, tĩnh mịch đến bất thường. Cô gào lên gọi John, nhưng cổ họng cô không phát ra được một âm thanh nào. Cô quay lui định về lại, nhưng con đường và cánh rừng đã biến mất. Cô nhìn xuống mắt cá chân tím tái xương xẩu và đôi bàn chân trần của cô. Không còn lựa chọn nào, cô buộc phải bước xuống vách đá.

ALICE NGỒI XUỐNG GHẾ DỰA ngoài bãi biển và vùi chân xuống rồi nhấc lên khỏi lớp cát mịn ấm áp. Ngắm nhìn Christina – cô bạn thân nhất ở nhà trẻ của cô đang thả một con diều bướm bướm, cô ấy vẫn chỉ mới lên năm. Những bông hoa cúc màu hồng và vàng in trên đồ bơi của Christina, đôi cánh xanh và tím của diều bướm bướm, màu xanh của bầu trời, mặt trời vàng cam và màu sơn móng tay đỏ bóng loáng của cô, mọi màu sắc trước mắt cô thật sự rực rỡ hơn bất cứ thứ gì cô từng thấy. Dõi theo Christina, cô ngập tràn niềm vui và tình cảm, không hẳn là vì người bạn thời thơ ấu của cô, mà vì những màu sắc rực rỡ choáng ngợp trên đồ bơi và con diều của cô ấy.

Chị của cô, Anne, và Lydia đều khoảng mười sáu tuổi. Họ nằm cạnh nhau trên những tấm khăn đi biển sọc đỏ, trắng và xanh. Làn da ngăm đen bóng của họ cùng với bộ bikini màu hồng giống màu bong bóng kẹo cao su sáng lên dưới ánh nắng. Và họ cũng vậy, họ sáng loáng những màu sắc như phim hoạt hình, đầy mê hoặc.

“Sẵn sàng chưa?” – John hỏi.

“Em hơi sợ đây.”

“Bây giờ hoặc không bao giờ.”

Cô đứng đó, anh thắt bộ dây đai an toàn vào người cô và gắn vào cái dù lượn màu cam. Anh nhấn vào các khóa và điều chỉnh tới khi cô cảm thấy an toàn tuyệt đối. Anh giữ vai cô, đè lại trước sức mạnh vô hình chuẩn bị nâng bổng cô lên.

“Chuẩn bị chưa?” – John hỏi lại lần nữa.

“Rồi.”

Anh thả cô ra, và cô bay vút vào trong nền trời với một tốc độ đủ gây phấn khích. Mỗi cơn gió cô lướt qua là một luồng xoáy màu sắc đầy kinh ngạc hòa trộn những màu xanh lơ, màu tía hoa dứa cạn, màu tím oải hương, màu tím hoa lồng đèn. Đại dương bên dưới pha ra những sắc màu kính vạn hoa của xanh Thổ Nhĩ Kỳ, xanh nước biển và tím.

Con diều của Christina đứt dây và đập cánh ngay bên cạnh cô. Đây là điều tuyệt diệu nhất Alice từng thấy, và cô muốn được cảm nhận lâu hơn nữa, hơn mọi thứ cô từng khát khao có được. Cô với tay tóm lấy dây diều, nhưng một luồng không khí mạnh đột ngột hất cô xoay vòng. Cô nhìn lại, nhưng con diều đã mất hút trong màu cam hoàng hôn chói lòa trên dù lượn của cô. Đến giờ cô mới nhận ra cô không lái được. Cô nhìn xuống đất, nhìn thấy gia đình cô như những điểm nhấp nháy. Cô không biết liệu những cơn gió xinh đẹp và nồng nhiệt này có mang cô về lại chỗ gia đình mình.

LYDIA NẪM CUỘN MÌNH BÊN CẠNH ALICE. Căn phòng ngập tràn ánh sáng nhẹ dịu của ban ngày.

“Mẹ đang mơ hả?” – Alice hỏi.

“Không, mẹ dậy rồi.”

“Mẹ ngủ bao lâu rồi?”

“Vài ngày rồi mẹ.”

“Ôi không, mẹ xin lỗi.”

“Ổn rồi mẹ. Nghe tiếng mẹ con mừng quá. Mẹ có nhớ là mẹ uống thuốc nhiều quá không?”

“Mẹ không nhớ. Có thể là vậy. Mẹ không cố ý.”

“Con thấy lo cho mẹ.”

Alice nhìn Lydia từng chút một, cẩn thận ghi nhớ từng đường nét của con gái. Cô nhận ra từng góc cạnh ấy như người ta nhận ra căn nhà họ đã sống và lớn lên, nhận ra giọng nói của bố mẹ họ, nhận ra từng đường chỉ tay của họ một cách rõ ràng

mà không cần phải cố gắng hay chú tâm nghiên ngẫm. Nhưng lạ thay, cô phải khó khăn lắm mới nhận ra được Lydia một cách hoàn chỉnh.

“Con xinh thật” – Alice nói. – “Mẹ rất sợ nhìn thấy con mà không nhận ra được.”

“Con nghĩ là dù một ngày nào đó mẹ không còn biết con là ai thì mẹ vẫn biết là con yêu mẹ.”

“Nếu mẹ nhìn con mà không biết con là con gái của mẹ, và mẹ cũng không biết con yêu mẹ?”

“Vậy thì con sẽ nói rằng con yêu mẹ, và mẹ sẽ tin con.”

Alice thích cuộc nói chuyện như vậy. Nhưng liệu cô có luôn yêu thương Lydia. Liệu tình cảm dành cho Lydia có ở mãi trong đầu hay trong tim cô? Nhà khoa học trong cô tin rằng, cảm xúc được hình thành nên ở vận mạch phức tạp của thùy viền, nơi những mạch máu mà đối với cô lúc này đang tắc nghẽn theo dòng cuộc chiến mà chắc chắn rằng chẳng ai sống sót được. Còn người mẹ trong cô tin rằng, tình yêu cô dành cho đứa con gái của mình sẽ an toàn trước những thương tổn trong trí nhớ cô, bởi tình yêu ấy vốn nằm trong tim cô.

“Mẹ sao rồi?”

“Không ổn lắm. Kỳ này khá là khó khăn, không có công việc, không đến Harvard, bệnh thì vẫn tiến triển, bố con chẳng mấy khi ở nhà. Mọi thứ quá khó khăn.”

“Con xin lỗi. Con ước con có thể ở đây nhiều hơn. Mùa thu tới con sẽ ở gần đây hơn. Con đã nghĩ về chuyện chuyển về, nhưng con vừa được nhận thử vai trong một vở lớn. Cũng là vai nhỏ thôi nhưng...”

“Không sao mà. Mẹ ước mẹ có thể xem con nhiều hơn, nhưng mẹ không bao giờ để con dừng sống cuộc sống của con vì mẹ được.”

Cô nghĩ về John.

“Bố con muốn chuyển về New York. Bố nhận được đề nghị ở Sloan-Kettering.”

“Con biết. Con có ở đó lúc bố nói về chuyện này.”

“Mẹ không muốn đi.”

“Con cũng nghĩ là mẹ không muốn.”

“Mẹ không đi khỏi đây được. Cặp song sinh sẽ ra đời vào tháng Tư.”

“Con mong được thấy mấy đứa nhỏ quá.”

“Mẹ cũng vậy.”

Alice tưởng tượng ra cảnh được bế chúng trong vòng tay, cơ thể ấm áp của chúng, những ngón tay tí hon co lại, đôi bàn chân mũm mĩm chưa bao giờ bước đi, và đôi mắt tròn nằm trong bông mắt của chúng. Và mùi em bé. Cô mong được ngửi mùi những đứa cháu ngoại của mình.

Hầu hết những người làm ông, bà đều phấn khích khi tưởng tượng ra cuộc sống của cháu mình, họ mong chờ được tham dự những buổi diễn, những bữa tiệc sinh nhật, lễ tốt nghiệp và đám cưới. Cô biết cô sẽ không đợi được đến những buổi diễn của cháu mình, hay tiệc sinh nhật, lễ tốt nghiệp và đám cưới. Nhưng cô sẽ ở đây đến lúc được ôm chúng trong tay và ngửi mùi em bé, và nếu như cô phải ngồi một mình đâu đó ở New York thì thật đau khổ biết bao.

“Malcolm thế nào?”

“Ồn mẹ. Bọn con vừa tham gia chương trình Memory Walk ở Los Angeles cùng nhau.”

“Cậu ta thế nào?”

Lydia cười trước khi cô hỏi xong câu hỏi.

“Anh ấy cao, thích ra ngoài, mà hơi mắc cỡ.”

“Đối với con thì sao?”

“Anh ấy dịu dàng. Anh ấy thích sự thông minh của con, anh ấy tự hào vì con đi diễn. Anh ấy kể về con nhiều lắm, ngưỡng thật. Mẹ sẽ thấy thích anh ấy.”

“Còn đối với cậu ấy con ra sao?”

Lydia suy nghĩ chốc lát như là cô chưa nghĩ về câu hỏi đó bao giờ.

“Vẫn là chính con.”

“Tốt rồi.”

Alice cười và siết chặt tay Lydia. Cô đã nghĩ sẽ hỏi Lydia về việc đó có ý nghĩa như thế nào, để Lydia có thể tự mô tả bản thân, để nhắc cô nhớ lại, nhưng suy nghĩ ấy bốc hơi quá nhanh để kịp nói ra.

“Chúng ta đang nói về việc gì?” – Alice hỏi.

“Malcolm, chương trình Memory Walk? New York?” – Lydia hỏi lại để gợi ý cho mẹ.

“Mẹ đi bộ quanh đây, mẹ cảm thấy an toàn. Mặc dù mẹ mất chút thời gian đi vòng vòng nhưng cuối cùng mẹ cũng thấy được gì đó quen thuộc và có đủ người trong các cửa hàng biết mẹ và họ chỉ mẹ đi đúng hướng. Cô gái ở quán Jerri’s lúc nào cũng để mắt đến ví và chìa khóa giúp mẹ.

“Và mẹ có những người bạn trong nhóm hỗ trợ ở đây. Mẹ cần họ. Giờ mẹ không thể nạp New York vào đầu được. Mẹ sẽ mất luôn chút khả năng tự lập ít ỏi mà mẹ đang có. Một công việc mới. Bố con sẽ làm việc suốt. Mẹ sẽ mất ông ấy luôn.”

“Mẹ à, mẹ phải nói hết cho bố.”

Lydia nói đúng, nhưng nói với cô thì dễ hơn nhiều. “Lydia, mẹ tự hào về con.”

“Cám ơn mẹ.”

“Trong trường hợp mẹ quên, con hãy biết rằng mẹ yêu con.”

“Con cũng yêu mẹ.”

“EM KHÔNG MUỐN ĐI NEW YORK” – Alice nói.

“Từ giờ đến lúc đó còn cả một quãng đường dài, chúng ta chưa phải quyết định ngay bây giờ” – John nói.

“Em muốn quyết định ngay bây giờ. Em đang quyết định. Em muốn rõ ràng về chuyện này trong khi em còn có thể. Em không muốn chuyển đến New York.”

“Nếu Lydia ở đó thì sao?”

“Còn nêu con bé không ở đó? Lẽ ra anh phải bàn riêng với em trước khi thông báo cho các con chứ.”

“Anh đã bàn rồi.”

“Không, anh chưa.”

“Có, anh nói nhiều lần rồi.”

“Ồ, vậy là do em không nhớ phải không? Hay thật.”

Cô hít vào bằng mũi, thở ra bằng miệng, để cho một lúc bình tĩnh kéo cô ra khỏi cuộc tranh cãi kiểu học sinh tiểu học đang cuốn họ vào.

“John, em biết là anh sẽ gặp những người ở Sloan-Kettering, nhưng em sẽ không bao giờ hiểu được rằng họ lại dụ dỗ anh vào một vị trí trong năm tới. Em sẽ lên tiếng nếu em biết về chuyện này.”

“Anh đã nói em nghe vì sao anh đến đó rồi.”

“Được rồi. Họ có thể để anh đi nghiên cứu một năm rồi bắt đầu vào tháng Chín sau đó một năm không?”

“Không, họ cần ai đó ngay bây giờ. Khó mà thương lượng với họ quá đáng vậy được, anh còn cần thời gian để hoàn tất vài thứ ở phòng nghiên cứu ở đây nữa.”

“Họ có thể thuê ai tạm thời, để anh đi nghiên cứu một năm với em, rồi anh về đảm nhiệm công việc sau không?”

“Không.”

“Anh từng yêu cầu họ thử chưa?”

“Nghe này, cạnh tranh trong lĩnh vực này hiện tại rất căng, mọi thứ phát triển rất nhanh. Bọn anh đang ở ngưỡng cửa của những phát kiến vĩ đại. Ý anh là bọn anh đang gõ cửa đi vào phương pháp chữa trị ung thư đấy. Các công ty dược rất có hứng thú. Và tất cả những lớp học và những thứ quan liêu vớ vẩn ở Harvard chỉ làm anh chậm lại thôi. Nếu anh không nắm lấy cơ hội này, anh có thể sẽ làm hỏng tác phẩm duy nhất của anh trong việc tìm ra thứ gì thật sự có ý nghĩa.”

“Đây không phải là tác phẩm duy nhất của anh. Anh xuất sắc, anh không mắc bệnh Alzheimer. Anh sẽ còn nghiên cứu ra vô

vàn thứ.”

Anh nhìn cô mà không nói gì.

“Năm tới đây mới là năm duy nhất còn lại của em, John, không phải của anh. Năm tới đây sẽ là cơ hội cuối cùng để em sống cuộc đời mình và biết được rằng nó có ý nghĩa với em. Em không nghĩ em sẽ còn nhiều thời gian được làm chính mình, và em muốn dành thời gian đó với anh, và em không tin được anh không muốn dành ra khoảng thời gian đó bên nhau.”

“Anh sẽ dành ra mà. Chúng ta sẽ ở bên nhau.”

“Vớ vẩn, anh biết rõ mà. Cuộc sống của chúng ta ở đây. Tom và Anna và hai đứa bé, rồi còn Mary, Cathy và Dan, và có thể cả Lydia nữa. Nếu anh nhận công việc, anh sẽ làm việc suốt, anh cũng biết trước rồi, và em sẽ phải cô đơn. Anh quyết định như vậy đâu có cần nhắc gì việc ở bên em, và mọi thứ còn lại của em sẽ mất hết thôi. Em không theo đâu.”

“Anh không làm việc suốt đâu, anh hứa đấy. Và nếu Lydia sống ở New York thì sao? Nếu em đến ở với Anna và Charlie một tuần mỗi tháng thì sao? Luôn có cách giải quyết để em không cô đơn.”

“Còn nếu Lydia không ở New York thì sao? Nếu con bé ở Brandeis?”

“Đó là lý do tại sao anh muốn em đợi sau này rồi quyết định, khi nào chúng ta có thêm thông tin ấy.”

“Em muốn anh chọn một năm nghiên cứu.”

“Alice à, quyết định dành cho anh không phải là ‘nhận vị trí ở Sloan’ hay ‘chọn một năm nghiên cứu mà là nhận vị trí ở Sloan’ hay ‘tiếp tục ở lại Harvard.’ Năm tới anh không nghĩ được.”

Hình ảnh anh mờ đi vì cơ thể cô rung lên và nước mắt tràn ra trong cơn giận.

“Không không chịu được nữa đâu! Làm ơn đi! Em không thể tiếp tục mà không có anh! Anh có thể nghỉ một năm. Nếu anh muốn, anh có thể. Em muốn anh nghỉ.”

“Nếu như anh từ chối, anh nghỉ một năm, và em thậm chí chẳng còn biết anh là ai nữa thì sao?”

“Nêu em biết thì sao, nhưng năm sau đó em không còn biết nữa? Sao anh có thể nghĩ đến cả việc dành ra thời gian còn lại của chúng ta cho cái phòng nghiên cứu vớ vẩn của anh? Em sẽ không bao giờ làm vậy với anh.”

“Anh sẽ không bao giờ yêu cầu em làm vậy.”

“Anh không cần phải yêu cầu.”

“Anh không nghĩ anh có thể làm được, Alice. Anh xin lỗi, anh chỉ không nghĩ là anh có thể chọn việc ở nhà cả năm, chỉ ngồi nhìn căn bệnh cướp em đi. Anh không thể chọn việc nhìn em xoay sở không biết mặc quần áo thế nào, không biết sử dụng tivi thế nào nữa. Nếu anh ở phòng nghiên cứu, anh không phải nhìn em dán giấy ghi chú khắp các tủ và cửa. Anh không thể ở nhà và nhìn em trầm trọng hơn được. Anh chết mất.”

“Không, John, anh không chết, mà là em. Em đang trầm trọng hơn, cho dù anh ở nhà nhìn em, hay trốn ở phòng thí nghiệm. Anh cũng dần mất em. Em cũng đang đánh mất chính mình. Nhưng nếu anh không dành ra năm tới ở bên em, sau đó, chúng ta sẽ mất anh trước. Em mắc Alzheimer. Anh còn muốn biện hộ cái quái gì nữa?”

CÔ LÔI HẾT LON, HỘP VÀ chai, ly, đĩa và chén, chậu và chảo. Cô dọn tất cả mọi thứ lên bàn bếp, và khi đã hết chỗ, cô tận dụng cả sàn nhà.

Cô lấy từng chiếc áo khoác ra khỏi tủ hành lang, kéo khóa và lột túi áo ra ngoài. Cô tìm được tiền, cuống vé, khăn giấy và chẳng có gì khác. Sau cuộc lục soát triệt để, cô thả chiếc áo khoác vô tội xuống sàn nhà.

Cô lật mấy chiếc gối xuống khỏi ghế sofa và ghế bành. Cô dọn hết bàn làm việc, ngăn kéo và tủ. Cô dốc ra hết mọi thứ trong giỏ đi làm, giỏ đựng máy tính xách tay và cả cái giỏ nhỏ của cô. Cô lùa những ngón tay qua đồng hồ đặc, chạm vào từng món bằng các ngón tay của cô để nhẩm lại tên của từng vật trong đầu. Chẳng có gì cả.

Cuộc tìm kiếm của cô không buộc cô phải nhớ những nơi cô đã xem qua. Cả một đồng những thứ được lôi ra như dấu vết cho những khu vực được cô khai quật. Sau cuộc tìm kiếm, các đồ vật bao phủ hoàn toàn sàn tầng một. Cô đắm mồ hôi, phấn khích. Cô chưa bỏ cuộc. Cô lao lên lầu.

Cô lục lọi giỏ đồ giặt, bàn đầu giường, ngăn tủ quần áo, tủ trong phòng ngủ, hộp trang sức của cô, tủ vải, tủ thuốc. Phòng tắm dưới lầu. Cô lại chạy xuống tầng dưới, đắm mồ hôi, phấn khích.

John đứng trên hành lang, quần áo ngập đến mắt cá chân anh. “Cái quái gì đang xảy ra đây?” – Anh hỏi.

“Em đang kiếm một thứ.”

“Gì cơ?”

Cô không gọi tên nó được, nhưng cô tin rằng đâu đó trong đầu cô, cô nhớ và biết nó.

“Em sẽ biết khi mà em tìm ra nó.”

“Ở đây thảm họa hoàn toàn rồi. Trông như nhà chúng ta vừa bị trộm.”

Cô chưa nghĩ về việc ấy. Có thể đó là lý do cô không thể tìm ra.

“Ôi Chúa ơi. Có khi ai đó lấy cắp nó mất rồi.”

“Chúng ta chưa bị trộm, mà em vừa phá tan hoang căn nhà đây.”

Cô chỉ vào cái rổ tạp chí bên cạnh ghế sofa trong phòng khách. Cô để mặc John cùng với lý thuyết về kẻ trộm ở lại hành lang, cô nhắc cái rổ nặng lên, dốc hết tạp chí ra sàn nhà, lật qua hết chúng và rồi lại bước đi. John bước theo cô.

“Dừng lại Alice, em còn không biết em tìm cái gì.”

“Có, em biết.”

“Thế thì em tìm gì?”

“Em không nói được.”

“Nó trông thế nào, dùng vào việc gì?”

“Em không biết, em nói anh rồi. Em sẽ biết khi mà em tìm ra nó. Em phải tìm, không thì em chết mất.”

Cô nghĩ về điều cô vừa nói.

“Thuốc của em đâu?”

Họ bước vào nhà bếp, luồn chân vào đồng hộp ngũ cốc, lon súp và cá hồi. John tìm ra rất nhiều lọ thuốc và vitamin của cô trên sàn và hộp chia thuốc đặt trong một cái chén trên bàn bếp.

“Chúng đây rồi” – anh nói.

Sự khẩn cấp giống như cầu sống còn vẫn không tan đi.

“Không, không phải đâu.”

“Điên thật. Em phải dừng lại. Nhà mình ngập rác rồi.”

Rác.

Cô mở máy hút bụi, lôi túi nilon ra và đặt nó xuống.

“Alice!”

Cô luồn các ngón tay của cô qua đồng vỏ bơ, mỡ gà nhầy nhựa, khăn giấy và giấy vệ sinh đã vò cục, các hộp giấy rỗng và giấy gói, và những thứ rác rưởi gì đó khác. Cô nhìn thấy đĩa DVD Alice Howland. Cô cầm cái vỏ đĩa ướm nhớp nháp trên tay, nghiền ngẫm. Mình không định vứt nó đi.

“Đây rồi, chắc chắn phải là nó” – John nói. – “Anh mừng vì em tìm được nó.”

“Không, không phải luôn.”

“Được rồi, làm ơn đi, rác đầy trên sàn rồi. Dừng lại đi, hãy ngồi xuống, thư giãn. Em đang phát điên. Có lẽ nếu em dừng lại và thư giãn, nó sẽ tự động hiện ra thôi.”

“Được rồi.”

Có lẽ, nếu cô ngồi yên, cô sẽ nhớ ra nó là cái gì và cô để nó ở đâu. Hoặc có lẽ, cô thậm chí sẽ quên luôn cô đang tìm thứ gì đó.

NHỮNG BÔNG TUYẾT ĐÃ RƠI TỪ HÔM QUA VÀ ngập lên chừng nửa mét bao phủ gần hết New England cũng đã ngừng rơi. Cô có lẽ không chú ý gì khác ngoài tiếng rít của thanh gạt

nước mưa gạt qua lại trên ô kính trước vừa mới khô. John tắt gạt nước. Đường đã được dọn, nhưng xe của họ là chiếc duy nhất trên đường. Alice luôn thích sự yên bình trong tuyết và vẻ tĩnh mịch sau một cơn bão tuyết dữ dội, nhưng hôm nay, quang cảnh ấy đang làm cô bồn chồn.

John lái xe vào khu nghĩa trang Mount Auburn. Không gian khiêm tốn để đậu xe đã được dọn bớt tuyết, nhưng khu nghĩa trang, đường đi vào và bia mộ vẫn còn ngập trong tuyết.

“Anh đã lo rằng mọi thứ vẫn như thế này. Phải để lúc khác quay lại thôi” – anh nói.

“Không, khoan đã. Để em xem một phút thôi.”

Cây cổ thụ đen ngòm vươn ra những cành khúc khuỷu dài ngoằn phủ đầy băng tuyết trắng tinh ngự trị vùng đất mùa đông kỳ diệu này. Cô có thể nhìn thấy một vài thứ có vẻ như là đỉnh của những tấm bia cao, cầu kỳ của những người lúc còn sống rất giàu có và uy quyền ngoi lên mặt tuyết, nhưng thực tế đúng là vậy. Mọi thứ khác đều bị chôn vùi. Những thân thể mục rữa được vùi trong những cỗ quan tài, những cỗ quan tài được chôn dưới đất đá, đất đá được phủ lên bởi tuyết. Mọi thứ chỉ có trắng và đen, đóng băng và chết.

“John?”

“Sao?”

Cô gọi tên anh thật lớn, đột nhiên phá tan sự tĩnh lặng khiến anh giật mình.

“Không có gì. Chúng ta đi được rồi. Em không muốn ở đây.”

“CHÚNG TA CÓ THỂ QUAY LẠI ĐÂY trong tuần nếu em muốn”
– John nói.

“Quay lại đâu?” – Alice hỏi anh.

“Nghĩa trang.”

“Ồ.”

Cô ngồi vào bàn bếp. John rót rượu vang đổ vào hai chiếc ly thủy tinh rồi đưa cô một ly. Cô lắc nhẹ ly rượu theo thói quen. Cô vẫn thường xuyên quên tên con gái cô, đưa con gái làm diễn viên của cô, nhưng cô lại có thể nhớ cách lắc ly rượu vang và nhớ được là cô thích làm vậy. Căn bệnh điên khùng. Cô thích chuyển động xoáy tròn của rượu trong ly, màu đỏ máu của rượu, hương vị đậm đà của nho, gỗ sồi và đất, và cảm giác âm âm khi rượu chảy xuống bụng cô.

John đứng trước tủ lạnh đang mở và lấy ra một khối pho mát, một quả chanh, một thứ dung dịch đậm gia vị và một vài thứ rau củ màu đỏ.

“Món gà sốt enchilada thì sao?” – Anh hỏi cô.

“Được đấy.”

Anh mở ngăn đá và lục tìm bên trong.

“Chúng ta còn miếng thịt gà nào không nhỉ?” – Anh hỏi.

Cô không trả lời gì.

“Ôi không, Alice.”

Anh quay sang để cho cô xem một thứ gì đó trong tay anh. Đó không phải gà.

“Đó là chiếc BlackBerry của em, nó ở trong ngăn đá.” – Anh nhấn các nút, lắc nó và lau chùi nó.

“Có vẻ như bị vào nước rồi, chúng ta có thể kiểm tra sau khi nó rã đông, nhưng anh nghĩ nó tiêu rồi” – anh nói.

Trên mắt cô tuôn ra dòng nước mắt đau khổ đến tận tim gan.

“Ổn rồi mà. Nếu nó hỏng, chúng ta sẽ mua cho em một cái mới.”

Nực cười làm sao, làm sao mình có thể buồn vì một thiết bị sắp xếp công việc bị hỏng? Có lẽ cô thật sự khóc vì mẹ cô, chị cô và bố cô đã qua đời. Có lẽ cô cảm thấy được cảm xúc đã dâng lên trong cô lúc ở nghĩa trang nhưng cô không bộc lộ rõ được. Như vậy nghe có lý hơn. Nhưng chuyện không phải vậy. Có lẽ chiếc máy hỏng tượng trưng cho công việc của cô ở Harvard kết thúc, và cô đang tưởng niệm sự kết thúc cho sự nghiệp của mình. Vậy nghe

cũng có lý. Nhưng cái mà cô cảm thấy là một nỗi đau không thể
ngươi ngoai vì đơn thuần là chiếc BlackBerry đã hỏng.

THÁNG HAI, NĂM 2005

Cô ngồi phịch xuống ghế bành cạnh John, đối diện bác sĩ Davis, cảm giác cô ngán ngẩm và đầu óc cô mệt đừ rồi. Cô đã thực hiện hàng loạt các bài kiểm tra tâm lý thần kinh trong căn phòng nhỏ bé với người phụ nữ ấy, người vẫn thường ở trong căn phòng tí hon đảm nhiệm các bài kiểm tra tâm lý học thần kinh dài đến đau khổ. Những từ ngữ, thông tin, ý nghĩa của những câu mà người phụ nữ kia hỏi và câu trả lời của Alice giống như bong bóng xà phòng, loại bọt trẻ vẫn hay thổi bằng những que thổi bằng nhựa trong một ngày nhiều gió. Chúng trôi xa khỏi cô nhanh chóng và theo những hướng loạn xạ, phải căng mắt tập trung mới dõi theo được. Và dù cho cô có cố gắng để thực sự giữ được một số trong tầm mắt, chúng cũng nhanh chóng vỡ tan! Chúng tan đi, biến mất chẳng có nguyên nhân rõ ràng nào, như thể chúng chưa bao giờ tồn tại. Và giờ đến lượt bác sĩ Davis cầm que thổi.

“Được rồi, Alice, cô có thể đánh vần ngược từ water không?”
– Anh hỏi cô.

Sáu tháng trước, cô thường cảm thấy câu hỏi này tầm thường và thậm chí xúc phạm, nhưng hôm nay, nó trở thành một câu hỏi nghiêm túc và cô phải gắng sức đương đầu với nó. Cô chỉ cảm thấy hơi ngại và xấu hổ với nó, không như sáu tháng trước, cô cảm thấy lo lắng và nhục nhã vì câu hỏi. Dần dần, cô cảm nhận khoảng cách giữa cô và ý thức về bản thân của cô ngày càng xa. Cảm giác của cô về Alice, về những gì cô biết và cô hiểu, những gì cô thích và ghét, những gì cô biết và những gì cô tin cũng như bong bóng xà phòng vậy. Chúng cứ thế bay cao hơn

lên trời và khó xác định hơn, chẳng có gì ngoài lớp màng không thể mỏng hơn bảo vệ chúng khỏi vỡ tan trong không khí.

Alice nhắm đánh vắn xuôi từ nước trước, cô xòe bốn ngón tay trái ra, gán vào mỗi ngón tay một chữ cái, bắt đầu bằng chữ “R”. Cô gập ngón tay lại. Cô đánh vắn xuôi lại một lần, dừng lại ở ngón đeo nhẫn, rồi cũng gập ngón tay ấy xuống.

“E.” – Cô làm lại y hệt.

“T.” – Cô chìa ngón cái và ngón trỏ lên như giả làm súng. Cô đọc thầm – “A.”

“W”

Cô cười, tay trái cô nắm lại, giờ nắm tay ra như biểu tượng chiến thắng, cô nhìn sang John. Anh xoay xoay chiếc nhẫn cười và gượng cười.

“Tốt lắm” – bác sĩ Davis nói. Anh cười rất tươi và tỏ ra ấn tượng. Alice thích như vậy.

“Giờ, tôi muốn cô hãy chỉ vào cửa sổ sau khi cô chạm tay trái vào má phải.”

Cô nâng tay trái lên mặt. Bóp!

“Tôi xin lỗi, anh có thể nói lại hướng dẫn cho tôi không?” – Alice hỏi, tay trái cô vẫn trong tư thế sẵn sàng trước mặt.

“Dĩ nhiên” – bác sĩ Davis khéo léo tỏ ra thân thiện, giống như một bậc phụ huynh tha cho con mình việc lén nhìn con chủ bài trong một ván bài hay nhích lên vạch xuất phát một chút trước khi hô ‘bắt đầu’.

“Chạm tay trái vào má phải rồi chỉ vào cửa sổ.”

Tay trái cô chạm vào má phải trước khi anh nói xong, cô vung thẳng tay phải về phía cửa sổ nhanh nhất có thể và thở ra thật mạnh.

“Tốt lắm, Alice” – bác sĩ Davis cười và nói.

John không tán dương, không tỏ ra chút bằng lòng hay tự hào. “Được rồi, giờ tôi muốn cô nhắc lại tên và địa chỉ tôi đã yêu cầu cô nhớ trước đó.”

Tên và địa chỉ. Cô chỉ còn chút cảm giác mơ hồ về nó, giống như cảm giác thức dậy sau một giấc ngủ dài cả đêm và biết rằng cô chỉ mơ thôi, thậm chí có lẽ cô biết là giấc mơ về một chuyện cụ thể, nhưng dù cô có ráng nhớ lại cỡ nào, những chi tiết về giấc mơ cũng tan biến. Biến mất mãi mãi.

“Là John gì đó. Lần nào anh cũng hỏi tôi, và tôi chẳng bao giờ nhớ được anh chàng này sống ở đâu.”

“Được rồi, hãy đoán nào. Là John Black, John White, John Jones, hay John Smith?”

Cô hoàn toàn không có chút khái niệm gì nhưng cô không hứng thú chơi tiếp.

“Smith.”

“Anh ta sống ở đường East, đường West, đường South, hay đường North?”

“Đường South.”

“Là thị trấn Arlington, Cambridge, Brighton, hay Brookline?”

“Brookline.”

“Được rồi, Alice, câu hỏi cuối cùng, tờ hai mươi đô của tôi ở đâu?”

“Trong ví của anh?”

“Không, trước đó, tôi có giấu một tờ hai mươi đô trong căn phòng, cô có nhớ tôi để nó ở đâu không?”

“Anh giấu nó lúc tôi ở trong phòng hả?”

“Phải. Cô có nghĩ ra chút gì không? Cô sẽ được giữ tờ tiền nếu cô tìm ra.”

“Chà, nếu biết, tôi hẳn đã nghĩ cách để ghi nhớ nó.”

“Tôi chắc là cô có biết. Cô nhớ được chút gì không?”

Cô nhìn thấy sự tập trung ánh mắt của anh hướng về bên phải của cô, chỉ lệch lên trên vai cô một chút trong chốc lát rồi quay lại tập trung vào cô. Cô xoay người lại. Đằng sau cô là một tấm bảng trắng treo trên tường có ba từ được viết bằng bút dạ đỏ: *Glutamate. LTP. Chết rụng tế bào.* Bút dạ đỏ đặt trên khay ở

cuôi bảng, ngay bên cạnh là tờ bạc hai mươi đô gấp lại. Cô phân khởi bước đến chỗ tấm bảng và giành lấy giải thưởng của mình.

Bác sĩ Davis cười. “Nếu bệnh nhân nào của tôi cũng thông minh như cô thì tôi sạt nghiệp mất.”

“Alice, em không lấy tờ tiền đó được, em thấy anh ấy nhìn nó rồi” – John nói với cô.

“Em thắng được mà” – Alice nói.

“Không sao đâu, cô ấy tìm được nó” – bác sĩ Davis nói.

“Sau một năm có dùng thuốc mà cô ấy vẫn ra như vậy sao?” – John hỏi.

“Có lẽ có một vài vấn đề đang diễn ra. Có thể cô ấy đã phát bệnh từ lâu trước khi được chẩn đoán hồi tháng Một năm trước. Bản thân cô ấy, cả anh, gia đình anh và đồng nghiệp của cô ấy có thể không chú ý đến các triệu chứng xảy ra ngẫu nhiên, mà chỉ xem các triệu chứng này là bình thường hoặc cho rằng do cô ấy căng thẳng mà ngủ không đủ giấc, rồi lại cứ chìm trong căng thẳng và cứ thế mãi. Việc này có thể đã diễn ra dễ dàng trong một hai năm hay lâu hơn nữa.

Và cô ấy thông minh hơn người. Nói đơn giản là, nếu một người bình thường có mười khớp thần kinh dẫn đến một mẫu thông tin, Alice dễ phải có đến năm mươi. Khi một người bình thường mất đi mười khớp thần kinh đó, người đó sẽ không thể truy cập vào mẫu thông tin nữa, và họ sẽ quên. Nhưng Alice có thể mất mười khớp đó và vẫn còn bốn mươi khớp khác để nhớ được. Vậy nên ban đầu những suy giảm bên trong không được phát hiện một cách thấu đáo và cụ thể.”

“Nhưng giờ thì cô ấy mất nhiều hơn mười rồi” – John nói.

“Phải, tôi e là vậy. Trí nhớ ngắn hạn của cô ấy giờ đã thấp hơn ba phần trăm so với ngưỡng của những người có thể hoàn thành các bài kiểm tra, khả năng ngôn ngữ của cô ấy đã giảm đáng ngại và cô ấy đang mất dần ý thức bản thân, đúng với tất cả những gì chúng ta không may buộc phải chứng kiến.

“Nhưng cô ấy vẫn linh hoạt đến không ngờ đấy. Cô ấy dùng nhiều phương pháp rất sáng tạo để trả lời các câu hỏi một cách

chính xác mà thực tế cô ấy chẳng nhớ được.”

“Nhưng chưa kể nhiều câu hỏi cô ấy không trả lời được” – John nói.

“Phải, thực tế là vậy.”

“Căn bệnh trở nên trầm trọng nhanh quá. Chúng ta có thể tăng liều lượng một trong hai loại thuốc Aricept hay Namenda không?” – John hỏi.

“Không, cả hai loại cô ấy đều dùng liều tối đa rồi. Không may, đây là căn bệnh luôn tiến triển trầm trọng thêm mà không chữa được. Căn bệnh sẽ tệ hơn cho dù chúng ta dùng thuốc gì đi nữa.”

“Và rõ ràng rằng dù cô ấy dùng giả dược hay Amylix cũng không có tác dụng” – John nói.

Bác sĩ Davis im lặng như thể không biết phải phản đối hay tán thành ý kiến của John.

“Tôi biết là anh thấy nản. Nhưng tôi thường thấy nhiều giai đoạn bình ổn không ngờ, lúc đó căn bệnh sẽ được kìm lại và duy trì một thời gian.”

Alice nhắm mắt, hình dung ra bản thân cô đang đứng vững chãi trên một bình nguyên. Một đỉnh núi bằng phẳng. Cô có thể thấy được bình nguyên ấy, thật đáng kỳ vọng. John có thể thấy được nó không? Liệu anh có thể giữ hi vọng nơi cô, hay anh đã từ bỏ rồi? Hay tệ hơn nữa, anh đang hi vọng cô suy sụp hơn nữa, không còn nhớ được gì nữa và nghe lời anh, để anh có thể đưa cô đến New York vào mùa thu? Anh sẽ chọn cùng cô đứng trên bình nguyên, hay đẩy cô xuống dốc?

Cô khoanh tay, buông đôi chân đang vắt chéo, đặt cả hai bàn chân xuống sàn.

“Alice, cô còn chạy bộ không?” – Bác sĩ Davis hỏi cô.

“Không, tôi ngưng một thời gian rồi. Vừa vì lịch làm việc của John, vừa vì cơ thể tôi hoạt động không thống nhất mấy. Tôi dường như không thể thấy được lề đường hay những gờ trên đường, và tôi không ước lượng được khoảng cách. Tôi ngã khá nặng vài lần. Ngay cả khi ở nhà, tôi vẫn quên về thứ gì đó được

nâng lên ở các cửa ra vào, và vào phòng nào tôi cũng vấp. Tôi có cả đồng vết bầm.”

“Được rồi, John, nếu là tôi thì tôi sẽ gỡ hết mấy cái gì đó ở cửa ra vào hoặc sơn màu nổi lên, màu gì đó thật sáng, hoặc dán bằng keo màu sáng, như vậy Alice sẽ chú ý đến. Còn không thì phải sửa cho bằng với sàn nhà.”

“Được.”

“Alice, hãy kể tôi nghe về nhóm hỗ trợ của cô” – bác sĩ Davis nói.

“Chúng tôi có bốn người. Chúng tôi gặp nhau hàng tuần trong vài giờ ở nhà của một trong bốn người, và chúng tôi gửi thư điện tử cho nhau mỗi ngày. Tuyệt lắm, chúng tôi kể về mọi thứ.”

Hôm nay, bác sĩ Davis và người phụ nữ ở trong căn phòng tí hon hỏi cô rất nhiều câu hỏi thăm dò để đo chính xác mức độ suy thoái trong đầu cô. Nhưng không ai hiểu được những gì vẫn tồn tại trong đầu cô rõ bằng Mary, Cathy và Dan.

“Tôi muốn cảm ơn cô đã làm người khởi xướng và sửa chữa lỗ hổng lớn trong hệ thống hỗ trợ ở đây. Nếu tôi gặp những bệnh nhân ở giai đoạn đầu hoặc khởi phát sớm, tôi có thể hướng dẫn họ liên lạc với cô không?”

“Vâng, anh hãy làm vậy. Anh cũng nên nói với họ về DASNI, Mạng lưới Hỗ trợ và Tư vấn bệnh mất trí sớm Quốc tế. Đó là diễn đàn trực tuyến dành cho những người mắc các bệnh mất trí. Tôi đã gặp hơn chục người trong đó từ khắp đất nước và cả Canada, Anh và Úc. Tôi chưa thực sự gặp họ, chỉ là trên mạng thôi, nhưng tôi cảm thấy tôi quen biết họ và họ quen tôi còn thân thiết hơn nhiều người tôi đã quen biết cả đời. Chúng tôi không lãng phí thời gian, vì chúng tôi cũng chẳng có đủ thời gian. Chúng tôi thường nói về những việc quan trọng.”

John đổi chỗ và ngồi rung đùi.

“Cảm ơn Alice, tôi sẽ thêm trang đó vào tập thông tin tiêu chuẩn của chúng tôi. Còn anh thì sao, John? Anh có nói chuyện

với nhân viên xã hội ở đây hay đến các buổi gặp mặt của nhóm hỗ trợ những người chăm sóc bệnh nhân chưa?”

“Chưa, tôi chưa. Tôi có uống café với vợ chồng những người trong nhóm hỗ trợ của cô ấy vài lần, còn lại thì chưa.”

“Anh cần phải cân nhắc việc tìm kiếm sự hỗ trợ cho mình. Anh không mắc bệnh, nhưng anh sống với Alice thì cũng như đang sống với căn bệnh vậy. Và cuộc sống thì khó khăn cho những người chăm sóc bệnh nhân. Tôi biết được tổn thất của người nhà bệnh nhân khi phải đến đây. Ở đây có Denise Daddario, cô ấy là nhân viên xã hội ở đây, và có nhóm hỗ trợ người chăm sóc bệnh nhân của Bệnh viện Đa khoa Massachusetts, tôi cũng biết Hiệp hội Alzheimer Massachusetts có nhiều nhóm hỗ trợ cho người chăm sóc. Tài liệu dành cho anh có sẵn ở đây, nếu cần thì đừng ngại nhé.”

“Được rồi.”

“Nhắc đến Hiệp hội Alzheimer, Alice, tôi vừa nhận được chương trình Hội thảo Chăm sóc bệnh nhân mất trí thường niên của họ, và tôi thấy cô chuẩn bị phát biểu toàn văn khai mạc” – bác sĩ Davis nói.

Hội thảo Chăm sóc người bệnh mất trí là một cuộc họp quốc tế dành cho những chuyên gia trong lĩnh vực chăm sóc người bệnh mất trí và gia đình của họ. Các nhà thần kinh học, bác sĩ đa khoa, lão khoa, các nhà tâm lý học thần kinh, y tá và các nhân viên công tác xã hội đều tụ họp để trao đổi thông tin về các phương pháp chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân. Cuộc hội thảo nghe cũng tương tự như nhóm hỗ trợ của Alice và DASNI, nhưng nó lớn hơn và dành cho những người không mắc bệnh mất trí. Cuộc họp năm nay được lên lịch sẽ diễn ra vào tháng tới ở Boston.

“Phải” – Alice nói. – “Tôi định hỏi, anh có đến không?”

“Có, tôi chắc chắn sẽ ngồi hàng ghế đầu. Cô biết đấy, tôi chưa bao giờ được mời thuyết trình hết một bài cả” – bác sĩ Davis nói. – “Cô thật sự là một người phụ nữ dũng cảm không ngờ đấy.”

Lời khen của anh, vẻ chân thật và không hề ra vẻ đã tăng thêm sự tự tin cần có cho cô sau khi cô bị vùi dập tã tời bởi hàng loạt bài kiểm tra. John xoay chiếc nhẫn. Anh nhìn cô, nước mắt đọng trên mắt anh, anh gượng cười làm cô cảm thấy khó hiểu.

THÁNG BA, NĂM 2005

Alice đứng trên bục, tay cầm bài phát biểu được đánh máy và nhìn xuống mọi người đều đã yên vị trong hội trường lớn của khách sạn. Trước đây, cô có thể quan sát khán giả ngồi bên dưới mà đoán ra số người tham dự bằng óc phán đoán gần như luôn chính xác của cô. Giờ thì cô không còn kỹ năng ấy nữa. Trong phòng có rất nhiều người, người tổ chức, không biết tên là gì, đã bảo với cô rằng, có đến bảy trăm người đã đăng kí vào cuộc hội thảo này. Alice từng nhiều lần thuyết trình trước lượng khán giả chừng đó hoặc nhiều hơn nữa. Khán giả của cô ngày đó là các giảng viên xuất chúng từ trường Ivy League, những người giành giải Nobel, và những chuyên gia hàng đầu thế giới trong ngành Tâm lý học và Ngôn ngữ.

Hôm nay, John ngồi ở hàng ghế đầu. Anh cuộn tờ giới thiệu chương trình thành một cái ống, ngoái đầu nhìn ra phía sau. Đến giờ cô mới để ý anh mặc chiếc áo xám may mắn của anh. Anh thường để dành nó chỉ cho những ngày công bố kết quả nghiên cứu trọng đại. Cô cười vì trò mê tín của anh.

Anna, Charlie và Tom ngồi cạnh anh, họ nói chuyện với nhau. Mary, Cathy và Dan đi cùng vợ và chồng của họ ngồi ở một vài ghế hàng sau. Bác sĩ Davis ngồi sẵn sàng ngay chính giữa hàng ghế đầu. Phía sau bọn họ còn cả một biển những chuyên gia y tế cống hiến cho sự nghiệp chăm sóc bệnh nhân mất trí. Đây có lẽ không phải những khán giả làm cô thấy hãnh diện nhất, nhưng trong tất cả những lần cô phát biểu, cô hi vọng lần này sẽ tạo ra được ảnh hưởng mạnh mẽ nhất.

Cô đưa ngón tay miết nhẹ đôi cánh lông mịn dính đá quý của mặt dây chuyền bướm bướm trên cổ mình. Sợi dây chuyền cô

đeo như ngự trên đỉnh xương ức của cô. Cô hắng giọng, nhấp một ngụm nước. Cô chạm vào cánh bướm một lần nữa để lấy may. Ngày hôm nay là một dịp đặc biệt, mẹ à.

“Chào buổi sáng. Tôi là Tiến sĩ Alice Howland. Tuy nhiên, tôi không phải là một nhà Thần kinh học hay một bác sĩ đa khoa. Bằng tiến sĩ của tôi chuyên về Tâm lý học. Tôi từng là giáo sư tại đại học Harvard trong hai mươi lăm năm. Tôi đã giảng dạy các khóa học Tâm lý học nhận thức, tôi đã nghiên cứu về các mảng Ngôn ngữ học và tôi đã đi giảng ở khắp nơi trên thế giới.

Tuy vậy, tôi không đến đây để phát biểu với cương vị một chuyên gia Tâm lý học hay Ngôn ngữ. Tôi đến đây để phát biểu với vai trò một chuyên gia về bệnh Alzheimer. Tôi không chăm sóc bệnh nhân, không thực hiện các thử nghiệm lâm sàng, nghiên cứu các đột biến ADN hay cho lời khuyên các bệnh nhân và gia đình họ. Tôi là một chuyên gia trong lĩnh vực này là vì một năm trước, tôi được chẩn đoán mắc phải Alzheimer khởi phát sớm.

Hôm nay, tôi vinh dự có được cơ hội đứng đây với hy vọng chia sẻ những hiểu biết về việc sống với bệnh mất trí. Mặc dù tôi biết được cuộc sống đó như thế nào, nhưng sớm thôi, tôi sẽ không còn khả năng diễn đạt cho các bạn nữa. Và thậm chí rất nhanh sau đó, tôi sẽ không còn biết rằng tôi mất trí. Vậy nên những gì tôi phải nói hôm nay rất đúng lúc.

“Ở giai đoạn đầu của bệnh Alzheimer, chúng tôi chưa hoàn toàn mất hết năng lực. Chúng tôi vẫn có khả năng ngôn ngữ và những suy nghĩ có ý nghĩa và những khoảng thời gian minh mẫn dài hơn mọi người tưởng. Tuy vậy, năng lực của chúng tôi không đủ vững vàng để được tin tưởng, để đáp ứng những yêu cầu, trách nhiệm của cuộc sống trước đây. Chúng tôi cảm thấy chúng tôi không thuộc về thế giới nào cả, như một nhân vật điên khùng nào đó của Tiến sĩ Seuss ở vùng đất kỳ lạ. Thật sự đó là một nơi rất buồn và cô đơn.

Tôi không còn làm việc ở Harvard nữa. Tôi không còn đọc và viết các bài nghiên cứu hay viết sách nữa. Tình trạng của tôi hoàn toàn khác và rất bất thường so với tình trạng cách đây

không lâu. Những sợi dây thần kinh tôi dùng để hiểu được những gì các bạn nói, những gì tôi nghĩ và những gì đang xảy ra quanh tôi đã bị amyloid xâm chiếm. Tôi phải cố gắng lắm mới tìm ra được những từ ngữ tôi muốn nói và tôi thường nghe chính mình nói nhảm từ. Tôi không còn tự tin đánh giá được khoảng cách không gian nữa. Cụ thể là tôi đánh rơi các vật dụng và ngã rất nhiều lần, và tôi còn đi lạc khi mới từ nhà đi qua khỏi hai dãy nhà. Trí nhớ ngắn hạn của tôi lúc này giống như chỉ mảnh treo chuông vậy.

Tôi đang dần quên hết những ngày hôm qua của tôi. Nếu ai đó hỏi tôi hôm qua tôi làm gì, chuyện gì đã xảy ra, tôi đã thấy gì, cảm thấy gì, nghe thấy gì, tôi khó mà trả lời cụ thể được. Tôi có thể phán đoán chính xác trong một vài việc. Tôi rất giỏi đoán. Nhưng thật sự thì tôi không biết. Tôi không nhớ được ngày hôm qua hay ngày kia nữa.

Và tôi không thể kiểm soát được ngày hôm qua nào tôi sẽ giữ được và ngày nào tôi sẽ xóa đi. Căn bệnh này không mặc cả được. Tôi không đổi tên các vị Tổng thống Mỹ lấy tên các con tôi được. Tôi cũng không thể đổi lấy tên các bang để giữ lại ký ức về chồng tôi.

Tôi thường sợ ngày mai. Lỡ như tôi thức dậy và không còn biết chồng tôi là ai? Lỡ như tôi không còn biết tôi ở đâu hay không nhận ra được chính mình trong gương? Đến khi nào thì tôi không còn là chính mình nữa? Liệu phần não bộ chịu trách nhiệm cho con người tôi có quá mong manh trước căn bệnh này? Hay nhân cách gì đó của tôi sẽ sống sót mặc cho những tế bào thần kinh, protein và những phân tử trong ADN bị nhiễm bệnh? Liệu tâm hồn và tinh thần của tôi có miễn nhiễm trước cuộc càn quét của Alzheimer? Tôi tin là có.

Được chẩn đoán mắc phải Alzheimer giống như bị đóng lên mình chữ A màu đỏ đầy tội lỗi. Và giờ tôi đã trở nên như thế, tôi là một kẻ mất trí nào đó. Đã một thời gian, đó là cách tôi định nghĩa chính mình, và cũng sẽ là cách những người khác định nghĩa tôi sau này. Nhưng tôi không phải là những gì tôi nói ra,

những gì tôi làm hay những gì tôi nhớ. Tôi căn bản vẫn còn nhiều hơn thế.

Tôi là một người vợ, một người mẹ, người bạn và sắp trở thành bà ngoại. Tôi vẫn cảm nhận được, hiểu được và xứng đáng có được tình yêu và niềm hạnh phúc trong những mối quan hệ đó. Tôi vẫn là một thành viên tích cực trong xã hội. Nào tôi không còn làm việc hoàn hảo nữa, nhưng tôi dùng tai của mình để lắng nghe vô điều kiện, dành ra đôi vai tôi để nâng đỡ kẻ đang khóc, và vòng tay tôi để ôm lấy những ai đang mắc các bệnh mất trí. Thông qua hoạt động một nhóm hỗ trợ ở giai đoạn đầu, thông qua Mạng lưới Hỗ trợ và Tư vấn bệnh mất trí Quốc tế, và thông qua việc phát biểu ngày hôm nay, tôi đang giúp đỡ những bệnh nhân khác sống tốt hơn dù họ mắc bệnh. Tôi không phải một người đang chết mòn. Tôi đang sống với căn bệnh Alzheimer. Tôi muốn sống tốt hết mức có thể.

Tôi muốn khuyến khích việc chẩn đoán sớm, để các bác sĩ không cho rằng những người ở tuổi bốn mươi, năm mươi gặp các vấn đề về trí nhớ và nhận thức là do trầm cảm, căng thẳng hay mãn kinh. Chúng ta càng sớm phát hiện ra căn bệnh, chúng ta càng tiếp cận với việc điều trị sớm hơn, với hi vọng đẩy lùi lại tiến trình và duy trì tình trạng bình ổn đủ lâu để sớm tận dụng được thành quả của những phương pháp, loại thuốc điều trị tốt hơn. Tôi vẫn hi vọng một liều thuốc cho bản thân mình, cho những người bạn mắc các bệnh mất trí của tôi, bởi con gái tôi cũng mang gien đột biến. Tôi có lẽ sẽ không bao giờ có thể lấy lại những gì tôi đã mất, nhưng tôi có thể giữ được những gì tôi có. Và tôi vẫn còn rất nhiều thứ.

Xin đừng gán vào chúng tôi “chữ A màu đỏ” và gạt bỏ chúng tôi. Hãy nhìn thẳng vào chúng tôi, nói chuyện trực tiếp với chúng tôi. Đừng hoảng loạn hay lừa chúng tôi đi nếu chúng tôi phạm sai lầm, bởi chúng tôi chắc chắn sẽ phạm sai lầm. Chúng tôi thường tự nhắc đi nhắc lại, đặt các vật dụng nhầm chỗ và thường đi lạc. Chúng tôi thường quên tên các bạn và quên mất những gì bạn vừa nói mới hai phút trước. Chúng tôi thường cố

gắng hết sức để bù đắp những thiệt hại do tổn thương nhận thức của mình và vượt qua những tổn thương ấy.

Tôi động viên các bạn ủng hộ chúng tôi chứ không kìm hãm chúng tôi. Nếu ai đó chấn thương cột sống, mất tay chân hay khiếm khuyết sau khi bị đột quỵ, gia đình và các chuyên gia đều ra sức để người đó hòa nhập, tìm ra cách để đương đầu, xoay sở vượt qua những tổn thất. Hãy hành động cùng chúng tôi. Giúp chúng tôi phát triển những công cụ hỗ trợ chức năng cho những mất mát trong trí nhớ, ngôn ngữ và khả năng nhận thức. Hãy khuyến khích sự tham gia vào các nhóm hỗ trợ. Chúng ta có thể giúp nhau, cả bệnh nhân lẫn người chăm sóc bệnh nhân, tìm đường đi trong vùng đất của Tiến sĩ Seuss vốn không thuộc về bất kỳ thế giới nào.

Những ngày hôm qua của tôi đang biến mất dần đi, và những ngày mai, tôi cũng không chắc được, vậy tôi còn sống để làm gì? Tôi sống từng ngày. Tôi sống trong từng khoảnh khắc. Một ngày mai nào đó không xa, tôi sẽ quên rằng tôi đã đứng đây, phát biểu trước mọi người. Nhưng việc tôi sẽ quên một ngày mai nào đó không có nghĩa rằng tôi không sống trong từng giây phút của ngày hôm nay. Tôi sẽ quên hôm nay, nhưng không có nghĩa rằng hôm nay không có ý nghĩa gì.

Tôi không còn được mời giảng về Ngôn ngữ học ở các trường đại học hay hội thảo Tâm lý học trên khắp thế giới nữa. Nhưng tôi ở đây hôm nay, phát biểu những lời tôi hi vọng là những lời phát biểu có sức ảnh hưởng nhất đời mình. Và tôi đang mắc bệnh Alzheimer.

Xin cảm ơn.”

Từ lúc bắt đầu nói đến giờ cô mới ngược lên khỏi bài phát biểu. Cô không dám rời mắt khỏi những dòng chữ trên trang giấy cho tới khi cô nói xong vì cô sợ sẽ lạc mất. Không thể bắt ngờ hơn với cô, cả hội trường đứng lên vỗ tay rào rào. Thật sự vượt quá những gì cô hi vọng. Cô đã chỉ hi vọng hai điều đơn giản là không mất khả năng đọc trong khi phát biểu và hoàn thành bài phát biểu mà không làm điều gì ngớ ngẩn.

Cô nhìn những gương mặt quen thuộc ở hàng ghế đầu và biết chắc rằng cô đã vượt xa những kỳ vọng khiêm tốn kia. Cathy, Dan và bác sĩ Davis cười rạng rỡ. Mary đang dụi mắt bằng cả nắm khăn giấy. Anna vỗ tay và cười, không ngừng lại để lau dòng nước mắt đang tuôn xuống trên mặt cô. Tom vỗ tay hoan hô và trông anh dường như khó có thể kiềm lại việc chạy lên ôm lấy cô và chúc mừng. Cô cũng muốn ôm anh hết mức.

John đứng cao lên không hề nao núng, anh mặc chiếc áo xám may mắn của anh. Ánh mắt anh tràn ngập tình cảm và niềm hạnh phúc trong lúc anh vỗ tay cho cô.

THÁNG TƯ, NĂM 2005

Nguồn năng lượng cô cần để viết ra bài phát biểu, để đọc nó trôi chảy, và để bắt tay, đối thoại rành mạch với hàng trăm người nhiệt tình đến dự Hội thảo Chăm sóc bệnh nhân mất trí cũng là quá lớn đối với cả những người không mắc bệnh Alzheimer. Đối với những người mắc Alzheimer, nó còn khổng lồ hơn nữa. Một thời gian sau đó, cô cố gắng tận hưởng niềm phấn khích do adrenalin dâng lên, tận hưởng ký ức về tràng pháo tay tán dương, và sự tự tin về vị thế tinh thần mới được hồi sinh. Cô là Alice Howland, nữ anh hùng dũng cảm phi thường.

Nhưng niềm phấn khích không kéo dài lâu, ký ức rồi cũng phai đi. Khi cô đánh răng bằng kem dưỡng ẩm, cô mất đi một chút tự tin và vị thế của mình. Cô mất thêm một chút khi mỗi sáng cô gọi cho John bằng điều khiển tivi. Cô mất luôn phần cuối cùng khi mùi cơ thể không mấy dễ chịu của cô thông báo cho cô biết đã nhiều ngày rồi cô chưa tắm, cô không tìm đâu ra đủ dũng cảm và kiến thức cô cần để bước vào bồn tắm. Cô là Alice Howland, một bệnh nhân Alzheimer.

Năng lượng của cô cạn đến mức không còn một chút nào để cô trút ra, sự hưng phấn của cô tan đi, ký ức về chiến thắng và sự tự tin bị lấy mất, cô phải chịu đựng một cảm giác nặng nề lẫn át cô đến kiệt quệ. Cô dậy trễ và nằm lại trên giường vài giờ. Cô ngồi trên ghế sofa, khóc mà không vì nguyên nhân gì. Không có giấc ngủ hay nước mắt nào làm cô thoải mái trở lại được.

John đánh thức cô sau một giấc ngủ say như chết và thay đồ giúp cô. Cô để anh làm giúp cô. Anh không bảo cô chải đầu hay đánh răng. Cô cũng không quan tâm. Anh giục cô lên xe thật nhanh. Cô tì trán lên ô kính lạnh tanh. Quang cảnh bên ngoài

phủ lên một màu xanh xám. Cô không biết họ đang đi đâu. Cô chẳng cảm thấy muốn hỏi gì.

John tấp vào một nhà để xe. Họ xuống xe và vào trong tòa nhà qua một cánh cửa bên trong nhà để xe. Ánh đèn huỳnh quang trắng xóa làm cô đau mắt. Những hành lang rộng, thang máy, các biển trên tường: phòng chụp X quang, phòng phẫu thuật, sản khoa, khoa thần kinh. Khoa thần kinh.

Họ bước vào một căn phòng. Thay vì phòng chờ như cô tưởng, cô thấy một phụ nữ ngủ trên giường. Mắt cô ấy sưng lên, nhắm nghiền, ống truyền nước cắm vào tay cô.

“Con bé bị làm sao vậy?” – Alice thì thầm.

“Không sao cả, nó chỉ mệt thôi” – John trả lời cô.

“Con bé trông thảm quá.”

“Suyt, con bé nghe thấy đấy.”

Căn phòng trông không như một phòng bệnh. Bên cạnh chiếc giường người phụ nữ đang ngủ còn một chiếc giường nhỏ hơn chưa được trải ga, một chiếc tivi lớn ở góc phòng, một lọ cắm những bông hoa vàng và hồng đáng yêu đặt trên bàn, và sàn gỗ cứng. Có lẽ đây không phải bệnh viện. Có thể là một khách sạn. Nhưng rồi, sao người phụ nữ ấy lại cắm ống vào tay?

Một anh chàng đẹp trai mang một khay café đến. Có thể là bác sĩ của cô ấy. Anh đội nón của đội Red Sox, mặc quần jean và áo thun đội Yale. Có lẽ là phục vụ phòng.

“Chúc mừng con” – John thì thầm.

“Cảm ơn bố. Tom vừa đi khỏi. Lát trưa cậu ấy sẽ quay lại. Con mang café cho mọi người và trà cho mẹ Alice. Con sẽ qua bằng hai đứa nhỏ.”

Chàng trai ấy biết tên cô.

Chàng trai trở lại, đẩy chiếc xe mang hai lồng nhựa trong hình hộp chữ nhật. Trong mỗi lồng là một đứa bé tí hon, thân thể chúng được bọc hoàn toàn trong khăn trắng và đỉnh đầu chúng cũng đội nón trắng, chỉ có thể thấy được mặt chúng thôi.

“Để con gọi cô ấy dậy. Cô ấy không muồn ngủ lúc mẹ gặp hai đứa nhỏ đâu” – chàng trai nói. – “Cưng à, dậy đi, chúng ta có khách nè.”

Người phụ nữ gắng gượng thức dậy, nhưng khi cô ấy thấy Alice và John, niềm phấn khởi như bay vào đôi mắt mỗi một của cô và làm cô tỉnh hẳn. Cô mỉm cười, gương mặt dường như nhả nhúm lại. Ôi trời ơi, là Anna!

“Chúc mừng con, con yêu” – John nói. – “Hai đứa nhỏ xinh xắn quá” – anh khom người xuống hôn lên trán cô.

“Cảm ơn bố.”

“Con trông khá rồi đây. Con đang cảm thấy thế nào, ổn không?” – John hỏi Anna.

“Cảm ơn bố, con ổn, chỉ kiệt sức thôi. Chuẩn bị chưa nào, hai đứa bé đây rồi. Đây là Allison Anne, và cậu nhóc này là Charles Thomas.”

Chàng trai đưa một đứa bé cho John. Anh bế đứa còn lại đang đội nón có thắt ruy-băng hồng, anh đưa đến Alice.

“Mẹ muốn bồng bé không?” – Chàng trai hỏi cô.

Alice gật đầu.

Cô bồng đứa bé tí hon đang ngủ say, đầu nó dựa vào khuỷu tay đang gấp lại của cô, mông nó trên bàn tay cô, cơ thể nó dựa vào ngực cô, tai nó áp vào tim cô. Đứa bé tí hon đang say ngủ thở thật khẽ qua lỗ mũi tí hon của nó. Theo bản năng, Alice hôn vào đôi má ửng hồng tròn trĩnh của đứa bé.

“Anna, con có con rồi này” – Alice nói.

“Phải rồi mẹ, mẹ đang bế cháu gái đấy, là Allison Anne” – Anna nói.

“Con bé thật tuyệt. Mẹ yêu nó quá.”

Cháu gái của mình. Cô nhìn đứa bé có ruy-băng xanh trên tay John. Cháu trai của mình.

“Và chúng sẽ không bị Alzheimer như mẹ phải không?” – Alice hỏi.

“Không đâu mẹ.”

Alice hít thật sâu, hít vào mùi hương đáng yêu của những đứa cháu của cô, cảm giác thoải mái bình yên mà đã lâu cô không biết tới về lại, tràn đầy trong cô.

“MẸ ƠI, CON ĐƯỢC NHẬN VÀO ĐẠI HỌC NEW YORK và cả Brandeis.”

“Ôi, hay quá. Mẹ nhớ cảnh được nhận vào trường học ghê. Con học ngành gì đây?” – Alice hỏi.

“Sân khấu mẹ ạ.”

“Quá tuyệt. Hồi trước thì mẹ học Harvard. Mẹ cũng thích ở đó. Mà con nói con vào được trường nào?”

“Con chưa biết nữa. Con được nhận ở Đại học New York và Brandeis.”

“Vậy con chọn trường nào?”

“Con không chắc. Con đã nói với bố, và bố muốn con học ở Đại học New York.”

“Vậy con muốn học ở Đại học New York không?”

“Con không biết nữa. Trường đó có tiếng hơn, nhưng với con thì Brandeis tốt hơn. Con muốn ở gần Anna, Charlie và hai đứa nhỏ, ở gần Tom với bố mẹ nữa, nếu mà bố mẹ ở lại đây.”

“Nếu mẹ ở lại đâu?” – Alice hỏi cô.

“Ở đây, Cambridge.”

“Mẹ còn sẽ ở đâu nữa?”

“New York.”

“Mẹ không đến New York đâu.”

Họ ngồi cạnh nhau trên ghế sofa, gấp quần áo em bé, xếp riêng những bộ màu hồng và màu xanh. Tivi chiếu hình ảnh, nhưng không mở tiếng.

“Vấn đề là, nếu con vào Brandeis, rồi bố mẹ chuyển đến New York, con sẽ cảm thấy con vào nhầm chỗ, giống như quyết định sai lầm vậy.”

Alice ngừng gấp đồ, nhìn vào cô gái ấy. Cô trẻ, gầy và xinh xắn. Cô cũng mệt mỏi và đầy mâu thuẫn.

“Con bao nhiêu tuổi?” – Alice hỏi.

“Hai mươi bốn.”

“Hai mươi bốn. Mẹ thích tuổi hai mươi bốn. Con còn cả cuộc đời phía trước. Mọi chuyện đều có thể xảy ra. Con lập gia đình chưa?”

Cô gái xinh xắn đầy mâu thuẫn ngừng gấp quần áo, nhìn thẳng vào Alice. Cô đang nhìn vào mắt Alice. Cô gái xinh xắn đầy mâu thuẫn có một đôi mắt thăm thẳm chân thật màu nâu bơ đậu phộng.

“Chưa, con chưa lập gia đình.”

“Con cái.”

“Chưa luôn.”

“Vậy thì con phải làm đúng những gì con muốn.”

“Nhưng nếu bố quyết định nhận công việc ở New York?”

“Con không thể quyết định những việc như vậy phụ thuộc vào việc người khác làm. Đây là quyết định của chính con, chuyện học của con. Con đã là người lớn, con không cần phải làm theo ý bố nữa. Hãy quyết định theo những gì tốt cho cuộc đời con.”

“Được rồi, con sẽ làm vậy, cảm ơn mẹ.”

Cô gái xinh xắn với đôi mắt đáng yêu màu nâu bơ đậu phộng nở một nụ cười thích thú, trút ra một tiếng thở và quay lại gấp quần áo.

“Chúng ta đã làm cùng nhau rất nhiều việc rồi mẹ nhỉ.”

Alice không hiểu cô nói gì.

“Con biết không” – Alice nói với cô – “con nhắc mẹ nhớ đến đám sinh viên của mẹ. Mẹ từng làm công tác sinh viên đấy. Mẹ khá giỏi việc đó.”

“Đúng rồi. Mẹ vẫn đang làm đó chứ.”

“Trường con muốn vào tên gì vậy?”

“Brandeis.”

“Ở đâu vậy?”

“Ở Waltham, chỉ cách đây vài phút thôi.”

“Và con tính học gì?”

“Diễn xuất mẹ à.”

“Quá tuyệt. Con sẽ diễn trong các vở kịch phải không?”

“Đúng rồi mẹ.”

“Shakespeare?”

“Dạ phải.”

“Mẹ thích Shakespeare, đặc biệt là các bi kịch.”

“Con cũng vậy.”

Cô gái xinh xắn nhích tới và ôm lấy Alice. Cô có một mùi hương sạch sẽ và tươi mới, giống như xà phòng vậy. Cái ôm của cô ngấm sâu vào Alice cũng như ánh mắt màu nâu bơ đậu phộng vậy. Alice cảm thấy hạnh phúc và gần gũi với cô.

“Mẹ, mẹ đừng đến New York.”

“New York? Đừng ngớ ngẩn vậy. Mẹ sống ở đây. Sao mẹ lại đi New York được.”

“EM KHÔNG BIẾT CHỊ LÀM THẾ NÀO” – nữ diễn viên nói. –
“Em đã thức bên mẹ hầu hết các buổi tối, và em cảm thấy muốn phát điên. Em làm trứng bác, nướng bánh mì và pha trà lúc ba giờ sáng.”

“Chị cũng từng thức vậy. Giá như em có sữa nhĩ, em sẽ giúp chị cho một đứa bé” – mẹ của hai đứa bé nói.

Người mẹ ngồi trên ghế sofa bên cạnh nữ diễn viên, cho đứa bé mặc quần áo màu xanh bú. Alice bế đứa mặc màu hồng. John bước vào, anh vừa tắm rửa và thay quần áo, một tay anh cầm một cốc café và tay kia cầm tờ báo. Những người phụ nữ đều mặc pyjama.

“Lyd, cảm ơn con đã thức tối qua. Bố thật sự cần phải ngủ đây” – John nói.

“Bô, sao bô có thể tới New York, rồi vượt qua chướng này việc mà không có tụi con giúp?” – Người mẹ hỏi.

“Bô sẽ thuê một hộ lý tại gia. Bô đang kiếm ai có thể bắt đầu công việc ngay bây giờ luôn này.”

“Con không muốn người lạ chăm sóc mẹ. Họ sẽ không ôm ấp mẹ hay thương mẹ như tụi con” – nữ diễn viên nói.

“Và người lạ sẽ không biết về quá khứ và những ký ức của mẹ như tụi con. Tụi con đôi khi có thể lấp đầy những lỗ hổng trong ký ức của mẹ và đoán được ngôn ngữ cơ thể của mẹ, vì tụi con biết rõ mẹ mà” – mẹ của hai đứa bé nói.

“Bô không nói là các con sẽ không chăm sóc mẹ nữa, bô chỉ đang suy nghĩ thực tế thôi. Chúng ta không phải tự mình gánh hết. Con thì sẽ quay lại làm trong một vài tháng nữa và chỉ có thể trở về nhà mỗi tối với hai đứa nhỏ, con sẽ không ở bên cạnh tụi nó cả ngày.

“Còn con sắp vào học rồi. Con cứ nói về chương trình học căng thẳng. Tom thì đang phẫu thuật, chúng ta đã bàn rồi. Sắp tới các con sẽ bận rộn hơn bao giờ hết, mà mẹ sẽ chẳng bao giờ muốn các con từ bỏ những thứ tốt đẹp trong cuộc sống của các con vì bà ấy. Bà ấy chẳng bao giờ muốn làm gánh nặng cho các con.”

“Mẹ không phải là gánh nặng, mẹ là mẹ của tụi con” – mẹ của hai đứa bé nói. Họ đang nói quá nhanh, và dùng quá nhiều đại từ. Đứa bé mặc quần áo hồng bắt đầu quấy khóc, càng làm cô mất tập trung. Alice không thể xác định được họ đang nói về ai hay cái gì cả. Nhưng qua biểu cảm trên mặt họ và điệu bộ giọng nói, cô có thể nhận xét rằng, đây là một cuộc tranh luận nghiêm trọng. Và những người phụ nữ mặc pyjama đang cùng phe với nhau.

“Có lẽ con nghỉ thai sản lâu hơn thì sẽ tốt cho con. Con cảm thấy hơi gấp rút và Charlie cũng đồng ý với việc con nghỉ nhiều hơn, và con ở bên mẹ thì tốt hơn.”

“Bô à, đây là cơ hội duy nhất cho chúng ta ở cùng mẹ. Bô không thể đi New York được, bô không thể lấy đi khoảng thời

gian này được.”

“Nghe này, con có thể vào Đại học New York thay vì Brandeis, con có thể dành tất cả thời gian con muốn ở bên cạnh mẹ. Con có lựa chọn của con, bố cũng có lựa chọn của bố.”

“Sao mẹ không được có chút tiếng nói nào trong lựa chọn này vậy?” – Mẹ của hai đứa bé nói.

“Mẹ không muốn đến New York” – nữ diễn viên nói.

“Con không biết mẹ con muốn gì đâu” – John nói.

“Mẹ nói là mẹ không muốn đi. Bố cứ hỏi mẹ đi. Đâu phải mẹ mắc Alzheimer là mẹ không biết mẹ muốn gì hay không muốn gì. Vào ba giờ sáng, mẹ muốn trứng bác và bánh mì nướng, và mẹ không muốn bột ngũ cốc hay thịt muối. Và mẹ hoàn toàn không muốn quay lại giường. Bố làm ngơ những gì mẹ muốn chỉ vì mẹ bị Alzheimer” – nữ diễn viên nói.

Ồ, họ đang nói về mình.

“Bố không làm ngơ những gì mẹ muốn. Bố đang làm tất cả những gì có ích cho cả bố và mẹ. Nếu bà ấy có thể có tất cả những gì bà ấy đơn phương muốn có, chúng ta thậm chí còn không có được cuộc nói chuyện này.”

“Vậy là sao?” – Người mẹ nói.

“Chẳng sao cả.”

“Cứ như bố không hiểu là mẹ vẫn chưa quên hết tất cả, như là bố đang nghĩ thời gian còn lại của mẹ chẳng có ý nghĩa gì nữa. Bố đang hành động như một đứa trẻ ích kỉ vậy” – người mẹ nói.

Người mẹ khóc, nhưng cô ấy trông tức giận nhiều hơn. Cô trông giống chị Anne của Alice, và giọng cô cũng giống. Nhưng cô không thể là Anne được. Hoàn toàn không thể. Anne không có con.

“Làm sao con biết bà ấy nghĩ là thời gian này có ý nghĩa? Xem này, đâu phải vì chỉ mình bố. Alice trước đây, trước khi mắc bệnh, cũng sẽ không muốn bố từ bỏ đâu. Bà ấy không muốn ở lại đây như vậy” – John nói.

“Vậy nghĩa là sao?” – Người phụ nữ có ngoại hình và giọng nói giống Anne vừa khóc, vừa hỏi.

“Chẳng gì cả. Nghe này, bố hiểu và trân trọng mọi thứ các con nói. Nhưng bố đang cố đưa ra một quyết định bằng lý trí chứ không phải cảm tính.”

“Tại sao? Cảm tính thì có gì sai trong chuyện này? Tại sao lại không tốt? Tại sao quyết định cảm tính lại không đúng?” – Người phụ nữ đang khóc hỏi John.

“Bố vẫn chưa quyết định hẳn, và hai con đang cố ép bố phải quyết định. Các con không biết gì cả.”

“Vậy nói tụi con nghe đi bố, nói tụi con nghe những gì tụi con chưa biết” – người phụ nữ đang khóc nói, giọng cô run run và đành lại.

Lời cô khiến anh im lặng giây lát.

“Giờ bố không có thời gian, bố phải đi họp.”

Anh đứng lên và bỏ lại cuộc tranh luận, bỏ mặc những người phụ nữ và hai đứa bé. Anh bước ra, đóng sầm cửa lại khiến đứa bé mặc bộ đồ xanh vừa mới ngủ trên tay mẹ nó giật mình. Nó khóc rức rức. Như thể bị lây, cô gái ngồi cạnh đó cũng bắt đầu khóc. Có thể cô cảm thấy mình bị gạt ra. Giờ thì mọi người đều khóc. Đứa bé mặc áo màu hồng, đứa bé mặc áo màu xanh, người mẹ, và cả cô gái ngồi cạnh người mẹ. Tất cả, trừ Alice. Cô không buồn, không giận dữ, không cảm thấy thất bại hay sợ hãi. Cô chỉ đói bụng.

“Tối nay chúng ta ăn gì vậy?”

THÁNG NĂM, NĂM 2005

Họ đến quầy sau khi xếp hàng chờ rất lâu.

“Được rồi, Alice, em muốn dùng gì?” – John hỏi.

“Em sẽ ăn giống anh.”

“Anh ăn vị vanilla.”

“Được thôi, anh sẽ gọi.”

“Em không muốn vanilla, em muốn chocolate có thêm gì đó.”

“Rồi, vậy anh sẽ gọi chocolate.”

Chuyện có vẻ đơn giản và không mấy to tát với cô, nhưng anh lại căng thẳng rõ rệt với sự thay đổi này.

“Tôi muốn kem ốc quế vị vanilla, và một kem chocolate có kẹo mềm bên trên cho cô ấy, cả hai đều loại lớn.”

Ra khỏi cửa hàng và hòa vào đám đông, họ ngồi xuống một băng ghế đầy những hình vẽ nguệch ngoạc bên bờ sông và ăn kem. Một vài con ngỗng đang gặm cỏ chỉ cách đó vài bước chân. Những con ngỗng đầu cúi xuống, rất chú tâm gặm cỏ, hoàn toàn không quan tâm đến sự hiện diện của Alice và John. Alice cười khúc khích, tự hỏi liệu lũ ngỗng có nghĩ như thế không.

“Alice, em biết giờ là tháng mấy không?”

Trời vừa mưa trước đó, nhưng bầu trời bây giờ rất trong xanh, nhiệt độ từ mặt trời và băng ghế khô ráo đều ấm tới tận xương cốt. Thật tuyệt với thời tiết ấm áp này. Rất nhiều chùm hoa sắc trắng và hồng từ cây hải đường bên cạnh họ nằm rải rác trên mặt đường như những chùm kim tuyến trong bữa tiệc.

“Là mùa xuân.”

“Là tháng nào của mùa xuân?”

Alice liếm cây kem chocolate và cẩn thận xem xét câu hỏi của anh. Cô không thể nhớ lần cuối mình coi lịch là khi nào. Có vẻ đã khá lâu kể từ khi cô cần phải chú ý đến địa điểm hoặc thời gian nhất định. Hoặc nếu cô cần đến đó, John sẽ giúp cô và đảm bảo rằng cô sẽ ở đó khi cô vừa nghĩ tới. Cô không dùng máy hẹn, và đã lâu rồi cô không mang đồng hồ đeo tay.

Ồ, xem nào. Những tháng trong năm.

“Em không biết, tháng mấy vậy?”

“Tháng Năm.”

“Ờ.”

“Em có nhớ sinh nhật của Anna không?”

“Vào tháng Năm à?”

“Không.”

“Ừm, em nghĩ sinh nhật Anne là vào mùa xuân.”

“Không, không phải Anne, là Anna.”

Một chiếc xe tải màu vàng chạy rầm rĩ ngang qua chiếc cầu gần đó khiến Alice giật mình. Một con trong bầy ngỗng liền dang rộng đôi cánh và kêu quang quác thách thức chiếc xe tải, giống như đang bảo vệ cả đàn. Alice tự hỏi là nó đang dũng cảm hay chỉ vì nóng nảy, muốn khiêu chiến. Cô cười khúc khích, suy nghĩ về con ngỗng đầy nhiệt huyết ấy.

Cô liếm cây kem chocolate và nghiên cứu kiến trúc của tòa nhà xây bằng gạch đỏ bên kia sông. Nó có rất nhiều cửa sổ và một chiếc đồng hồ với những con số kiểu cũ đặt trên mái vòm bằng vàng. Trông nó rất trang trọng và quen thuộc.

“Tòa nhà kia là gì vậy?” – Alice hỏi.

“Đó là khu kinh doanh. Một phần của Harvard.”

“Ồ. Em đã từng dạy trong đó à?”

“Không, em dạy ở một tòa nhà khác phía bên này sông.”

“Ờ.”

“Alice, văn phòng của em ở đâu?”

“Văn phòng của em? Ở Harvard.”

“Phải, nhưng Harvard ở đâu?”

“Ở một tòa nhà bên này sông.”

“Tòa nhà nào?”

“Đó là một hội trường, em nghĩ thế. Anh biết mà, em không còn đến đó.”

“Anh biết.”

“Chuyện nó ở đâu không là vấn đề mà, phải không? Tại sao chúng ta không tập trung vào những điều thật sự quan trọng?”

“Anh đang cố.”

Anh nắm tay cô. Tay anh ấm áp hơn. Tay cô cảm thấy dễ chịu bên trong tay anh. Hai con ngỗng trong số bảy lạch bạch nhảy xuống dòng nước. Không có ai bơi lội dưới sông. Thời tiết này quá lạnh đối với con người.

“Alice, em còn muốn ngồi đây không?”

Lông mày anh nhíu lại, nhìn thật nghiêm trọng, và những nếp hằn của đôi mắt sâu hơn. Hình như câu hỏi này rất quan trọng với anh. Cô mỉm cười, hài lòng với bản thân vì cuối cùng cũng có thể tự tin có câu trả lời cho anh.

“Còn. Em thích ngồi đây với anh. Và em cũng chưa ăn xong.”

Cô giơ cây kem chocolate lên cho anh xem. Kem đã bắt đầu tan ra và chảy sang hai bên cây ốc quế xuống tay cô.

“Sao thế, ta phải đi bây giờ à?” – Cô hỏi.

“Không. Em cứ tận hưởng đi.”

THÁNG SÁU, NĂM 2005

Alice ngồi trước máy vi tính, chờ đợi màn hình hiện lên. Cathy vừa gọi, kiểm tra và lo lắng. Cô nói rằng Alice đã không xem email trong một thời gian, cô đã không vào phòng chat về chứng mất trí mấy tuần qua và cô lại bỏ lỡ nhóm hỗ trợ vào hôm qua. Mãi đến khi Cathy nói về nhóm hỗ trợ thì Alice mới biết về người mà Cathy đề cập đến. Cathy nói rằng có hai người vừa tham gia nhóm hỗ trợ của họ, và đã được đề nghị tham dự Hội nghị Chăm sóc người mắc bệnh mất trí nhớ, đồng thời cũng có nghe qua bài phát biểu của Alice. Alice trả lời rằng đây là một tin tức tuyệt vời. Cô xin lỗi Cathy vì đã làm cô lo lắng và nhờ cô nhắn với mọi người rằng mình vẫn ổn.

Nhưng thật sự, cô không ổn chút nào. Cô vẫn có thể đọc và hiểu được một số từ ngữ, nhưng bàn phím máy vi tính đã trở thành một mớ bòng bong những ký tự. Thật sự, cô đã mất khả năng sáng tạo câu chữ từ những ký tự trên bàn phím. Khả năng sử dụng ngôn ngữ của cô – điều khác biệt lớn nhất giữa con người và loài vật, đã từ bỏ cô, và cô cứ cảm thấy càng lúc càng xa rời bản năng con người vì điều đó. Cô muốn nói một lời chia tay đầy nước mắt đến quãng thời gian ổn định trước kia.

Cô kiểm tra hộp thư điện tử. Bảy mươi ba thư mới. Quá choáng ngợp và bất lực, cô đóng ứng dụng mà không mở bất kỳ lá thư nào. Cô nhìn chằm chằm vào màn hình phía trước. Ba thư mục ở máy tính được xếp dọc xuống: “Ổ cứng,” “Alice,” “Bướm bướm”. Cô nhấp vào thư mục “Alice”.

Bên trong là rất nhiều mục con với các tiêu đề khác nhau: “Tóm tắt”, “Hành chính”, “Bài giảng”, “Hội nghị”, “Sơ đồ”, “Đề xuất trợ cấp”, “Nhà”, “John”, “Con cái”, “Chương trình Ăn và

Học”, “Từ Phân tử tới Tư duy”, “Giây tờ”, “Thuyết trình”, “Học sinh”. Cô không thể chịu được nếu nhìn vào trong, sợ rằng bản thân sẽ không thể nhớ hay hiểu chính cuộc sống của mình. Thay vào đó, cô nhập vào thư mục “Bướm bướm”.

Gửi Alice,

Cô đã viết lá thư này cho chính cô khi nào bộ còn nhận thức bình thường. Nếu cô đang đọc nó, và cô không thể trả lời một hoặc nhiều hơn những câu hỏi sau, nào cô đã không còn ổn nữa:

Tháng này là tháng mấy? Cô đang sống ở đâu? Văn phòng cô ở đâu?

Sinh nhật Anna là khi nào?

Cô có bao nhiêu đứa con?

Cô mắc chứng Alzheimer. Cô đã đánh mất bản thân, rất nhiều thứ cô yêu, và cô đang sống cuộc sống mình không hề muốn. Không có kết quả tốt đẹp nào cho căn bệnh này, nhưng cô phải chọn một kết quả xứng đáng nhất, công bằng và tôn trọng nhất cho bản thân và gia đình cô. Cô đã không còn tin tưởng phán đoán của chính mình, nhưng cô có thể tin tôi, là cô bình thường hơn, là cô trước khi chứng Alzheimer đã đưa cô đi quá xa.

Cô đã sống một cuộc đời phi thường và đáng giá. Cô và chồng cô, John, có ba đứa con khỏe mạnh và tuyệt vời, những người được yêu thương và thành công nhất thế giới, và cô có một sự nghiệp lừng lẫy ở Harvard với đầy thử thách, sự sáng tạo, niềm đam mê và thành tựu.

Phần cuối của cuộc đời cô, gắn với căn bệnh Alzheimer, và kết thúc mà cô đã cẩn thận lựa chọn, thật bi thảm, nhưng cô đã không sống một cuộc đời bi thảm. Tôi yêu cô, tôi tự hào về cô, về cách cô sống và những thứ cô đã hoàn thành trong khi còn có khả năng.

Bây giờ, hãy về phòng ngủ. Hãy tới cái bàn đen đặt cạnh giường, cái mà có cây đèn màu xanh ở trên ấy. Mở ngăn kéo ra. Ở trong ngăn kéo có một chai thuốc. Cái chai có nhãn trắng, ghi dòng chữ màu đen là “dành cho Alice”. Có rất nhiều viên thuốc trong chai. Hãy nuốt chửng toàn bộ chúng với một cốc nước lớn. Hãy nuốt toàn bộ

chúng. Sau đó, nằm lên giường và ngủ. Đi ngay, trước khi cô quên. Và đừng cho ai biết cô sắp sửa làm gì. Xin hãy tin tôi.

Yêu thương,

Alice Howland

Cô đọc nó lần nữa. Cô không nhớ mình đã viết chúng. Cô không biết câu trả lời nào cho những câu hỏi đã đưa ra ngoại trừ câu hỏi về số con cô đã có. Nhưng đó là nhờ cô được cung cấp bởi lá thư. Cô không chắc lắm về tên chúng. Anna và Charlie, có thể. Cô không thể nhớ thêm ai khác.

Cô lại đọc nó, chậm rãi hết sức có thể. Đọc nó trên màn hình vi tính thật khó khăn so với đọc trên giấy, nơi cô có thể dùng bút và đánh dấu. Và cô có thể đem giấy vào phòng ngủ rồi đọc nó. Cô muốn in chúng ra nhưng không tài nào tìm được cách. Cô ước sẽ trở lại con người cũ, là bản thân cô trước khi bệnh Alzheimer đã mang đi quá nhiều thứ, bao gồm cả những hướng dẫn để in một trang giấy.

Cô đọc thêm lần nữa. Nó thật hấp dẫn và siêu thực, cứ như đang đọc quyển nhật ký mà bản thân viết hồi còn trẻ, từ những từ ngữ thần bí và chân thành của một cô gái mà cô chỉ nhớ một cách mơ hồ. Cô ước mình đã viết nhiều hơn. Lời văn đã khiến cô buồn bã và tự hào, mạnh mẽ và nhẹ nhõm. Cô hít một hơi thật sâu, thở ra và đi lên lầu.

Cô lên tới đầu cầu thang và quên những gì mình định làm. Phải là chuyện gì đó quan trọng và cấp bách, nhưng cô không nhớ ra. Cô xuống dưới lầu và tìm kiếm những bằng chứng cho biết việc cô vừa làm. Cô thấy máy vi tính và một lá thư của chính mình ở trên màn hình. Cô đọc nó và đi lên lầu.

Cô mở ngăn kéo bàn cạnh giường. Cô lôi ra mấy gói khăn giấy, bút viết, một chồng giấy dính, một chai kem dưỡng da, một vài viên kẹo ho, tăm xỉa răng và vài đồng xu. Cô trải mọi thứ ra giường và chạm vào từng thứ, lần lượt. Khăn giấy, bút, bút, bút, giấy dính, đồng xu, kẹo, kẹo, tăm xỉa răng, kem dưỡng da.

“Alice?”

“Hả?”

Cô nhìn xung quanh. John đứng ở ngưỡng cửa. “Em đang làm gì thế?” – Anh hỏi.

Cô nhìn những món đồ trên giường. “Em đang tìm vài thứ.”

“Anh phải chạy về văn phòng để lấy tài liệu anh để quên. Anh sắp sửa đi, vậy nên anh sẽ không ở đây trong vài phút.”

“Được thôi.”

“Đây, tới giờ rồi, uống chúng đi trước khi em quên.”

Anh đưa cho cô một ly nước và một nắm thuốc. Cô nuốt ực từng viên.

“Cảm ơn” – cô nói.

“Không có gì. Anh sẽ trở lại ngay.”

Anh cầm cái ly rỗng của cô và rời phòng. Cô nằm xuống giường, bên cạnh những vật dụng trong ngăn kéo, mắt nhắm lại, cảm giác buồn bã xen lẫn tự hào, mạnh mẽ và nhẹ nhõm như mong đợi.

“ALICE, NÀO EM, MẶC ÁO KHOÁC và đội mũ vào đi, ta phải đi bây giờ.”

“Chúng ta sắp đi đâu?” – Alice hỏi.

“Lễ phát bằng ở Đại học Harvard.”

Cô chỉnh trang trang phục lần nữa. Cô vẫn không hiểu lắm.

“Lễ phát bằng là sao?”

“Đó là ngày tốt nghiệp ở Harvard. Phát bằng là một sự khởi đầu mới.”

Lễ phát bằng. Tốt nghiệp Harvard. Một sự khởi đầu. Những từ ngữ quay cuồng trong tâm trí cô. Tốt nghiệp Harvard là đánh dấu một sự khởi đầu, sự khởi đầu của tuổi trưởng thành, bắt đầu một cuộc sống chuyên nghiệp, một cuộc sống sau Harvard. Lễ phát bằng. Cô thích từ này và muốn ghi nhớ nó.

Họ đi dọc vỉa hè đông đúc người mặc trang phục màu hồng đậm và đội mũ đen sang trọng. Cô cảm thấy rất vô lý và hoàn

toàn không tin tưởng vào quyết định chọn quân áo của John trong vài phút đầu tiên. Sau đó, bất thành linh, họ ở khắp nơi. Từng đoàn người trong phục trang và nón y hệt cô nhưng với một loạt màu sắc khác nhau đổ xô từ các hướng lên vỉa hè cùng họ, và cùng nhau đi bộ trong cuộc diễu hành trang phục cầu vồng.

Họ bước vào một sân cỏ, có bóng râm của những tán cổ thụ và bao quanh bởi các tòa nhà cổ to lớn và âm thanh nghi lễ chậm rãi của kèn túi. Alice rung mình xúc động. Cô đã trải qua chuyện này. Đám rước dẫn họ đến một hàng ghế và ngồi xuống.

“Đây là lễ tốt nghiệp Harvard” – Alice nói.

“Phải” – John đáp.

“Lễ phát bằng.”

“Phải.”

Sau một lúc, các diễn giả bắt đầu. Những bài tốt nghiệp Harvard luôn mang đặc trưng của những người nổi tiếng và có sức hút, nhất là các nhà lãnh đạo chính trị.

“Nhà vua Tây Ban Nha đã từng phát biểu cách đây một năm” – Alice nói.

“Phải” – John đáp. Anh khẽ cười thích thú.

“Anh ta là ai?” – Alice hỏi, đề cập đến người đàn ông trên bục giảng.

“Một diễn viên” – John đáp. Tới lượt Alice cười thích thú.

“Em đoán năm nay không ai trở thành vua” – Alice nói.

“Em biết mà, con gái em là một diễn viên. Con bé có thể ở trên ấy vào ngày nào đó” – John nói.

Cô lắng nghe chàng diễn viên. Anh ta là một diễn giả dễ tính và năng động. Anh đang nói về tiểu thuyết phiêu lưu.

“Đó là gì vậy?” – Alice hỏi.

“Đó là cuộc phiêu lưu dài để răn dạy ta những bài học anh hùng.”

Nam diễn viên nói về cuộc phiêu lưu đời mình. Anh nói rằng mình ở đây để truyền lại tất cả cho họ, những bài học tốt nghiệp,

những con người đã mở đầu cho cuộc phiêu lưu, những kinh nghiệm anh đã học được suốt hành trình. Anh đưa ra năm điều: sáng tạo, hữu ích, thiết thực, rộng lượng, và kết thúc lớn.

Mình có mọi điều, mình nghĩ vậy. Ngoại trừ, mình chưa có kết thúc lớn. Mình chưa kết thúc lớn.

“Quả là một lời khuyên hay.” – Alice nói.

“Phải, hay thật” – John đáp.

Họ ngồi nghe, vỗ tay, rồi lại nghe và vỗ tay dài hơn so với sự quan tâm của Alice. Sau đó, tất cả mọi người đứng lên và đi từ từ trong một cuộc diễu hành lộn xộn. Alice, John cùng một số người khác bước vào một tòa nhà gần đó. Lối vào lộng lẫy với trần gỗ sẫm màu, cao đáng kinh ngạc và tường gắn kính màu hứng ánh nắng mặt trời khiến Alice ngỡ ngàng. Khổng lồ, cổ kính, và những chùm đèn lớn lơ lửng hiện ra xung quanh.

“Đây là gì thế?” – Alice hỏi.

“Đây là tòa nhà Memorial, một phần của Đại học Harvard.”

Cô cảm thấy hơi thất vọng, họ đã không dành nhiều thời gian cho lối đi tuyệt đẹp này mà di chuyển ngay lập tức vào một khán phòng nhỏ hơn, không mấy ấn tượng rồi ngồi xuống.

“Chuyện gì đang diễn ra vậy?” – Alice hỏi.

“Những sinh viên sau đại học về Nghệ thuật và Khoa học đang nhận bằng tiến sĩ. Chúng ta tới đây để xem Dan tốt nghiệp. Cậu ấy là học trò của em.”

Cô nhìn quanh căn phòng đầy các gương mặt trong bộ trang phục màu hồng đậm. Cô không biết ai là Dan. Thực tế, cô không nhận ra những khuôn mặt, nhưng cô cảm nhận được cảm xúc và năng lượng trong phòng. Họ đều hạnh phúc và đầy tự hào. Họ đã sẵn sàng với những thách thức mới, để khám phá, sáng tạo, giảng dạy, để trở thành anh hùng trong hành trình của riêng mình.

Những điều cô nhìn thấy ở họ đã khiến cô nhận ra chính bản thân mình. Đây là điều gì đó cô từng biết, nơi này, sự phấn khích và sẵn sàng này, sự khởi đầu này. Đây cũng là khởi đầu cuộc

phiêu lưu của cô, mặc dù cô không thể nhớ hết mọi chi tiết, nhưng sâu trong lòng cô biết rằng nó rất phong phú và đáng giá.

“Cậu ấy đây, ở trên bục” – John nói.

“Ai?”

“Dan, học trò của em.”

“Người nào?”

“Tóc hoe.”

“Daniel Maloney” – ai đó thông báo.

Dan bước về phía trước và bắt tay người đàn ông trên sân khấu và nhận lấy một tấm bìa màu đỏ. Sau đó, Dan nâng tấm bìa đỏ cao hơn đầu và mỉm cười trong chiến thắng vẻ vang. Đối với niềm vui của cậu, với những gì cậu chắc chắn đạt được ở đây, với cuộc phiêu lưu cậu sắp sửa lao vào, Alice rất hoan nghênh cậu – người sinh viên mà cô không còn nhớ.

ALICE VÀ JOHN ĐỨNG BÊN NGOÀI, dưới một tấm bạt trắng lớn cùng với các sinh viên trong trang phục màu hồng đậm, trên mặt tràn ngập niềm hạnh phúc. Một người đàn ông trẻ, tóc hoe đến gần Alice, cười toe toét. Không chút do dự, cậu ôm và hôn lên má cô.

“Em là Dan Maloney, sinh viên của cô.”

“Chúc mừng em, Dan, cô rất mừng cho em” – Alice nói.

“Cảm ơn cô rất nhiều. Em rất mừng vì cô có thể đến lễ tốt nghiệp của em. Em thật may mắn vì là sinh viên của cô. Em muốn cô biết rằng, cô là lý do em chọn Ngôn ngữ học làm lĩnh vực nghiên cứu. Niềm đam mê tìm hiểu cách ngôn ngữ hoạt động, phương pháp tiếp cận nghiêm túc và phối hợp của cô để nghiên cứu, tình yêu với giảng dạy, cô đã truyền cảm hứng cho em rất nhiều. Cảm ơn cô vì đã hướng dẫn và dìu dắt em, giúp em phát triển nhiều hơn em nghĩ, và cô đã cho em rất nhiều không gian để thực hiện ý tưởng của mình. Cô là giáo viên tuyệt vời nhất mà em từng học. Nếu em có thể đạt được một phần nhỏ

những gì cô đã hoàn thành trong đời, thì đó thật sự là thành công đối với em.”

“Không có gì. Cảm ơn em vì đã nói vậy. Em biết mà, trí nhớ cô dạo gần đây không tốt lắm. Cô rất vui khi biết em còn nhớ những điều về cô.”

Cậu đưa cho cô một phong bì trắng.

“Đây, em đã viết cho cô, mọi điều em vừa nói, vì vậy cô có thể đọc nó bất cứ khi nào cô muốn và cô sẽ biết mình đã cho em những điều gì kể cả khi cô không thể nhớ.”

“Cảm ơn em.”

Họ giữ phong bì, của cô màu trắng và của anh màu đỏ, với lòng tự hào và tôn kính sâu sắc.

Một phiên bản già và mập hơn của Dan cùng hai người phụ nữ, trong đó có một người già hơn, tiến đến chỗ họ. Phiên bản già và mập hơn của Dan mang một khay với những chiếc ly cao chân đựng vang sủi tăm. Người phụ nữ trẻ đưa ly cho từng người.

“Vì Dan” – phiên bản già và mập hơn của Dan nói, giơ ly lên.

“Vì Dan” – mọi người đáp, chạm ly và uống từng ngụm.

“Vì những khởi đầu tốt lành” – Alice thêm vào – “và kết thúc lớn.”

HỌ BẮT ĐẦU RỜI KHỎI NHỮNG NGÔI LỀU, những tòa nhà gạch cũ và mọi người trong trang phục, nón mũ, đi đến nơi ít người và ít ồn ào hơn. Một người mặc trang phục đen hét lên và chạy đến bên John. John dừng lại, bỏ tay Alice ra để bắt tay người vừa mới hét lên. Bị cuốn theo đà, Alice tiếp tục bước đi.

Sau một giây định thần, Alice dừng lại và chạm phải ánh mắt của một phụ nữ. Cô chắc chắn mình không biết người phụ nữ này, nhưng cuộc giao tiếp này có một ý nghĩa nào đó. Người phụ nữ có mái tóc hoe, tai nghe điện thoại và đằng sau cặp kính là đôi mắt to màu xanh dương đang có vẻ bàng hoàng. Cô ta đang lái một chiếc ô tô.

Sau đó, chiếc mũ trùm đầu của Alice đột nhiên siết chặt quanh cổ cô, và cô giật lùi về sau. Cô ngã xuống đau điếng, cả lưng và đầu đều ngã ngửa ra đất. Trang phục và chiếc mũ sang trọng đã ít nhiều bảo vệ cô.

“Anh xin lỗi, Ali, em ổn chứ?” – Người đàn ông trong chiếc áo choàng màu hồng đậm cất tiếng hỏi, quỳ bên cạnh cô.

“Không” – cô đáp, ngồi dậy và đỡ tay sau đầu.

Cô nghĩ sẽ thấy máu trên đầu cô nhưng không có.

“Anh xin lỗi, em đi thẳng qua đường. Chiếc ô tô suýt chút nữa thì đâm trúng em.”

“Cô ấy ổn chứ?”

Đó là người phụ nữ trong ô tô, mắt cô vẫn mở lớn và kinh hoàng.

“Tôi nghĩ vậy” – người đàn ông đáp.

“Ôi trời ơi, tôi suýt giết cô ấy. Nếu anh không kéo cô ấy ra khỏi đường, tôi có thể đã giết cô ấy.”

“Ổn mà, cô không giết cô ấy, tôi nghĩ cô ấy sẽ ổn thôi.”

Người đàn ông đỡ Alice đứng lên. Anh nhìn xuống đầu cô.

“Anh nghĩ em ổn. Em có thể bị thương nhẹ. Em đi bộ được chứ?” – Anh hỏi.

“Được.”

“Tôi có thể cho hai người đi nhờ” – người phụ nữ đề nghị.

“Không, không, ổn cả mà, chúng tôi ổn” – người đàn ông đáp.

Anh choàng tay quanh eo Alice và chạm vào khuỷu tay cô, cuối cùng thì cô đi bộ về nhà cùng một người lạ tốt bụng đã cứu mạng mình.

MÙA HÈ NĂM 2005

Alice ngồi xuống chiếc ghế bành lớn màu trắng một cách thoải mái và cố lý giải chiếc đồng hồ trên tường. Đó là loại có kim chỉ giờ, khó đọc hơn với loại chỉ hiển thị số. Là năm giờ chẳng?

“Mấy giờ rồi?” – Cô hỏi người đàn ông ngồi ở một chiếc ghế bành khác, cũng to và có màu trắng.

Anh nhìn vào cổ tay mình. “Khoảng ba giờ rưỡi.”

“Tôi nghĩ đã đến lúc mình phải về.”

“Em đang ở nhà mà. Đây là nhà em ở Cape.”

Cô nhìn quanh phòng – đồ nội thất màu trắng, những bức tranh về ngọn hải đăng và bờ biển trên tường, những cửa sổ khổng lồ, những cành nhỏ khảnh khiu bên ngoài khung cửa.

“Không, đây không phải nhà của tôi. Tôi không sống ở đây. Tôi muốn về nhà bây giờ.”

“Chúng ta sẽ trở lại Cambridge trong vài tuần nữa. Chúng ta đang đi nghỉ. Em thích ở đây mà.”

Người đàn ông ngồi trên ghế tiếp tục đọc sách và uống đồ uống của mình. Quyển sách dày và đồ uống có màu nâu vàng nhạt với những viên đá bên trong, giống như màu mắt của cô. Anh thưởng thức và tận hưởng cả quyển sách lẫn thức uống.

Đồ nội thất màu trắng, những bức tranh về ngọn hải đăng và bờ biển trên tường, những cửa sổ khổng lồ, những cành nhỏ khảnh khiu bên ngoài khung cửa không tạo cho cô cảm giác quen thuộc. Những âm thanh này không hề thân quen. Cô đã nghe tiếng chim, những loại sống ở đại dương, tiếng đá xoáy và tiếng ly chạm leng keng khi người đàn ông ngồi trên ghế uống ly

nước, tiếng anh thở bằng mũi khi đọc sách, và tiếng tích tắc của đồng hồ.

“Tôi nghĩ tôi đã ở đây đủ lâu rồi. Tôi muốn về nhà bây giờ.”

“Em đang ở nhà. Đây là nhà em trong kỳ nghỉ. Đây là nơi ta đến để nghỉ ngơi và thư giãn.”

Nơi này không thấy hay nghe có vẻ giống nhà mình, và cô không hề thấy thư thái. Gã đàn ông đang đọc sách và uống trên chiếc ghế to màu trắng kia chắc hẳn không biết mình đã nói gì. Có lẽ anh ta quá chén.

Anh thở, đọc và uống, đồng hồ kêu tích tắc. Alice ngồi trên chiếc ghế to, màu trắng và nghe thời gian trôi qua, ao ước ai đó đưa mình về nhà.

CÔ NGỒI TRÊN MỘT TRONG NHỮNG chiếc ghế gỗ màu trắng, uống trà đá và lắng nghe tiếng ồm ộp chói tai của lũ ếch cùng tiếng côn trùng buổi hoàng hôn.

“Đây, Alice, anh đã tìm được chiếc vòng cổ bướm bướm của em” – người chủ ngôi nhà nói.

Anh đưa sợi dây chuyền bạc có treo lủng lẳng một con bướm trước mặt cô.

“Đây không phải dây chuyền của tôi, mà là của mẹ tôi. Và nó rất đặc biệt, anh hãy trả lại nó, chúng ta không thể đùa với thứ này được.”

“Anh đã nói với mẹ em, và bà bảo rằng em có thể giữ nó. Bà đã tặng nó cho em.”

Cô quan sát đôi mắt, miệng và ngôn ngữ cơ thể của anh, tìm kiếm vài dấu hiệu giải thích cho hành động vừa rồi. Nhưng trước khi cô có thể nhận ra sự chân thành của anh, vẻ đẹp của con bướm xanh lấp lánh đã quyến rũ cô, khiến cô bỏ qua những quy tắc cần trọng của mình.

“Bà nói tôi có thể giữ nó ư?”

“Ừ, phải.”

Anh cúi xuống từ phía sau và đeo nó vào cổ cô. Cô lướt những ngón tay trên đôi cánh bằng đá quý màu xanh, cơ thể làm bằng bạc và hai sợi râu dính kim cương. Cô cảm thấy có một đốm lửa tự mãn nhen nhóm trong lòng. Anne hẳn sẽ rất ghen tỵ.

CÔ NGỒI TRÊN SÀN NHÀ, đối diện tấm gương dài trong phòng ngủ và nhận xét hình ảnh phản chiếu trong gương. Người phụ nữ trong gương có quầng thâm tối ở dưới hai mắt. Da cô ấy trông lỏng lẻo, nổi đốm ở mọi nơi và nhăn nheo ở góc mắt hay dọc theo trán. Hàng lông mày dày và rậm cần được tỉa bớt lại. Mái tóc xoăn đa phần là màu đen, nhưng vẫn len lỏi màu xám. Cô gái trong tấm gương này thật già dặn và xấu xí.

Cô lướt những ngón tay lên hai má và trán, cảm nhận gương mặt cô qua những ngón tay và bàn tay. Đây không phải mình. Hẳn là có gì đó không đúng với khuôn mặt mình thì phải. Người phụ nữ ở trong gương làm cô phát bệnh.

Cô tìm thấy phòng tắm và bật đèn lên. Cô nhìn hình ảnh tương tự trong gương trên bồn rửa. Đó là đôi mắt nâu vàng, chiếc mũi cao, đôi môi hình trái tim của cô, nhưng sự hòa trộn giữa những bộ phận ấy thì sai lầm một cách kì quặc. Cô lướt những ngón tay trên mặt kính lạnh và trong suốt. Chắc có gì đó không đúng với những tấm gương này?

Phòng tắm nhà cô cũng không có mùi giống như thế này. Hai chiếc ghế thang màu trắng bóng, một cây cọ sơn, một chiếc thùng đặt trên máy tờ báo dưới sàn nhà phía sau cô. Alice cúi xuống hít quanh chiếc thùng. Cô cạy nắp thùng, nhúng cây cọ vào và ngắm nhìn từng giọt sơn trắng nhỏ xuống.

Cô bắt đầu với những chiếc gương mà cô biết đã bị hỏng, một cái trong phòng tắm và một cái trong phòng ngủ. Cô tìm thấy thêm bốn chiếc gương nữa và sơn chúng thành màu trắng.

CÔ NGỒI TRÊN MỘT CHIẾC GHẾ BÀN LỚN màu trắng và người đàn ông chủ ngôi nhà ngồi trên ghế khác. Anh đang đọc

sách và dùng đồ uông. Quyển sách dày còn đồ uông có màu nâu vàng với đá bên trong.

Cô cầm một quyển sách trên bàn lên và lướt nhanh qua nó, trông nó còn dày hơn quyển sách anh đang đọc. Đôi mắt cô dừng lại trên phần sơ đồ gồm các chữ và ký tự liên kết với nhau bằng dấu mũi tên, dấu gạch ngang hay các hình minh họa nhỏ. Cô nghiên cứu từng từ một khi duyệt qua các trang – về sự giải ức chế, sự photphoryl hóa, gien, acetylcholine, sự bồi dưỡng, tính nhất thời, ma quỷ, hình vị, âm vị học.

“Tôi nghĩ mình đã đọc quyển sách này trước kia” – Alice nói.

Anh nhìn qua quyển sách cô đang cầm và sau đó nhìn vào cô.

“Em còn làm nhiều hơn thế. Em viết ra nó. Em và anh đã cùng nhau viết quyển sách đó.”

Ngập ngừng trước những lời của anh, cô đóng quyển sách và đọc chữ trên bìa màu xanh bóng loáng. “Từ Phân tử tới Tư duy” bởi Tiến sĩ John Howland và Tiến sĩ Alice Howland. Cô nhìn sang người đàn ông ngồi trên ghế. Anh ta là John. Cô lật sang những trang trước. “Mục lục. Tâm trạng và Cảm xúc, Động lực, Sự kích thích và Chú ý, Trí nhớ, Ngôn ngữ”. Ngôn ngữ.

Cô mở ở đâu đó gần cuối quyển sách. “Khả năng diễn tả không giới hạn, dễ dàng và tự nhiên, rất phổ biến. Khả năng này được nghiên cứu dựa theo bản năng, các ngữ nghĩa, cú pháp, ngữ pháp theo trường hợp, động từ bất quy tắc”. Những gì cô vừa đọc dường như đẩy cô từ đầm lầy cỏ dại và vũng bùn gây ghê tởm trong tâm trí về một nơi còn hoang sơ và nguyên vẹn, để cô cố bầu vịu vào.

“John” – cô nói.

“Phải.”

Anh đặt quyển sách xuống và ngồi thẳng lên ở mép ghế bành.

“Em viết quyển sách này cùng anh” – cô nói.

“Phải.”

“Em nhớ rồi. Em nhớ anh rồi. Em nhớ em đã từng rất thông minh.”

“Phải, em từng như thế, em là người thông minh nhất anh từng biết.”

Quyển sách dày với bìa màu xanh bóng loáng kia đã đại diện cho rất nhiều điều cô từng làm. Mình từng biết cách trí não xử lý ngôn ngữ và mình có thể truyền đạt những gì mình biết. Mình từng là một người biết rất nhiều. Đã không còn ai hỏi ý kiến hay xin lời khuyên của mình nữa. Mình nhớ điều đó. Mình từng ham học hỏi, độc lập và tự tin. Mình nhớ mình từng chắc chắn những điều này. Không hề thoải mái khi không chắc chắn về điều gì đó. Mình nhớ cách mọi thứ đều được thực hiện dễ dàng. Mình nhớ bản thân khi là một phần của những chuyện đã diễn ra. Mình nhớ cuộc sống và gia đình mình. Mình yêu cuộc sống và gia đình.

Cô muốn nói với anh những điều cô nhớ và nghĩ, nhưng cô không thể truyền tải mọi ký ức và suy nghĩ này, bao gồm rất nhiều từ, mệnh đề và câu, đã đẩy cô trở lại đầm lầy cỏ dại và vũng bùn gây nghẹt thở trong tâm trí. Cô chỉ tóm tắt và nỗ lực để nói những gì cần thiết nhất. Những điều còn lại sẽ lặng yên bầu vùi ở một góc hoang sơ.

“Em nhớ chính bản thân mình.”

“Anh cũng nhớ em, Ali, rất nhiều.”

“Em không bao giờ định sẽ trở thành như vậy.”

“Anh biết.”

THÁNG CHÍN, NĂM 2005

John ngồi ở phía cuối chiếc bàn dài và nhấp một ngụm lớn café đen. Nó có vị mạnh và cực đắng, nhưng anh không quan tâm. Anh không uống vì mùi vị của nó. Anh muốn uống nhanh nhất có thể, nhưng café nóng muốn bỏng lưỡi. Anh sẽ cần đến tận hai hay ba tách lớn trước khi hoàn toàn tỉnh táo để tiếp tục làm việc.

Hầu hết mọi người đều ghé đến mua café để mang đi và vội vã lên đường. John không có cuộc họp ở phòng thí nghiệm trong vài giờ tới và chẳng có lý do gì khiến anh phải tới văn phòng sớm vào ngày hôm nay. Anh thoải mái tận hưởng thời gian của mình, ăn bánh quế nướng, uống café và đọc New York Times. Anh mở mục “Sức khỏe” đầu tiên, như điều anh vẫn làm với mỗi tờ báo mình đọc trong một năm nay, một thói quen có từ lâu để nuôi dưỡng hy vọng mà trước đây được thể hiện bằng những hành động thực tế. Anh đọc bài viết đầu tiên trên trang và bật khóc như thể vì tách café bị nguội khiến anh đau lòng.

AMYLIX THỬ NGHIỆM THẤT BẠI

Theo kết quả của nghiên cứu Synapson giai đoạn III, những bệnh nhân mắc chứng Alzheimer từ nhẹ đến trung bình được thử nghiệm Amylix trong suốt mười lăm tháng đã thất bại, không có gì thay đổi so với kết quả sử dụng giả dược.

Amylix là một tác nhân giảm amyloid-beta có chọn lọc. Bằng cách gắn kết Abeta 42 hòa tan, mục tiêu của loại thuốc thử nghiệm này là ngăn chặn sự tiến triển của bệnh, và nó không giống như các loại thuốc hiện có của bệnh nhân Alzheimer – những loại này chỉ hoạt động tối đa khi bệnh ở giai đoạn cuối cùng.

Thuốc được tiếp nhận và đã vượt qua giai đoạn I và II với nhiều hứa hẹn và kỳ vọng của phố Wall. Nhưng sau hơn một năm dùng thuốc, các chức năng nhận thức của bệnh nhân – thậm chí là khi sử dụng liều cao nhất của Amylix đều không cho thấy sự cải thiện hay ổn định khi được tính bằng thang đo mức độ bệnh Alzheimer và điểm trên hoạt động sống hằng ngày, chúng cho kết quả không như dự kiến.

KẾT

Alice ngồi trên ghế với một người phụ nữ và nhìn bọn trẻ đi ngang qua họ. Không hẳn là trẻ con. Chúng không phải kiểu mấy đứa trẻ nhỏ sống chung với mẹ. Chúng là gì nhỉ? Những đứa trẻ tương đối lớn.

Cô quan sát khuôn mặt của những đứa trẻ này khi chúng bước đi. Nghiêm túc, bận rộn. Đây suy tư. Có vẻ chúng đang phân vân về con đường chúng lựa chọn. Có những băng ghế khác gần đó, nhưng không có đứa trẻ nào dừng lại ngồi xuống. Mọi người bước đi, bận rộn trên con đường tìm đến đích.

Cô không cần phải đi đâu cả. Cô thấy may mắn vì điều này. Cô cùng người phụ nữ ngồi bên cạnh đang lắng nghe một cô gái có mái tóc dài chơi nhạc và hát. Cô gái ấy có một giọng hát rất dễ thương, cô mặc một chiếc váy đầy hoa, miệng cười tươi đầy hạnh phúc khiến Alice vô cùng ngưỡng mộ.

Alice ngân nga theo điệu nhạc. Cô thích thú với tiếng âm ừ của mình hòa quyện với giọng hát của cô gái.

“Được rồi, Alice, Lydia sẽ về nhà bất cứ lúc nào. Cô muốn cho tiền Sonya trước khi ta đi không?” – Người phụ nữ hỏi.

Người phụ nữ đứng lên, mỉm cười và lấy tiền ra. Alice cảm thấy lồi cuồn khi được tham gia cùng. Cô đứng lên, và người phụ nữ đưa cô tiền. Alice thả chúng vào chiếc nón đen trên nền gạch dưới chân cô gái đang hát. Cô gái tiếp tục để nhạc chạy nhưng dừng hát một chút vì muốn nói chuyện với họ.

“Cảm ơn, Alice và Carole, hẹn gặp mọi người sau!”

Khi Alice bước đi với người phụ nữ giữa những đứa trẻ “không còn nhỏ”, âm nhạc trở nên nhỏ dần phía sau họ. Alice thật sự không muốn rời đi, nhưng người phụ nữ kia vẫn cứ bước

và Alice biết rằng mình nên ở cùng cô ấy. Cô ấy vui vẻ, tốt bụng và luôn biết cần làm cái gì, đây là điều mà Alice đánh giá cao vì cô thường không biết.

Đi bộ được một lát thì Alice phát hiện một chiếc xe chú hề màu đỏ và một chiếc màu sơn móng tay lớn đậu trên đường về nhà mình.

“Cả hai đều ở đây” – người phụ nữ nói, cô cũng nhìn thấy những chiếc xe tương tự.

Alice cảm thấy hứng thú và vội vã vào nhà. Người mẹ đang ở hành lang.

“Cuộc hẹn hôm nay kết thúc nhanh hơn tôi nghĩ nên tôi về sớm. Cảm ơn vì đã hỗ trợ” – người mẹ nói.

“Không có gì đâu mà. Tôi đã gỡ drap giường con bé nhưng chưa kịp bao lại. Mọi thứ vẫn còn trong máy sấy” – người phụ nữ nói.

“Được rồi, cảm ơn, tôi sẽ lo liệu.”

“Cô ấy cũng đã có một ngày tốt lành.”

“Không đáng trí?”

“Không hề. Cô ấy là cái bóng đáng tin cậy của tôi bây giờ. Đồng phạm của tôi đấy. Phải không, Alice?”

Người phụ nữ mỉm cười, nhiệt tình gật đầu. Alice mỉm cười và gật đầu đáp lại. Cô không có ý gì khi đồng ý, nhưng nó có vẻ tốt đối với cô nếu người phụ nữ kia nghĩ vậy.

Người phụ nữ bắt đầu thu dọn sách và túi đồ ở cửa trước.

“Ngày mai John sẽ tới à?” – Người phụ nữ hỏi.

Có tiếng trẻ con khóc, người mẹ vội vàng rời đi.

“Không, nhưng chúng tôi đã có sự trợ giúp” – tiếng người mẹ nói. Người mẹ trở lại, mang theo một đứa trẻ mặc đồ xanh, hôn liên tục vào cổ nó. Thằng bé vẫn khóc, nhưng ít nhiều nó đã bị phân tâm. Những nụ hôn liên tiếp của mẹ nó đã có tác dụng. Người mẹ đặt núm vú giả vào miệng đứa bé.

“Con ỏn mà, bé yêu. Cảm ơn Carole nhiều lắm. Cô thật sự là món quà của Chúa. Cuối tuần tốt lành, hẹn thứ Hai gặp lại.”

“Hẹn thứ Hai gặp lại. Tạm biệt, Lydia!” – Người phụ nữ hét vang.

“Tạm biệt, cảm ơn Carole!” – Một âm thanh vang lên, từ đâu đó trong căn nhà.

Đôi mắt to tròn của đứa bé nhìn vào mắt Alice, nó mỉm cười sau khi vừa ngậm núm vú giả xong. Alice cười đáp lại và đứa bé hồi đáp với nụ cười toe toét. Núm vú giả rơi xuống sàn. Người mẹ ngồi xổm xuống và nhặt nó lên.

“Mẹ, mẹ có muốn ẵm thằng bé không?”

Người mẹ đưa em bé cho Alice, và thằng bé dùng đưa thoải mái trong vòng tay và ở hông cô. Nó bắt đầu sờ lên mặt cô với đôi bàn tay ướt nhẹ. Nó rất thích thú, và Alice cũng thích chiều theo thằng bé. Nó nắm lấy môi dưới của cô. Cô vờ cắn và ăn ngón tay trong khi giả tiếng kêu của thú hoang.

Thằng bé bật cười và dờ tay lên mũi cô. Cô khịt mũi, hít mạnh và vờ hắt hơi. Thằng bé di chuyển tay lên mắt cô. Cô nheo mắt để không bị chọc vào và nhấp nháy mắt để cố cù đôi tay của nó bằng lông mi. Nó di chuyển tay lên trán để chạm vào mái tóc cô, siết chặt nắm tay và kéo. Cô nhẹ nhàng nới tay nó ra và thay thế tóc bằng ngón trỏ của mình. Thằng bé đã thấy sợi dây chuyền của cô.

“Thấy con bướm xinh đẹp này chứ?”

“Đừng để thằng bé ngậm nó nha mẹ!” – Người mẹ nói, cô đang ở phòng khác nhưng vẫn trong tầm nhìn.

Alice đã không hề để thằng bé ngậm dây chuyền, và cô cảm thấy bị buộc tội sai. Cô bước vào phòng nơi người mẹ ngồi đấy. Nó đầy ắp những loại đồ vật đầy màu sắc quanh chiếc nôi, chúng có thể kêu, phát ra tiếng bíp hay nói chuyện khi thằng bé đập vào. Alice đã quên rằng đây là căn phòng mà khắp nơi đều gây ra sự ồn ào. Cô muốn rời đi trước khi người mẹ đề nghị cô đặt đứa bé vào đâu đó. Nhưng nữ diễn viên cũng ở đây, và Alice muốn nhập hội với họ.

“Bố có đến vào cuối tuần này không?” – Nữ diễn viên hỏi.

“Không, tôi không thể, tôi bảo sẽ đến vào tuần sau. Chị có thể để thằng bé ở cùng em và mẹ một lúc không? Chị phải đến cửa hàng. Allison nên ngủ thêm một giờ nữa.”

“Được thôi.”

“Chị sẽ tranh thủ. Có cần gì không?” – Người mẹ hỏi trong lúc đi ra khỏi phòng.

“Mua chocolate, thêm cả kem nữa nhé!” – Nữ diễn viên hét lên.

Alice tìm thấy một món đồ chơi mềm mại không phát ra tiếng để đưa cho thằng bé khám phá khi ngồi trong lòng cô. Cô thơm lên quả đầu trơn lóc của thằng bé và nhìn nữ diễn viên đang ngồi đọc sách. Cô ấy cũng nhìn lại.

“Mẹ ơi, mẹ có thể nghe con đọc đoạn đọc thoại mà con luyện tập trên lớp và nói con biết mẹ nghĩ tới điều gì không? Không phải là chuyện kể đâu, nó là thể loại truyện dài. Mẹ không cần phải nhớ các từ, chỉ cần nói con biết mẹ có cảm xúc thế nào thôi. Khi con đọc xong, hãy nói con biết mẹ thấy thế nào, được chứ?”

Alice gật, và nữ diễn viên bắt đầu. Alice nhìn, lắng nghe và tập trung hơn vào những gì nữ diễn viên nói. Cô nhìn thấy đôi mắt cô ấy trở nên tuyệt vọng, tìm kiếm, van vãn một sự thật. Cô thấy chúng đáp xuống nhẹ nhàng và đầy biết ơn vì điều đó. Giọng cô ban đầu ngập ngừng và sợ hãi. Từ từ, và không hề to lên, giọng cô dần tự tin hơn và sau đó có chút vui vẻ, thì thoảng lại có vẻ như đang ngân nga một bài hát. Lông mày, vai và tay cô co lại rồi rộng mở, đòi hỏi sự chấp nhận và trao tặng sự cảm thông. Giọng nói và cơ thể của cô tạo một năng lượng truyền đến khiến Alice rơi lệ. Cô ôm ghì đứa bé xinh đẹp vào lòng và hôn lên quả đầu ngọt ngào mùi hương của nó.

Nữ diễn viên dừng lại và trở về là chính mình. Cô nhìn Alice và chờ đợi.

“Được rồi, mẹ cảm thấy thế nào?”

“Tôi cảm nhận tình yêu. Đó là tình yêu.”

Nữ diễn viên hét lên, chạy về phía Alice, hôn lên má cô, mỉm cười đầy hạnh phúc, mỗi nếp nhăn trên mặt cô đều thể hiện sự

vui mừng.

“Tôi đoán đúng chứ?” – Alice hỏi.

“Phải, mẹ à. Mẹ hoàn toàn chính xác.”

THÔNG TIN HỮU ÍCH VỀ BỆNH ALZHEIMER

Loại thuốc Amylix trong thử nghiệm lâm sàng được mô tả trong cuốn sách chỉ là hư cấu. Tuy vậy, nó vẫn giống với những hợp chất có thật được phát triển lâm sàng hướng đến giảm mức độ amyloid-beta 42 một cách có chọn lọc. Không giống như các loại thuốc hiện tại chỉ có thể kéo dài thời gian tiến triển đến giai đoạn cuối của căn bệnh, loại thuốc này được hy vọng sẽ ngăn chặn sự phát triển của bệnh Alzheimer. Tất cả các loại thuốc khác được nhắc đến là thật, liều lượng sử dụng và tác dụng của các thuốc này trong điều trị Alzheimer đều được mô tả chính xác như trong truyện.

Để biết thêm thông tin về bệnh Alzheimer và các thử nghiệm lâm sàng, hãy truy cập vào trang http://www.alz.org/alzheimers_disease_clinical_studies.asp

Câu hỏi gợi ý thảo luận của Câu lạc bộ độc giả

1. Khi Alice trở nên mất phương hướng ở quảng trường Harvard, một nơi mà cô đã ghé qua hàng ngày trong suốt hai mươi lăm năm, tại sao cô không kể cho John? Có phải cô quá sợ phải đối mặt với bệnh tật và lo lắng về phản ứng của anh hay vì một nguyên nhân khác.

2. Sau lần đầu tiên Alice biết được cô mắc Alzheimer, “âm thanh gọi tên cô len lỏi sâu vào từng tế bào và dường như lan ra khắp cơ thể cô. Cô tự nhìn chính mình từ phía góc phòng” (trang 99). Bạn nghĩ gì về phản ứng của Alice trước việc chẩn đoán? Tại sao cô ấy lại tách bản thân mình ra và cảm thấy mình đang trải qua hiện tượng xuất hồn?

3. Bạn có thấy trở trêu khi Alice, giáo sư đại học Harvard và là một nhà nghiên cứu lại mắc phải căn bệnh hủy hoại dần não của cô? Bạn nghĩ tại sao tác giả Lisa Genova lại chọn nghề nghiệp này? Quá khứ thành công trong giới học thuật ảnh hưởng đến khả năng chống chọi của Alice và gia đình cô với căn bệnh như thế nào?

4. “Anh không muốn nhìn thấy cô uống thuốc. Hoặc có thể anh sợ nếu nói chuyện thì cô có thể bị phân tâm và lẫn lộn thuốc ở các ngăn, nên anh rời phòng.” (trang 124). Phản ứng của John có dễ hiểu không? Ý nghĩa của việc anh thường chơi với chiếc nhẫn cưới khi bàn về sức khỏe của Alice là gì?

5. Khi ba đứa con của Alice – Anna, Tom và Lydia biết rằng họ có thể cần phải kiểm tra mình có mang gen đột biến gây ra bệnh Alzheimer hay không, chỉ có Lydia không muốn biết. Tại sao cô lại không muốn? Bạn có muốn biết Lydia có mang gen ấy không?

6. Tại sao dây chuyền bướm bướm của mẹ lại rất quan trọng với Alice? Có phải đơn giản là vì Alice nhớ mẹ cô? Alice có cảm thấy mối liên kết nào với loài bướm ngoài liên kết với sợi dây chuyền ra.

7. Alice khẳng định rằng cô muốn dành thời gian còn lại với gia đình và những cuốn sách của cô. Xét đến lòng tận tụy của cô dành cho công việc, tại sao nghiên cứu của cô không nằm trong danh sách những việc được ưu tiên? Vậy Alice coi bản thân mình là một người mẹ, người vợ hay một nhà nghiên cứu?

8. Bạn có bất ngờ với kế hoạch dùng thuốc ngủ quá liều của Alice khi căn bệnh đi đến giai đoạn trầm trọng? Quyết định như vậy có bình thường không? Nếu gia đình cô phát hiện ra, họ có chấp nhận không?

9. Khi các triệu chứng nặng hơn, Alice bắt đầu cảm thấy như thể cô đang sống trong một vở kịch của Lydia: “(Cảnh trong văn phòng của bác sĩ. Nhà thần kinh học đã rời phòng. Người chồng xoay chiếc nhẫn. Người vợ hi vọng tìm ra một phương thuốc.)” (trang 191). Liệu suy nghĩ này là một dấu hiệu của căn bệnh hay

cô chỉ vờ như căn bệnh không có thực để dễ dàng đương đầu với thực tế hơn?

10. Mỗi quan hệ của Alice với các con cô có khác đi? Tại sao cô lại đọc nhật ký của Lydia? Và Lydia quyết định vào đại học có phải chỉ để cô nở mày nở mặt?

11. Mẹ và chị của Alice qua đời khi cô đang học năm nhất đại học, nhưng Alice đã luôn nhắc bản thân rằng họ chưa sẵn sàng ra đi. Khi các triệu chứng nặng thêm, tại sao Alice nghĩ về mẹ và chị mình nhiều hơn? Có phải những kí ức xa xăm của cô thì dễ nhớ lại hơn không? Liệu cô đang nghĩ về khoảng thời gian cô đã hạnh phúc hơn hay lo về cái chết của mình?

12. Alice và các thành viên trong nhóm hỗ trợ của cô, Mary, Cathy và Dan, tất cả đều nói về danh tiếng của họ bị ảnh hưởng bởi căn bệnh vì những người khác nghĩ họ đang có vấn đề lạm dụng chất gây nghiện. Đối với những người mắc Alzheimer, giữ gìn tài sản của họ có phải là một trong những trở ngại lớn nhất không? Những ví dụ nào cho thấy mọi người vẫn tôn trọng ý nguyện của Alice, và những khi nào cô bị chối bỏ?

13. “Năm nghiên cứu cùng nhau cuối cùng. Cô sẽ không để mất dù bất kỳ giá nào. Nhưng anh thì có” (trang 294). Tại sao John quyết định tiếp tục công việc? Việc anh chuyển đến New York và cho rằng đến khi họ chuyển đến Alice có thể sẽ không biết được cô ấy đang ở đâu có hợp lý không? Việc anh nói với các con rằng cô sẽ không muốn anh hi sinh công việc là đúng hay sai?

14. Tại sao Lisa Genova quyết định kết thúc câu chuyện bằng đoạn John đọc về Amylix, rằng loại thuốc Alice đã dùng không có hiệu quả đối với bệnh nhân Alzheimer? Tại sao thông tin ấy làm John khóc?

15. Bác sĩ của Alice đã bảo cô rằng: “... cô đang gặp vấn đề về trí nhớ nên những thông tin cô cung cấp có thể chưa hoàn toàn chính xác.” (trang 79). Tuy vậy, Lisa Genova đã kể câu chuyện theo góc nhìn của Alice. Khi căn bệnh của Alice nặng hơn, cách nhìn nhận của cô thực tế không thật sự đáng tin cậy. Tại sao tác

giả kể câu chuyện dưới góc nhìn của Alice? Chúng ta sẽ thấy được những gì, và không thấy được những gì?

Phát triển câu lạc bộ độc giả của bạn

1. Nếu bạn muốn tìm hiểu thêm về Alzheimer hoặc giúp những người đang mắc bệnh, hãy truy cập vào www.actionalz.org hoặc www.alz.org.

2. Để giúp đỡ mẹ cô, Lydia làm một đoạn phim tài liệu ghi lại cuộc sống của gia đình Howland. Hãy làm một đoạn phim về gia đình bạn và chia sẻ với nhóm của mình.

3. Nếu muốn tìm hiểu thêm về Vẫn là Alice hoặc muốn liên lạc với Lisa Genova, hãy vào trang www.StillAlice.com.

Trò chuyện cùng Lisa Genova

Vẫn là Alice viết về điều gì?

Vẫn là Alice viết về một phụ nữ trẻ dần mất đi trí nhớ vì mắc phải Alzheimer khởi phát sớm. Khi Alice là một giáo sư Tâm lý học năm mươi tuổi tại trường đại học Harvard, cô bắt đầu trải qua những thời điểm lãng quên và bối rối. Tuy vậy, cũng như những con người bạn rợn, học thức uyên bác quanh cô, ban đầu cô chỉ nghĩ những dấu hiệu đó là do tuổi tác, quá căng thẳng, ngủ không đủ giấc. Nhưng khi tình hình trở nên trầm trọng hơn, cô đã đến gặp một nhà Tâm thần học và biết được rằng mình đã mắc Alzheimer khởi phát sớm.

Khi Alice mất đi khả năng dựa trên tư duy và trí nhớ của mình, cô mất đi cuộc sống của một trí thức Harvard, nơi mà cô đã đặt hết giá trị và tính cách của mình. Cô buộc phải tìm câu trả lời cho câu hỏi: “Giờ đây tôi là ai?” và “Tôi có quan trọng hay không?” Khi căn bệnh trở nên trầm trọng và tiếp tục tước đi những điều đã từng được cô xem là một phần của đời mình, chúng ta khám phá ra nhiều điều ở Alice hơn những gì cô nhớ được.

Điều gì đã truyền cho cô nguồn cảm hứng để viết *Văn là Alice*?

Có một vài chuyện, nhưng cái chính là bà tôi đã mắc Alzheimer ở tuổi tám mươi. Khi ngẫm lại, tôi chắc rằng bà đã mắc bệnh từ nhiều năm trước khi gia đình tôi nhận ra. Chúng tôi đã coi mức độ lãng quên của bà tôi là bình thường đối với người già rồi cứ để mặc nhiều chuyện xảy ra. Đến khi chúng tôi quan tâm đến bà thì căn bệnh đã khá nặng rồi. Và chúng tôi rất sửng sốt. Bà luôn là một người thông tuệ, độc lập, sôi nổi và thích hoạt động. Rồi chúng tôi phải chứng kiến căn bệnh từng bước cướp mất bà. Bà không còn biết tên các con bà, thậm chí không biết bà có con (đến 9 người), bà không biết bà sống ở đâu, phải vào nhà vệ sinh khi cần, bà không nhận ra chính gương mặt mình trong gương. Tôi từng thấy bà cưng nựng mấy con búp bê nhựa như là nựng em bé thật vậy. Thật sự rất đau lòng. Tuy vậy tôi lại cảm thấy hứng thú kỳ lạ. Lúc ấy tôi đang là một nghiên cứu sinh, chuẩn bị lấy bằng Tiến sĩ Thần kinh học ở Harvard. Và nhà Thần kinh học trong tôi tự hỏi rằng chuyện gì đang xảy ra trong não của bà. Chúng ta có thể thấy được kết quả của quá trình hủy hoại từ bên ngoài. Nhưng tôi cảm thấy thắc mắc về chuỗi các sự kiện gây ra sự hủy hoại từ bên trong. Và tôi tự hỏi sẽ ra sao khi những phần não bộ chịu trách nhiệm cho nhận thức và tính cách chúng ta không còn hoạt động được nữa. Tôi liên tục nghĩ về câu hỏi: Dưới góc nhìn của một bệnh nhân Alzheimer, căn bệnh sẽ như thế nào? Bà của tôi đã quá trầm trọng để đưa ra được câu trả lời cho câu hỏi này, nhưng một ai đó mắc bệnh khởi phát sớm sẽ có thể. Và đó là khởi nguồn cho *Văn là Alice*.

Địa vị chuyên môn của cô có giúp ích trong việc sáng tác *Văn là Alice*?

Có. Tôi nghĩ việc quan trọng nhất là tôi có thể nhờ vào nó để tiếp xúc được với đúng người tôi cần nói chuyện hết lần này đến lần khác. Học vị Tiến sĩ Thần kinh học ở Harvard giống như một tấm thẻ vàng đa năng có thể qua mọi cửa. Xét từ phía các nhà nghiên cứu, trưởng khoa Thần kinh của bệnh viện Brigham

và khoa Phụ nữ ở Boston, khoa Xét nghiệm tâm lý học thần kinh ở Bệnh viện Đa khoa Massachusetts, các nhà tư vấn di truyền, và các chuyên gia hàng đầu trong nghiên cứu Alzheimer đến phía bệnh nhân, những người đang sống với căn bệnh và người chăm sóc của họ, địa vị chuyên môn và giấy ủy nhiệm của tôi cho họ sự đảm bảo cần thiết để họ cảm thấy thoải mái cho phép tôi hòa nhập và chia sẻ những gì họ biết.

Hơn nữa, trong các cuộc nói chuyện với các bác sĩ và các nhà khoa học, hiểu biết sinh học phân tử về căn bệnh này đã cho tôi kiến thức và vốn từ để hỏi được đúng câu hỏi và cũng cho tôi khả năng hiểu được câu trả lời phức tạp của họ.

Cô liên kết với Hiệp hội Alzheimer Quốc tế như thế nào?

Trước khi *Vẫn là Alice* được xuất bản, dường như tôi đã sáng tạo ra được một câu chuyện tuy là hư cấu, nhưng trên thực tế, câu chuyện mô tả cuộc sống với bệnh Alzheimer dưới một góc nhìn rất tôn trọng và chân thực. Và điểm độc đáo là truyện mô tả dưới góc nhìn của một bệnh nhân Alzheimer chứ không phải người chăm sóc. Còn đa số những chia sẻ thông tin về bệnh Alzheimer đều được viết dưới góc nhìn của người chăm sóc.

Vì vậy, tôi nghĩ là Hiệp hội Alzheimer Quốc tế sẽ có hứng thú với cuốn sách theo một cách nào đó, có thể họ sẽ ủng hộ cuốn sách hoặc cho một đường dẫn trong trang điện tử của họ. Tôi đã liên lạc với bộ phận tiếp thị của họ và gửi đường dẫn đến trang điện tử của cuốn sách mà tôi đã lập nên từ trước khi cuốn sách được phát hành. Họ phản hồi rằng thường thì họ không hợp tác xuất bản sách, nhưng họ đã yêu cầu xem bản thảo. Sau đó không lâu, nhân viên thị trường của họ liên lạc với tôi và bảo rằng họ rất thích cuốn sách. Họ muốn ủng hộ cuốn sách và đề nghị tôi viết blog cho chiến dịch quốc gia Voice Open Move mà họ bắt đầu tiến hành vào cuối tháng đó.

Tôi buộc phải đưa ra quyết định về cuốn sách. *Vẫn là Alice* chưa được xuất bản. Cuốn sách có thể mất nhiều năm để tìm được một nhà xuất bản và đến được tay người đọc. Khi nhận ra rằng tôi đã tạo nên được thứ gì đó mà Hiệp hội Alzheimer cảm thấy có giá trị cung cấp tri thức và trấn an hàng triệu người đang

tìm đường đi trong thế giới bệnh Alzheimer, tôi cảm thấy mình có một trách nhiệm cấp bách phải để cuốn sách được xuất bản tức khắc. Vậy nên tôi đã đồng ý viết blog và đồng ý bán bản quyền cuốn sách. Sau đó Vẫn là Alice được xuất bản. Đó là một cơ hội tôi không thể nào bỏ lỡ.

Làm thế nào cô chọn lựa được những thông tin quan trọng để đưa vào Vẫn là Alice?

Tôi biết là tôi không thể nào ghi lại hết trải nghiệm của những người mắc Alzheimer, nhưng tôi có thể ghi lại những phần cốt lõi nhất. Tôi đã thường xuyên đối chiếu với những người mắc Alzheimer khởi phát sớm để bảo đảm mọi thứ đều chính xác. Họ là giấy quý cho thí nghiệm của tôi. Mô tả lại những triệu chứng ban đầu hết sức quan trọng, để cho thấy họ mất phương hướng và cô đơn đến chừng nào. Tôi cảm thấy có trách nhiệm chỉ ra quá trình chẩn đoán căn bệnh như thế nào. Đối với nhiều người mắc Alzheimer khởi phát sớm, con đường đến với chẩn đoán thật sự dài và gian nan đến khó ngờ, vì các triệu chứng thường dễ bị lầm với các nguyên nhân tiềm ẩn khác trong nhiều năm, như trầm cảm chẳng hạn. Đây là điểm duy nhất trong cuốn sách tôi xa rời thực tế vì chuyện này diễn ra với hầu hết mọi người. Tôi đã đưa Alice đến thẳng với chẩn đoán ra bệnh, vừa để chỉ ra một ví dụ mọi chuyện nên diễn ra như thế nào và vừa để viết ra một câu chuyện không dài đến cả năm trăm trang. Tôi cảm thấy để nhân vật Alice nghĩ đến việc tự vẫn cũng quan trọng. Tôi đã suy nghĩ rất lâu và cẩn thận trước khi đưa tình tiết này vào. Đối với những chủ đề cái chết hay nạo phá thai, mọi người thường có phản ứng rất mạnh về quyền được kết liễu đời mình khi phải đối mặt với bệnh hiểm nghèo, và tôi không muốn xa rời độc giả. Nhưng tôi nhận thấy mọi người mắc bệnh Alzheimer dưới tuổi sáu mươi lăm mà tôi biết đều đã nghĩ đến chuyện tự vẫn. Điều đó không bình thường. Một người năm mươi tuổi bình thường thì không nghĩ tới chuyện tự kết thúc đời mình, nhưng nếu người ấy mắc bệnh Alzheimer thì họ sẽ nghĩ đến việc đó. Đó là điều mà căn bệnh sẽ đưa đến cho bạn, và tôi nghĩ là Alice cũng sẽ làm vậy.

Hiện tại cô có thực hiện một dự án sáng tác nào không?

Tôi đã bắt đầu viết tiểu thuyết tiếp theo mang tên *Left Neglected*. Đây là câu chuyện về một người phụ nữ khoảng ba mươi lăm tuổi giống như nhiều phụ nữ khác tôi đang biết. Cô làm đủ mọi việc trong một ngày, cố gắng trở thành mọi thứ đối với mọi người ở chỗ làm, ráng sức làm rất nhiều việc. Một buổi sáng bình thường, cô trễ giờ làm, cô đưa con đến trường và nhà trẻ rồi lao xe đi. Cô không để mắt đến đường đi trong một khoảnh khắc vì cô gọi điện đến cuộc họp mà cô phải có mặt. Trong nháy mắt, tất cả mọi chuyển động vùn vụt trong cuộc đời nhồi nhét đầy công việc của cô nghiêng phanh theo chiếc xe. Đầu cô bị thương nặng. Kí ức và trí tuệ của cô vẫn an toàn. Cô vẫn có thể nói và đếm được. Nhưng cô đã mất hết tất cả hứng thú và khả năng nhận biết các thông tin đến từ phía bên trái.

Phần bên trái của thế giới đã mất đi. Cô đã mắc chứng Xao lãng một bên.

Cô cảm thấy mình sống trong một thế giới kì lạ chỉ có một nửa. Ở đó, cô ăn phần thức ăn bên phải trên đĩa, chỉ đọc nửa bên phải trang sách, và dễ dàng quên mất cánh tay và bàn tay trái thuộc về cô. Trong quá trình hồi phục, cô đối mặt với vô vàn khó khăn không chỉ để khôi phục ý thức về bên trái, mà còn khôi phục cuộc sống của mình, cuộc sống mà cô luôn muốn sống.

Khi làm việc với Mạng lưới Hỗ trợ và Tư vấn bệnh mất trí Quốc tế, cô phải nói chuyện với bệnh nhân Alzheimer hàng ngày. Cô cảm thấy trải nghiệm đó như thế nào? Thách thức thường gặp nhất của những bệnh nhân đó là gì?

Trải nghiệm đó rất tuyệt vời. Những thành viên trong đó không nói chuyện quá xa vời hay vòng vo. Họ không có nhiều thời gian để lãng phí. Chúng tôi hỗ trợ lẫn nhau và nói về những vấn đề thật sự ý nghĩa, vì vậy chúng tôi luôn can đảm trò chuyện, không che đậy gì, cuộc nói chuyện luôn ngập tràn tình cảm, sự hài hước, cả bức dọc lẫn phần khích. Và khi bạn chia sẻ bản thân như vậy, bạn có thể có một tình bạn thân thiết sâu đậm. Tôi thật sự yêu quý và ngưỡng mộ những người bạn tôi gặp trong nhóm này. Nhiều người tôi vẫn chỉ biết qua email. Tôi đã

đền gặp một vài người ở các hội thảo về Alzheimer, thật là một trải nghiệm tuyệt vời. Chúng tôi trở thành đồng nghiệp trong công việc tư vấn.

Bệnh nhân Alzheimer thường phải đứng trên một mặt phẳng tưởng như luôn chuyển động dưới chân họ. Những triệu chứng quen thuộc thường trở nên trầm trọng hơn (thường xuyên và nặng hơn) hoặc các triệu chứng mới phát sinh, vậy khi bệnh nhân đã thích nghi với căn bệnh, hãy thực hiện những thay đổi, thích ứng cần thiết, và sẽ có nhiều việc khác phải làm nữa. Việc này có thể rất bức bối, mệt mỏi và chán nản. Tôi đã chứng kiến tất cả.

Tôi nghĩ thử thách gay go nhất mọi người phải đối diện là sự lạc lõng và cô đơn. Bởi căn bệnh này sẽ loại mọi người ra khỏi nhịp sống vội vàng trước đây của họ, sự nghiệp họ tự gây dựng nên; bởi mọi người khác sẽ tiếp tục bận rộn với cuộc sống của họ và những bệnh nhân sẽ phải chậm lại; và bởi định kiến khồng lồ gán lên căn bệnh Alzheimer, các bệnh nhân khởi phát sớm cảm thấy cô đơn vô cùng. Đó là lý do tại sao nhóm trực tuyến này lại có ý nghĩa đến vậy. Họ mang những người từ khắp nơi trên đất nước đến với nhau để chia sẻ những trải nghiệm chung và phá bỏ sự cách biệt.

Cô có nghĩ chúng ta cần được thông tin thêm về bệnh Alzheimer?

Tôi nghĩ là có, đặc biệt là về bệnh Alzheimer khởi phát sớm và về các giai đoạn đầu của bệnh Alzheimer. Có hơn nửa triệu người trên toàn nước Mỹ được chẩn đoán mắc phải các chứng suy giảm trí nhớ khi chưa đến sáu mươi lăm tuổi, và họ không được tính đến khi người ta bàn về Alzheimer. Đa số số quần chúng đều biết một người ông, người bà tám mươi lăm tuổi ở giai đoạn cuối của căn bệnh trông ra sao và nói năng thế nào, nhưng họ biết rất ít về người bố, người mẹ năm mươi tuổi mắc Alzheimer sẽ trông như thế nào và nói năng ra sao. Thật sự đã đến lúc những người này được lắng nghe và được chú ý đến.

Ý thức cao hơn về những triệu chứng và trải nghiệm ban đầu rất quan trọng vì mọi người cần nhận diện ra các triệu chứng để

được chẩn đoán và điều trị sớm hơn. Chuyện này quan trọng vì những bệnh nhân khởi phát sớm cần những nguồn lực (như tiếp cận được các nhóm hỗ trợ) hiện tại chỉ mới dành cho những người chăm sóc. Chuyện này còn quan trọng bởi các công ty dược cần nhận ra rằng đây là một nhóm có quy mô đáng kể và đáng được đưa vào các thử nghiệm lâm sàng của họ. Ngay bây giờ, nhiều bệnh nhân Alzheimer khởi phát sớm không thể tham gia vào các thử nghiệm lâm sàng bởi họ quá trẻ. Hơn nữa, chuyện này cũng quan trọng bởi các gia đình đều xứng đáng được lên kế hoạch hợp lý cho tương lai của họ cả về vấn đề tài chính lẫn tinh thần. Và chuyện này quan trọng vì ý thức về căn bệnh sẽ giảm đi định kiến đặt lên những người đang phải sống với căn bệnh của họ.

Những nhà văn nào đã truyền cảm hứng cho cô?

Oliver Sacks là nguồn cảm hứng lớn nhất của tôi. Trên thực tế ngay từ đầu, *Người đàn ông nhầm vợ* vì cái mũ đã thắp lên ngọn lửa đam mê của tôi đối với Thần kinh học. Trong đó có một câu trích dẫn:

“Qua nghiên cứu về bệnh, chúng ta thu nhận tri thức về giải phẫu học, triết học và cả sinh học. Qua nghiên cứu về bệnh nhân, chúng ta thu nhận tri thức về cuộc sống.”

Đó là tất cả những gì đã truyền cảm hứng cho tôi, là những gì tôi hi vọng làm được với việc sáng tác của mình, cả hư cấu và phi hư cấu.

Hiện tại cô đang đọc những gì?

Thật kỳ lạ là tôi đang đọc *Một địa cầu mới* của Eckhart Tolle, nhưng không phải vì Oprah bảo tôi đọc. Một người bạn mắc Alzheimer của tôi đã giới thiệu cho tôi vào tháng Tám. Lúc ấy tôi đang phỏng vấn anh ấy để viết cuốn sách tiếp theo, và anh ấy rất phấn khích kể tôi nghe về những phát hiện khó tin của anh ấy, từ phương pháp thiền đến chế độ ăn, từ tập thể dục đến sự tự nhận thức. Anh ấy bảo tôi nhất định phải đọc *Một địa cầu mới* và bảo rằng cuốn sách sẽ thay đổi đời tôi. Anh ấy đã đúng. Tôi cũng đang đọc *Người bói lười ren* của Brunonia Barry nữa. Quá tuyệt!

Cô có lời khuyên gì cho những tác giả mới?

Tôi biết có rất nhiều tay bút mới, đang ngồi vào một thế chờ đợi, trong khi tác phẩm của họ đã xong, họ phải đợi để tìm một người đại diện văn học. Họ bị mắc kẹt, không thể cho phép bản thân viết cuốn tiếp theo vì họ đang đợi để biết được tác phẩm của họ có “đủ hay”, để biết được họ có phải “nhà văn thực thụ” hay không. Tình trạng đợi như thế này, không viết được gì, nghi ngờ bản thân, là tình trạng tệ nhất mà mọi nhà văn đều có thể gặp phải. Lời khuyên của tôi là, nếu bạn không tìm thấy một người đại diện cho mình ngay lập tức, nếu bạn cảm thấy tác phẩm của mình đã hoàn chỉnh và sẵn sàng chia sẻ ra thế giới, hãy tự xuất bản. Đưa tác phẩm của bạn ra thế giới. Hãy giải phóng tác phẩm của mình và viết tiếp. Hãy cứ tự do! Gần đây, tôi đã ở trong xe mình nghe Diablo Cody, nhà biên kịch của phim Juno, trò chuyện trên đài NPR. Khi được hỏi về lời khuyên cho những biên kịch trẻ, cô đã nói “Hãy tự xuất bản”. Tôi reo lên trong xe một mình, và cô đã đoạt một giải thưởng của Viện hàn lâm.

Hãy kể về thời gian biểu sáng tác của cô.

Tôi mới sinh con, nên những ngày này phải tranh thủ thôi. Nhưng còn cuốn *Văn là Alice* thì tôi đã viết mỗi ngày ở Starbucks khi con gái sáu tuổi của tôi đến trường. Tôi cảm thấy viết ở nhà khá là khó. Có quá nhiều thứ gây mất tập trung như phải trả lời các cuộc điện thoại, thức ăn trong tủ lạnh, phải giặt ủi, thanh toán phí sinh hoạt. Bạn biết đấy, khi lo thanh toán phí sinh hoạt thì chắc chắn là phải hoãn lại sáng tác đoạn tiếp theo rồi! Còn ở Starbucks, chẳng có gì cản trở cả. Không có gì khác để làm ngoài viết. Bạn thậm chí không thể mơ tưởng, không tỏ ra lười biếng. Vậy nên bạn chỉ việc cúi xuống và viết. Và tôi luôn nhận ra tôi thường gián đoạn vì phải đi đón con gái. Thường cứ đến một đoạn hay, ngay trong lúc tập trung cao độ thì đến giờ tôi phải đi đón con. Và tôi phải để lại đoạn đó hết ngày cho tới sáng hôm sau. Tôi bị kẹt như vậy. Thời gian dành cho sáng tác là thời gian của tôi, còn thời gian dành cho con gái là thời gian của chúng tôi. Tôi nghĩ có một khoảng thời gian sáng tác hạn hẹp mỗi ngày

khien tôi luôn mong mỗi được tiếp tục. Tôi không bao giờ mệt mỗi hay bí ý tưởng. Mỗi ngày, tôi đều mong đến lúc vào Starbucks, uống trà sữa chai và sáng tác.

Trong cuộc chiến chống lại bệnh Alzheimer, cô đã thấy những bước tiến nào?

Nhận thức để chẩn đoán sớm là một bước quan trọng. Mặc dù các loại thuốc hiện tại trong điều trị Alzheimer không thể thay đổi tiến trình của căn bệnh, nhưng chúng có thể trì hoãn quá trình một khoảng thời gian đáng kể, cho phép các bệnh nhân Alzheimer sống một khoảng thời gian ổn định, tận hưởng những gì họ còn có thể làm được lâu hơn. Và một người càng sớm được chẩn đoán, điều trị, và giữ ở mức bình ổn thì họ càng có khả năng tiếp cận được lợi ích từ một liệu pháp tốt hơn khi liệu pháp ấy ra đời.

Một bước tiến nữa tôi thấy là thế hệ thuốc Alzheimer tiếp theo sẽ thay đổi được căn bệnh. Các thuốc này sẽ ngăn được tiến trình của căn bệnh. Trước đây từng có một suy nghĩ rằng mảng amyloid và đám rối sợi thần kinh tích tụ trong não, làm “rối” và hoại tử các dây thần kinh. Và quá trình hoại tử của các dây thần kinh gây ra Alzheimer.

Còn đây là lối tư duy mới.

Sự suy giảm nhận thức, triệu chứng của bệnh mất trí, diễn ra trước khi các mảng hình thành, trước khi các sợi thần kinh chết đi. Trong não của một người mắc Alzheimer có quá nhiều những protein dễ hòa tan được gọi là amyloid-beta 42, được sản sinh ra quá nhiều hoặc không được đào thải đi đúng mức. Khi có quá nhiều loại protein này, những chuỗi ngắn đơn lẻ sẽ nối liền với nhau và hình thành các oligomer. Các oligomer bám dính hình thành từ amyloid-beta 42 này tụ lại ở các khớp thần kinh, khoảng trống giữa các dây thần kinh cản trở sự truyền tải ở các khớp thần kinh hay có thể hiểu là khả năng dây thần kinh số một “nói chuyện” với dây thần kinh số hai. Khi hiện tượng này diễn ra, thông tin mới sẽ không được tiếp nhận. Hoặc thông tin vốn có sẽ không thể truy xuất được. Tính linh hoạt của các khớp thần kinh bị ảnh hưởng. Dần dần, bởi các khớp thần kinh này

không hoạt động chính xác nữa và hiện tượng viêm nhiễm cùng với những vấn đề khác sẽ khiến các dây thần kinh thoái hóa, để lại những khoảng trống (não bị teo đi có thể thấy trên phim chụp cộng hưởng từ) và có thể là một đồng amyloid-beta 42 trong một mảng amyloid.

Như vậy căn bệnh khởi đầu dưới dạng một cuộc tấn công vào các khớp thần kinh. Mức độ suy giảm trí nhớ chỉ liên quan đến rối loạn ở khớp thần kinh, chứ không liên quan đến suy giảm dây thần kinh, số lượng mảng hay sự teo não thấy được trên phim chụp.

Đối với việc chữa trị dành cho chứng mất trí sau này, loại liệu pháp thay đổi được căn bệnh sẽ:

- Kìm hãm sự sản sinh ra amyloid-beta 42,
- Gia tăng sự đào thải của amyloid-beta 42 đã sinh ra,
- Ngăn các amyloid-beta 42 tích tụ thành oligomer hoặc
- Phân tách các oligomer đã được tạo thành.

Viễn cảnh tươi sáng và niềm hi vọng từ các liệu pháp này là các bệnh nhân đang chịu những triệu chứng của mất trí có thể được chữa trị trước khi họ trải qua quá trình hoại tử thần kinh. Nếu các khớp thần kinh được chữa, quá trình lưu thông trong thần kinh sẽ hoạt động trở lại. Và chức năng sẽ được khôi phục lại.

Để kể về một nữ bệnh nhân Alzheimer, tại sao cô lại cho Alice là một giáo sư Harvard năm mươi tuổi thay vì một bà lão tám mươi tuổi đã về hưu?

Vâng, một lý do là một người năm mươi tuổi thì sẽ chú ý đến và sẽ được cảnh báo về căn bệnh ngay từ giai đoạn đầu. Bởi theo một khía cạnh văn hóa, một bà lão tám mươi tuổi sẽ dễ bị đăng trí, những người ông, người bà đã về hưu không còn được xem như những nhân vật quan trọng nữa, bởi họ không phải tạo ra một lượng sản phẩm chất lượng nhất định mỗi ngày, bởi họ góa vợ, góa chồng và sống một mình, không chứng kiến những gì đang diễn ra một cách trọn vẹn, bởi chúng ta làm ngơ trước những gì đang diễn ra sau khi chúng ta nghi ngờ về nó hay thậm

chí trải qua nó còn dễ dàng hơn nữa, chúng ta thường không nhìn ra bệnh Alzheimer ở giai đoạn đầu. Đối với một người ở tuổi năm mươi, địa vị và nhân cách đều dựa trên một bộ não ưu việt thì bạn sẽ thấy căn bệnh ngay từ đầu. Và khi tằm thắm dưới chân bị rút mạnh, cú ngã sẽ rất đau.

Một dòng trong cuốn sách, đoạn bác sĩ của Alice bảo với cô, “... cô đang gặp vấn đề về trí nhớ nên những thông tin cô cung cấp có thể chưa hoàn toàn chính xác”. Tuy vậy, cô vẫn chọn kể câu chuyện theo góc nhìn của Alice. Như vậy có khó khăn hơn không khi mà bệnh của Alice dần trầm trọng thêm và cảm nhận của cô ấy thực tế trở nên kém tin cậy hơn?

Thực tế là khó khăn hơn, nhưng tôi nghĩ đó là quyết định mạnh mẽ nhất. Bằng cách kể câu chuyện qua thấu kính của Alice, tôi đặt người đọc nhìn thẳng vào căn bệnh Alzheimer của cô ấy. Bạn nên thấy sự bối rối, đau buồn và hoảng sợ đi cùng với cô ấy. Và vâng, quyết định này sẽ buộc chúng ta phải mất đi những gì diễn ra trong suy nghĩ của chồng cô và những nhân vật khác, nhưng chúng ta lại có được cái nhìn của một người trong cuộc về tâm tư của một ai đó đang trượt dài, thật dài đến với căn bệnh Alzheimer. Hầu hết mọi người không mắc bệnh sẽ không thể đặt mình vào vị trí ấy được.

Vậy trích đoạn nào cô thích nhất trong cuốn sách?

Có lẽ là hai đoạn. Đầu tiên là một đoạn ngắn của Alice với ba người con của cô. Các con cô đều tranh cãi về mẹ của họ có nên cố nhớ ra một thứ gì đó không. Alice hỏi họ mấy giờ họ sẽ đến vở kịch hôm sau đó. Con trai cô bảo cô đừng lo về việc đó, cô không cần phải nhớ gì cả, cô không cần phải nhớ vì họ sẽ không đi mà không có cô. Con gái lớn của cô nghĩ rằng cô nên luyện tập khả năng ghi nhớ mọi lúc có thể, theo lý thuyết “dùng nó hoặc sẽ quên mất nó”. Con gái út nghĩ rằng họ cứ để mẹ biết thông tin, và mẹ muốn làm gì với thông tin ấy cũng được. Đây là chuyện khá phổ biến ở các gia đình có người mắc bệnh Alzheimer. Sự bất đồng, khẳng khẳng theo ý mình và tự ái cứ diễn ra. Đây rầy những mâu thuẫn. Trong đoạn này, họ cãi nhau, không thể thống nhất được, họ làm tổn thương nhau ngay trước mặt Alice.

Người ta lúc nào cũng nói về bệnh nhân Alzheimer ngay trước mặt họ như thể họ không có ở đó vậy.

Đoạn còn lại là đoạn văn đầu tiên. Tôi thích mọi thứ về đoạn ấy. Tôi vẫn cảm thấy rung mình, chắc tôi đã đọc đoạn này cả trăm lần rồi.

Cộng đồng Alzheimer đã có phản ứng gì về Văn là Alice? Còn cộng đồng những người không mắc bệnh và không có liên quan gì đến căn bệnh thì sao?

Phản ứng của họ thật sự tích cực vượt xa mong đợi. Tôi không thể diễn tả nổi việc này có ý nghĩa với tôi thế nào. Đối với một người mắc Alzheimer, hoặc một người chăm sóc người thân bị bệnh, họ nói rằng tôi đã làm đúng, tôi đã viết đúng tất cả một cách tuyệt diệu, rằng họ thấy chính mình trong cuốn sách, đó thật sự là lời tuyên dương nồng hậu nhất dành cho tôi. Tôi đã viết ra sự thật về căn bệnh, và đó cũng là mục tiêu quan trọng của tôi khi thực hiện nghiên cứu để viết cuốn sách, tôi quen biết với những bệnh nhân Alzheimer ngày càng nhiều hơn. Và con đường tôi đi càng phải thận trọng hơn, không thể kích thích hóa hay lãng mạn hóa căn bệnh, nhưng cũng không giảm nhẹ nó đi được.

Và Hiệp hội Alzheimer Quốc tế cũng đã duyệt cuốn sách. Trong tất cả các đầu sách hiện tại về chủ đề Alzheimer, theo như tôi biết thì sách của tôi là quyển duy nhất nhận được sự phê duyệt của họ.

Cũng có những độc giả không có liên quan gì đến căn bệnh nhưng vẫn gửi phản hồi đến cho tôi. Câu chuyện thật cảm động và tôi nghĩ nó rất thành công vì những gì nó nói đến không chỉ là căn bệnh Alzheimer. Cuốn sách không thuyết giảng hay đào sâu vào nghiên cứu lâm sàng quá mức mà khai thác những khía cạnh cuộc sống quan trọng và diễn tả những ảnh hưởng của căn bệnh đối với các mối quan hệ. Và cuốn sách trở thành một thành quả ngoài sức tưởng tượng khi tôi biết rằng nó đã đem đến cho người đọc một ý thức mới và sự nhạy bén đối với những thực trạng khi sống với căn bệnh Alzheimer.

START

THÁNG CHÍN, NĂM 2003

THÁNG MƯỜI, NĂM 2003

THÁNG MƯỜI MỘT, NĂM 2003

THÁNG MƯỜI HAI, NĂM 2003

THÁNG MỘT, NĂM 2004

THÁNG HAI, NĂM 2004

THÁNG BA, NĂM 2004

THÁNG TƯ, NĂM 2004

THÁNG NĂM, NĂM 2004

THÁNG SÁU, NĂM 2004

THÁNG BẢY, NĂM 2004

THÁNG TÁM, NĂM 2004

THÁNG CHÍN, NĂM 2004

THÁNG MƯỜI, NĂM 2004

THÁNG MƯỜI MỘT, NĂM 2004

THÁNG MƯỜI HAI, NĂM 2004

THÁNG MỘT, NĂM 2005

THÁNG HAI, NĂM 2005

THÁNG BA, NĂM 2005

THÁNG TƯ, NĂM 2005

THÁNG NĂM, NĂM 2005

THÁNG SÁU, NĂM 2005

MÙA HÈ NĂM 2005

THÁNG CHÍN, NĂM 2005

KẾT

THÔNG TIN HỮU ÍCH VỀ BỆNH ALZHEIMER